

Tác giả: John Launchbury
Dịch giả: Trần Ngọc Hưng, Thành Nguyễn

Thay Đổi Chúng Ta, Chứ Không Phải Chúa

**Những Nghiên Cứu Kinh Thánh
Về Sự Chết
của Chúa Giê-xu**

Phần dịch thuật không thể hiện quan điểm thần học của người dịch

2009 John Launchbury. Giữ trọn bản quyền

Tất cả những phần trích dẫn Kinh Thánh, nếu không chỉ rõ ra, đều được trích dẫn từ Kinh Thánh, bản NIV. Bản quyền 1973, 1978, 1984 bởi International Bible Society. Được sử dụng dưới sự cho phép của Zondervan. Giữ trọn bản quyền.

Hình ảnh bìa: Sunrise meditation
Rgbspace, Dreamstime. com
Cho phép sử dụng

Cartoon, trang 87: 1996 Reader's Digest
Cho phép tái bản

ISBN: 978-0-9824092-9-9
WCF Publishing
Wcfoundation. org

Mục Lục

1. Lời giới thiệu..... 1
Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm để tóm lược lại một cách đơn giản về sự cứu chuộc như được giảng dạy bởi Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài. Chúng ta khám phá một ý tưởng hấp dẫn: sự chết của Chúa Giê-xu được cho là có ảnh hưởng rất lớn trên mỗi chúng ta – được định sẵn để biến đổi chúng ta! Bất kỳ một nỗ lực nào trong việc tìm hiểu công tác của Chúa Giê-xu đòi hỏi một sự hết lòng và sự khiêm nhường từ mỗi người trong chúng ta. Đó là một chủ đề rất lớn, và có thể gây ra sự căng thẳng giữa chúng ta nếu chúng ta không cẩn trọng. Đó là lĩnh vực thánh.
2. Những lý thuyết về sự cứu chuộc 11
Có nhiều thuyết về sự cứu chuộc, bao gồm thuyết về của cầm, sự hài lòng, và sự thay thế. Sự thay thế là một thuyết hiện hành được hình thành vào thế kỷ 13 và được lan truyền đến ngày nay.
3. Phân tích kỹ về sự thay thế 22
Thuyết về sự thay thế thất bại vì nhiều lý do: nó không công bằng, thuyết này đưa nan đề vào nhầm chỗ, hình phạt là sai, không có gì còn lại để tha thứ và thuyết này ngụ ý về một sự cứu rỗi cho toàn thế giới. Đặc biệt là thuyết về sự thay thế là một thuyết mang tính trao đổi hơn là một thuyết về đạo đức. Tuy nhiên sự cứu chuộc là nhằm hướng đến một nan đề với chúng ta, không phải là một nan đề của Đức Chúa Trời.
4. Thay đổi chúng ta..... 33
Sự chết thuộc thể thật sự của Chúa Giê-xu không phải là một giao dịch siêu hình được thiết kế để thay đổi những điều trên thiên đàng. Hơn thế nữa, đó là biến đổi những điều bên trong chúng ta, khiến chúng ta trở nên khác biệt. Đó là bắt đầu của một tiến trình hay một sự kiện mà chúng ta phải dự phần vào. Điều này thúc giục chúng ta chia sẻ sự hy sinh mà Chúa Giê-xu đã gánh chịu.

5. Gánh lấy tội lỗi của chúng ta 45
Đóng đinh là một hành động giết người – một hành động của tội lỗi – mặc dù Đức Chúa Trời yêu cầu Chúa Giê-xu gánh lấy điều này. Ngài đối mặt và gánh lấy tất cả những tội lỗi của chúng ta, và để chúng ta không còn vấn vương gì hết về sự hủy diệt của tội lỗi. Chúng ta không còn phải chịu tội vì những hành vi của chúng ta.
6. Sự Phục Sinh 64
Nếu Chúa Giê-xu đã chết, thì chúng ta sẽ vẫn còn ở trong tội lỗi của chúng ta. Ngài đã sống lại từ cõi chết nhờ vào Cha Ngài để chúng ta cũng có thể bước vào một đời sống mới. Chúng ta được cứu nhờ Ngài Phục Sinh, vì chúng ta cần một Đức Chúa Trời hằng sống.
7. Ban sự sống của Ngài 76
Khi Kinh Thánh nói rằng Chúa Giê-xu ban sự sống của chính Ngài, có nghĩa là Ngài ban tất cả cho chúng ta, không chỉ về việc Ngài đã chết. Vì Ngài kính yêu Cha và những người được Cha ban cho Ngài chăm sóc họ, Chúa Giê-xu tận hiến cuộc sống mình để mang chúng ta vào sự sống.
8. Sự đổ huyết 88
Huyết là một biểu tượng của sự sống, vì thế của lễ bằng huyết mang hình ảnh của việc ban sự sống. Đức Chúa Trời muốn chúng ta như Chúa Giê-xu và mỗi người sẵn sàng từ bỏ mọi khía cạnh trong cuộc sống của chúng ta để chúng ta có thể thật sự tìm thấy nó.
9. Thương xót, chứ không phải xoa dịu 99
Từ mang tính học thuật tiếng Anh “sự xoa dịu” (appeasement) thường được dùng để mô tả về mục đích sự chết của Chúa Giê-xu. Nhưng đó là một sự diễn dịch sai một nhóm từ ngữ cùng họ trong nguyên ngữ của Tân Ước. Hơn thế nữa, ý tưởng nằm sau từ này là sự thương xót, sự tha thứ, không phải là sự xoa dịu mà thôi.

10. Sự bao phủ..... 113
Khi Đức Chúa Trời bao phủ, Ngài làm điều này vì lợi ích của chúng ta, như một cách để ban cho chúng ta niềm tin; từ việc bao phủ mang nghĩa đen cho A-đam và Ê-va, cho đến sự bao phủ mang nghĩa hình bóng của Đấng Christ. Ngài làm như vậy để giúp chúng ta vượt qua nỗi sợ hãi và sự xấu hổ của chúng ta, để chúng ta có thể mạnh dạn mà bước vào quyền tể trị ân điển của Ngài.
11. Luật pháp và Đấng Christ..... 127
Luật Pháp Môi-se là hình bóng về tính hiện thực được tìm thấy trong Đấng Christ. Ngài là khởi nguyên, Luật Pháp là sự bắt nguồn. Đặc biệt là, dòng huyết của chính Ngài làm của lễ, Chúa Giê-xu đã bước vào đền thờ thật sự trên thiên đàng, một sự kiện mà hình ảnh Cựu Ước được thiết lập để bày tỏ điều này.
12. Sự cứu chuộc trước Đấng Christ..... 139
Những nguyên tắc về sự cứu chuộc xuyên suốt Tân và Cựu Ước là như nhau. Đức tin là nền tảng của sự chuộc tội trong Cựu Ước, như trong Tân Ước. Trong khi những chi tiết về sự thờ phượng có thể khác, Đức Chúa Trời luôn tìm cách để chiếm lĩnh tấm lòng và tâm trí của chúng ta.
13. Mục đích của Đức Chúa Trời..... 150
Nghịch lý về Vinh Quang của Đức Chúa Trời: để cân bằng sự chọn lựa khi nào tha thứ và khi nào trừng phạt. Đức Chúa Trời muốn xây dựng một xã hội gồm những con người yêu thương nhau qua ý chí tự do của họ, và Ngài sử dụng sự chọn lựa đó như là căn bản của sự phán xét của Ngài.
14. Sự công chính và tội lỗi..... 165
Kết quả của tội lỗi là sự hủy diệt, trong khi kết quả của sự công chính là yêu thương người khác thật lòng. Đức Chúa Trời muốn chúng ta thừa nhận rằng chúng ta là những tội nhân, để Ngài có thể hành động trên đời sống của chúng ta để giúp chúng ta vượt qua sự yếu đuối tự nhiên của chúng ta.

15. Tiến trình cứu chuộc..... 179
Sự cứu chuộc bắt đầu với Đức Chúa Trời công bố cả về tội lỗi của chúng ta và tình yêu của Ngài. Khi chúng ta đồng ý và muốn biệt riêng, Ngài tha thứ chúng ta một cách tự do và phóng thích chúng ta ra khỏi tội lỗi của chúng ta. Chúng ta tin Ngài và dự phần vào công tác của Ngài trong việc biến đổi chúng ta, việc mà Ngài hoàn tất qua sự sống lại và phán xét.
16. Đấng Cứu Chuộc 199
Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc, nhưng vì những con người sống trong sợ hãi như chúng ta luôn luôn cần Đức Chúa Trời hành động qua những người hòa giải, chỉ định những người đại diện để công bố vì cố Danh Ngài. Vì thế Đức Chúa Trời đã sai một vị tiên tri quyết định, Chúa Giê-xu; Ngài là một người ở giữa vòng chúng ta, nhưng Ngài công bố một cách trọn vẹn vì Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta.
17. Những lãnh đạo tiên tri..... 212
Những lãnh đạo tiên tri được chỉ định để cứu dân sự khỏi con đường hư mất của họ và thúc dục họ lắng nghe điều mà Đức Chúa Trời đang phán. Dù họ đầy quyền năng, những tiên tri này luôn luôn không phải là những người trọn vẹn hoàn toàn. Đức Chúa Trời vẫn phải can thiệp bằng chính tiếng nói của chính Ngài, tay phải của chính Ngài, Chúa Giê-xu, Con Ngài.
18. Sự khiêm nhường của Chúa Giê-xu 225
Chúa Giê-xu thật sự là con người, bao gồm cả việc phải chiến đấu quyết liệt với sự cám dỗ thật sự và dữ dội. Những cám dỗ trong đồng vắng đến như là một sự chuẩn bị cho sự đau đớn tột cùng của sự cám dỗ sẽ xảy ra trong những hoàn cảnh suốt đời, như được minh chứng bởi những sự kiện tại Na-xa-rét
19. Những cám dỗ trong đời sống 238
Chúa Giê-xu đã từng trải những sự cám dỗ trong việc cho 5.000 người ăn, và cuối cùng ở tại Ghết-sê-ma-nê. Ngài đối mặt đến tận cùng của sự cám dỗ trong suốt đêm cuối cùng đó, và chiến thắng của Ngài trên xác thịt đã giành được trong đêm đó.

20. Trong ảnh tượng của Đức Chúa Trời 253
Chúa Giê-xu là sự bày tỏ nhân tính của mọi điều hiện hữu trong Đức Chúa Trời và lời phán của Ngài. Nhưng điều không đến với Ngài một cách tự do: Ngài đã trải nghiệm những kỷ luật của chính bản thân Ngài, và được hoàn tất trong tiến trình. Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Ngài là Ngôi Lời của Đức Chúa Trời.
21. Đấng Cứu Chuộc Phán Xét 273
Qua những sự kỷ luật của chính bản thân mình, Chúa Giê-xu đến để bày tỏ Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn. Kết quả là, Ngài được chỉ định làm Đấng Cứu Chuộc và Đấng Phán Xét vì Đức Chúa Trời. Ngài được tin tưởng với mọi khía cạnh của tiến trình cứu rỗi, hoàn tất ý chỉ của Đức Chúa Trời trong việc cứu chúng ta khỏi sự chết.
22. Công tác hiện nay của Chúa Giê-xu 287
Ý tưởng phổ biến cho rằng Chúa Giê-xu đang cầu thay với Đức Chúa Trời vì lợi ích của chúng ta đã đụng phải khá nhiều nan đề khi được xem xét một cách chi tiết. Chính Chúa Giê-xu cũng phủ nhận rằng đây là chức vụ duy nhất của Ngài, và điều này không liên tục với những người theo Ngài, và với thẩm quyền đã được ban cho Ngài rồi.
23. Chúa Giê-xu là Đấng Trung Bảo 299
Kinh Thánh không bao giờ mô tả Chúa Giê-xu chỉ như là Đấng Trung Bảo của chúng ta, mang nhu cầu của chúng ta đến với Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, Kinh Thánh liên tục mô tả Ngài như là một Đấng Trung Bảo của một giao ước mới, mang sứ điệp từ Đức Chúa Trời đến với nhân loại. Hướng đi luôn luôn là: từ Đức Chúa Trời đến với nhân loại.
24. Sự cầu thay thực tế 310
Sự cầu thay xảy ra khi Chúa Giê-xu đến một cách trực tiếp và cá nhân vào trong đời sống của chúng ta, và giúp chúng ta vượt qua những nan đề dù chúng ta yếu đuối. Điều này được xem như là một ví dụ thực tế của sự cầu thay của Chúa Giê-xu trong trường hợp của Phi-e-rơ.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

25. Chúa Giê-xu như là thầy tế lễ.....326
Như là thầy tế lễ, vai trò chính của Chúa Giê-xu là ở trong đời sống của chúng ta, hướng dẫn chúng ta, bày tỏ đường lối của Đức Chúa Trời cho chúng ta, và để cứu chúng ta khỏi sự hủy phá của tội lỗi.
26. Sách Sự Sống.....338
Giăng có một khái tượng về đền thờ trên thiên đàng nơi Chúa Giê-xu, là Chiên Con, bày tỏ huyết của Ngài như là một dấu hiệu của sự đầu phục và tận hiến. Công nhận sự thành toàn của Ngài, và cái giá khủng khiếp mà Ngài đã trả, Ngài được ban cho quyền mở Sách Sự Sống. Cuốn Sách này ghi lại những tên của những người được cứu. Bây giờ sách này vẫn đang được viết.
27. Niềm tin vào sự phán xét.....354
Mối quan hệ của chúng ta với Đấng Christ ban cho chúng ta niềm tin rằng tên của chúng ta được ghi vào trong Sách Sự Sống, dù chúng ta yếu đuối và bất toàn. Sự trọn vẹn của tình yêu Ngài ban cho chúng ta tràn ngập niềm tin về sự phán xét của Ngài trên chúng ta.
28. Lời sau cùng365
29. Phụ lục trích dẫn.....376
30. Phụ lục theo chủ đề379

Introduction

Lời Giới Thiệu

I've often wondered why Jesus died.

Tôi thường tự hỏi tại sao Chúa Giê-xu chết.

It is the pivotal event in history, inspiring and awesome. But it's also hard to understand.

Đó là một sự kiện then chốt trong lịch sử, khơi gợi sự chú ý và đáng sợ lạ lùng. Nhưng điều này cũng thật khó hiểu.

Of course, at one level it is easy. By definition, a Christian believes that Jesus died for our sins, that he rose again, and that he saves us. Here's how Paul puts it:

Dĩ nhiên, ở một mức độ nào đó thì nó dễ hiểu. Bởi theo định nghĩa, một Cơ Đốc Nhân tin rằng Chúa Giê-xu đã chết vì tội lỗi của chúng ta, rằng Ngài đã sống lại, và Ngài đã cứu rỗi chúng ta. Đây là điều mà Phao-lô đã chỉ ra:

For what I received I passed on to you as of first importance: that Christ died for our sins according to the Scriptures, that he was buried, that he was raised on the third day according to the Scriptures. (I Cor 15:3-4).

Trước hết, tôi đã truyền đạt cho anh em điều chính tôi đã nhận lãnh, ấy là Đấng Christ chịu chết vì tội lỗi chúng ta theo lời Kinh Thánh, rằng Ngài đã bị chôn, đến ngày thứ ba, Ngài đã sống lại theo lời Kinh Thánh. (I Cô 15:3-4)

And a corresponding statement from Peter:

For Christ died for sins once for all, the righteous for the unrighteous, to bring you to God (I Per 3:18)

Và một lời tuyên bố đáp lời từ Phi-e-rơ:

Chính Đấng Christ cũng đã vì tội lỗi chịu chết một lần đủ cả, là Đấng công chính thay cho kẻ bất chính, để đem chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời. (I Phi 3:18)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

This is what we might call the *doctrine of salvation*. It affirms that Jesus is savior – more, that he is *my savior* – and that his death was key to saving us.

Đây là điều mà chúng ta có thể gọi là *học thuyết về sự cứu rỗi*. Thuyết này xác nhận rằng Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Rỗi – hơn thế nữa, Ngài là Đấng Cứu Rỗi của tôi – và cái chết của Ngài là chìa khóa cứu rỗi chúng ta.

Essentially, that is all we need: a childlike acceptance of the provision of God.

Điều rất cần thiết là tất cả những điều chúng ta cần: sự tiếp nhận như con trẻ sự quan phòng của Đức Chúa Trời.

But we can gain great spiritual benefit in understanding the death of Christ at a much deeper level, in going beyond the basic statement of the doctrine, and in coming to understand *how* his death brings us to God.

Nhưng chúng ta có thể nhận được lợi ích thuộc linh tuyệt vời trong việc hiểu sự chết của Đấng Christ ở một mức độ sâu hơn, trong việc vượt lên trên những tuyên bố căn bản của học thuyết, và đến với sự hiểu biết *sự cần thiết* của sự chết của Ngài mang chúng ta đến với Đức Chúa Trời.

So why did he die? Why did Jesus experience such a horrible death? And why didn't God pick some other way for us to be saved?

Thế thì tại sao Ngài chết? Tại sao Chúa Giê-xu trải qua sự chết khủng khiếp như vậy? Và tại sao Đức Chúa Trời lại không chọn lựa một phương cách nào đó để chúng ta được cứu?

Theories Những học thuyết

Throughout the last 2, 000 years, Christians have struggled with this question. Very many theories have been developed to try to explain why Jesus died, and to say just how his death is tied into our salvation. Yet, despite all this effort, in my experience it's really quite hard to find explanations that stand up to close examination.

Xuyên suốt 2, 000 năm qua, các Cơ Đốc Nhân đã tranh chiến với câu hỏi này. Rất nhiều học thuyết đã được phát triển để cố gắng giải

thích tại sao Chúa Giê-xu đã chết, và bàn về cách làm thế nào cái chết của Ngài gắn chặt vào trong sự cứu rỗi của chúng ta. Nhưng, cho dù với tất cả những nỗ lực này, trong kinh nghiệm của tôi, thật sự khá khó khăn để tìm ra những lời giải thích có thể đứng vững với sự thử nghiệm sát sao này.

When I was learning the gospel, and for quite a long time afterwards, I kept asking people, “Why did Jesus have to die?” I was looking for some basic principles that would be sufficient for building an understanding of salvation. Ideally, they would have been “self-evident truths” – things which make sense in and of themselves – and these truths would connect together to provide a robust explanation.

Khi tôi đang nghiên cứu Phúc Âm, và trong một khoảng thời gian dài sau đó, tôi đã tiếp tục hỏi người ta, “tại sao Chúa Giê-xu lại phải chết?” Tôi đang tìm một vài nguyên tắc căn bản đầy đủ cho việc định hình nên sự hiểu biết về sự cứu rỗi. Thật lý tưởng, đó là “những chân lý hiển nhiên” – những điều có lý bên trong và của chính chúng – và những chân lý này sẽ nối kết với nhau để cung cấp một lời giải thích thiết thực.

I got plenty of explanations. Many were quite helpful at providing insight and encouragement. But I found none that seemed to have a really solid foundation. Instead, all the explanations I received were in terms of metaphors and allegories, or were attempts to reason by analogy, but with little evidence to demonstrate why the particular analogies were valid.

Tôi có nhiều lời giải thích. Nhiều điều khá hữu ích trong việc cung cấp sự soi sáng và sự khuyến khích. Nhưng tôi đã không tìm thấy điều nào dường như có một nền tảng thật sự chắc chắn. Thay vào đó, tất cả những lời giải thích mà tôi đã nhận được trong những thuật ngữ mang tính ẩn dụ và ngụ ngôn, hay là những nỗ lực để lý giải bằng phép loại suy, nhưng hầu như không có chứng cứ nào thể hiện tại sao phép loại suy đặc biệt này có giá trị.

Of course, it’s possible that God doesn’t *expect* us understand.

Dĩ nhiên, có thể là Đức Chúa Trời không *mong* *mời* chúng ta hiểu hết mọi điều.

Perhaps the crucifixion at Golgotha is too grand for us to be able to grasp, and we are expected simply to look on in wonder. Or perhaps

THAY ĐỔI CHÚNG TA

God has deliberately chosen to make the reasons for the death of Jesus complicated and confusing. In either case, if an honest study of the Bible led us to either conclusion, we would have to accept it.

Có lẽ việc chịu đóng đinh nơi đồi Gô-gô-tha là quá lớn khiến chúng ta khó có thể nắm bắt được, và chúng ta chỉ được trông mong để nghiên cứu trong sự tìm tòi. Hay có lẽ Đức Chúa Trời cố ý chọn lựa để đưa ra những lý do cho cái chết của Chúa Giê-xu thật phức tạp và gây hoang mang. Trong cả hai trường hợp, nếu một sự nghiên cứu trung thực Kinh Thánh dẫn chúng ta đến một kết luận nào, chúng ta sẽ phải chấp nhận điều này.

But in fact the Bible does try very hard to explain to us why Jesus died.

Nhưng thật sự Kinh Thánh không cố gắng quá nhiều để giải thích cho chúng ta tại sao Chúa Giê-xu đã chết.

The goal of this study is to try to recapture the simplicity of salvation as taught throughout the Bible. We will study the atonement (as it is often called), away from the metaphors, allegories and symbolisms. We will lay aside all analogies, and will instead concentrate simply on finding the basic principles.

Mục đích của nghiên cứu này là nhằm cố gắng để tóm lược lại tính đơn giản hóa về sự cứu chuộc như được giảng dạy xuyên suốt Kinh Thánh. Chúng ta sẽ nghiên cứu sự cứu chuộc (như điều này vẫn thường được gọi như vậy), ra khỏi những ẩn dụ, ngụ ngôn hay phép biểu tượng. Chúng ta sẽ đặt sang một bên tất cả những phép loại suy, và thay vào đó là chỉ tập trung vào việc tìm kiếm những nguyên tắc căn bản.

In doing so, we will come across an exciting idea: that the death of Jesus was not so much about a transaction taking place in heaven with God, but that it is an event that is intended to have a very real impact on each one of us – even today. It is intended to change us, not God!

Trong việc làm như vậy, chúng ta sẽ đi đến một ý tưởng thật hấp dẫn: rằng sự chết của Chúa Giê-xu không nói nhiều về một sự trao đổi diễn ra trên thiên đàng với Đức Chúa Trời, nhưng đó là một sự kiện hướng đến việc thay đổi chính chúng ta, chứ không phải Đức Chúa Trời.

How to read this book
Làm thế nào để đọc cuốn sách này

There are a couple of ways that you can read this study. You could just pick it up by yourself and zip through it. But I think you may get more from it if you read it more slowly and pause to think about the discussion topics at the end of each section.

Có một vài cách mà bạn có thể đọc nghiên cứu này. Bạn chỉ có thể tự mình cầm lên và nghiên cứu qua nó. Nhưng tôi nghĩ bạn có thể nhận thêm nhiều điều từ sách này nếu bạn đọc nó chậm rãi hơn và dừng lại để suy nghĩ về những chủ đề thảo luận ở cuối mỗi phần.

In fact, that's probably the best way, especially if you can get together with others who are also interested in the topic, and read it together. Each of the sections is designed to be read aloud in about twenty minutes or so. If you put aside an hour together, you may cover one to two sections, depending on how much you end up discussing the ideas they provoke.

Thật vậy, có thể đó là cách tốt nhất, đặc biệt nếu bạn có thể cùng với những người khác là những người cũng có mối quan tâm đến chủ đề này, đọc nó cùng với nhau. Mỗi phần được thiết kế để được đọc lớn khoảng 20 phút hay hơn. Nếu bạn để riêng một tiếng đồng hồ cùng với nhau, bạn có thể nghiên cứu một đến hai phần, tùy thuộc vào việc bạn kết thúc việc thảo luận những ý tưởng mà họ khơi gợi nhiều hay không.

Almost all the Bible passages are quoted verbatim to make for an easy reading process. However, if you wonder about how or why I am interpreting a passage a particular way, please get your Bible out. Then you can read a larger section to see whether the context is consistent with what I have suggested.

Hầu như tất cả những đoạn Kinh Thánh được trích dẫn đúng từng chữ một để tạo nên một quá trình đọc thật dễ dàng cho bạn. Tuy nhiên, nếu bạn phân vân về việc làm thế nào và tại sao tôi đang diễn dịch một đoạn Kinh Thánh theo một cách đặc biệt, xin vui lòng lấy Kinh Thánh của bạn ra. Thế thì bạn có thể đọc một phần nhiều hơn để xem liệu bối cảnh có sát với điều mà tôi đã đề nghị không.

I have used the New International Version (NIV) as the main Bible translation, because of its clarity and vibrancy. There are places

THAY ĐỔI CHÚNG TA

where that is insufficient, in which case we will explore other translations, or even dig into the underlying Hebrew or Greek text.

Tôi đã sử dụng bản NIV như là một bản Kinh Thánh chủ yếu, vì tính minh bạch và dễ hiểu của nó. Có những chỗ không đầy đủ ý, trong những trường hợp này chúng ta sẽ nghiên cứu những bản dịch khác, hay thậm chí đào sâu trong bản văn tiếng Hy-bá-lai hay Hy-lạp.

This is a good place to comment on my assumptions about how to study the Bible, as different people have different beliefs about this.

Đây là một cách bình giải Kinh Thánh tốt theo suy nghĩ của tôi về việc làm thế nào nghiên cứu Kinh Thánh, vì những người khác nhau có những niềm tin khác nhau về vấn đề này.

I view the Bible as a collection of writings that spiritually-minded people wrote as they were prompted by an active and communicating God. Through his guidance, these writings are entirely trustworthy – at least in their original form – and have a coherence and timeless relevance, while also bearing the mark of the individuality of their writers, and of the specific historic and social circumstances in which they were written.

Tôi nghiên cứu Kinh Thánh như là một bộ sưu tập những bản viết do những người được Thánh Linh cảm thúc viết ra khi họ được cảm thúc bởi một Đức Chúa Trời năng động và hiệp thông. Qua sự hướng dẫn của Ngài, những bản văn này hoàn toàn đáng tin cậy – ít nhất là trong nguyên bản của họ - có một sự mạch lạc và thích hợp lâu dài, trong khi cũng mang dấu ấn cá nhân của những tác giả viết ra những bản văn này, và trong những hoàn cảnh xã hội và lịch sử cụ thể lúc những bản văn này được viết ra.

This assumption has a number of interesting consequences.

Cách nhìn nhận này có nhiều kết quả thật thú vị.

First, we should not read the Bible as if it were written to us directly. It wasn't. It was written within many different specific historical contexts, addressing many different specific circumstances. To be true to the Bible, we have to do our best to understand what each of the writers was trying to convey to his particular audience, and then apply the corresponding message to ourselves. This necessarily implies that we will have to bring interpretation. We just have to be careful to leave our personal biases at the door when we do so.

Trước hết, chúng ta đừng nên đọc Kinh Thánh như thể Kinh Thánh được viết ra cho chúng ta một cách trực tiếp. Không phải vậy đâu. Kinh Thánh được viết ra trong nhiều bối cảnh lịch sử cụ thể khác nhau, đề cập đến nhiều hoàn cảnh cụ thể khác nhau. Để hiểu đúng Kinh Thánh, chúng ta phải cố gắng hết sức để hiểu điều mà mỗi tác giả đang cố gắng truyền tải cho những độc giả đặc biệt của ông ta, và sau đó ứng dụng các sứ điệp truyền tải cho chính chúng ta. Điều này ngụ ý một vấn đề rất cần thiết là chúng ta sẽ phải đến với sự diễn giải. Chúng ta phải cẩn trọng để những suy nghĩ cá nhân của chúng ta ở bên ngoài khi chúng ta làm điều này.

Second, because the many writings that make up the Bible have a single guiding author behind them, it makes sense to compare scripture passage with scripture passage, even when they were written hundreds of years apart. If we do so with due care and attention, we can pick up echoes and patterns that occur right across the Bible, and so can come to understand the sweep of teaching that God has revealed to us. In contrast, building doctrines on just a couple of verses can be a dangerous practice!

Thứ hai, vì nhiều tác phẩm cấu thành Kinh Thánh có một tác giả hướng dẫn duy nhất đứng đằng sau những tác phẩm này, có ý nghĩa trong việc so sánh những bản Kinh Thánh với những bản Kinh Thánh, thậm chí khi các sách này được viết cách xa nhau hàng trăm năm. Nếu chúng ta làm như vậy với sự quan tâm và sự chú ý đúng mức, chúng ta có thể nhận được những lời dạy và những bối cảnh xảy ra xuyên suốt Kinh Thánh, và vì thế có thể đến với sự nhận biết những lời dạy dễ mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta. Ngược lại, xây dựng những giáo lý dựa trên chỉ vài câu Kinh Thánh có thể là một việc làm rất nguy hiểm!

As may already be clear, I presume most readers to be active Christians. If you are not, I hope you may still enjoy the study, perhaps also seeing some dimensions that are relevant in your life too.

Như đã nói rõ rồi, tôi cho rằng hầu hết độc giả là những Cơ Đốc Nhân năng động. Nếu các bạn không phải như thế, tôi hy vọng các bạn có thể vẫn còn ham thích nghiên cứu, có lẽ cũng nhìn thấy vài điều hữu dụng thích hợp trong cuộc sống của bạn nữa.

Holy ground
Nền tảng thánh

One final note of preamble. Exploring the reasons for Jesus' death can cause all sorts of problems. Communities have divided on this issue, and tragically, history tells us that people have even murdered each other because they had differing views. Yet we are supposed to be trying to grasp the wonder of the death of God's son!

Ghi chú cuối cùng là về lời nói đầu. Nghiên cứu những lý do về cái chết của Chúa Giê-xu có thể gây ra nhiều loại nan đề. Những cộng đồng có những ý kiến khác nhau về vấn đề này, và thật đáng buồn là lịch sử đã cho chúng ta biết rằng người ta thậm chí đã giết nhau vì họ có những quan điểm đối lập nhau. Nhưng Chúa muốn chúng ta cố gắng nắm bắt những điều kỳ diệu về cái chết của Con Đức Chúa Trời!

This is holy ground; this is *really holy ground* that we're walking on. Đây là một nền tảng thánh; đây thật sự là *một nền tảng thánh* mà chúng ta đang bước trên đó.

We have to come to this subject with great sensitivity, with honest and deep love for one another, and with a great sense of our inadequacy before our Father and his Son. They have done so much for us, have given so much of themselves. For us to dissect this topic in order to argue and divide over it would go against everything that God has been doing for us.

Chúng ta phải đến vấn đề này với sự nhạy bén sâu sắc, với sự trung thực và tình yêu sâu đậm dành cho nhau và với ý thức sâu sắc về sự không trọn vẹn của chúng ta trước Cha của chúng ta và Con Ngài. Chúa đã làm quá nhiều điều cho chúng ta, đã ban cho chúng ta quá nhiều những điều thuộc về chính Chúa. Đối với chúng ta, mổ xẻ vấn đề này là nhằm để tranh luận và phân biệt trên vấn đề này sẽ đi ngược lại mọi điều mà Đức Chúa Trời đang làm cho chúng ta.

So, as we take this journey together, please consider the thoughts in this book simply as meditations on the topic. In no way do I intend them to be taken as absolute. Neither should you expect this to be an academic treatise in comparative or systematic theology. Rather, these thoughts are offered with a goal of stimulating spiritual thought, and enriching our understanding of the tremendous work that has been done.

Vì thế, khi chúng ta đi cùng với nhau trong cuộc hành trình này, xin hãy xem xét những tư tưởng trong cuốn sách này chỉ như là những nghiên cứu về chủ đề mà chúng ta đang nghiên cứu. Tôi không hề có ý định xem chúng như là một điều tuyệt đối. Bạn cũng đừng nên mong đợi điều này như là một luận thuyết mang tính học thuật trong thần học so sánh hay thần học hệ thống. Hơn thế nữa, những tư tưởng này được đưa ra với mục tiêu là kích thích những suy nghĩ thuộc linh, và làm giàu thêm sự hiểu biết của chúng ta về công việc lớn lao đã được thực hiện.

That said, there are times when I write passionately and emphatically. That comes from being caught up in the intensity of the subject. I am keen for you also to feel passionately about these things. And may God help us always to direct that passion in love for each other, never in biting or devouring.

Điều đó nói rằng có những lúc tôi viết một cách say mê và nhấn mạnh nhiều điều. Điều đó đến từ việc phải nắm bắt cao độ của chủ đề. Tôi muốn các bạn cũng hãy cảm nhận một cách say mê về những điều này. Và có thể Đức Chúa Trời giúp chúng ta luôn hướng niềm đam mê đó trong tình yêu dành cho nhau, đừng bao giờ ở trong sự cắn xé hay tranh chiến.

Like Moses, let us take off our shoes, and bow down before the majesty of our Father and the glory of his Son as we are enveloped in their love for us.

Như Môi-se, chúng ta hãy lột giày của chúng ta và hạ mình xuống trước sự uy nghi của Cha chúng ta và vinh quang của Con Ngài khi chúng ta tìm hiểu về tình yêu của Chúa dành cho chúng ta.

Summary

Tóm tắt

The goal of this study is to try to recapture the simplicity of salvationas taught by Jesus and his apostles. We explore an exciting idea: that the death of Jesus is supposed to have a very real impact on each one of us – it is intended to change us! Any attempt at understanding the work of Jesus requires thoughtfulness and humility from each of us. It is a huge topic, and can provoke tension between us if

THAY ĐỔI CHÚNG TA

we are not careful. It is holy ground.

Mục tiêu của nghiên cứu này là nhằm để tóm lược lại một cách đơn giản về sự cứu chuộc như được giảng dạy bởi Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài. Chúng ta khám phá một ý tưởng hấp dẫn: sự chết của Chúa Giê-xu được cho là có ảnh hưởng một cách thật sự trên mỗi chúng ta – được định sẵn để biến đổi chúng ta! Bất kỳ một nỗ lực nào trong việc tìm hiểu công tác của Chúa Giê-xu đòi hỏi một sự hết lòng và sự khiêm nhường từ mỗi người trong chúng ta. Đó là một chủ đề rất lớn, và có thể gây ra sự căng thẳng giữa chúng ta nếu chúng ta không cẩn trọng. Đó là nền tảng thánh.

Discussion

Thảo Luận

1. What do you hope to accomplish by exploring the death of Jesus?
 1. Bạn hy vọng nhận được điều gì bởi việc nghiên cứu về sự chết của Chúa Giê-xu?
2. What concerns or worries might you have about reexamining this subject, and possibly coming to some different conclusions than you had before?
 2. Những quan tâm hay lo ngại nào bạn có thể có về việc xem xét lại chủ đề này, và có thể đến với vài kết luận khác hơn điều bạn nhận trước đây?
3. Discuss what the difference is between a parable and a literal fact. Try to give some examples from everyday life.
 3. Hãy thảo luận về sự khác biệt giữa một yếu tố mang nghĩa ẩn dụ và nghĩa đen. Cố gắng đưa ra một vài ví dụ từ đời sống hàng ngày.
4. What spiritual preparation could you or the group do before embarking on this exploration? Prayer? Fasting? Suggest some ideas to each other.
 4. Sự chuẩn bị tâm linh nào mà bạn hay nhóm của bạn có thể thực hiện trước khi bước vào cuộc khám phá này? Cầu nguyện? Kiêng ăn? Hãy đề xuất một vài ý kiến cho nhau.

Atonement theories

Những Thuyết Về Sự Cứu Chuộc

We are going to have to begin with some unraveling. Some of the theories about the death of Christ are so widespread that they may be unconsciously taken as fact unless we take the time to notice them, and then reexamine them in the light of Biblical teaching. So that's what we'll start doing now.

Chúng ta sẽ phải bắt đầu với một vài điều cần làm sáng tỏ. Một vài thuyết về sự chết của Đấng Christ lan rộng đến nỗi chúng có thể được xem xét một cách vô thức nếu chúng ta không có thời gian để nhận biết chúng và sau đó xem xét chúng lại trong ánh sáng của lời dạy trong Thánh Kinh. Vì thế đó là điều mà chúng ta sẽ bắt đầu ngay bây giờ.

First a comment. This section is called Atonement Theories. That sounds grand and maybe complicated. So before we dive in, let's take the mystery out of the words *atone* and *atonement*, because they have come to mean different things to different people. They are words that come with their own baggage.

Đầu tiên là một lời bình luận. Phần này được gọi là Những Thuyết về Sự Cứu Chuộc. Điều đó nghe thật tuyệt vời và có thể rất phức tạp. Vì thế trước khi chúng ta đào sâu, hãy xem xét sự huyền nhiệm của những từ *cứu chuộc* và *sự cứu chuộc*, vì chúng đã dẫn đến việc muốn nói những điều khác nhau với những con người khác nhau. Chúng là những từ ngữ cùng đến với những ý nghĩa mà chúng muốn chuyên tải.

The origin of *atone* is very simple. According to my dictionary, it was invented by William Tyndale in sixteenth century English, coming from a contraction of the phrase *at one*. Tyndale was trying to express the ideas of forgiveness and reconciliation. So, *atonement* just means *to be united*, or perhaps, to be *reunited*. Since the purpose

THAY ĐỔI CHÚNG TA

behind the life and death of Jesus is reunite human beings with God, the word is very appropriate.

Nguyên ngữ của chữ *cứu chuộc* rất đơn giản. Theo như cuốn tự điển của tôi, đó là một từ ngữ đưa ra bởi William Tyndale trong tiếng Anh thế kỷ 16, đến từ một cụm từ có nghĩa là *ở trong một*. Tyndale đang cố gắng thể hiện những ý tưởng về sự tha thứ và sự phục hòa. Vì thế, *sự cứu chuộc* chỉ có nghĩa là được hiệp nhất, hay có lẽ là, được hiệp nhất lại. Vì mục đích đằng sau sự sống và sự chết của Chúa Giê-xu là sự hiệp nhất con người với Đức Chúa Trời, từ này rất thích hợp.

Notice that the word *atone* doesn't imply any mechanism or method. So if you think *sacrifice* whenever you hear the word *atonement*, you may be reading too much into the word. Whenever we use it here, we shall just take it to mean reuniting, without any assumption about how that may be accomplished.

Hãy chú ý rằng từ *cứu chuộc* không ngụ ý về bất kỳ một cơ chế hay phương pháp nào cả. Vì thế nếu bạn nghĩ đến *của lễ* bất kỳ khi nào bạn nghe đến từ *sự cứu chuộc*, bạn có thể đã đọc quá nhiều từ này. Bất cứ khi nào chúng ta sử dụng từ này ở đây, chúng ta sẽ chỉ xem xét nó trong ý nghĩa là sự hiệp nhất lại, mà không có một sự giả định nào về việc có thể thành toàn điều này như thế nào.

Ransom Theory *Thuyết về sự chuộc lại*

Historically, one of the earliest technical theories of atonement came from Origen in the third century. He viewed Jesus' death as a ransom for us. In one sense he was right. After all, Jesus himself says:

Trong lịch sử, một trong những thuyết căn bản sớm nhất về sự cứu chuộc đến từ Origen trong thế kỷ thứ 3. Ông đã xem cái chết của Chúa Giê-xu như là một sự chuộc lại dành cho chúng ta. Trong một ý nghĩa nào đó thì ông đúng. Trên hết, chính Chúa Giê-xu phán:

The Son of Man did not come to be served, but to serve, and to give his life as a ransom for many (Matt 20:28).

“Con Người đã đến, không phải để được người ta phục vụ mình, nhưng để phục vụ người ta và phó mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.” (Mat 20:28).

However, Origen interpreted this very literally. He argued that the devil had gained ownership over us, and that God had to find a ransom to pay to the devil to buy our release. That payment, according to his theory, was Jesus.

Tuy nhiên, Origen đã giải nghĩa chỗ này theo nghĩa đen. Ông tranh luận rằng ma quỷ đã thống trị trên chúng ta, và Đức Chúa Trời phải tìm một của chuộc để mua sự tự do cho chúng ta. Sự trả giá đó, theo thuyết của ông, là Chúa Giê-xu.

Though this theory held sway for nearly a thousand years, it falls down on a number of grounds. To start with, it assumes that an evil being could hold God over a barrel, and could be in a position to demand payment for us. This contradicts the absolute supremacy of God.

Dù thuyết này đã có ảnh hưởng trong gần một ngàn năm, nó bị lung lay trong nhiều nền tảng. Đầu tiên là, nó cho rằng ma quỷ có thể không chế Đức Chúa Trời, và có thể ở một vị trí đòi hỏi sự trả giá cho chúng ta. Điều này mâu thuẫn với quyền tối thượng tuyệt đối của Đức Chúa Trời.

It gets even worse. In the ransom thoughts, after paying up, God turns around and perpetrates a swindle! Once the devil released his claim on us, God then raised Jesus from the death to get him back too!

Nó thậm chí còn tệ hơn nữa. Trong những thuyết về sự chuộc lại, sau khi trả xong, Đức Chúa Trời quay đi và phạm phải một sự dối trá! Khi ma quỷ đã rút sự kiện cáo của hắn trên chúng ta, thì sau đó Đức Chúa Trời đã cất Chúa Giê-xu ra khỏi sự chết để mang Ngài trở lại!

We won't examine the ransom theory in any more detail than this. Suffice it to say that whatever Jesus had in mind, he probably meant his words metaphorically, rather than as a literal description of a transaction that bought our salvation. After all, the Psalms say:

Chúng ta sẽ không xem xét thuyết về sự chuộc lại chi tiết hơn điều này nữa. Đủ để nói rằng bất cứ điều gì Chúa Giê-xu nghĩ trong đầu, Ngài có thể nói lời của Ngài theo nghĩa ẩn dụ, hơn là một sự mô tả theo nghĩa đen của một giao dịch để mua sự cứu rỗi cho chúng ta. Sau đó Thi Thiên nói:

THAY ĐỔI CHÚNG TA

No man can redeem the life of another or give to God a ransom for him (Ps 49:7).

Không ai chuộc được anh em mình hoặc trả giá chuộc người ấy nơi Đức Chúa Trời. (Thi 49:7).

Satisfaction Theory *Thuyết về sự hài lòng*

At the start of the twelfth century Archbishop Anselm of Canterbury completely recast the theory of atonement to address the problems he saw with the Ransom Theory. He introduced the Satisfaction Theory¹, which is built on the feudal sense of honor and dignity that was very strong in his age: think knights and ladies, and dueling to avenge honor.

Vào đầu thế kỷ 12 Giám mục Anselm của Canterbury hoàn toàn viết lại thuyết về sự cứu chuộc hướng đến những nan đề mà ông nhìn thấy trong Thuyết Chuộc Lại. Ông đã giới thiệu Thuyết về Sự Hài Lòng, được xây dựng trên ý nghĩa cũ về sự tôn trọng và chân giá trị rất mạnh mẽ trong thời đại của ông: hãy nghĩ về những hiệp sĩ, những quý bà, và cuộc đấu tay đôi để giành danh dự.

Anselm saw our sin as being an affront to God. God has been defrauded the honor due to him, Anselm claimed, so he could not accept us until his righteousness had been satisfied. Satisfaction is about mending what has been broken, paying back what was taken.

Anselm đã nhìn thấy tội lỗi của chúng ta như là một sự sỉ nhục đối với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã bị chiếm mất danh dự do điều này. Anselm đã công bố, vì thế Ngài không thể chấp nhận chúng ta cho đến khi sự công chính của Ngài được thỏa mãn. Sự hài lòng là nói về việc sửa chữa lại điều đã bị gây đổ, trả lại những điều đã bị lấy đi.

There is a moral imbalance in the universe, Anselm said, and it needs to be paid back on behalf of humanity. When Jesus died, he did not pay a debt to Satan but to God.

¹Cur Deus Homo, 1100 CE.

Có một sự mất cân bằng về đạo đức trong vũ trụ, Anselm nói và nó cần được trả lại vì nhân loại. Khi Chúa Giê-xu chết, Ngài không trả nợ cho Sa-tan nhưng cho Đức Chúa Trời.

Anselm's idea was enough to call the Ransom Theory into question, but it didn't provide enough of an explanation to fully satisfy his contemporaries. Thomas Aquinas, for example, considered the Satisfaction Theory insufficient because it emphasized God's honor rather than his holiness and justice. To address this perceived shortcoming, in his unfinished theological treatise¹ Aquinas introduced the Substitution Theory instead.

Ý tưởng của Anselm đủ để đặt nghi vấn cho Thuyết Chuộc Lại, nhưng nó không cung cấp đầy đủ một lời giải thích để làm thỏa lòng hoàn toàn những người đương thời của ông. Ví dụ Thomas Aquinas, đã xem Thuyết Hải Lòng không đầy đủ vì nó đã nhấn mạnh đến danh dự của Đức Chúa Trời hơn là sự thánh khiết và công chính của Ngài. Để đề cập về sự thiếu sót này, trong nghiên cứu thần học chưa hoàn tất của ông, Aquinas đã giới thiệu Thuyết Thay Thế.

Penal substitution, as the Substitution Theory is properly called replaces the *honor* aspect of satisfaction with a *legal* theory. It comprehensively replaced the Satisfaction Theory to become the dominant theory within the Catholic church and with the reformers when Protestantism was born.

Thuyết Thay Thế Hình Phạt, như là Thuyết Thay Thế được gọi đúng như vậy, thay thế khía cạnh *danh dự* của thuyết hải lòng bằng thuyết về *pháp lý*. Nó đã thay thế về mặt nhận thức Thuyết Hải Lòng để trở thành thuyết thống trị trong nhà thờ Thiên Chúa Giáo và với những nhà cải chánh khi Thuyết Cải Chánh ra đời.

Substitution Theory *Thuyết Thay Thế*

Substitution builds on the idea of the Law of Sin and Death established by God, namely that sin always leads to death. For example,

Thuyết thay thế dựa trên ý tưởng về Luật của Tội Lỗi và Sự Chết được thiết lập bởi Đức Chúa Trời, nói rằng tội lỗi luôn luôn dẫn đến sự chết. Ví dụ,

¹Summa Theologica, 1265-1274 CE.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

... but you must not eat from the tree of the knowledge of good and evil, for when you eat of it you will surely die. (Gen 2:17)

... Nhưng về trái của cây biết điều thiện và điều ác thì con không được ăn vì khi con ăn trái cây đó, chắc chắn con sẽ chết. (Sáng 2:17)

For the wages of sin is death, but the gift of God is eternal life in Christ Jesus our Lord. (Rom 6:23)

Vì tiền công của tội lỗi là sự chết, nhưng sự ban cho của Đức Chúa Trời là sự sống đời đời trong Đấng Christ Giê-xu, Chúa chúng ta. (Rô-ma 6:23).

Rather than viewing this Law as just a natural law (like the Law of Gravity, for example), substitution is the theory that God had established the law as a Legal Requirement, that sin *legally requires* death.

Hơn cả việc xem xét Luật này như là một luật tự nhiên (như Luật về Trọng Lực, chẳng hạn), thuyết thay thế là một thuyết cho rằng Đức Chúa Trời đã thiết lập luật pháp như là Yêu Cầu Pháp Lý, rằng tội lỗi về mặt pháp lý đòi hỏi cái chết.

Under this legal requirement, once we sin we are automatically destined for death as a legal imperative, one that not even God can simply move aside. Christ then died in our place (as a *substitute* for us) so that God's legal requirement could be met, without us having to die for our own sin. He bore the punishment that was due to us, the substitutionist would say, so that we are freed from the law that says sin is punished by death.

Theo yêu cầu pháp lý này, khi chúng ta phạm tội thì tự động chúng ta bị định tội chết như là một mệnh lệnh pháp lý, không ai thậm chí Đức Chúa Trời cũng không thể thay đổi được. Đấng Christ vì thế đã chết thế chỗ của chúng ta (như là một *sự thay thế* cho chúng ta) để yêu cầu pháp lý của Đức Chúa Trời có thể được đáp ứng, nếu không thì chúng ta sẽ phải chết vì tội lỗi của chính chúng ta. Ngài đã gánh lấy hình phạt dành cho chúng ta, người theo thuyết thay thế nói, để chúng ta được tự do ra khỏi luật pháp cho rằng tội lỗi thì phải bị định tội chết.

Whereas the satisfaction theory said that Christ obeyed where we should have obeyed, and this allowed us to become acceptable to God, the substitution theory that Christ was punished where we should have been punished.

Trong khi thuyết hài lòng nói rằng Đấng Christ đã vâng phục nơi chúng ta lẽ ra phải vâng phục, và điều này đã cho phép chúng ta được Đức Chúa Trời chấp nhận, thuyết thay thế nói rằng Đấng Christ chịu hình phạt ở nơi lẽ ra chúng ta phải bị đoán phạt.

As substitution is the theory of atonement that is most prevalent today, particularly within the evangelical movement, it is worth looking at quite carefully.

Vì thuyết thay thế là thuyết cứu chuộc phổ biến nhất ngày nay, đặc biệt trong phong trào truyền giáo, thuyết này đáng để xem xét một cách cẩn thận.

The parable of the circus
Ngụ ngôn về gánh xiếc

I once came across a great story that elaborates the substitution idea. The story provides a powerful allegory, and shows both the strengths and weaknesses of the theory of substitution.

Tôi đã từng tình cờ đọc một câu chuyện thú vị mô phỏng theo ý tưởng thay thế này. Câu chuyện cung cấp một ẩn dụ mạnh mẽ, và cho thấy cả về điểm mạnh và điểm yếu của thuyết thay thế.

A father had two sons. One day he heard the circus was coming to town. He said to the boys, "The circus is coming next weekend. If you behave yourselves, we'll all go to the circus and have a good time."

Một người cha kia có hai đứa con trai. Một ngày kia ông nghe nói có một gánh xiếc sẽ đến thị trấn. Ông đã nói với các con trai mình, "gánh xiếc sẽ đến vào tuần tới. Nếu các con ngoan, tất cả chúng ta sẽ đi xem xiếc và sẽ cùng vui vẻ với nhau."

The older son behaved himself impeccably throughout the week, a wonderful example of good behavior. Unfortunately, the same could not be said of the younger boy. At the end of the

week, the father assessed the situation and said to the younger son, “I would dearly love to take you to the circus, but your behavior hasn’t merited it. Even though it upsets me, I’m going to have to live by my word and not take you to the circus.”

Đứa con trai lớn rất ngoan ngoãn suốt cả tuần, một hình mẫu tuyệt vời về hạnh kiểm tốt. Thật không may, không thể nói như vậy với cậu em. Vào cuối tuần, người cha đánh giá tình hình và nói với đứa em, “cha muốn đưa con đến rạp xiếc lắm, nhưng cách cư xử của con không đáng nhận điều này. Dù cha rất buồn, cha sẽ phải giữ lời của mình và sẽ không đưa con đi xem xiếc.”

The younger son is absolutely devastated, and there is an impasse. However much they all want the boy to go, the father can’t simply say: “You know what? I’m going to forget what I said, you can come to the circus after all!” It would completely negate what the father had said. What can be done?

Cậu em rất là phá phách, và không còn đường nào thoát. Tuy nhiên tất cả mọi người đều muốn đưa cậu bé đi, nhưng người cha không thể nói: “Con biết mà! cha sẽ quên đi điều cha đã nói, rốt cuộc thì con có thể đến rạp xiếc!”. Điều này hoàn toàn ngược với điều người cha đã nói. Làm thế nào đây?

Then the older son comes to the rescue. He says: “Father, I will bear the punishment of the younger son; I will stay home. That way you may take him to the circus. Your word is upheld and we shall achieve what we wanted to accomplish.”

Lúc đó cậu con trai lớn đến để giải cứu. Nó nói: “Cha ơi, con sẽ gánh chịu hình phạt của em con; con sẽ ở nhà. Bằng cách đó thì cha có thể đưa nó đến rạp xiếc. Lời của cha vẫn giữ được và chúng ta sẽ có được điều mà chúng ta muốn hoàn thành.”

Suddenly this changes everything! By his generosity and sacrifice, the older son has provided a way forward for the father and he is able to take the younger boy to the circus without nullifying his word.

Thình lình điều này làm thay đổi mọi thứ! Bởi sự hào phóng và hy sinh của cậu, cậu con trai lớn đã cung cấp một giải pháp cho người cha, và ông có thể đưa đũa con trai nhỏ đến rạp xiếc mà không sợ nuốt lời của mình.

As a young Christian, I found this a very moving story. It captivated me because of the individual sacrifice of the older son. It is very compelling. It even has clear parallels in Scripture, with Judah offering himself in Benjamin's place (Gen 44:33), for example.

Khi còn là một Cơ Đốc Nhân trẻ tuổi, tôi nhận thấy câu chuyện này thật cảm động. Nó đã xâm chiếm tâm trí của tôi vì sự hy sinh cá nhân của cậu con trai lớn. Điều này thật đáng nể. Thậm chí nó có những điều tương tự trong Kinh Thánh, ví dụ việc Giu-đa nạp chính mình thế mạng cho Bên-gia-min (Sáng 44:33).

For much of the mainstream evangelical movement, I think this story well reflects the process of salvation. We have done everything that merits death. God has said in his righteousness that sin leads to death. We have sinned – it leads to our death. And we would die because God can't simply reverse his word and say, "Let's forget all about that sin stuff. Come into glory after all."

Trong nhiều phong trào truyền giáo mạnh mẽ, tôi nghĩ câu chuyện này phản ánh rất nhiều cho tiến trình cứu rỗi. Chúng ta đã làm mọi điều đáng nhận lấy cái chết. Đức Chúa Trời đã phán trong sự công chính của Ngài rằng tội lỗi dẫn đến sự chết. Chúng ta đã phạm tội – nó dẫn đến sự chết của chúng ta. Và chúng ta sẽ chết vì đơn giản là Đức Chúa Trời không thể thay đổi lời Ngài và nói rằng, "Hãy quên đi tất cả những tội lỗi đã phạm. Sau cùng hãy đến trong vinh quang".

According to substitution, God is at an impasse until he devises a plan so that we won't have to die. In that plan, Jesus says to the Father: "I will take the punishment, the death that is due. I will bear it. Your justice will be vindicated, and you will still be able to accept people into glory."

Theo thuyết thay thế, Đức Chúa Trời không tìm ra giải pháp nào cho đến khi Ngài vạch ra một kế hoạch để chúng ta sẽ không phải chết. Trong kế hoạch đó, Chúa Giê-xu nói với Cha, "Con sẽ nhận lấy hình phạt, cái chết đã đến kỳ. Con sẽ nhận lãnh điều đó. Sự công chính của Cha được chứng minh, và Cha vẫn sẽ có thể chấp nhận con người vào trong vinh quang".

THAY ĐỔI CHÚNG TA

The main attraction of substitution is that it is very simple and easy to understand. As a young Christian, I found it was an explanation of the process of salvation that made some sense to me. But over time I began to see both its limitations and unpleasant implications. It has some very serious shortcomings!

Sự thu hút chính của thuyết thay thế đó là nó rất đơn giản và dễ hiểu. Khi là một Cơ Đốc Nhân trẻ tuổi, tôi nhận thấy đó là một lời giải thích về tiến trình cứu chuộc có ý nghĩa đối với tôi. Nhưng theo thời gian tôi bắt đầu nhìn thấy những hạn chế và những ngụ ý mà tôi không thỏa lòng. Nó cũng có một vài thiếu sót rất nghiêm trọng!

We'll look at some of these in the next section and beyond.

Chúng ta sẽ xem xét một số điều này trong phần tiếp theo và tiếp theo sau đó nữa.

Summary

Tóm tắt

There have been many theories of salvation, including ransom, satisfaction, and substitution. Substitution is a legal theory that was formulated in the thirteenth century and is widespread today.

Có nhiều thuyết về sự cứu chuộc, bao gồm thuyết chuộc lại, thuyết hài lòng, và thuyết thay thế. Thuyết thay thế là một thuyết hiện hành được hình thành vào thế kỷ 13 và được lan truyền đến ngày nay.

Discussion

Thảo luận

1. Before you had read this section, what did you think the word *atonement* meant (if anything)?
1. Trước khi bạn đọc phần này, bạn nghĩ từ *sự cứu chuộc* có nghĩa gì (nếu có)?
2. What ideas have you heard from other people about the reasons for Jesus' death? Why do *you* think Jesus died?

NHỮNG LÝ THUYẾT VỀ SỰ CỨU RỖI

2. Bạn đã nghe ý tưởng gì từ người khác về những lý do cho sự chết của Chúa Giê-xu? Tại sao *bạn* nghĩ Chúa Giê-xu chết?
3. What is the difference between natural law, and legal law?
3. Có sự khác biệt gì giữa luật tự nhiên và luật mang tính pháp lý?
4. What do you see as the strengths and weaknesses of the substitution theory? Start with an analysis of the circus parable, and then consider the substitution theory itself.
4. Bạn nhìn thấy điều gì như là những điểm mạnh và điểm yếu của thuyết thay thế? Hãy bắt đầu với sự phân tích về ẩn dụ về gánh xiếc và xem xét về thuyết thay thế trong chính câu chuyện này.
5. What aspects do all these atonement theories have in common?
5. Tất cả những thuyết về sự cứu chuộc có cùng điểm chung ở những yếu tố nào?

Dissecting substitution

Phê Phán Thuyết Thay Thế

If the substitution theory is understood to be just a metaphor, then perhaps it can help us appreciate some aspects of salvation. But instead, the substitution theory is accepted by many Christian as if it were *literal truth*.

Nếu thuyết thay thế được hiểu chỉ như là một phép ẩn dụ, thì có lẽ thuyết này có thể giúp chúng ta đồng ý với một vài khía cạnh của sự cứu rỗi. Nhưng thay vào đó, thuyết thay thế được nhiều Cơ Đốc Nhân chấp nhận như thể đó là một *chân lý theo nghĩa đen*.

Remember that it's important to see metaphor as metaphor, symbol as symbol and parable as just parable, not the reality itself. So let's see now why substitution cannot be taken literally.

Hãy nhớ rằng điều quan trọng là chúng ta phải xem ẩn dụ như là ẩn dụ, biểu tượng như là biểu tượng và ngụ ngôn như là ngụ ngôn, không phải chính nó là thực tế. Vì thế giờ đây chúng ta hãy xem lý do tại sao thuyết thay thế không thể xem xét theo nghĩa đen được.

We'll do this by treating the theory of substitution as if it were literal truth, and then showing what contradictions arise as a result. Here are five serious challenges.

Chúng ta sẽ làm điều này bằng cách xem thuyết thay thế như thể đó là chân lý theo nghĩa đen, và sau đó cho thấy những mâu thuẫn sẽ nảy sinh như là một hệ quả. Đây là năm thách thức nghiêm trọng.

1. Substitution is unjust

1. Sự thay thế là không công bằng

The first problem of substitution is one of justice. Or, rather, injustice.

Nạn đề đầu tiên của thuyết thay thế là một vấn đề về sự công bằng. Hay, hơn thế nữa, là sự không công bằng.

Since when is it a mark of justice to punish the wrong person? The whole notion of substitution is based on the idea that the justice of God has to be upheld, and so he does what? He *punishes the wrong man!*

Vi khi đó là dấu hiệu của sự công chính sao lại trừng phạt sai người? Toàn bộ ý niệm của sự thay thế được dựa trên ý tưởng cho rằng sự công chính của Đức Chúa Trời phải được gìn giữ, và vì thế Ngài đã làm gì? Ngài *trừng phạt sai người!*

Do you see how it erodes the very core of the idea of justice? The Bible never considers it just or right to punish the wrong person. A major theme of Isaiah's whole prophecy is to condemn those who take bribes, who allow the guilty to go unpunished, or who punish the innocent. For example,

Bạn có thấy rằng điều này làm mất đi ý tưởng rất quan trọng của sự công bình như thế nào không? Kinh Thánh không bao giờ xem điều đó là đúng hay công bằng trong việc hình phạt sai người. Chủ đề chính trong toàn bộ lời tiên tri của Ê-sai là rửa sả những kẻ đã chiếm các chi phái, những kẻ cho phép tội lỗi diễn ra mà không trừng phạt, hay những kẻ trừng phạt người vô tội. Ví dụ,

Woe to those... who acquit the guilty for a bribe, but deny justice to the innocent (Is 5:22-23)

Khốn cho những kẻ...tha kẻ phạm tội để nhận hối lộ, nhưng tước đoạt sự công chính của người vô tội. (Ê-sai 5:22-23)

Proverbs has quite a bit to say on the topic too:

Sách Châm Ngôn cũng nói khá nhiều về chủ đề này:

Acquitting the guilty and condemning the innocent – the LORD detests them both (Prov 17:15)

Tha cho kẻ ác và kết tội người vô tội là hai điều ghê tởm đối với Đức Giê-hô-va. (Châm 17:15)

Does it make sense that God might then go and do so himself? Of course not. God states the principle directly through Ezekiel:

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Có phải có nghĩa rằng Đức Chúa Trời, chính Ngài lại có thể đi theo đường lối đó và làm như vậy không? Dĩ nhiên là không. Đức Chúa Trời tuyên bố nguyên tắc này một cách trực tiếp qua Ê-xê-chi-ên:

The soul who sins is the one who will die. The son will not share the guilt of the father, nor will the father share the guilt of the son. The righteousness of the righteous man will be credited to him, and the wickedness of the wicked will be charged against him (Ezek 18:20).

Linh hồn nào phạm tội thì sẽ chết. Con sẽ không gánh chịu tội ác của cha và cha cũng không gánh chịu tội ác của con. Điều công chính của người công chính sẽ được kể cho người công chính; điều dữ của kẻ dữ sẽ bị kể cho kẻ dữ. (Ê-xê-chi-ên 18:20)

Substitution is a theory of legal justice, but contains a legal injustice at its core.

Thuyết thay thế là một thuyết về sự công bình về pháp lý, nhưng chứa đựng yếu tố không công bình về pháp lý trong ý nghĩa chính của nó.

2. The penalty is wrong

2. Hình phạt là sai

Second, note that the penalty Jesus bore is not the one we were condemned with. The penalty of sin is death itself, *not* simply the process of dying. The penalty of sin is eternal separation from God, it is eternal destruction, oblivion – for ever. That punishment has not been borne by Jesus.

Thứ hai, xin hãy chú ý là hình phạt mà Chúa Giê-xu gánh không phải là điều mà chúng ta đều bị kết án. Hình phạt của tội lỗi chính là sự chết, *không phải* chỉ là tiến trình hư mất. Hình phạt của tội lỗi là sự xa lìa Đức Chúa Trời mãi mãi, đó là một hư mất đời đời, sự chối bỏ - mãi mãi. Hình phạt đó Chúa Giê-xu không bao giờ phải gánh lấy.

Because Jesus is no longer dead, he has not borne the true penalty of sin. He *tasted* death, certainly. He experienced the agonies of death, went into the grave and was dead for three days. But if he was supposed to be bearing *our* punishment, God should have left him dead.

Vì Chúa Giê-xu không còn ở trong sự chết nữa, Ngài không mang hình phạt thật sự của tội lỗi. Ngài đã nếm trải sự chết, chắc chắn như vậy. Ngài đã từng trải những sự đau đớn của sự chết, đã đi vào trong hầm mộ và đã chết trong ba ngày. Nhưng nếu chúng ta cho là Ngài đang mang lấy *hình phạt của chúng ta*, thì Đức Chúa Trời lẽ ra nên để Ngài chết luôn.

Did God then change his mind and decide not to punish him with the punishment that was due to us after all? In the circus parable, it's as if the father says to the son, "You stay at home and I'll take the younger brother," and then, halfway to the circus he telephones home and says, "I've changed my mind. Come after all!" He's not bearing the punishment.

Có phải sau cùng thì Đức Chúa Trời rất cuộc đời ý và quyết định không trừng phạt Ngài với án phạt dành cho chúng ta? Trong ngụ ngôn về gánh xiếc, điều này như thể là người cha nói với con trai, "Con ở nhà và cha sẽ dắt em con đi nhé," và sau đó, khi được nửa đường đến gánh xiếc thì ông ta gọi điện về nhà và nói, "cha đời ý rồi, sau cùng thì con hãy đến đây!" Người anh không gánh lấy hình phạt nữa.

Substitution is a legal theory, but it contains a mismatched penalty at its core.

Thuyết thay thế là một thuyết mang tính pháp lý, nhưng nó chứa đựng một hình phạt nhằm đối tượng trong ý tưởng chính của nó.

3. Nothing left to forgive

3. Không có gì để tha thứ

Third, substitution leaves no room for forgiveness.

Thứ ba, thuyết tha thứ không có chỗ cho sự tha thứ.

Suppose Bob owes me money. I keep saying, "Come on, Bob, you owe me five bucks. Pay up! Pay up! Then Alice hears this and says to me, "Hey, I'll give you the five bucks that Bob owes you." Would it be fair for me now to go to Bob and say: "I *forgive* you your debt!" Not at all! Alice has already *paid* the debt; there's nothing left to be forgiven. It's all been dealt with.

Giả sử Bob nợ tôi một khoản tiền. Tôi tiếp tục nói, "nào, Bob, anh nợ tôi năm đồng. Trả ngay! Trả ngay!" sau đó Alice nghe điều này

THAY ĐỔI CHÚNG TA

và nói với tôi, “này, tôi sẽ đưa bạn năm đồng mà Bob nợ bạn.” Giờ đây liệu có công bằng không khi tôi đến nói với Bob: “tôi *tha nợ* cho anh!” Không hề như vậy! Alice đã *trả* nợ rồi, không có gì cần phải tha cả. Tất cả đã được giải quyết rồi mà.

Do you see the implications for salvation? If Jesus has paid the debt, if he has satisfied the legal requirement, where is the need for forgiveness? There's no role for it at all; the debt has been paid! Yet again and again and again, the Scriptures say that we come to God through forgiveness. For example:

Bạn có hiểu những ngụ ý về sự cứu rỗi không? Nếu Chúa Giê-xu đã trả nợ rồi, nếu Ngài đã thỏa mãn những yêu cầu pháp lý thì đâu là nhu cầu cho sự tha thứ? Không có vai trò nào cho nó cả; nợ đã được trả rồi! Nhưng nhiều lần Kinh Thánh lập đi lập lại rằng chúng ta đến với Đức Chúa Trời qua sự tha thứ. Ví dụ:

If we confess our sins, he is faithful and just and will forgive us our sins and purify us from all unrighteousness. (1 John 1:9)

Còn nếu chúng ta xưng tội mình thì Ngài là thành tín, công chính sẽ tha tội cho chúng ta và tẩy sạch chúng ta khỏi mọi điều bất chính. (1 Giăng 1:9)

We have to conclude therefore that there is a real debt outstanding! God says: “I forgive!” But substitution would say it's been paid, and hence there's nothing left to forgive.

Vì thế chúng ta phải kết luận rằng liệu có còn một khoản nợ thật sự nào không! Đức Chúa Trời nói: “Ta tha thứ!” Nhưng thuyết thay thế nói rằng khoản nợ đó đã được trả, và vì thế không còn có điều gì để tha thứ hết.

4. Salvation would be universal 4. Sự cứu rỗi mang tính toàn cầu

Fourth, if Christ has fully borne the punishment due to sinners, if he has paid the price and earned salvation on behalf of sinner, then there's no reason why anybody should be condemned at God's judgement. Or put the other way around, why would God condemn any of us if Christ has removed the whole legal basis for any of us being condemned? There would be no reason. If the theory of substitution

was true, then it would lead logically to a conclusion that salvation should be universal.

Thứ tư, nếu Đấng Christ gánh hết những hình phạt vì có tội nhân, nếu Ngài đã trả giá và giành được sự cứu rỗi vì có các tội nhân, thì không có lý do gì tại sao vẫn còn có ai đó sẽ bị đoán phạt trước Đức Chúa Trời. Hay xem xét vấn đề theo hướng khác, tại sao Đức Chúa Trời lại đoán phạt ai đó trong chúng ta nếu Đấng Christ đã loại trừ toàn bộ căn bản pháp lý cho bất kỳ ai đó trong chúng ta đáng bị đoán phạt? Sẽ không có lý do nào. Nếu thuyết thay thế là đúng, thì sẽ dẫn đến một cách hợp lý đến với kết luận cho là sự cứu rỗi sẽ dành cho toàn thế giới.

But this is a problem. Most Christians agree that the Bible is quite clear that there is going to be a separation between those who are saved, and those who are not. To take just one example, Daniel says:

Nhưng đây là một nan đề. Hầu hết Cơ Đốc Nhân đồng ý rằng Kinh Thánh thể hiện khá rõ rằng sẽ có sự phân biệt giữa những người được cứu và những người không được cứu. Hãy lấy một ví dụ, Đa-ni-ên nói:

Multitudes who sleep in the dust of earth will awake: some to everlasting life, others to shame and everlasting contempt. (Dan 12:2)

Nhiều người ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, người thì để hưởng sự sống đời đời, kẻ thì để chịu tủi nhục và đoán phạt đời đời. (Đa-ni-ên 12:2)

Salvation is not universal, so the substitution theory cannot be an accurate description of the mechanism of salvation.

Sự cứu rỗi không mang tính toàn cầu, vì thế thuyết thay thế không thể là một mô tả chính xác về nguyên tắc của sự cứu rỗi.

5. Substitution puts the problem in the wrong place

5. Thuyết thay thế đặt nan đề nhầm chỗ

The final problem and this is a big one, is one of shifting the blame.

Nan đề cuối cùng, và đây là một nan đề lớn, là một điều hướng đến việc đổ lỗi.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

We have a great tendency to blame others, to focus on someone else as the one having a problem. It's a natural human act to say: "You know what? It's not really *our* problem! It's really God's problem."

Chúng ta thường có một xu hướng rất mạnh là hay đổ lỗi cho người khác, tập trung vào ai đó như là người có nan đề. Đây là một hành động tự nhiên của con người khi nói rằng: "Anh biết điều gì? Đó thật sự không phải là nan đề *của chúng tôi!* Đó thật sự là nan đề của Đức Chúa Trời."

The theory of substitution falls into this trap. It says that the real problem with salvation is that God was in a legal fix, that Jesus had to die to get God out of the legal problems. It allows us to say, "The problem is not with me, it's with God!"

Thuyết thay thế rơi vào cái bẫy này. Nó nói rằng nan đề thật sự đối với sự cứu rỗi là thuộc về Đức Chúa Trời trong một sự ấn định mang tính pháp lý, rằng Chúa Giê-xu phải chết để đưa Đức Chúa Trời ra khỏi những nan đề mang tính pháp lý đó. Nó cho phép chúng ta nói rằng, "nan đề không phải là với tôi, mà là với Đức Chúa Trời!"

In fact, all the theories of atonement we described in the previous section fail in this same way:

Thật vậy, tất cả những thuyết về sự cứu chuộc mà chúng ta đã mô tả trong phần trước rơi vào cách tương tự này:

- God found himself needing to ransom us from the devil.
- Đức Chúa Trời nhận thấy chính Ngài cần chuộc chúng ta khỏi ma quỷ
- God's honor was upset, or
- Sự vinh quang của Đức Chúa Trời bị ảnh hưởng, hay là
- God found himself in a legal bind
- Đức Chúa Trời nhận thấy chính Ngài bị dính vào một ràng buộc pháp lý.

The real problem, of course, is not with God, the problem has *never* been with God. The real problem is with us! The real problem is our opposition to God – opposition and rebellion in my heart, in your heart! *That's* where the challenge is, the rebelliousness of the human being. So that's where the work of salvation has to be focused.

Dĩ nhiên, nan đề thật sự không phải ở chỗ Đức Chúa Trời, nan đề *không bao giờ* nằm ở phía Đức Chúa Trời. Nan đề thật sự là ở chúng ta! Nan đề thật sự là sự chống nghịch Chúa của chúng ta – sự chống nghịch và nổi loạn trong tấm lòng của tôi, trong tấm lòng của bạn! Đó là nơi mà những thách thức diễn ra, nơi sự nổi loạn của con người xảy ra. Vì thế đó là nơi mà công tác cứu rỗi phải được tập trung vào.

Shall we go on sinning so that grace may increase? By no means! We died to sin; how can we live in it any longer? Or don't you know that all of us who were baptized into Christ Jesus were baptized into his death! (Rom 6:1-3)

Chúng ta cứ tiếp tục sống trong tội lỗi để ân điển được dư dật sao? Không thể như vậy. Chúng ta đã chết với tội lỗi thì làm sao cứ tiếp tục sống trong tội lỗi được? Anh em không biết rằng tất cả chúng ta đều đã chịu báp têm trong Đấng Christ Giê-xu, tức là chịu báp têm trong sự chết của Ngài sao? (Rô-ma 6:1-3)

In other words, the real purpose of the death of Christ was not to change God, but to change *us!*”

Mặc khác, mục đích thật sự của sự chết của Đấng Christ không phải là để thay đổi Đức Chúa Trời, mà là thay đổi *chúng ta!*

Understanding this shifts our whole perspective by introducing a radically different possibility from what we may have had before. In my own spiritual development, I had wrestled with all the *transactional* theories, but it had never occurred to me to question the very idea whether the death of Christ was a transation at all!

Hiểu được những điều này, toàn bộ những quan điểm của chúng ta bằng cách đưa ra một khả năng hợp lý khác với những điều mà chúng ta có thể hiểu trước đây. Trong sự tăng trưởng tâm linh của riêng tôi, tôi đã tranh chiến với tất cả những thuyết về *sự trao đổi*, nhưng chưa bao giờ xảy ra trong tôi câu hỏi về một ý tưởng là liệu sự chết của Đấng Christ có phải là một sự trao đổi mang tính giao dịch không!

As I read Scripture more and more, I came to see that the death of Christ was not designed to deal with *God's* difficulties; it was designed to make me different! It is to change me!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Khi tôi đọc Kinh Thánh nhiều, và nhiều hơn nữa, tôi đã đến với sự nhận thức rằng sự chết của Đấng Christ không phải được định ra để giải quyết những khó khăn của Đức Chúa Trời; Điều này được định ra để khiến *tôi* trở nên khác biệt! Đó là nhằm để thay đổi tôi!

This is not being self-centered. It's saying: "*The problem* is here with me". Whatever the death of Christ is designed to accomplish, it is designed to accomplish it by *changing me*, where the problem actually lies.

Đây không phải là tự tập trung về chính mình. Nó nói rằng: "*Nan đề* là ở đây với tôi". Cho dù sự chết của Đấng Christ được định ra để hoàn tất điều gì, thì đó là việc lập ra để hoàn tất điều đó bằng cách *thay đổi tôi*, nơi mà thật sự có nan đề.

This approach to understanding the death of Christ is sometimes described as a moral influence interpretation, because it addresses the moral problem of sin: the damage sin does to us and to other people.

Phương pháp nghiên cứu nhằm hiểu về sự chết của Đấng Christ đôi khi được mô tả như là một sự diễn dịch ảnh hưởng đạo đức, vì nó hướng đến vấn đề đạo đức của tội lỗi: sự hủy hoại của tội lỗi trên chúng ta và những người khác.

The French Abbott Peter Abelard was an early proponent ¹ of this approach. We won't necessarily follow the details of Abelard's construction, but will rather connect with the Biblical writings themselves.

Abbott Peter Abelard, một người Pháp là một người đề xướng sớm nhất cho hướng nghiên cứu này. Chúng ta sẽ không cần thiết phải theo những chi tiết về sự xây dựng quan điểm này của Abelard, nhưng sẽ kết nối thêm với chính những bản văn Kinh Thánh.

Refocus *Tập trung lại*

There is a theme which will come up repeatedly as we proceed through these studies, and it is this: that biblical teaching often gets turned around, shifting the focus from our need to change and grow and supposing that God is the one who needs to be different.

¹*Expositio in Epistolam AD Romanos, Peter Abelard (1079-1142)*

Có một chủ đề sẽ xuất hiện liên tục khi chúng ta tiến hành qua những nghiên cứu này, và đó là thế này: lời dạy Kinh Thánh thường được xoay quanh, đây sự tập trung từ nhu cầu của chúng ta trong việc thay đổi và tăng trưởng và cho rằng Đức Chúa Trời là Đấng cần phải thay đổi.

Substitution is our first example. It says that God was in a legal bind, that Jesus' death was designed to change things in heaven. But the problem is not in heaven. It's here on earth. It is in my heart, and in your heart.

Thuyết về sự thay thế là ví dụ đầu tiên của chúng ta. Thuyết này nói rằng Đức Chúa Trời có một sự ràng buộc về mặt pháp lý, rằng sự chết của Chúa Giê-xu được định sẵn để biến đổi những điều trên thiên đàng. Nhưng nan đề thì không phải ở trên thiên đàng. Nó ở đây trên đất. Nó ở trong tâm lòng của tôi, và trong tâm lòng của bạn.

This is the direction we'll pursue through these studies to see what we can learn, and how we can grow by it. Note, however, that the substitution theory is so pervasive in our culture, that it is likely to influence our thinking, even if we don't take it on board wholesale. Elements of it can creep in and affect our understanding.

Đây là một định hướng mà chúng ta sẽ theo đuổi thông qua những nghiên cứu này để thấy điều chúng ta có thể học, và chúng ta có thể tăng trưởng bởi điều này như thế nào. Tuy nhiên, hãy chú ý rằng thuyết thay thế đang lan tràn mạnh mẽ trong nền văn hóa của chúng ta, nó có thể ảnh hưởng đến suy nghĩ của chúng ta, thậm chí khi chúng ta không nhìn nhận tất cả những thuyết này vào trong toàn bộ tâm trí của mình. Những yếu tố của thuyết này có thể len lỏi và tác động đến sự hiểu biết của chúng ta.

Summary

Tóm tắt

The substitution theory fails for many reasons: it is unjust, it puts the problem in the wrong place, the penalty is wrong, there would be nothing left to forgive, and it would imply universal salvation. In particular, substitution is a transactional theory rather than a moral theory. Yet atonement is about addressing a problem with us, not a problem that God has.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Thuyết về sự thay thế thất bại vì nhiều lý do: nó không công bằng, thuyết này đặt nan đề vào nhầm chỗ, hình phạt là sai lầm, không có gì để tha thứ và thuyết này ngụ ý về một sự cứu rỗi cho toàn thế giới. Đặc biệt là thuyết thay thế là một thuyết mang tính trao đổi hơn là một thuyết về đạo đức. Tuy nhiên sự cứu chuộc là nhằm hướng đến một nan đề với chúng ta, không phải là một nan đề của Đức Chúa Trời.

Discussion

Thảo luận

1. Discuss which of the five objections to substitution you found more or less convincing?
1. Hãy thảo luận năm lý do phản đối với thuyết thay thế mà bạn nhận thấy ít nhiều mang tính thuyết phục?
2. Consider the parable of the lost son in Luke 15:11-25. Imagine modifying it to teach substitution explicitly. Someone have a go at telling the modified version to the group.
2. Hãy xem xét ẩn dụ về câu chuyện người con trai hoang đàng trong Lu-ca 15:11-25. Hãy tưởng tượng cách nhấn mạnh ẩn dụ này trong việc giảng dạy rõ ràng về thuyết thay thế. Ai đó hãy thử kể về câu chuyện này theo cách nhấn mạnh này cho nhóm của mình nghe?
3. How important is it for us to pursue sinlessness in our lives? Why?
3. Tầm quan trọng cho việc theo đuổi đời sống không nhiễm tội lỗi trong đời sống chúng ta là gì? Tại sao?
4. How have the observations in this section caused you to think again about the death of Jesus (if at all)?
4. Những sự nghiên cứu trong phần này khiến bạn suy nghĩ lại về sự chết của Chúa Giê-xu như thế nào (nếu có)?

To change us Thay đổi chúng ta

Substitution and other transactional theories of atonement all lay the need for Christ's death at God's feet. According to these theories, God needed a way to satisfy his honor, or to address issues of legality, and the way he chose was to require Jesus to die by a horrendously cruel form of execution.

Thuyết thay thế và những thuyết trao đổi khác về sự cứu chuộc tất cả đều đặt nhu cầu cho sự chết của Đấng Christ dưới chân Đức Chúa Trời. Theo những thuyết này, Đức Chúa Trời đã cần một cách thức để làm thỏa mãn sự vinh hiển của Ngài, hay hướng đến những vấn đề về tính pháp lý, và cách mà Ngài đã chọn là phải yêu cầu Chúa Giê-xu phải chết bởi một hình thức hành hình rất tàn bạo khủng khiếp.

Moreover, we have seen that the substitution theory is incompatible with other things we believe about God, such as his justice, omnipotence, love, forgiveness, and so on. So there must be some other reason for Jesus' death.

Hơn thế nữa, chúng ta đã nhìn thấy rằng thuyết thay thế lại không phù hợp với những điều mà chúng ta tin nơi Đức Chúa Trời, như là sự công chính của Ngài, quyền tể trị tuyệt đối, tình yêu, sự tha thứ, và hơn thế nữa. Vì thế phải có vài lý do khác cho sự chết của Chúa Giê-xu.

Ultimately, the problem of salvation is not in heaven with God – the real problem is here with us; it is with me and with you. The problem is Sin, and our addiction to it. God doesn't need to change *his* situation. It is *our* hearts and minds that need to be different. So this where we shall look to understand the reasons for the death of Jesus.

Cuối cùng, nan đề về sự cứu rỗi không phải là ở trên thiên đàng với Đức Chúa Trời – nan đề thật sự là ở đây với chúng ta; nó ở với tôi và với bạn. Nan đề là Tội Lỗi, và sự ham muốn tội lỗi của chúng ta.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đức Chúa Trời không cần thay đổi tình trạng *của Ngài*. Đó là tâm lòng và tâm trí *của chúng ta* cần phải thay đổi. Vì thế đây là nơi mà chúng ta sẽ suy xét để hiểu những lý do về sự chết của Chúa Giê-xu.

I am going to propose that there are just two reasons for his death;

Tôi đề nghị rằng chỉ có hai lý do cho sự chết của Ngài;

1. To change us; and

1. Để biến đổi chúng ta; và

2. To perfect Jesus himself

2. Để làm trọn vẹn chính Chúa Giê-xu

We'll explore (1) over the next dozen sections or so, and then come back to (2) starting with the section entitled Savior on page 98.

Chúng ta sẽ nghiên cứu (1) mười hai phần tiếp theo hay hơn nữa, và sau đó trở lại (2) bắt đầu với phần có tựa đề là Đấng Cứu Chuộc ở trang 98.

Love and obey

Tình yêu và sự vâng phục

We'll start with some words of Jesus himself, spoken the evening he was arrested. About one-third of John's gospel record records the events and conversations of this one evening! It's quite astonishing.

Chúng ta sẽ bắt đầu với một vài lời của chính Chúa Giê-xu, được công bố trong đêm Ngài bị bắt. Khoảng một phần ba kỹ thuật trong Phúc Âm Giăng ghi lại những sự kiện và những cuộc đối thoại trong cái đêm rất quan trọng này! Thật đáng kinh ngạc.

If you open your Bible and explore things a bit, you will see that the last supper takes place amongst the events of John 13, and that in chapter 14, Jesus starts an outpouring of teachings that lasts many chapters.

Nếu bạn mở Kinh Thánh của bạn và khám phá nhiều điều hơn một chút, bạn sẽ nhìn thấy bữa tiệc ly cuối cùng xảy ra giữa những sự kiện trong Giăng đoạn 13, và trong đoạn 14, Chúa Giê-xu bắt đầu một sự tuôn đổ về những lời giảng dạy kéo dài trong nhiều đoạn.

During this teaching, Jesus and his disciples leave the upper room, cross the Kidron Valley, and start climbing Mount Olives heading for

the Garden of Gethsemane. All the while Jesus continues to teach. He must have considered these teachings particularly important, given that he selects them for this very critical time. Here's what he says:

Trong suốt sự giảng dạy này, Chúa Giê-xu và các môn đồ của Ngài rời phòng cao, băng qua thung lũng Kidron, và bắt đầu leo lên núi Ô-li-ve hướng đến Vườn Ghết-sê-ma-nê. Chúa Giê-xu vẫn tiếp tục giảng dạy trong lúc đó. Chắc hẳn Ngài cho rằng những sự giảng dạy này đặc biệt quan trọng, cho thấy rằng Ngài chọn lựa chúng cho thời khắc rất cấp thiết này. Đây là điều mà Ngài đã phán:

I will not speak with you much longer for the Prince of this world is coming. He has no hold on me, but the world must learn that I love the Father and that I do exactly what my Father has commanded me (John 14:30-31)

Ta sẽ không còn nói nhiều với các con nữa, vì vua chúa cai trị thế gian này sẽ đến. Nó chẳng có quyền hành gì trên Ta, nhưng Ta làm đúng theo điều Cha đã truyền bảo, để thế gian biết rằng Ta yêu mến Cha.(Giăng 14:30-31).

I love the NIV translation here. It seems to capture the sense of the original text very well. We are now only about twelve hours before the crucifixion, and Jesus explains to his disciples what is going on. *The world is being taught a double lesson*, he says. The world *must learn* that (a) I love the Father and (b) that I do exactly what the Father has commanded me.

Tôi yêu thích bản dịch NIV ở đây. Dường như nó nắm bắt rất đầy đủ ý nghĩa của bản văn nguyên ngữ. Giờ đây chúng ta chỉ còn khoảng mười hai giờ đồng hồ trước khi Ngài chịu đóng đinh, và Chúa Giê-xu giải thích với môn đồ của Ngài về những điều sắp xảy ra. *Thế gian sẽ được dạy bài học hai lần*, Ngài phán. Thế gian *phải học biết* rằng (a) Ta yêu Cha và (b) Ta làm đúng với điều mà Cha Ta đã truyền cho Ta.

If we want a commentary of the purpose of the crucifixion from the lips of Jesus himself, then we should highlight this verse. It may not reflect the whole story, of course, but it is the aspect he chooses to emphasize just a few short hours before his death. He does not speak about a transaction in heaven. Rather, he highlights an impact on earth: *the world must learn something* what is about to occur.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Nếu chúng ta cần một lời bình giải về mục đích của sự chết đóng đinh từ môi miệng của chính Chúa Giê-xu, thì chúng ta nên tô đậm câu này. Dĩ nhiên câu này có thể không phản ánh toàn bộ câu chuyện, nhưng đó là khía cạnh mà Ngài chọn để nhấn mạnh chỉ một vài tiếng đồng hồ ngắn ngủi trước sự chết của Ngài. Ngài không nói về một sự trao đổi trên thiên đàng. Hơn thế nữa, Ngài nhấn mạnh một ảnh hưởng trên đất: *thế gian phải học biết điều gì đó từ những điều sắp xảy ra.*

Continue in faith
Đứng vững trong đức tin

Let's look at a passage from Paul's letter to the Colossians:

Hãy xem xét một đoạn Kinh Thánh trích từ Thư Tín của Phao-lô gửi Hội Thánh Cô-lô-se:

Once you were alienated from God and were enemies in your minds because of your evil behavior. But now he has reconciled you by Christ's physical body through death to present you holy in his sight, without blemish and free from accusation... (Col 1:21-22)

Khi anh em còn xa cách Đức Chúa Trời, và là những kẻ thù nghịch với Ngài bởi những ý tưởng và hành động xấu xa của anh em, nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đã hòa giải qua sự chết thân xác của Đấng Christ, để trình diện anh em một cách thánh sạch, không tì vết, không chỗ chê trách được trước mặt Ngài... (Cô-lô-se 1:21-22)

If we stopped reading here, we might be excused for drifting into a substitutionary transactional view; just from this verse it sounds as if something might have been sorted out for God by the death of Christ. But let's continue:

Nếu chúng ta ngưng đọc ở chỗ này, thì chúng ta có thể bị người ta cho là chúng ta đang rơi vào quan điểm của thuyết thay thế; chỉ từ âm hưởng của câu này như thế có điều gì đó có thể được chọn lựa cho Đức Chúa Trời về sự chết của Chúa Giê-xu. Nhưng hãy tiếp tục:

...if you continue in your faith, established and firm, not moved from the hope held out in the gospel (Col 1:23)

...Nếu anh em tiếp tục đứng vững trong đức tin, không nao núng, không chuyển dời khỏi niềm hy vọng của Tin Lành. (Cô-lô-se 1:23)

You see the point Paul is making? The death of Christ is effective ‘if you continue...’ The implication is that whatever the death of Christ accomplishes, it does so only with our participation. Or put the other way around, if the death of Christ does not effect a new and consistent life-direction in us, then it is ineffectual. We have to ‘continue’ in a life of faithful holiness, in a life of devotion to God.

Bạn nhìn thấy quan điểm mà Phao-lô đang đưa ra không? Sự chết của Đấng Christ là có hiệu quả ngay “*Nếu anh em tiếp tục đứng vững...*” Ngụ ý đó là cho dù cái chết của Đấng Christ đạt được điều gì, thì điều này chỉ ở trong sự dự phần của chúng ta. Hay xem xét trên một khía cạnh khác, nếu sự chết của Đấng Christ không tác động trên một định hướng đời sống mới và bền bỉ, thì nó sẽ không có hiệu quả gì. Chúng ta phải ‘*tiếp tục đứng vững*’ trong một đời sống thánh khiết trung tín, trong một đời sống tận hiến cho Đức Chúa Trời.

According to Paul, Christ’s death initiates a way of life for us. Contrary to our initial impression, Paul is not presenting it as some mystical event that took place and suddenly we are saved! Rather, it is an event that is bound up with our participation.

Theo Phao-lô, sự chết của Đấng Christ bắt đầu một con đường sống cho chúng ta. Ngược với ấn tượng ban đầu của chúng ta, Phao-lô không trình bày nó như một sự kiện bí ẩn nào đó sẽ diễn ra và thành linh chúng ta được cứu! Hơn hẳn điều này, đó là một sự kiện được thực hiện bởi sự dự phần của chúng ta.

*Follow the example of Jesus
Theo tấm gương của Chúa Giê-xu*

Here’s another example of the same teaching, this time from Peter.

Đây là ví dụ khác của cùng một sự giảng dạy, trong thời này từ Phi-e-rơ.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

To this you were called, because Christ suffered for you, leaving you an example, that you should follow in his steps (1 Pet 2:21)

Anh em đã được kêu gọi đến điều đó, vì Đấng Christ cũng đã chịu khổ cho anh em, lưu lại cho anh em một gương để anh em noi dấu chân Ngài. (1 Phi 2:21)

The content of this is remarkably like Jesus' words earlier: the world must *learn* something. Peter heard those words and took them to heart. Jesus, he says, is expecting us to learn from his example. As a result of what he did, Jesus is expecting us to become something different. Notice that there's no hint of substitution here, of Jesus being a sacrifice *instead* of us. Quite the reverse. Jesus is calling us to *join* in his sacrifice.

Nội dung của câu này thì rất giống như lời của Chúa Giê-xu trước đó: Thế giới phải *học biết* điều gì đó. Phi-e-ro đã nghe những lời này và ghi khắc trong lòng. Ông nói, Chúa Giê-xu mong muốn chúng ta học biết từ tấm gương của Ngài. Kết quả của điều Ngài đã làm, Chúa Giê-xu mong muốn chúng ta trở nên khác biệt. Hãy chú ý không hề có một nguyên cơ nào về sự thay thế ở đây, về việc Chúa Giê-xu là một vật hy sinh *thay thế* cho chúng ta. Ngược lại là đằng khác. Chúa Giê-xu đang kêu gọi chúng ta *dự phần* vào sự dâng thân mình của Ngài.

*Here's Paul again on the topic.
Phao-lô lại nói về chủ đề này.*

I want to know Christ and the power of his resurrection and the fellowship of sharing in his sufferings, becoming like him in his death and so, somehow, to attain to the resurrection from the dead. (Phil 3:10)

Để tôi được biết Ngài, quyền năng phục sinh của Ngài, được chia sẻ sự thương khó của Ngài, và trở nên giống như Ngài trong sự chết của Ngài và vì thế để nhận được sự sống lại từ cõi chết (Phi-líp 3:10)

Again, no suggestion here of Christ dying instead of us: he describes Jesus' death as something to participate in: I want the fellowship of *sharing* in Christ's sufferings, becoming like him in his death.

Một lần nữa, không hề có một đề nghị nào ở đây về cái chết của Đấng Christ là để thay thế cho chúng ta: Ông mô tả sự chết của Chúa Giê-xu như là điều gì đó cần phải dự phần vào: Tôi muốn đồng công *chia sẻ* trong sự thương khó của Đấng Christ, trở nên giống như Ngài trong sự chết của Ngài.

Golgotha was not simply something that happened “over there” – such that some mystical rite was performed 2, 000 years ago and now we're okay. Rather it is something that requires me to participate. “Take up your cross, ” Jesus says, “and follow me!” (Matt 16:24) Or, as we've just read here in Peter's first letter, “Christ suffered for you, leaving you an example so that you should follow in his steps.”

Gô-gô-tha không chỉ là một điều gì đó đã xảy ra “ở đó” – nghi lễ bí mật như vậy được thể hiện cách đây 2. 000 năm và bây giờ chúng ta đồng ý. Hơn thế nữa đó là điều gì đó đòi hỏi tôi phải dự phần vào. “Gánh lấy thập tự giá”, Chúa Giê-xu phán, “và theo Ta” (Mat 16:24). Hay như chúng ta đã đọc trong Thư Tín thứ nhất của Phi-e-rơ, “Đấng Christ đã chịu thương khó vì anh em, để lại cho anh em một tấm gương để anh em theo gót chân Ngài”.

Without our response and participation, the death of Christ is irrelevant and useless. His death was intended to reach us, to make us responsive, to enable us to hear God calling.

Nếu không có sự đáp lời và dự phần của chúng ta, sự chết của Đấng Christ không thích hợp và vô nghĩa. Sự chết của Ngài là nhằm vươn đến chúng ta, khiến chúng ta đáp ứng với Ngài, giúp chúng ta có thể nghe được sự kêu gọi của Đức Chúa Trời.

The death of Jesus was necessary because we were so blind that we couldn't see what God had been trying to tell us through the prophets. Christ died to cut through our stubbornness. His death was not about changing God, not changing some kind of legal landscape, or trying to resolve some legal or technical difficulty that God faced. It was to change us, to address *our* limitations, flaws and weaknesses.

Sự chết của Chúa Giê-xu là cần thiết vì chúng ta mù lòa đến nỗi

THAY ĐỔI CHÚNG TA

chúng ta không thể nhìn thấy điều Đức Chúa Trời đang cố dạy dỗ chúng ta qua các tiên tri. Đấng Christ đã chết để cắt bỏ sự cứng lòng của chúng ta. Sự chết của Ngài không phải để thay đổi Đức Chúa Trời, không phải thay đổi một tình trạng pháp lý nào đó, hay cố gắng giải quyết sự khó khăn về kỹ thuật hay pháp lý nào đó mà Đức Chúa Trời phải đối mặt. Đó là nhằm để thay đổi chúng ta, hướng đến những hạn chế, những sa ngã và yếu đuối của chúng ta.

Reasons for Jesus' death

Những lý do cho sự chết của Chúa Giê-xu

In my reading of the Bible I have been driven to the conclusion that *the actual physical death of Christ released no metaphysical principle of salvation*. By *metaphysical principle* I mean no abstract principle of legality, honor, or payment, or anything else, was a barrier to God being able to forgive us. We will see that God could always forgive us.

Khi tôi đọc Kinh Thánh, tôi được thúc đẩy đến kết luận rằng *cái chết thể lý thật sự của Đấng Christ không bày tỏ nguyên tắc siêu hình của sự cứu rỗi*. Bởi *nguyên tắc siêu hình* tôi muốn nói đến việc không hề có một nguyên tắc trừu tượng của tính pháp lý, sự vinh hiển, hay sự trả nợ, hay bất cứ điều gì, là một rào cản đối với việc Chúa có thể tha thứ cho chúng ta. Chúng ta sẽ nhìn thấy rằng Đức Chúa Trời luôn luôn có thể tha thứ cho chúng ta.

So what was the purpose behind Jesus' death?

Vì thế đâu là mục đích nằm sau sự chết của Chúa Giê-xu?

As stated at the start of the chapter, I propose that the Bible give us two fundamental reasons for Jesus' death.

Như đã được nói ngay từ đầu chương, tôi cho rằng Kinh Thánh cho chúng ta hai lý do căn bản cho sự chết của Chúa Giê-xu.

1. His death is supposed to have a profound and transforming effect on us. It is the beginning of a process in which we must thoroughly participate, and,
1. Sự chết của Ngài được cho là có ảnh hưởng biến đổi và sâu sắc trên chúng ta. Đó là sự bắt đầu của một tiến trình trong đó chúng ta phải dự phần một cách hết lòng và,

2. His personal sacrifice played a major role in the development and perfecting of Christ himself.
2. Sự hy sinh cá nhân của Ngài đóng một vai trò chính yếu trong sự phát triển và trọn vẹn của chính Đấng Christ.

Both of these reasons are practical, living in the world of cause and effect. Neither of them are abstractly metaphorical or transactional.

Cả hai lý do này đều mang tính thực tiễn, sống động trong thế giới của nguyên nhân và kết quả. Cả hai đều không mang tính trao đổi hay siêu hình trừu tượng.

This proposition claims that the death of Christ was an event designed by God with natural consequences through cause and effect; those consequences affecting any of us who are willing to be affected by it, and profoundly affecting Jesus himself.

Lời đề nghị này tuyên bố rằng sự chết của Đấng Christ là một sự kiện được Đức Chúa Trời bày tỏ với những kết quả tự nhiên qua nguyên nhân và kết quả; những kết quả này tác động đến bất kỳ ai trong chúng ta những người sẵn sàng chịu tác động bởi điều này, và tác động sâu sắc đến chính Chúa Giê-xu.

This is a bold proposition because most Christians were brought up on the idea that the death of Jesus was exactly about some kind of metaphysical or spiritual transaction, and not about natural cause and effect at all. Consequently, a statement such as *the actual physical death of Christ released no metaphysical principle of salvation* is likely to come across as quite a challenging idea. At the very least, it will cause us pause while we try to see the implications.

Đây là một đề nghị chắc chắn vì hầu hết Cơ Đốc Nhân được nuôi dưỡng trong ý tưởng rằng sự chết của Chúa Giê-xu chính xác là về một quan điểm nào đó của sự trao đổi thuộc linh và siêu hình, chứ không phải về nguyên nhân và kết quả tự nhiên nào hết. Hậu quả là, lời tuyên bố như là *cái chết thể lý thật sự của Đấng Christ không bày tỏ nguyên tắc siêu hình của sự cứu rỗi* thì có thể tình cờ như là một ý tưởng mang tính chất khá thách thức. Ở một mức độ nhỏ nhất, nó sẽ khiến chúng ta dừng lại trong khi đang cố gắng tìm hiểu những sự ngụ ý này.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Given our own historical and religious contexts, it is natural to have a sense that there *surely was* something transaction that took place at Jesus' death, that some change took place as far as God was concerned. I certainly thought that way for many years. So I'm very aware that when I propose an understanding like this, I'm on borrowed time! But please bear with me, and see what you think as we work through the study together. Each of us will have to examine for ourselves whether the statement is fair to the weight of Scripture on the topic.

Chúng ta được cho những bối cảnh tôn giáo và lịch sử của chính chúng ta, thật tự nhiên khi có suy nghĩ rằng *chắc chắn có một một* điều gì đó mang tính trao đổi diễn ra trong sự chết của Chúa Giê-xu, rằng một sự thay đổi nào đó diễn ra như điều Đức Chúa Trời quan tâm. Tôi chắc chắn đã nghĩ theo cách đó trong nhiều năm. Vì thế tôi rất quan tâm rằng khi tôi đưa ra cách hiểu như thế này, tôi đang ở trong thời kỳ vay mượn! Nhưng xin ghi nhớ với tôi điều này, và hãy nhìn điều mà bạn suy nghĩ khi chúng ta cùng làm việc trải qua sự nghiên cứu này. Mỗi chúng ta sẽ phải kiểm nghiệm lại chính chúng ta xem là liệu lời tuyên bố này có đúng theo sức mạnh của Kinh Thánh trong chủ đề này không.

And if that idea is not challenging enough, the idea that Jesus himself benefited in his personal growth and development can seem quite surprising. Maybe even shocking! However, as indicated earlier, it will take us many chapters just to explore the effect that the death of Christ has on us, which means that it will take quite a while before we get to look at the perfecting of Christ. This may be an even more challenging idea to hold in trust, but I don't want us to forget about it, because it turns out be a critical dimension of Golgotha.

Và nếu ý tưởng đó không mang tính thử thách đầy đủ, thì ý tưởng cho rằng chính Chúa Giê-xu cũng hưởng lợi ích trong sự tăng trưởng và phát triển của chính Ngài có thể dường như khá ngạc nhiên. Có thể thậm chí rất sốc! Tuy nhiên như đã được đề cập ban đầu, chúng ta sẽ mất nhiều chương chỉ để khám phá ảnh hưởng của sự chết của Đấng Christ trên chúng ta, có nghĩa rằng sẽ phải mất một khoảng thời gian trước khi chúng ta đến với sự nghiên cứu về sự thành toàn của Đấng Christ. Điều này thậm chí có thể là một ý tưởng thách thức lớn hơn để tin tưởng vào nó, nhưng tôi không muốn chúng ta quên

đi điều đó, vì nó sẽ trở thành một chiều kích cần thiết hơn khi nghiên cứu về sự kiện nơi đồi Gô-gô-tha.

Summary

Tóm tắt

The actual physical death of Jesus was not a metaphysical transaction designed to change things in heaven. Rather, it was to change things within ourselves, to make us be different. It is the beginning of a process or event in which we must participate. It inspires us to share in the sacrifice Jesus made.

Sự chết về thể lý thật sự của Chúa Giê-xu không phải là một giao dịch siêu hình được thiết kế để thay đổi những điều trên thiên đàng. Hơn thế nữa, đó là nhằm biến đổi những điều bên trong chính chúng ta, khiến chúng ta trở nên khác biệt. Đó là sự bắt đầu của một tiến trình hay một sự kiện mà chúng ta phải dự phần vào. Điều này thúc giục chúng ta chia sẻ sự hy sinh mà Chúa Giê-xu đã gánh chịu.

Discussion

Thảo Luận

1. This section proposes that the death of Jesus is not about changing God but about changing us. What impact does this have on your concept of God and salvation?
1. Chương này đề nghị rằng sự chết của Chúa Giê-xu không phải là về việc thay đổi Đức Chúa Trời nhưng về việc thay đổi chúng ta. Điều này ảnh hưởng như thế nào trên quan niệm của bạn về Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi?
2. Discuss whether you found the passages quoted as forming a compelling argument that the death of Jesus is intended to change us.
2. Hãy thảo luận liệu bạn có tìm thấy những đoạn Kinh Thánh được trích ra như để tạo nên một sự tranh luận bắt buộc rằng sự chết của Chúa Giê-xu là hướng đến thay đổi chúng ta.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

3. How would our participation in salvation be squared with the idea that we are saved by grace rather than by works?
3. Sự dự phần của chúng ta vào sự cứu rỗi sẽ được điều chỉnh như thế nào với ý tưởng chúng ta được cứu bởi ân điển hơn là bởi việc lành?
4. Discuss how you personally can participate in the death of Jesus in your life.
4. Hãy thảo luận làm thế nào bạn có thể dự phần một cách cá nhân vào trong sự chết của Chúa Giê-xu trong đời sống của bạn?
5. Write down the ideas and Bible passages that jump to mind as contradicting this section, i. e. that seem to support the idea that Jesus' death accomplished some kind of transaction in heaven. Keep these passages on hand as you continue the study, and see if you come to think about them differently.
5. Hãy viết ra những ý tưởng và những đoạn Kinh Thánh tác động vào tâm trí như là một sự mâu thuẫn với phần này, nghĩa là dường như nó hỗ trợ cho ý tưởng rằng sự chết của Chúa Giê-xu là nhằm hoàn tất một loại giao dịch nào đó trên thiên đàng. Hãy giữ những đoạn này trong tay khi bạn tiếp tục cuộc nghiên cứu, và hãy xem liệu bạn có đến với ý nghĩ khác đi về chúng không.

Bore our sins Gánh Lấy Những Tội Lỗi Của Chúng Ta

In the Bible we find many references to Jesus as a “sacrifice” for our sins. The Law of Moses, which suffuses the Old Testament, was full of sacrifice, so this would have been natural languages for the authors of the Bible. It is far less natural for us, so we have to be especially careful what conclusions we draw.

Trong Kinh Thánh chúng ta tìm thấy nhiều sự tham chiếu về vấn đề Chúa Giê-xu như là một “của lễ hy sinh” cho những tội lỗi của chúng ta. Luật Pháp của Môi-se tràn ngập trong Cựu Ước, đầy những của lễ hy sinh, vì thế điều này sẽ là ngôn ngữ tự nhiên dành cho những tác giả của Kinh Thánh. Nhưng điều này không tự nhiên với chúng ta chút nào hết, vì thế chúng ta phải đặc biệt cẩn trọng với những kết luận mà chúng ta rút ra.

In particular, a superficial reading of the Old Testament might suggest that God *needs* some kind of blood sacrifice to somehow take our sins away; if we have read it this way, then we might naturally presume that Jesus’ death is a sacrifice of exactly this kind.

Đặc biệt, việc đọc qua loa Cựu Ước có thể cho rằng Đức Chúa Trời cần một của lễ bằng huyết nào đó để cất đi tội lỗi của chúng ta; nếu chúng ta đã từng đọc điều này theo cách này, thì chúng ta có thể tự nhiên cho rằng sự chết của Chúa Giê-xu chỉ là một của lễ chuộc tội chính xác về loại này.

I don’t think we should understand Jesus’ death in this way

Tôi nghĩ rằng chúng ta không nên hiểu về sự chết của Chúa Giê-xu theo cách này.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

It will take us a few sections to explore the idea of sacrifice properly, but for now, let's begin with a couple of questions. Pause after each question, and see what your answer is before going on to read more.

Chúng ta phải mất vài chương để khám phá về ý tưởng về của lễ một cách đúng đắn, nhưng bây giờ, hãy bắt đầu với một vài câu hỏi. Hãy dừng lại sau mỗi câu hỏi, và xem xét câu trả lời của bạn trước khi tiếp tục đọc nữa.

Here's the first. Was it God's will that Jesus should submit to death? Đây là điều đầu tiên. Có phải ý muốn của Đức Chúa Trời là Chúa Giê-xu sẽ đầu phục cho đến chết?

This is easy, it's not a trick question. "Yes", is the answer. Whether we understand why or not, it certainly was God's will that Jesus should submit even to the point of death. Isaiah is clear on this.

Điều này thật dễ dàng, nó cũng không phải là một câu hỏi gài bẫy. "Vâng", là câu trả lời. Liệu chúng ta có hiểu lý do tại sao hay không, chắc chắn ý muốn của Đức Chúa Trời là Chúa Giê-xu sẽ đầu phục thậm chí đến lúc Ngài chịu thương khó. Ê-sai nói rõ về điều này.

*Yet it was the Lord's will to crush him and cause him to suffer.
(Is 53:10)*

Nhưng ý muốn của Đức Chúa Trời là để Ngài bị tổn thương và chịu khó. (Ê-sai 53:10).

What's more, Jesus knew it was God's will. He himself quotes the prophecies that predicted Judas's betrayal, and his prayer at Gethsemane was all about submission to God's will.

Tiếp theo nữa là gì, Chúa Giê-xu đã biết được đó là ý muốn của Đức Chúa Trời. Chính Ngài đã trích dẫn những lời tiên tri tiên đoán về việc phản bội của Giu-đa, và lời cầu nguyện của Ngài tại Ghết-sê-ma-nê nói lên tất cả về sự đầu phục của Ngài đối với ý muốn của Đức Chúa Trời.

Let's ask another question. Were the people who killed Jesus doing God's will?

Chúng ta hãy hỏi một câu hỏi khác. Có phải những người giết chết Chúa Giê-xu làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời không?

GÁNH LẤY TỘI LỖI CỦA CHÚNG TA

Again, pause and consider this for a moment, because it is a very telling question. What did you answer?

Một lần nữa, hãy dừng lại và xem xét điều này trong một lúc, vì đó là một câu hỏi rất đáng để hỏi. Bạn đã trả lời như thế nào?

The answer is “No.” They were not doing God’s will. The trial, the condemnation, and the crucifixion were all acts of sins. If they were not acts of sins, why would Jesus ask for forgiveness for those who involved in the mechanics of the crucifixion (Luke 23:34)?

Câu trả lời là “Không”. Họ không hề làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Phiên tòa, sự kết tội, và sự đóng đinh, tất cả đều là hành động của tội lỗi. Nếu chúng không phải là những hành động của tội lỗi, tại sao Chúa Giê-xu lại xin tha thứ cho những kẻ có liên quan đến việc thực hiện đóng đinh Ngài (Lu-ca 23:34)?



Moreover, listen to Stephen’s condemnation of the role of the religious authorities,

Hơn nữa, hãy lắng nghe lời kết tội của Ê-tiên về vai trò của những người lãnh đạo tôn giáo thời bấy giờ,

*You stiff-necked people, with uncircumcised hearts and ears!
You are just like your fathers: You always resist the Holy Spirit!
Was there ever a prophet your fathers did not persecute?
They even killed those who predicted the coming of the Righteous One.
And now you have betrayed and murdered him.
(Acts 7:51-52)*

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Hỡi những người cứng cổ, lòng và tai chưa được cắt bì kia! Quý vị luôn luôn chống lại Đức Thánh Linh. Tổ phụ quý vị thế nào thì quý vị cũng thế ấy! Có nhà tiên tri nào mà tổ phụ quý vị không bắt bớ? Họ thậm chí còn giết những người nói tiên tri về sự hiện đến của Đấng Công Chính, là Đấng mà bây giờ quý vị đã phản bội và giết đi. (Công Vụ 7:51-52).

Stephen is very explicit. The crucifixion was an act of betrayal and murder; it was a manifestation of their resistance against the Holy Spirit. It's impossible to read these verses and conclude that the people who killed Jesus were acting righteously and doing God's will.

Ê-tiên công bố rất rõ ràng. Sự đóng đinh là một hành động phản bội và giết người; đó là một sự bày tỏ về sự ngoan cố của họ chống lại Đức Thánh Linh. Không thể đọc những câu này và kết luận rằng những người đã giết Chúa Giê-xu đang hành động công chính và đang làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

Peter, similarly, is quite clear that the crucifixion was both within God's will, and equally an act of sin by those who killed him:

Tương tự như vậy, Phi-e-rơ nói khá rõ rằng sự đóng đinh đều ở trong ý muốn của Đức Chúa Trời, và cũng phán xét công bằng đối với tội lỗi của những kẻ đã giết Ngài:

This man was handed over to you by God's set purpose and foreknowledge; and you, with the help of wicked men, put him to death by nailing him to the cross. (Acts 2:23)

Ngài đã bị phản nộp theo kế hoạch đã định và sự biết trước của Đức Chúa Trời, và các ông với sự giúp đỡ của những kẻ gian ác đóng đinh Ngài trên thập tự giá và giết đi. (Công Vụ 2:23)

This isn't as much of a conundrum as it might appear at first sight. An act can be sin for those who participate in it, while still being used by God to accomplish his will.

Điều này không phải là một câu hỏi hóc búa như nó có thể thể hiện lúc ban đầu. Một hành động có thể là tội ác đối với những kẻ dự phần vào, trong khi vẫn được Đức Chúa Trời sử dụng để hoàn thành ý muốn của Ngài.

In fact, we may go further. God often uses sinful acts to accomplish purposes that far transcend those acts, purpose out of destruction, beauty out of brutishness. For example, when Joseph was sold to Egypt by his brothers, they were acting out of envy and violent jealousy. Their betrayal was an act of sin, but as an eventual jealousy. Their betrayal was an act of sin, but as an eventual consequence of their action, God rescued them from famine by elevating Joseph to rulership in Egypt. As Joseph said to his brother,

Thật vậy, chúng ta có thể đi xa hơn. Đức Chúa Trời thường sử dụng những hành động tội lỗi để hoàn tất những mục đích chuyển đổi những hành động này, khiến mục đích ra khỏi sự hủy diệt, khiến sự tươi đẹp ra khỏi sự hung ác. Ví dụ, khi Giô-sép bị các anh mình bán đến Ai-cập, họ đang hành động vượt quá sự ghen tị và ghen tuông hung bạo. Sự phản bội của họ là một hành động tội ác, nhưng lại nhờ vào kết quả cuối cùng của hành động của họ, Đức Chúa Trời đã giải cứu họ khỏi nạn đói bằng cách đưa Giô-sép lên nắm quyền toàn cõi Ai-cập. Như Giô-sép đã nói với những người anh của mình.

I am your brother Joseph, the one you sold into Egypt! And now, do not be distressed and do not be angry with yourselves for selling me here, because it was to save lives that God sent me ahead of you. (Gen 45:4-5).

Tôi là Giô-sép, đưa em mà các anh đã bán sang Ai Cập đây. Nhưng bây giờ, các anh đừng tự trách mình vì đã bán tôi sang đây, vì để bảo tồn nhiều mạng sống mà Đức Chúa Trời đã sai tôi đến đây trước các anh. (Sáng 45:4-5).

Just because God accomplished a great purpose in the elevation of Joseph does not mean that their treatment of Joseph was any less sinful. It was indeed sin, and yet equally, God wrought a mighty work through their sin.

Chỉ vì Đức Chúa Trời hoàn tất một mục đích tuyệt vời trong việc nâng Giô-sép lên không có nghĩa là cách cư xử của họ với Giô-sép là kém gian ác hơn. Đó là tội ác thật sự, nhưng vì sự công chính, Đức Chúa Trời đã thực thi công tác quyền năng qua tội lỗi của họ.

In fact, this is the core of the Gospel! Out of death and despair, God brings life and hope. That doesn't make death and despair good, but

THAY ĐỔI CHÚNG TA

the Good News is that God is most powerfully at work when darkness seems everywhere.

Thật vậy, đây là điểm mấu chốt của Phúc Âm! Ra khỏi sự chết và tuyệt vọng, Đức Chúa Trời mang đến sự sống và hy vọng. Điều đó không có nghĩa là không tạo ra sự chết và làm tuyệt vọng người tốt, nhưng Tin Lành là điều mà Đức Chúa Trời bày tỏ quyền năng mạnh mẽ nhất khi bóng tối dường như lan tràn khắp mọi nơi.

Just think about our own lives. If we ask ourselves what experiences have been most formative, most significant, or life-giving to us, the chances are, that many of us would respond (if we were honest) with stories of distress and pain, rather than of ease and relaxation. They would be stories of adversity, rather than of vacation in the Caribbean. That doesn't make distress and pain good, but it helps us to see that it is precisely in those moments that we are most open to the influence of God.

Hãy nghĩ về đời sống của chính chúng ta. Nếu chúng ta hỏi chính mình rằng kinh nghiệm nào là đáng chú ý nhất, là quan trọng nhất, hay mang lại sự sống cho chúng ta, những cơ hội là điều nhiều người trong chúng ta sẽ trả lời (nếu chúng ta trung thực) với những câu chuyện về nỗi đau đớn hay tai họa, hơn là sự nhẹ nhàng và thư thái. Chúng sẽ là những câu chuyện về sự bất hạnh hơn là kỳ nghỉ ở vùng Ca-ri-bê. Điều đó không khiến cho tai họa và đau đớn tốt hơn, nhưng nó giúp cho chúng ta nhìn thấy rằng chính xác trong những khoảnh khắc này chúng ta mở lòng ra nhiều nhất để nhận sự ảnh hưởng của Đức Chúa Trời vào đời sống của chúng ta.

This is the story of salvation.

Đây là câu chuyện của sự cứu rỗi.

Salvation is not through power in influence, through acts of strength and majesty. Whether in our own lives, or in the work of Jesus himself, salvation is through submission and weakness, through humility and poverty.

Sự cứu rỗi không phải qua quyền năng và sự ảnh hưởng, mà là qua hành động của sức mạnh và vinh quang. Nếu trong đời sống của chúng ta, hay trong công tác của chính Chúa Giê-xu, sự cứu rỗi qua sự đầu phục, hạ mình và ra khỏi sự yếu đuối và nghèo đói tâm linh.

This is hard to accept. Whereas much Christian teaching is supported by conventional wisdom, through both positive and negative examples, this teaching runs counter to our every instinct. And yet it is our route to true strength. Here's what Paul says:

Điều này thật khó chấp nhận. Trong khi nhiều sự giảng dạy Cơ Đốc được hỗ trợ bởi sự khôn ngoan thông thường, qua những ví dụ cả tích cực lẫn tiêu cực, sự dạy dỗ này chạy xuyên suốt mọi thiên hướng của chúng ta. Nhưng đó không phải là con đường của chúng ta đến với sức mạnh thật. Đây là điều mà Phao-lô nói:

But [Christ] said to me, "My grace is sufficient for you, for my power is made perfect in weakness." Therefore I will boast all the more gladly about my weaknesses, so that Christ's power may rest on me. That is why, for Christ's sake, I delight in weaknesses, in insults, in hardships, in persecutions, in difficulties. For when I am weak, then I am strong (2 Cor 12:9-10).

Nhưng [Đấng Christ] phán với tôi: "Án điển của Ta đầy đủ cho con, vì sức mạnh của Ta trở nên trọn vẹn trong sự yếu đuối." Vì vậy, tôi rất vui mừng tự hào về những yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Đấng Christ ở trong tôi. Cho nên, vì có Đấng Christ, tôi vui chịu sự yếu đuối, sỉ nhục, túng ngặt, bắt bớ, khốn khó. Vì khi tôi yếu đuối chính là lúc tôi mạnh mẽ. (II Cô 12:9-10).

Consider again the two questions we started with and you will see why it is completely reasonable that they have quite different answers. It was God's will that Christ should submit to death, and at the same time, the people who slew him were committing a despicable act of sin. It was murder.

Hãy xem xét lại hai câu hỏi mà chúng ta đã bắt đầu và bạn sẽ nhìn thấy tại sao hoàn toàn hợp lý rằng chúng có những câu trả lời khá khác biệt. Đó là ý muốn của Đức Chúa Trời rằng Đấng Christ sẽ đầu phục cho đến chết, và vào cùng lúc đó, những người đã giết Ngài đang thực hiện một hành động tội lỗi hèn hạ. Đó là giết người.

It is extremely helpful to distinguish between these two questions when we think about the death of Christ.

Thật là rất hữu ích khi phân biệt giữa hai câu hỏi này khi chúng ta nghĩ về sự chết của Đấng Christ.

Bore our sins
Gánh lấy những tội lỗi của chúng ta

This is quite a profound observation we've made, that the act of the crucifixion was an act of sin.

Đây là một sự nghiên cứu khá sâu sắc mà chúng ta đã thực hiện, rằng hành động đóng đinh là một hành động tội ác.

This observation should cause us to pause before assuming we can take the Old Testament principle of sacrifice and apply it to Jesus, without taking some care that we're not mixing up roles.

Sự nghiên cứu này sẽ khiến chúng ta ngưng lại trước khi cho là chúng ta có thể lấy nguyên tắc về tế lễ chuộc tội trong Cựu Ước và áp dụng điều này cho Chúa Giê-xu, mà không chú ý rằng chúng ta không phải đang trộn lẫn những vai trò.

Let's explore an example from Isaiah 53. You probably know the verse very well, whether from Handel's *Messiah*, or elsewhere:

Hãy nghiên cứu một ví dụ từ Ê-sai 53. Bạn có thể biết rõ câu này, nếu từ Đàng Mê-si-a của Handel, hay một nơi nào đó:

We all, like sheep, have gone astray, each of us has turned to his own way; and the LORD has laid on him the iniquity of us all.
(Is 53:6)

Tất cả chúng ta đều như chiên đi lạc, ai theo đường nấy, Đức Giê-hô-va đã làm cho tội lỗi của tất cả chúng ta đều chất trên Người. (Ê-sai 53:6).

At first this verse seems to suggest a ritual in which Jesus had our sins somehow placed upon him, as if God was making him responsible for our sins, even blaming him. The scapegoat in the Law of Moses is a little like this:

Đầu tiên câu này dường như đề nghị về một nghi lễ mà Chúa Giê-xu đã đặt tội lỗi của chúng ta trên Ngài, như thể Đức Chúa Trời đang bắt Ngài chịu trách nhiệm về tội lỗi của chúng ta, thậm chí đổ lỗi cho Ngài. Vật gánh tội trong Luật Môi-se thì hơi giống như thế này một chút:

[Aaron] is to lay both hands on the head of the live goat and confess over it all the wickedness and rebellion of the Israelites – all their sins – and put them on the goat's head. He shall send the goat away into the desert in the care of a man appointed for the task. The goat will carry on itself all their sins to a solitary place; and the man shall release it in the desert. (Lev 16:21-22).

[A-rôn] đặt cả hai tay trên đầu con dê đực còn sống đó, xưng tất cả gian ác và nổi loạn của dân Y-sơ-ra-ên, mọi vi phạm và tội lỗi của chúng, và chất tất cả lên đầu con dê, rồi giao cho một người được chỉ định cho nhiệm vụ này. Con dê đó sẽ mang trên mình tất cả tội ác của dân Y-sơ-ra-ên được thả vào nơi vắng vẻ trong hoang mạc; và người đó sẽ thả nó trong hoang mạc. (Lê-vi Ký 16:21-22)

This whole passage about the scapegoat seems terribly transactional. The Israelites had to provide a goat, and God would let it carry their sin off into the wilderness. No goat, not forgiveness. Yet as we will see in a later section, God was not the slightest bit interested in the goat itself. Rather, this was the only way God could convey to the people of the time the seriousness of sin.

Cả đoạn Kinh Văn về vật gánh tội này dường như mang nặng tính trao đổi giao dịch. Người Israel phải cung cấp một con dê, và Đức Chúa Trời sẽ để nó mang lấy tội lỗi của họ vào trong đồng vắng. Không có dê, không có sự tha thứ. Nhưng như chúng ta sẽ nhìn thấy trong một phần sau, Đức Chúa Trời không hề mảy may quan tâm đến chính con dê đó. Hơn thế nữa, đây không phải là cách duy nhất Đức Chúa Trời có thể truyền lệnh cho dân sự về tính nghiêm trọng của tội lỗi.

But what of the parallel with Jesus having our sins “laid on” him?

Nhưng điểm tương đồng với việc Chúa Giê-xu phải gánh lấy tội lỗi của chúng ta “đặt trên” Ngài là gì?

The apparent parallel falls apart when we realize that when Aaron performed the Rite of the Scapegoat, he was fulfilling God's command. Performing this rite was an act of righteousness, not an act of sin. Yet we've already seen that except for Jesus, everyone who was engaged in the killing at Golgotha was engaged in an act of sin. It was murder.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Sự tương quan rõ ràng tách biệt khi chúng ta nhận thấy rằng khi A-rôn thực hiện nghi thức về Vật gánh tội, ông đang thực thi mệnh lệnh của Chúa. Thực hiện nghi thức này là một hành động công chính, không phải là hành động tội lỗi. Nhưng chúng ta đã nhìn thấy rằng điều này không đúng trong trường hợp của Chúa Giê-xu, mọi người dính líu vào vụ giết Ngài tại Gô-gô-tha dính líu vào trong một hành động tội lỗi. Đó là giết người.

It turns out that the apparent connection between Isaiah 53 and the scapegoat may be an artifact of the translation of Isaiah. The word *laid* comes from the Hebrew root word *pga* (pronounced pa-gah). Some concordance work shows us that the idea of *pga* is actually that of *meeting* or *encountering* rather than any ritual laying on of hands.

Hóa ra là sự liên kết rõ ràng giữa Ê-sai 53 và vật gánh tội có thể là một sự diễn dịch sai sách Ê-sai. Từ “đặt” đến từ một từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ *pga* (phát âm là pa-gah). Một số sách dẫn cho chúng ta thấy rằng ý nghĩa của chữ *pga* thật sự có nghĩa là *gặp* hay *đương đầu* hơn là bất kỳ nghi thức nào về việc đặt tay lên trên.

So Isaiah 53:6 is likely to be saying something very plain:

Vì thế Ê-sai 53:6 có thể đang nói về điều gì đó rất rõ ràng:

The Lord had him encounter the iniquity of us all.

Đức Giê-hô-va đã khiến Ngài đương đầu với tất cả những tội lỗi của chúng ta.

Jesus “faced” the evil in us all, and was killed in the process. He came into our streets, and faced the gang of evil in our neighborhood. God made him confront the evil of us all.

Chúa Giê-xu “đã đương đầu” với tội lỗi trong tất cả chúng ta, và bị giết trong tiến trình đó. Ngài bước vào trong những con đường của chúng ta, và đối mặt với những tội lỗi ở nơi chúng ta sinh sống. Đức Chúa Trời đã khiến Ngài đối mặt với tất cả tội lỗi của chúng ta.

The same Hebrew word occurs later on in Isaiah 53,

Từ tiếng Hebrew tương tự xuất hiện sau này trong Ê-sai 53,

Therefore I will give him a portion among the great, and he will divide the spoils with the strong, because he poured out his life unto death, and was numbered with the transgressors.

For he bore the sin of many, and made intercession for the transgressors. (Is 53:12)

Vì thế, Ta sẽ chia phần cho Người đồng với những người vĩ đại. Người sẽ chia chiến lợi phẩm với những kẻ mạnh, vì Người đã đổ mạng sống mình cho đến chết, đã bị liệt vào hàng tội nhân, đã mang lấy tội lỗi nhiều người, và cầu thay cho những kẻ phạm tội. (Ê-sai 53:12).

See if you can guess which English word comes from *pga*. I couldn't. It quite surprising: it's the word *intercession*. Without a doubt, meeting can be for the sake of pleading with someone, but there's a much plainer translation that seems possible here, namely,

Hãy xem liệu bạn nghĩ rằng từ tiếng Anh ra từ *pga* là gì. Tôi không thể. Thật khá ngạc nhiên: Đó là từ *cầu thay*. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự gặp gỡ này có thể vì thỉnh cầu với ai đó, nhưng có một phân diễn dịch rõ ràng hơn dường như có thể là,

He bore the sin of many, he met face-to-face with the transgressors.

Ngài mang lấy tội lỗi của nhiều người, Ngài mặt đối mặt với những người tội lỗi.

He bore the sins that the people were committing against him. He took the punishment they were meting out. He bore the full force of their sin. It was our sin – sins of people like us – that killed him. Murder.

Ngài mang lấy tội lỗi mà nhiều người đang phạm chống lại Ngài. Ngài gánh lấy hình phạt mà họ đáng phải nhận lãnh. Ngài gánh lấy hết tội lỗi của họ. Đó là tội lỗi của chúng ta – tội lỗi của những người như chúng ta – đã giết Ngài. Giết người.

*Who offered Jesus as a sacrifice?
Ai đã dâng Chúa Giê-xu như một sinh tế?*

Let's shift to a different question. If Jesus was a sacrifice, who offered him as a sacrifice?

Chúng ta hãy đến với một câu hỏi khác. Nếu Chúa Giê-xu là sinh tế, ai đã dâng Ngài như là một sinh tế?

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Let's consider some possible answers.

Hãy xem xét một vài câu trả lời có thể.

Depending on how we understand the term *sacrifice*, we could say that God offered Jesus as a sacrifice. That is, if sacrifice is understood in the sense of providing, then it was God who provided Jesus.

Dựa vào cách chúng ta hiểu thuật ngữ *sinh tế*, chúng ta có thể nói rằng Đức Chúa Trời đã dâng Chúa Giê-xu như là một sinh tế. Đó là, nếu sinh tế được hiểu theo ý nghĩa cung cấp, thì chính Đức Chúa Trời đã cung cấp Chúa Giê-xu.

For God so loved the world that he gave his one and only Son, that whoever believes in him shall not perish but have eternal life. For God did not send his Son into the world to condemn the world, but to save the world through him (John 3:16-17)

Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời. Vì Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến thế gian không phải để kết án thế gian, nhưng để thế gian nhờ Con mà được cứu. (Giăng 3:16-17).

This was foreshadowed in the story about Abraham offering up Isaac: Đây là hình bóng trong câu chuyện về việc Áp-ra-ham dâng Y-sác làm sinh tế:

Abraham answered, "God himself will provide the lamb for the burnt offering, my son." And the two of them went on together. (Gen 22:8).

Áp-ra-ham đã trả lời: "Con ơi! Chính Đức Chúa Trời sẽ cung cấp chiên con cho tế lễ thiêu." Rồi cả hai cha con cùng tiếp tục đi. (Sáng 22:8)

As God would offer Jesus, so Abraham would offer Isaac. It seems plain that Isaac was a willing sacrifice, and cooperated with Abraham, in that "the two of them went on together." This anticipated what Jesus would do as a willing sacrifice for his Father.

Như Đức Chúa Trời dâng Chúa Giê-xu, vì thế Áp-ra-ham dâng Y-sác. Dường như rõ ràng là Y-sác là một sinh tế sẵn lòng, và đã hiệp

tác với Áp-ra-ham, trong câu “hai người đã đi cùng với nhau”. Điều này tiên đoán rằng Chúa Giê-xu sẽ hành động như là một sinh tế sẵn lòng cho Cha Ngài.

But this is a little abstract. If we understand sacrifice in the sense of the act itself, the actual offering being made, let's consider again: who offered Jesus as a sacrifice?

Nhưng điều này khá trừu tượng. Nếu chúng ta hiểu sinh tế theo ý nghĩa của chính nó, thì sinh tế thật sự phải được đưa ra, hãy xem xét trở lại: Ai đã dâng Chúa Giê-xu như là một sinh tế?

Did you? Did I? No, of course not.

Có phải bạn? Hay tôi? Không, dĩ nhiên là không.

Did the people who were living in Jesus' time? Again, no. We've already seen that their minds were focused on murder, not reconciliation.

Có phải những người đang sống trong thời Chúa Giê-xu không? Một lần nữa, không phải họ. Chúng ta đã nhìn thấy rằng tâm trí của họ tập chú vào việc giết chóc chứ không phải vào việc hòa giải.

There can really be only one answer to the question. It was *Jesus* who offered Jesus as a sacrifice.

Thật sự chỉ có một câu trả lời dành cho câu hỏi này. Đó là chính *Chúa Giê-xu* đã dâng chính Ngài như là một sinh tế.

Live a life of love, just as Christ loved us and gave himself up for us as a fragrant offering and sacrifice to God. (Eph 5:2)

Hãy bước đi trong tình yêu thương như Đấng Christ đã yêu thương chúng ta, đã phó chính mình Ngài vì chúng ta như một lễ vật và sinh tế tỏa ngát hương thơm dâng lên Đức Chúa Trời. (Ê-phê-sô 5:2)

That act of submission was the *one act of righteousness* that was taking place in those events at Golgotha. Everyone else involved in the killing that day was engaged in raw sin. Murderous intent.

Hành động đầu phục là *một hành động công chính* đã diễn ra trong những sự kiện đó tại đồi Gô-gô-tha. Bất cứ người nào có liên quan đến việc giết hại trong ngày đó đều phạm tội hết. Có ý giết người.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

No excusing sin *Tội lỗi không thể tha thứ được*

Okay, so it was murder. Then what effect can the death of Jesus have on us?

Được rồi, đó là giết người. Thế thì cái chết của Chúa Giê-xu có ảnh hưởng gì trên chúng ta?

There are many. For a start, it shows us the utter destructiveness of sin.

Có rất nhiều. Đầu tiên, điều này cho chúng ta thấy sự hủy phá rõ rệt của tội lỗi.

We see the most righteous, the most beautiful, the most lovely man that ever lived; and law abiding, religious, ethical people – people like you and me – murdered him!

Chúng ta nhìn thấy con người đáng yêu nhất, đẹp đẽ nhất, công chính nhất đã từng sống trên đời; những con người đạo đức, mộ đạo và giữ luật pháp – những con người như bạn và tôi – đã giết chết Ngài!

That should be shocking!

Điều này thật đáng kinh ngạc!

It wasn't as if he went into the worst district of the worst town, and faced a gang of thieves who jumped on him and slew him. It was Roman and Jew, civilized and religious people who decided that this man is better dead than alive, Jesus' very life showed them up for what they were, and they couldn't take it. These people, people who were like us, didn't just kill him despite his sinlessness. They killed him *because* he was sinless. He had not the slightest flaw, so they rejected him. It tells us that people like us are actually opposed to true good.

Điều này không giống như là việc Ngài đã bước vào một khu phố tồi tệ nhất của thị trấn tồi tệ nhất, và đối mặt với một nhóm trộm cướp đã nhẩy xổ vào Ngài và sát hại Ngài. Đó là La-mã và Do Thái, những con người mộ đạo và văn minh đã quyết định rằng người này tốt hơn là phải giết chết hơn là để cho sống. Mỗi chi tiết trong đời sống của Chúa Giê-xu đã cho họ thấy họ là gì và họ không thể chấp nhận điều đó. Những người này, những người giống như chúng ta, đã không chỉ giết chết Ngài dù rằng Ngài vô tội. Họ đã giết chết Ngài vì Ngài

vô tội. Ngài không phạm một tội nào dù nhỏ nhất, vì thế họ đã chối bỏ Ngài. Điều này nói cho chúng ta biết rằng những con người như chúng ta thật sự luôn muốn chống đối với điều lành thật sự.

If that doesn't tell us about the sinfulness of sin, we haven't really thought about it.

Nếu điều đó không nói với chúng ta về sự gian ác của tội lỗi, chúng ta thật sự đã không nghĩ về nó.

As disciples, we are holy people. I don't mean in a self-righteous sense; but holy when we let the holiness of our Lord be upon us, allowing his love and peace to reflect itself in practice in our lives. Yet we still have sin within us. We still have temptation; we still have the tendency to sin. You know it, and so do I. The death of Christ forces us to admit that even in people who desire to be holy, sin is still a powerful force. It's incredibly destructive.

Như những môn đồ, chúng ta là những con người thánh. Tôi không muốn nói đến ý nghĩa tự xưng công bình; nhưng thánh khi chúng ta để sự thánh khiết của Chúa chúng ta trên chúng ta, để tình yêu và sự bình an phản ánh chính nó trong thực tế đời sống của chúng ta. Nhưng chúng ta vẫn có tội ác trong chúng ta. Chúng ta vẫn có sự cám dỗ; chúng ta vẫn có khuynh hướng phạm tội. Bạn biết điều đó, và tôi cũng vậy. Cái chết của Đấng Christ buộc chúng ta phải thừa nhận rằng thậm chí trong những con người khao khát trở nên thánh, tội lỗi vẫn có một sức mạnh rất dữ dội. Nó có khả năng hủy diệt không ai có thể ngờ được.

We have a tendency to say, "Oh yes, but this sin of mine isn't so bad; I know those sins over there are really bad and I would never do those, but these sins of mine, they're not so bad".

Chúng ta có khuynh hướng hay nói rằng, "ồ vâng, nhưng tội này của tôi không đến nỗi tệ lắm; tôi biết những tội ở đó thật sự còn tệ hại hơn và tôi sẽ không bao giờ phạm những tội đó đâu, nhưng những tội này của tôi, chúng không nặng lắm!"

That's exactly how the governmental and religious communities of Jesus' day felt and behaved. They could easily condemn all sorts of sins and destructive behaviors. Then they took the most wonderful man that has ever lived...

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đó chính xác là cách mà cộng đồng tôn giáo và giới chức thời Chúa Giê-xu đã cảm nhận và hành xử như vậy. Họ có thể dễ dàng kết án tất cả mọi loại tội lỗi và những hành vi hủy phá. Sau đó họ đã đem một người tuyệt vời nhất mà lẽ ra phải để cho sống...

... and they killed him!

... và họ đã giết Ngài!

Jesus himself makes this point. When the women are weeping at the sight of him carrying his cross, he turns to them and says:

Chính Chúa Giê-xu cũng chỉ ra điểm này. Khi những người phụ nữ đang khóc lóc khi nhìn thấy Ngài mang lấy thập tự giá của Ngài, Ngài quay lại nhìn họ và nói:

Daughters of Jerusalem, do not weep for me; weep for yourselves and for your children. [...] For if men do these things when the tree is green, what will happen when it is dry? (Luke 23:28-31)

Hỡi con gái Giê-ru-sa-lem, đừng khóc về Ta, mà hãy khóc về chính các người và con cái các người. [...] Vì nếu cây xanh mà người ta còn đối xử như thế thì cây khô sẽ ra sao? (Lu-ca 23:28-31).

He is quite clear: even when times are good, people like us can fall into destructive acts; how much worse do we get when things are tough!

Ngài khá rõ ràng: thậm chí vào những lúc tốt nhất, con người như chúng ta có thể rơi vào những hành động hủy diệt; chúng ta sẽ tệ hại đến mức nào khi mọi thứ trở nên khốn khó hơn!

We are left with no excuse about the sinfulness of sin. The little sins that I do, the little sins that you do: where will they lead? The sin may be quite mild, we think. No big deal, we think. How wrong we are.

Chúng ta không thể được tha thứ về sự gian ác của tội lỗi. Những tội nhỏ mà tôi đã làm, những tội nhỏ mà bạn đã làm: chúng sẽ đưa chúng ta đến đâu? Chúng ta có thể nghĩ, tội này khá nhẹ mà. Chúng ta nghĩ, có gì lớn lao đâu. Chúng ta thật sự quá sai lầm!

Even those who genuinely desired to be righteous forsook him. All were complicit in his death.

Thậm chí với những người thật sự khao khát trở nên công chính cũng đã bỏ rơi Ngài. Tất cả đều đồng lõa với nhau trong cái chết của Ngài.

Consider Nicodemus. He was there in the Sanhedrin council the night Jesus was on trial for his life. He was a supporter of Jesus, but secretly, because he was afraid of the politics of the council. By remaining secretive, the most he may have managed to do was to interfere enough with the farce of a trial so that it took all night. He was not willing to stand up and say, “This is wrong!” Because of his cowardice, and the cowardice of the others, that man was slain.

Hãy xem xét trường hợp của Ni-cô-đem. Ông ta đang ở đó tại Tòa Công Luận vào đêm mà Chúa Giê-xu bị xử án tử. Ông là một người ủng hộ Chúa Giê-xu nhưng kín nhiệm, vì ông ta sợ giới chức chính trị. Bằng cách giữ bí mật đó, điều lớn nhất mà ông có thể đã làm là can thiệp đủ với trò hề của phiên tòa để nó kéo dài suốt cả đêm. Ông đã không sẵn sàng đứng lên và nói rằng, “điều này là sai lầm!” Bởi vì sự hèn nhát của ông, và sự hèn nhát của những người khác nữa, Người đó đã bị giết chết.

It was no big sin, right?

Đó không phải là tội ác lớn, đúng không nào?

I think Nicodemus understood how great a sin it was. I think he felt the personal shame profoundly (John 19:38-42).

Tôi nghĩ về Ni-cô-đem đã hiểu tội lỗi lớn tới mức nào. Tôi nghĩ chính bản thân ông cũng đã cảm thấy rất xấu hổ về điều này (Giăng 19:38-42).

Summary

Tóm tắt

The crucifixion was an act of murder – an act of sin – even though God asked Jesus to endure it. He faced and bore the full force of our sins, and left us in no doubt about the destructiveness of sin. We can no longer make excuses for our behavior.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đóng đinh là một hành động giết người – một hành động của tội lỗi – mặc dù Đức Chúa Trời đã bảo Chúa Giê-xu gánh lấy điều này. Ngài đối mặt và gánh lấy tất cả những tội lỗi của chúng ta, và để chúng ta không còn vắn vường gì hết về sự hủy diệt của tội lỗi. Chúng ta không còn phải chịu tội vì những hành vi của chúng ta nữa.

Discussion

Thảo Luận

1. This section presented arguments that the killing of Jesus was an act of sin. Discuss whether you were convinced by them or not.
1. Chương này đã trình bày những tranh luận rằng việc giết Chúa Giê-xu là một hành động tội lỗi. Hãy thảo luận là liệu bạn có bị thuyết phục bởi những tranh luận này hay không.
2. Why was Jesus murdered? What do the motivations of Jesus' enemies teach you about yourself?
2. Tại sao Chúa Giê-xu bị giết? Động cơ của kẻ thù Chúa Giê-xu dạy bạn điều gì về chính bạn?
3. In what circumstances do you find yourself excusing your sin?
3. Trong những hoàn cảnh nào bạn nhận thấy rằng chính mình biện minh cho tội lỗi của chính mình?
4. Read the following quotation from Romans. To what extent is Paul's experience reflected in your own life?
4. Hãy đọc trích dẫn sau từ Sách Rô-ma. Kinh nghiệm của Phao-lô đã phản ánh điều gì trong đời sống của chính bạn?

What shall we say, then? Is the law sin? Certainly not! Indeed I would not have known what sin was except through the law. For I would not have known what coveting really was if the law had not said, "Do not covet". But sin, seizing the opportunity afforded by the commandment, produced in me every kind of covetous desire. For apart from law, sin is dead. Once I was alive apart from law; but when the commandment came,

sin sprang to life and I died. I found that the very commandment that was intended to bring life actually brought death. For sin, seizing the opportunity afforded by the commandment, deceived me, and through the commandment put me to death.

Vậy chúng ta sẽ nói làm sao? Luật pháp là tội lỗi sao? Chẳng hề như vậy! Nhưng nếu không nhờ luật pháp thì tôi không biết đến tội lỗi. Nếu luật pháp không nói: “Ngươi chớ tham lam” thì tôi đã không biết tham lam là gì. Nhưng tội lỗi đã nắm lấy cơ hội trong điều răn, khơi dậy trong tôi đủ mọi thứ tham dục, vì không có luật pháp thì tội lỗi chết. Trước kia, không có luật pháp thì tôi sống; nhưng khi có điều răn thì tội lỗi lại sống, còn tôi thì chết; lẽ ra điều răn đem sự sống đến cho tôi lại đưa tôi đến sự chết. Vì tội lỗi nắm lấy cơ hội, dùng điều răn lừa dối tôi và nhân đó giết chết tôi.

So I find this law at work: When I want to do good, evil is right there with me. For in my inner being I delight in God's law; but I see another law at work in the members of my body, waging war against the law of my mind and making me a prisoner of the law of sin at work within my members. What a wretched man I am! Who will rescue me from this body of death? Thanks be to God – through Jesus Christ our Lord! (Rom 7:7-11, 21-25)

Bởi vậy, tôi khám phá ra luật này: Khi tôi muốn làm điều thiện thì điều ác bám theo tôi, Vì trong thâm tâm, tôi rất vui thích luật pháp của Đức Chúa Trời; nhưng tôi cảm biết trong chi thể tôi có một luật khác giao chiến với luật trong tâm trí tôi, bắt tôi phải làm nô lệ cho luật của tội lỗi, là luật ở trong chi thể tôi. Khốn nạn cho tôi! Ai sẽ giải cứu tôi khỏi thân thể hay chết này. Cảm tạ Đức Chúa Trời, nhờ Đức Chúa Giê-xu Christ, là Chúa chúng ta! (Rô-ma 7:7-11, 21-25).

Resurrection

Sự Sống Lại

Earlier we proposed that the *actual physical death of Christ released no metaphysical principle of salvation*. That is, there was no magic associated with the act, no transaction that took place in heaven that fulfilled some prerequisite or previous requirement God had for salvation. Instead, we proposed that,

Trước đây chúng ta đã đề nghị rằng *cái chết thuộc thể thật sự của Đấng Christ không bày tỏ nguyên tắc siêu hình của sự cứu rỗi*. Đó là, không có một điều kỳ lạ gì liên quan đến hành động này, không có một giao dịch nào diễn ra trên thiên đàng thành toàn một số yêu cầu tiên quyết hay trước tiên mà Đức Chúa Trời dành cho sự cứu rỗi. Thay vào đó, chúng ta đã đề nghị rằng,

- His death is supposed to have a profound and transforming effect on us, and
- Sự chết của Ngài được cho là có một ảnh hưởng biến đổi và sâu sắc trên chúng ta và
- His personal sacrifice played a major role in the development and perfecting of Christ himself.
- Của lễ hy sinh bằng chính thân thể của Ngài đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển và thành toàn của chính Đấng Christ.

In this section we'll further explore the core idea that nothing mystical or magical transpired at the moment of Jesus death to secure our salvation. Again, I understand this is likely to be a troubling idea to many of us. I encourage you nonetheless to keep your hearts and minds open to the scriptures we will explore.

Trong phần này chúng ta sẽ khám phá thêm ý nghĩa chính yếu mà không có một yếu tố mang tính bí ẩn hay kỳ lạ nào xảy ra vào lúc Chúa Giê-xu chết để đảm bảo sự cứu rỗi cho chúng ta. Một lần nữa, tôi hiểu điều này có thể là một ý tưởng gây rắc rối cho nhiều người trong chúng ta. Tuy nhiên tôi khuyến khích bạn hãy để tâm lòng và tâm trí của bạn mở ra khi nghiên cứu những đoạn Kinh Thánh mà chúng ta sẽ khám phá.

Death and life
Sự chết và sự sống

Look at Romans 4:25, the first part of the verse.

Hãy xem Rô-ma 4:25, phần đầu tiên của câu Kinh Thánh.

He was delivered over to death for our sins.

Ngài đã bị nộp để chịu chết vì tội lỗi của chúng ta

First, note that it doesn't say he was sacrifice; just that he was delivered over to death. Second, in light of the last section, I'd like to suggest that we should understand this as: *he was killed by our sins*. It was no act of righteousness to put Jesus to death, any more than it was an act of righteousness to betray him. "*The Son of Man must go as the Scriptures have said but woe unto that man,*" says Jesus (Matt 26:24). It was the same with the death on the cross. Sinners killed Jesus through acting sinfully. Literally.

Đầu tiên, xin chú ý rằng câu Kinh Thánh này không nói rằng Ngài là sinh tế; chỉ là Ngài đã bị nộp để chịu chết. Thứ hai, trong ánh sáng của phần sau, tôi muốn đề nghị rằng chúng ta nên hiểu điều này như sau: *Ngài bị giết bởi những tội lỗi của chúng ta*. Không có hành động nào là công chính khi đưa Chúa Giê-xu đến với cái chết, không có hành động gì là công chính khi phản bội Ngài. "*Con Người đi như điều ta đã chép về Ngài, nhưng khôn thay cho kẻ phản Con Người!*" Chúa Giê-su phán (Ma-thi-ơ 26:24). Điều này tương tự như sự chết trên thập tự giá. Những tội nhân đã giết chết Chúa Giê-xu qua hành động tội lỗi. Nghĩa đen hoàn toàn.

Of course, when I say that he was killed by our sins, I don't mean it was literally my personal sins, or your personal sins that killed him.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

But it was literally the sinful acts of people who were just like us. It was our kind of sins that killed him.

Dĩ nhiên, khi tôi nói rằng Ngài bị giết chết bởi tội lỗi của chúng ta, tôi không muốn nói nghĩa đen đó là tội lỗi của cá nhân tôi, hay cá nhân bạn đã giết chết Ngài. Nhưng về nghĩa đen thì đó là những hành động tội lỗi của con người giống như chúng ta. Đó là loại tội lỗi của chúng ta đã giết chết Ngài.

So now let's go back, and look at the whole verse:

Vì thế giờ đây hãy trở lại, và nhìn vào nguyên câu:

He was delivered over to death for our sins, he was raised to life for our justification (Rom 4:25)

Ngài đã bị nộp để chịu chết vì tội lỗi chúng ta, và sống lại để chúng ta được xưng công chính. (Rô-ma 4:25).

What an interesting counterpoint! Delivered to death for our sin, raised to life for our justification. Peter echoes the pattern

Một cách đối âm thú vị làm sao! Ngài bị nộp để chịu chết vì tội lỗi của chúng ta, được sống lại vì sự công chính cho chúng ta. Phi-e-rô cũng nói như vậy

You killed the author of life, but God raised him from the dead. (Acts 3:15)

Anh em đã giết Chúa của sự sống, nhưng Đức Chúa Trời đã khiến Ngài từ cõi chết sống lại (Công Vụ 3:15).

It's the same pattern. We are responsible for the death, but God is responsible for the life.

Câu này cũng tương tự. Chúng ta chịu trách nhiệm cho sự chết, nhưng Đức Chúa Trời chịu trách nhiệm cho sự sống.

Yet Paul seems to go further in Romans 4:25. Paul seems to be saying that Jesus was killed because of sinfulness, but that he was raised in order to save us – justification means essentially the same as salvation: it is an assessment by God that we are righteous before him.

Nhưng Phao-lô dường như đi xa hơn trong Rô-ma 4:25. Phao-lô

dường như đang nói rằng Chúa Giê-xu bị giết chết vì tội lỗi, nhưng Ngài được cất lên để cứu chúng ta - xưng công chính có một ý nghĩa rất quan trọng như sự cứu rỗi: Đó là một sự đánh giá bởi Đức Chúa Trời rằng chúng ta trở nên công chính trước mặt Ngài.

Maybe this is just an accidental turn of phrase, just Paul's style of speaking. Perhaps we shouldn't read too much into it? But in fact, it seems as though Paul's choice of words reflect a real intent. These words echo a principle that many other passages make quite clear.

Có thể đây là một sự thay đổi cụm từ thỉnh thoảng thường gặp, như phong cách kể chuyện của Phao-lô. Có lẽ chúng ta đừng nên quá tập chú vào trong điều này? Nhưng thật vậy, dường như là sự chọn lựa từ của Phao-lô phản ánh một ý định thật sự. Những từ này nói lên một nguyên tắc mà nhiều đoạn Kinh Thánh khác làm khá rõ ý nghĩa.

Jesus death is not the whole story

Sự chết của Chúa Giê-xu không phải là toàn bộ câu chuyện

1 Corinthians 15 is one of those passages. I've been reading it all my life, yet there's a verse here that I'd never noticed for the longest time! At least, I had never read carefully enough to take on board what is actually says. It is right in the middle of the section explaining how important the resurrection of Christ is.

I Cô-rinh-tô 15 là một trong những đoạn Kinh Thánh này. Tôi đã đọc nó suốt đời tôi, nhưng có một câu ở đây mà tôi chưa bao giờ nhận ra trong một thời gian dài nhất! Ít nhất, tôi chưa đọc kỹ đủ để nhận biết điều mà đoạn Kinh Thánh này thật sự nói đến. Thật đúng đắn trong giữa phần này đã giải thích tầm quan trọng về sự sống lại của Đấng Christ là gì.

If Christ is not raised, your faith is futile, you are still in your sins. (1 Cor 15:17)

Nếu Đấng Christ không sống lại thì đức tin của anh em cũng vô ích, và anh em vẫn còn ở trong tội lỗi. (1 Cô 15:17).

Whoa! Of Christ has not been raised... we are still in our sins. This verse implies that the death of Jesus *is not sufficient to bring forgiveness!* The death only is not enough.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Ồ! Nếu Đấng Christ không sống lại... chúng ta vẫn còn ở trong tội lỗi của chúng ta. Câu này ám chỉ rằng sự chết của Chúa Giê-xu *không đủ để mang đến sự tha thứ!* Chỉ duy sự chết thì không đủ.

Pause for a moment and see for yourself that it follows. If the resurrection is necessary to rescue the Corinthians from their sins, then the death alone cannot have been sufficient. See what I mean?

Hãy dừng lại một chút và suy gẫm cho chính mình về điều theo sau đây. Nếu sự sống lại là điều cần thiết để cứu Hội Thánh Cô-rinh-tô khỏi tội lỗi, thì chỉ sự chết mà thôi thì có thể không đầy đủ. Hãy xem điều tôi muốn nói là gì?

If the substitution theory was literally true, and the death of Christ has paid our debt and freed us, then this verse would make no sense. Under substitution, the death of Christ is sufficient to release us from our sins. But this verse says that the resurrection of Christ is also necessary, otherwise we are still in our sins.

Nếu thuyết thay thế đúng về mặt nghĩa đen, và sự chết của Chúa Giê-xu đã trả nợ cho chúng ta và giải thoát chúng ta, thì câu này sẽ không có ý nghĩa. Theo quan điểm thay thế, sự chết của Đấng Christ là đầy đủ để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi. Nhưng câu này nói rằng sự sống lại của Đấng Christ cũng rất cần thiết, nếu không thì chúng ta vẫn còn ở trong những tội lỗi của chúng ta.

To put it another way, *this verse alone* is insufficient to establish that substitution is an inadequate model of salvation. Instead, this verse tells us that there is something about the *resurrection of Christ* that frees us from our sins.

Xem xét theo một cách khác, *chỉ duy câu này* là đầy đủ để cho thấy rằng thuyết thay thế là một hình mẫu về sự cứu rỗi không đầy đủ. Thay vào đó, câu này cho chúng ta biết rằng có điều gì đó trong *sự sống lại của Đấng Christ* đã giải thoát chúng ta khỏi những tội lỗi của chúng ta.

Isn't it a fascinating verse?! I'd never noticed it before!

Đó không phải là một câu Kinh Thánh tuyệt vời sao! Thế mà tôi chưa bao giờ nhận ra điều này trước đây!

Jesus' resurrection is essential
Sự sống lại của Chúa Giê-xu là rất cần thiết

Maybe it's just Paul who states things this way? But no, it's not. Let's look at Peter, another famous chapter, another verse that we possibly read frequently.

Có thể không chỉ có Phao-lô công bố những điều này theo cách này? Nhưng không, không phải như vậy. Hãy nhìn vào Phi-e-rơ, một chương nổi tiếng, một câu nổi tiếng khác mà chúng ta có thể đọc một cách thường xuyên.

This water symbolizes baptism that now saves you also, not the removal of dirt from the body, but the pledge of a good conscience towards God. It saves you by the resurrection of Jesus Christ. (1 Pet 3:21)

Báp-têm ngày nay là biểu tượng của điều đó để cứu anh em; báp-têm không phải là sự cất bỏ ô uế khỏi thân thể mà là lời nguyện ước với Đức Chúa Trời từ một lương tâm trong sáng, điều này cứu anh em qua sự sống lại của Đức Chúa Giê-xu Christ. (1 Phi 3:21)

Does baptism save us by the death of Jesus Christ? No, says Peter. It saves us by the *resurrection* of Jesus Christ.

Có phải báp-têm cứu chúng ta qua sự chết của Chúa Giê-xu Christ? Không, Phi-e-rơ nói. Báp-têm cứu chúng ta bởi *sự sống lại* của Chúa Giê-xu Christ.

So again, the resurrection of Christ is directly associated with our salvation. He was killed through our sin – as a direct consequence of sin – but God raised him to life to save us. He was raised to justify us, to make us free. Baptism saves us through the resurrection of Jesus Christ. Without that resurrection, we are still in our sins.

Vì thế một lần nữa, sự sống lại của Đấng Christ có liên quan trực tiếp đến sự cứu rỗi của chúng ta. Ngài bị giết qua tội lỗi của chúng ta – như là một hậu quả trực tiếp của tội lỗi – nhưng Đức Chúa Trời đã đưa Ngài sống lại để cứu chúng ta. Ngài sống lại để xưng công bình cho chúng ta, khiến cho chúng ta trở nên tự do. Báp-têm cứu chúng ta qua sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Không có sự sống lại đó, chúng ta vẫn còn ở trong những tội lỗi của chúng ta.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

All of these passages have a common thread. If Jesus had stayed dead, there would be no salvation, no forgiveness of sins. Instead, they say that the power of salvation comes from his resurrection.

Tất cả những đoạn này có một điểm chung. Nếu Chúa Giê-xu vẫn còn ở trong sự chết, thì sẽ không có sự cứu rỗi, không có sự tha thứ tội lỗi. Thay vào đó, chúng ta nói rằng quyền năng của sự cứu rỗi đến từ sự sống lại của Ngài.

How does this work? In what way does power come from the resurrection? Should we start looking for a legal principle or an alternative transaction associated with resurrection?

Công tác này đã được thực thi như thế nào? Quyền năng đến từ sự sống lại bằng cách nào? Chúng ta nên bắt đầu tìm ra một nguyên tắc hợp lý hay một sự trao đổi thay thế liên quan đến sự sống lại?

I think that would be a mistake.

Tôi nghĩ đó sẽ là một sai lầm.

Here's a longer passage about salvation in Paul's letter to Titus. As you read this account, note which aspects Paul chooses to emphasize, and which don't even get a mention here.

Đây là một đoạn dài hơn về sự cứu rỗi trong Thư Phao-lô gửi cho Tít. Khi bạn đọc chứng có này, hãy chú ý những khía cạnh mà Phao-lô chọn để nhấn mạnh, và những điều thậm chí không hề được đề cập đến ở đây.

At one time we too were foolish, disobedient, deceived and enslaved by all kinds of passions and pleasures. We lived in malice and envy, being hated and hating one another. But when the kindness and love of God our Savior appeared, he saved us, not because of righteous things we had done, but because of his mercy.

Trước đây chúng ta cũng ngu muội, không vâng phục, bị lừa dối, nô dịch cho đủ thứ dục vọng và lạc thú. Chúng ta sống trong sự gian ác, ghen tị, đáng ghét và thù hận nhau. Nhưng khi lòng nhân từ và tình yêu của Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta, được bày tỏ thì Ngài cứu chúng ta, không phải bởi việc công chính chúng ta đã làm, nhưng bởi lòng thương xót của Ngài.

He saved us through the washing of rebirth and renewal by the Holy Spirit, whom he poured out on us generously through Jesus Christ our Savior, so that, having been justified by his grace, we might become heirs having the hope of eternal life. This is a trustworthy saying. And I want you to stress these things, so that those who have trusted in God may be careful to devote themselves to doing what is good. These things are excellent and profitable for everyone. (Titus 3:3-8)

Ngài đã cứu chúng ta qua việc thanh tẩy của sự tái sinh và đổi mới của Đức Thánh Linh, là Đấng mà Ngài đã tuôn đổ dồi dào trên chúng ta bởi Đức Chúa Giê-xu Christ, Cứu Chúa chúng ta, để chúng ta nhờ ân điển Ngài mà được xưng công chính, trở nên người thừa kế niềm hy vọng về sự sống đời đời. Đây là lời chắc chắn. Ta muốn con nhấn mạnh những điều đó, để những ai đã tin Đức Chúa Trời thì chính họ sẽ chú tâm vào việc lành. Đó là điều tốt đẹp và ích lợi cho mọi người. (Tit 3:3-8)

Perhaps pause at this point, and list the points Paul makes. What did you notice?

Có lẽ hãy dừng ở điểm này, và liệt kê những điều mà Phao-lô nói. Bạn nhận ra điều gì?

Here's a quick list: we used to be destructive, through kindness and love God saved us; it was an act of mercy and not something we earned; it involved renewal; the Holy Spirit is poured on us generously through Jesus; and we are heirs of eternal life.

Đây là một danh sách lướt qua: chúng ta đã từng là những con người hư mất; qua sự nhân từ và tình yêu mà Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta; đó là một hành động thương xót chứ không phải ở điều gì mà chúng ta có được; điều này có liên quan đến sự đổi mới; Đức Thánh Linh được tuôn đổ trên chúng ta dư dật qua Chúa Giê-xu; và chúng ta là những người thừa hưởng sự sống đời đời.

Now here's a point to notice: even though Paul is describing the process of our salvation in some detail, *he doesn't mention Jesus' death!*

Bây giờ có một điểm cần chú ý: Dù Phao-lô đang miêu tả về tiến trình của sự cứu rỗi chúng ta trong một vài chi tiết nào đó, nhưng ông không hề đề cập đến sự chết của Chúa Giê-xu!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

If salvation occurred through a transactional process, then this would be inexplicable. Paul couldn't have left out the one absolutely critical step. On the other hand, if the work of salvation is a process of transformation, a process in which we are changed, then this list is exactly what we would expect.

Nếu sự cứu chuộc xảy ra qua một tiến trình trao đổi, thế thì điều này sẽ không thể giải thích được. Phao-lô không thể nào có thể bỏ qua một bước cực kỳ quan trọng như vậy được. Mặc khác, nếu công tác cứu rỗi là một tiến trình biến đổi, một tiến trình mà nhờ đó chúng ta được thay đổi, thế thì danh sách này là chính xác với điều mà chúng ta mong đợi.

I think it is very instructive.

Tôi nghĩ điều này rất đáng để chúng ta học hỏi.

Now, please don't infer from any of this that Jesus' death is not important. The emphasis we have placed on the resurrection throughout this whole chapter is not intended to deny the impact or significance of his death. Given Paul's other writings, it is clear that he is totally in awe of Golgotha. The only point I am trying to make is that his death is not the sole fulcrum on which our salvation hinges. His resurrection, in particular, is equally important.

Giờ đây xin đừng suy luận bất cứ điều gì rằng sự chết của Chúa Giê-xu là không quan trọng. Sự nhấn mạnh mà chúng ta đặt vào sự phục sinh qua toàn bộ chương này không nhằm để phủ nhận ảnh hưởng hay tầm quan trọng của sự chết của Ngài. Hãy xem những tài liệu khác mà Phao-lô đưa ra, rõ ràng là Ngài hoàn toàn ở trong sự sợ hãi nơi Gô-gô-tha. Điểm duy nhất mà tôi đang cố gắng làm rõ là sự chết của Ngài không phải là phương tiện duy nhất mà sự cứu rỗi của chúng ta chỉ xoay quanh đó. Sự sống lại của Ngài, đặc biệt, cũng quan trọng tương tự.

In future sections we will see that the role of Christ's resurrection is quite simple: we need a living Lord! We cannot succeed with a dead Jesus. We need a savior who works in our lives day by day as our mentor, our high priest and guide. Christ died because of me. Now, he lives for me.

Trong những phần tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét vai trò của sự sống lại của Đấng Christ là khá đơn giản: chúng ta cần một Đức Chúa

Trời hằng sống! chúng ta không thể thành công với một Chúa Giê-xu chết. Chúng ta cần một Đấng hành động trong đời sống của chúng ta ngày này qua ngày khác như một Đấng chỉ dẫn, thầy tế lễ thượng phẩm, người dẫn đường cho chúng ta. Đấng Christ đã chết vì tôi. Giờ đây, Ngài sống lại vì tôi.

As Jesus himself says on the night he was betrayed:

Như chính Chúa Giê-xu nói trong đêm Ngài bị phản nộ:

Before long the world will not see me any more, but you will see me. Because I live, you also will live. (John 14:19)

Không bao lâu, thế gian sẽ chẳng còn thấy Ta nữa, nhưng các con sẽ thấy Ta. Vì Ta sống thì các con cũng sẽ sống. (Giăng 14:19)

It is not, “Because I die, you will live.” It is, “Because I live, you also will live.”

Không phải là, “vì Ta chết, các con sẽ sống”. Mà là “Vì Ta sống, các con cũng sẽ sống”

I am deeply moved at the simplicity of these words. They are just so beautiful.

Tôi cảm động thật sâu xa khi hiểu ra những lời này. Những lời này quá đỗi tuyệt vời.

Summary

Tóm tắt

If Jesus had stayed death, then we would still be in our sins. He was raised from the death by his Father so that we too might walk in newness of life. We are rescued through his resurrection, because we need a living Lord.

Nếu Chúa Giê-xu đã chết, thì chúng ta sẽ vẫn còn ở trong tội lỗi của chúng ta. Ngài đã sống lại từ cõi chết nhờ vào Cha Ngài để chúng ta cũng có thể bước vào một đời sống mới. Chúng ta được cứu nhờ Ngài Phục Sinh, bởi vì chúng ta cần một Đức Chúa Trời hằng sống.

Discussion

Thảo Luận

1. Look again at each of the verses quoted in this chapter. Discuss what implications you understand from them.
1. Hãy xem xét trở lại mỗi câu được trích trong chương này. Hãy thảo luận những ngụ ý mà bạn hiểu từ những câu Kinh Thánh này.
2. How does your understanding of salvation change seeing Christ's resurrection as an integral part of the process?
2. Sự hiểu biết của bạn về sự cứu rỗi của bạn thay đổi như thế nào khi nhìn sự sống lại của Đấng Christ như là một phần không thể tách rời của tiến trình này?
3. Read Acts 17:31. Discuss how the resurrection of Jesus could provide evidence that God has set a day in which Jesus will be the judge of the world.
3. Hãy đọc Công Vụ 17:31. Hãy thảo luận sự sống lại của Chúa Giê-xu có thể cung cấp bằng chứng như thế nào rằng Đức Chúa Trời đã thiết lập một ngày mà Chúa Giê-xu sẽ là Đấng Phán Xét thế giới này.
4. Read the following passage from Romans together:
4. Hãy đọc đoạn Kinh Thánh từ sách Rô-ma cùng với nhau:

Or don't you know that all of us who were baptized into Christ Jesus were baptized into his death? We were therefore buried with him through baptism into death in order that, just as Christ was raised from the death through the glory of the Father, we too may live a new life.

Anh em không biết rằng tất cả chúng ta đều đã chịu báp-têm trong Đấng Christ Giê-xu, tức là chịu báp-têm trong sự chết của Ngài sao? Vậy, bởi báp-têm, chúng ta đã được chôn vào trong sự chết với Ngài, để rồi như Đấng Christ nhờ vinh quang của Cha được sống lại từ cõi chết thế nào thì chúng ta cũng được sống trong đời mới thế ấy.

If we have been united with him like this in his death, we will certainly also be united with him in his resurrection. For we know that our old self was crucified with him so that the body of sin might be done away with, that we should no longer be slaves to sin – because anyone who has died has been freed from sin.

Vì nếu chúng ta đã được hiệp nhất với Ngài như trong sự chết của Ngài, thì chắc chắn chúng ta cũng sẽ được hiệp nhất với Ngài trong sự sống lại của Ngài. Chúng ta biết rằng con người cũ của chúng ta đã cùng bị đóng đinh vào thập tự giá với Ngài, để con người tội lỗi bị tiêu diệt, và chúng ta không còn làm nô lệ cho tội lỗi nữa. Vì ai đã chết thì được giải thoát khỏi tội lỗi.

Now if we died with Christ, we believe that we will also live with him. For we know that since Christ was raised from the death, he cannot die again; death no longer has mastery over him. The death he died, he died to sin once for all; but the life he lives, he lives to God.

Nhưng nếu chúng ta đã cùng chết với Đấng Christ thì chúng ta tin rằng mình cũng sẽ cùng sống với Ngài. Vì chúng ta biết rằng Đấng Christ đã sống lại từ cõi chết thì sẽ không bao giờ chết nữa. Sự chết không còn cai trị Ngài. Vì Ngài đã chết, là chết cho tội lỗi một lần đủ cả; nhưng Ngài sống, là sống cho Đức Chúa Trời.

In the same way, count yourselves dead to sin but alive to God in Christ Jesus. (Rom 6:3-11)

Cùng cách ấy, anh em cũng phải kể mình đã chết đối với tội lỗi nhưng đang sống cho Đức Chúa Trời trong Đấng Christ Giê-xu. (Rô-ma 6:3-11).

In the light of this passage, discuss how the resurrection of Jesus ties into our baptisms.

Trong ánh sáng của đoạn Kinh Thánh này, hãy thảo luận sự sống lại của Chúa Giê-xu liên hệ chặt chẽ trong việc chúng ta nhận phép báp-têm như thế nào.

Gave his life

Ban Sự Sống Của Ngài

Ask yourself what the phrase *he gave his life* means to you. Just pause for a moment.

Hãy hỏi chính bạn cụm từ *Ngài ban sự sống của chính Ngài* có ý nghĩa gì với bạn. Hãy ngừng lại trong một chút.

Do you equate it with Jesus dying? Does *he gave his life* mean *he died*, and that's all? I don't think so.

Bạn có coi điều này ngang với sự chết của Chúa Giê-xu? Có phải *Ngài ban sự sống của Ngài* có nghĩa là *Ngài đã chết* và thế thôi? Tôi không nghĩ như vậy.

He gave his life
Ngài ban sự sống của Ngài

Jesus gave *his life*. He gave his life in more than just the narrow sense of dying. We're talking about more than just Golgotha here. Jesus gave his life for us – he gave all of it. All thirty-three years of life. He gave the whole of his life to save us.

Chúa Giê-xu đã *ban sự sống của Ngài*. Ngài ban sự sống của Ngài trong nhiều ý nghĩa hơn là chỉ trong ý nghĩa hẹp của sự chết. Chúng ta sẽ bàn về nhiều điều hơn là duy chỉ sự kiện tại đồi Gô-gô-tha. Chúa Giê-xu đã *ban sự sống của chính Ngài* cho chúng ta – Ngài đã *ban tất cả điều đó*. Tất cả ba mươi ba năm sống trên đất. Ngài đã *ban toàn bộ sự sống của Ngài* để cứu chúng ta.

Think what this means. It wasn't just that Jesus lived a pretty good life, and then in the end God said, "Look, I need a sacrifice from you for me be able to forgive people." That's not what happened at all.

Hãy suy nghĩ điều này có nghĩa gì. Điều đó không chỉ là Chúa Giê-xu đã sống một cuộc đời thật tốt lành, và sau đó cuối cùng Đức Chúa

Trời đã phán, “này, Ta cần một cửa lễ từ con để Ta có thể tha thứ cho con người.” Đó không phải là tất cả những điều đã diễn ra.

Right from the start, empowered, and directed by his Father, Jesus devoted his life to our salvation. His whole life was totally committed to developing his relationship with his Father, reaching out to the disciples and to the people around, rescuing them – and us – by the teachings he was giving, the very words of life, Peter recognized this:

Ngay từ lúc bắt đầu, Ngài được ban cho quyền năng và hướng dẫn từ chính Cha Ngài, Chúa Giê-xu đã tận hiến cả mạng sống của Ngài cho sự cứu rỗi chúng ta. Cả cuộc đời của Ngài hoàn toàn tận hiến cho sự phát triển mối quan hệ của Ngài với Cha Ngài, vươn ra các môn đồ và những người xung quanh, cứu họ - và chúng ta – bằng những lời dạy mà Ngài đã ban ra, từng lời sự sống, Phi-e-rơ nhận ra điều này:

*Lord, to whom shall we go? You have the words of eternal life!
(John 6:68)*

Thưa Chúa, chúng con sẽ theo ai? Chúa có lời của sự sống đời đời (Giăng 6:68)

Every aspect of his life was given to saving people like us.

Mỗi khía cạnh trong đời sống của Ngài được ban tặng để cứu những con người như chúng ta.

The shepherd and the wolf
Đấng Chăn Chiên và sói

Jesus' parable about the good shepherd seems a bit more tightly focused, though, in that it talks explicitly about dying. How should we think about that?

Ẩn dụ của Chúa Giê-xu về Đấng Chăn Chiên nhân lành dường như khá tập chú hơn vào điểm này, dù, ẩn dụ rõ ràng này bàn về sự chết. Chúng ta nên nghĩ về điều này như thế nào?

I am the good shepherd. The good shepherd lays down his life for the sheep. The hired hand is not the shepherd who owns the sheep. So when he sees the wolf coming, he abandons the sheep and runs away. Then the wolf attacks the flock and scat-

THAY ĐỔI CHÚNG TA

ters it. The man runs away because he is a hired hand and cares nothing for the sheep. I am the good shepherd; I know my sheep and my sheep know me – just as the Father knows me and I know the Father – and I lay down my life for the sheep (John 10:11-15).

Ta là người chăn nhân lành, người chăn nhân lành vì bầy chiên hy sinh mạng sống mình. Kẻ chăn thuê không phải là người chăn; chiên không thuộc về nó. Vì thế khi thấy muông sói đến, nó bỏ chiên chạy trốn. Kẻ đó muông sói vỗ lấy chiên và làm cho tan lạc. Người đó bỏ chạy vì là kẻ chăn thuê nên nó không quan tâm gì đến chiên. Ta là người chăn nhân lành. Ta biết chiên Ta, và chiên Ta biết Ta, cũng như Cha biết Ta, và Ta biết Cha vậy - và Ta vì bầy chiên mà hy sinh mạng sống mình. (Giăng 10:11-15).

The wolf comes to the sheep pen; the shepherd lays down his life for the sheep. What does that mean?

Sói đến chuồng chiên; người chăn nhân lành vì bầy chiên mình phó sự sống mình. Điều đó có nghĩa là gì?

Maybe when the wolf comes, the shepherd walks out, lies down and lets the wolf eat him?!

Có thể khi sói đến, người chăn chiên đi ra, nằm xuống và để sói ăn thịt ông ta?!

Not at all!

Không phải như vậy đâu!

Rather, the wolf comes, and the shepherd comes and engages the wolf in battle, even if it costs him his life. The dying is not the purpose of the battle! The dying is the *consequence* of the conflict. You see the distinction? The battle is the critical thing, the battle that goes right to the end whatever the cost. It is not a battle that just goes part way. Not a battle where the shepherd thinks, “Ouch! I got bitten there!” and runs away. Instead, it is a battle in which the wolf is killed with the last ounce of the shepherd’s strength. And so the sheep are saved.

Hơn thế nữa, khi sói đến, và người chăn chiên tiến đến và chiến đấu với muông sói, thậm chí điều đó khiến ông phải mất đi mạng sống

của chính mình. Sự chết không phải là mục đích của trận chiến! Sự chết là *hậu quả* của trận chiến. Bạn có nhìn thấy sự khác biệt không? Trận chiến là một điều rất cần thiết, trận chiến đi đến cuối cùng cho dù giá phải trả là gì. Đó không phải là một trận chiến chỉ đi một phần đường. Không phải là trận chiến như người chăn nghĩ sẽ đi về đâu, “Ôi! Ta bị cắn ở đó!” và bỏ chạy. Thay vào đó, đó là một trận chiến mà muông sói sẽ bị giết với sức lực cuối cùng của người chăn chiên. Và vì thế bầy chiên được cứu sống.

The point is not that the shepherd dies passively; the point is that the shepherd is so committed to the battle that he is willing to lay his life on the line to win the victory, and so to save the sheep.

Mấu chốt vấn đề không phải là người chăn chiên chết một cách thụ động; vấn đề đó là người chăn chiên đã tận hiến hết sức lực cho trận chiến đến nỗi người săn sàng phó sự sống mình để giành được chiến thắng, và để cứu bầy chiên của mình.

A greater battle
Một trận chiến lớn hơn

In the case of Jesus, his dying is part of a greater battle. Hebrews uses the symbol of devil as the enemy to fight to the death, but the idea is the same.

Trong trường hợp của Chúa Giê-xu, sự chết của Ngài là một phần trong trận chiến lớn hơn. Sách Hê-bơ-rơ sử dụng biểu tượng của ma quỷ như là kẻ thù phải chiến đấu cho sự chết, nhưng ý tưởng là tương tự như vậy.

Since the children have flesh and blood, he too shared in their humanity so that by his death he might destroy him who holds the power of death – that is, the devil, and free those who all their lives were held in slavery by their fear of death. (Heb 2:14)

Vì con cái thì cùng chung huyết nhục, Đức Chúa Giê-xu cũng mang lấy huyết nhục giống như họ, để qua sự chết của Ngài, Ngài tiêu diệt kẻ cầm quyền sự chết- đó là ma quỷ, và phóng thích những người bị cầm giữ sự sống trong kiếp nô lệ bởi họ khiếp sợ sự chết. (Hê 2:14)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

As I say, I think that “the devil” here is a metaphor, in this case meaning the force of temptation within Jesus himself. By his death, Jesus destroyed the devil force of sin within himself. That part of him that was just like you and me, that leads us in opposition to God, that part was there within him too. Time after time he struggled with it. Not my will, but yours be done! (Matt 26:39). Again, and again, and again. He was determined to fight this battle until the enemy was destroyed.

Như tôi nói, tôi nghĩ rằng “ma quỷ” ở đây là một từ ẩn dụ, trong trường hợp này có nghĩa là lực cám dỗ bên trong chính Chúa Giê-xu. Bởi sự chết của Ngài, Chúa Giê-xu đã phá hủy thế lực tội lỗi trong chính Ngài. Phần đó của Ngài cũng giống như bạn và tôi, dẫn chúng ta đến việc chống nghịch với Đức Chúa Trời, phần đó cũng ở trong chính Ngài. Ngài đã liên tục chiến đấu với nó. Không phải ý con, nhưng ý Cha được nên (Mat 26:39). Lặp đi lặp lại nhiều lần, và một lần nữa Ngài đã quyết tâm chiến đấu trong cuộc chiến này cho đến khi kẻ thù bị tiêu diệt.

And it was!

Và đó là!

In Gethsemane and Golgotha he achieved victory over his flesh, his human nature. And now he joins in the battle with each one of us. He works to bring us victory over our flesh, to help us to realize that we don't really want to give in to the forces of sin and iniquity within us. We may fall into sin, but he calls us to say for ourselves, “No!”, “Enough!”, “Stop!” “I don't want to go down that path!” We echo his words, “Not my will, Father, but yours be done!”

Ở Vườn Ghết-sê-ma-nê và Đồi Gô-gô-tha, Ngài đã chiến thắng trên xác thịt của Ngài, trên bản chất tự nhiên của con người Ngài. Và giờ đây Ngài tham gia vào trận chiến với mỗi người trong chúng ta. Ngài hành động để khiến chúng ta chiến thắng xác thịt của chúng ta, giúp chúng ta nhận ra rằng chúng ta thật sự không muốn khuất phục trước tội lỗi và sự gian ác bên trong chúng ta. Chúng ta có thể sa vào tội lỗi nhưng Ngài kêu gọi chúng ta nói với chính chúng ta, “Không!”, “Đủ rồi!”, “Ngừng lại đi!” “ta không muốn đi xuống con đường đó!”. Chúng ta nghe vang vọng những lời của Ngài, “Không phải theo ý con, mà ý Cha được nên!”

A grain dies
Hạt giống chết đi

There's another parable back in John 12:24

Có một ẩn dụ khác trở lại trong Giăng 12:24

I tell you the truth, unless a kernel of wheat falls to the ground and dies, it remains only a single seed. But if it dies, it produces many seeds.

Ta bảo thật các ngươi: Nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi, nó vẫn chỉ là một hạt thối; Nhưng nếu nó chết đi, nó sẽ sinh ra nhiều hạt nữa.

Here's an experiment to try at home. Take a seed, kill it (perhaps by baking it in the oven), plant it in a pot, and wait for a while...

Đây là một cuộc thử nghiệm có thể thử tại nhà. Lấy một hạt giống, làm nó chết đi (có lẽ bằng việc nướng nó trong lò nướng), hãy trồng nó trong một cái thùng, và hãy chờ đợi trong một thời gian...

Nothing will happen. Why?

Không có điều gì xảy ra hết. Tại sao vậy?

Because it's not the death of the seed that's important, it's the giving of the life of the seed that's important. You put a living seed in the ground and the seed pours out its life into the plant. It gives its life. See the difference? The seed gives up everything for the life of the plant. It dies to itself, as it were, surrendering the existence it used to know as a seed, and in the process is able to produce the many seeds.

Vì không phải sự chết của hạt giống là điều quan trọng, mà chính việc ban sự sống của hạt giống mới là điều quan trọng. Bạn đặt một hạt giống sống vào trong đất và hạt giống tuôn đổ sự sống của nó vào trong cây. Nó ban cho sự sống của nó. Hãy nhìn vào sự khác biệt? Hạt giống từ bỏ mọi thứ vì sự sống của cây. Nó chết đi chính nó vì khi nó làm như vậy, dâng sự sống của nó như từng được biết như là một hạt giống, và trong tiến trình có thể tạo nên nhiều hạt giống khác.

The seed does indeed die. But the point is not a dead seed; the point is that the life was given. There's a continuation of life in the transference of life from the seed into the plant. The seed has to be able to give everything into the life of the plant.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Hạt giống thật sự chết đi. Nhưng vấn đề đó là không phải là hạt giống chết; vấn đề đó là nó ban cho sự sống. Có một sự tiếp nối của sự sống trong sự chuyển đổi của sự sống từ hạt giống sang cây. Hạt giống có thể trao tặng mọi điều vào trong sự sống của cây.

So it is with Christ. He was able and willing to give everything he had into the life of other people. Let's consider a practical example of this: the incident with Jairus in Mark 5:21-43.

Đấng Christ cũng như vậy. Ngài có thể và sẵn sàng ban mọi thứ mà Ngài có vào trong đời sống của những người khác. Chúng ta hãy xem xét một hình mẫu thực tế về điều này: sự kiện với Giai-ru trong Mác 5:21-43.

Giving strength Ban sức mạnh

Here's how I see the story. Jairus appeals to Jesus to come and save his daughter. She's a twelve year-old girl. Those of us who are parents know the agony that Jairus must have been going through, bearing the daily torment of a child on the brink of death. But now, Jesus is coming to save his daughter!

Giờ đây là cách mà tôi hiểu câu chuyện này. Giai-ru thỉnh cầu Chúa Giê-xu đến và cứu mạng sống của con gái ông. Cô bé mười hai tuổi. Những ai trong chúng ta đã làm cha mẹ chắc hẳn hiểu được sự đau đớn mà Giai-ru đang trải qua lúc đó, mang lấy sự giận vặt mỗi ngày về đứa con đang ở trong ranh giới của sự chết. Nhưng bây giờ, Chúa Giê-xu đang đến để cứu con gái của ông!

Imagine him daring to hope...

Hãy tưởng tượng điều ông ta dám hy vọng ...

On the way, in the middle of all those hopes and fears, somebody reaches out and touches the edge of Jesus' robe, Jesus, I presume, is already carrying the emotional weight of Jairus' grief and hope, his desperate pleading. Now he feels yet more strength come out of him (Luke 8:46)

Đang trên đường đi, ở giữa tất cả những nỗi hy vọng và sợ hãi đó, ai đó vươn tay ra và sờ vào trôn áo của Chúa Giê-xu. Tôi cho là, Chúa Giê-xu sẵn sàng mang lấy gánh nặng sợ hãi và hy vọng của Giai-ru, sự thỉnh cầu trong tuyệt vọng của ông. Nhưng giờ đây Ngài

cảm nhận một sức mạnh lớn hơn bao giờ hết đang xuất ra khỏi Ngài (Lu-ca 8:46).

He turns around and asks, “Who touched me?” Peter is astonished. What a ridiculous question! The people are surrounding him; they’re all touching him! Jesus says: “No, no... Who was it?”

Ngài quay lại và hỏi, “Ai đã sờ vào ta?”. Phi-e-rô rất ngạc nhiên. Câu hỏi thật điên khùng! Người ta đang vây xung quanh Ngài; tất cả họ đang sờ vào Ngài! Chúa Giê-xu nói: “Không, không... Đó là ai?”

Finally, the woman stands up. Jesus has been calling for an expression of her faith, for her to stand up and say, “It was me.” And now she does! In response, Jesus’ compassion flows out to her. He tends to her, and encourages her. He assures her that her faith has made her whole. It’s not just her physical healing, but his care and tender concern is healing her spirit too.

Cuối cùng, người phụ nữ đứng dậy. Chúa Giê-xu đang kêu gọi sự bày tỏ đức tin của bà, để bà đứng lên và nói, “đó chính là con.” Và giờ đây bà đã làm! Để đáp lại, sự thương xót của Chúa tuôn đổ trên bà. Ngài hướng vào bà và khuyến khích bà. Ngài đảm bảo với bà rằng đức tin của bà đã cứu bà một cách trọn vẹn. Đó không chỉ là sự chữa lành về mặt thể lý, nhưng sự chăm sóc và sự quan tâm nhẹ nhàng đang chữa lành tâm linh của bà nữa.

Meanwhile... !

Trong khi đó...!

Have you ever thought of what Jairus must have been doing at this point? He’s going crazy! He’s beside himself with worry and grief because Jesus has stopped. Jesus was on the way to heal his daughter, and now he has been interrupted. The timing is desperate, absolutely desperate! She is so close to death. His precious little girl.

Bạn có bao giờ nghĩ về điều mà Giai-ru đang làm ở chỗ này? Ông ta đang phát điên! Chính ông cũng đang mang canh cánh trong lòng sự lo lắng và sợ hãi vì Chúa Giê-xu đã dừng lại. Chúa Giê-xu đang trên đường đến để chữa lành con gái của ông, và giờ đây Ngài bị ngăn lại. Thời khắc thì tuyệt vọng, hoàn toàn tuyệt vọng! Cô bé thì quá gần với cái chết. Đứa con gái bé bỏng quý báu của ông.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Then, tragedy!

Kế đó thì, thảm kịch đến!

They hardly get going again when the terrible news comes: it's too late. The delay was too much. It's too late and now she has died. Gone and lost forever. Imagine what that man felt like!

Họ hầu như không tiếp tục đi thì tin tức khủng khiếp đến: quá trễ rồi. Sự ngưng trệ quá lớn. Đã quá trễ và giờ đây cô bé đã chết. Đã ra đi và mất đi mãi mãi. Hãy tưởng tượng điều mà người đàn ông này đã cảm nhận như thế nào!

What is Jesus' response?

Chúa Giê-xu đã trả lời điều gì?

Jesus finds yet more reserves within himself. Maybe it's reading too much into the record, but we know in other circumstances Jesus is exhausted by his care for others, and I don't think it is excessive to see it here too. He turns to Jairus and gives even more of himself. He reassures Jairus. It's as if he says to him, "My compassion for others will never come at the cost of my compassion for you. I can do an even greater miracle than you thought was possible. Trust me, my friend."

Tuy nhiên Chúa Giê-xu nhận thấy có nhiều sự cầm giữ lại trong chính Ngài. Có thể đó là việc quá tập chú vào kỹ thuật, nhưng chúng ta biết trong những tình huống khác Chúa Giê-xu kiệt sức do chăm lo cho những người khác, và tôi thì không nghĩ là quá mức như vậy ở đây. Ngài quay lại Giai-ru và ban cho ông nhiều hơn điều chính ông suy nghĩ. Ngài tái đảm bảo với Giai-ru. Điều đó như thể Ngài phán với chính ông, "sự thương xót của Ta dành cho những người khác sẽ không bao giờ đến quá mức sự thương xót mà Ta dành cho con. Ta có thể làm một phép lạ còn lớn hơn điều con suy nghĩ là có thể. Hãy tin Ta, bạn của Ta ơi."

If even healing the woman cost him strength, what was the cost to raise the little girl back from the dead? How much strength did that draw out of him? How much did he have left to give? Yet he was willing to pay the price.

Thậm chí nếu việc chữa lành một người phụ nữ khiến Ngài mất đi nhiều sức lực, thế thì cái giá để đưa cô gái bé nhỏ sống lại từ cõi chết

là gì? Bao nhiêu sức lực đã lưu xuất ra khỏi Ngài? Ngài đã mất đi bao nhiêu sức lực để ban cho điều này? Tuy nhiên Ngài sẵn sàng trả giá.

This is just one example of the way Jesus poured out his life to people like us. He gave himself throughout his life. He gave us his life.

Đây chỉ là một ví dụ về cách mà Chúa Giê-xu đã tuôn đổ sự sống của Ngài cho những con người như chúng ta. Ngài đã ban chính Ngài trong suốt cuộc đời của Ngài. Ngài đã ban cho chúng ta sự sống của Ngài.

*Nowhere to lay his head
Không có chỗ để gối đầu*

On another occasion someone said. “I want to follow you!” Jesus said, “Are you sure? Do you know what it would be like to follow me, with nowhere to sleep?” (Luke 9:8) Peter said, “We’ve left everything to follow you” (Mark 10:28)

Trong một trường hợp khác có ai đó đã nói, “tôi muốn theo thầy!” Chúa Giê-xu đã phán, “anh có chắc không? Anh có biết rằng theo ta là như thế nào không, không có chỗ để ngủ?” (Lu-ca 9:8) Phi-e-rơ đã nói, “chúng con đã bỏ mọi thứ để theo thầy” (Mác 10:28).

If Peter, Andrew, James and John and all the others had indeed left ‘everything’ to follow Jesus, think how much more Jesus had already left! Everything! He had never had a wife, or children; never had a career; never had a house of his own, or any of the other comforts we crave in this life, not to mention all his inherent rights as son of God. It’s hard for us to conceive the complete and utter devotion of our Lord; pouring every aspect of his life into rescuing us from our path of destruction.

Nếu Phi-e-rơ, Anh-rê, Gia-cơ và Giăng và tất cả những người khác thật sự đã bỏ “mọi thứ” để theo Chúa Giê-xu, hãy nghĩ xem Chúa Giê-xu đã bỏ hết bao nhiêu! Mọi thứ! Ngài không có vợ, hay con, chưa bao giờ có một nghề nghiệp, chưa bao giờ có một ngôi nhà của chính Ngài, hay bất kỳ tiện nghi nào khác mà chúng ta chúng ta nhận được trong đời này, không kể đến tất cả đặc quyền thừa kế như Con Đức Chúa Trời. Thật là khó cho chúng ta có thể nhận thức được sự tận hiến hoàn toàn và trọn vẹn của Chúa chúng ta; tuôn đổ mọi khía cạnh trong đời sống của Ngài để cứu chúng ta khỏi con đường của sự hủy diệt của chúng ta.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

I think Jesus had truly exhausted himself by the time he came to Golgotha. In the literal sense I mean. There was nothing left. He had given every part of his life. When Jesus said that Abraham had rejoiced to see his day and was glad, the response was, “You’re not yet fifty...! (John 8:56) This to a man in his early thirties! I wonder how old and tired he looked; pouring every ounce of his strength into serving the people around him, into building them up, rescuing them and saving them. By the time he arrived at Golgotha he had already emptied himself. There was next to nothing left.

Tôi nghĩ chính Chúa Giê-xu đã thật sự kiệt sức vào lúc Ngài đến đồi Gô-gô-tha. Trong nghĩa đen mà tôi muốn nói. Không còn để lại điều gì hết. Ngài đã ban cho mọi phần trong đời sống của Ngài. Khi Chúa Giê-xu nói rằng Áp-ra-ham đã vui mừng nhìn thấy ngày của Ta đến và vui mừng, câu trả lời là, “thầy chưa đầy năm mươi tuổi...” (Giăng 8:56). Câu này được nói với một người mới hơn ba mươi! Tôi nghĩ lúc đó trông Ngài rất già và mệt mỏi; tuôn đổ mọi sức lực của mình để phục vụ cho những người xung quanh Ngài, trong việc nâng đỡ họ, giải cứu họ và cứu rỗi họ. Vào lúc Ngài đến tại Gô-gô-tha chính Ngài đã cạn hết sức lực rồi. Tiếp đó là không còn gì hết.

And having emptied himself, he enacts his final declaration. I give every part of me to you, my Father.

Và đã cạn hết sức lực của Ngài, Ngài bày tỏ lời công bố cuối cùng của Ngài. Con đã dâng mọi phần của con cho Người, Cha của Con.

Summary

Tóm tắt

When the Scriptures say that Jesus gave his life, it means he gave all of it, not just that he died. Because he loved the Father and the people given into his care, Jesus devoted his life to bringing us into life.

Khi Kinh Thánh nói rằng Chúa Giê-xu ban sự sống của chính Ngài, có nghĩa là Ngài ban tất cả cho chúng ta, không chỉ về việc Ngài đã chết. Vì Ngài kính yêu Cha và những người được Cha ban cho Ngài chăm sóc họ, Chúa Giê-xu tận hiến cuộc sống mình để mang chúng ta vào sự sống.

Discussion

Thảo Luận

1. See what other examples you can think of which show Jesus giving his life to the people around him.
1. Hãy xem xét những ví dụ mà bạn có thể nghĩ về điều cho thấy Chúa Giê-xu đã ban chính sự sống của Ngài cho những người xung quanh Ngài.
2. If Jesus had led a completely normal life – not especially righteous, standard family and job, etc – how would his impact on us be different?
2. Nếu Chúa Giê-xu đã hướng đến một đời sống hoàn toàn bình thường – không công chính, gia đình và công việc như người thường, vân vân – thì ảnh hưởng của Ngài trên chúng ta sẽ khác biệt như thế nào?
3. Discuss in what way Jesus' death provides a boundary to his life, like a picture frame, a life lived perfectly.
3. Hãy thảo luận bằng cách nào mà sự chết của Chúa Giê-xu cung cấp một ranh giới cho đời sống của Ngài, như khung của một bức tranh, một cuộc đời đã sống một cách trọn vẹn?
4. What struggles and challenges did Christ battle with through his life?
4. Những tranh chiến và thử thách nào mà Đấng Christ phải chiến đấu trong suốt cuộc đời Ngài?
5. To what extent are we expected to give our lives for other people?
5. Chúng ta được mong đợi tận hiến cuộc đời của chúng ta cho người khác đến một mức độ nào?

Blood sacrifice

Sinh Tế Bằng Huyết

We have discovered that many “transactional” theories of atonement keep placing the need for Christ’s death on God, on his supposed limitations, rather than on us and our very real limitations.

Chúng ta đã khám phá nhiều lý thuyết “trao đổi” về sự cứu chuộc theo yêu cầu về sự chết của Đấng Christ đối với Đức Chúa Trời, trong những điều giới hạn đã được giả định của Ngài, hơn là trên chúng ta và những điều giới hạn thật sự của chúng ta.

Theory	Claim
Ransom	God had to buy us back from the devil who had gained ownership over us
Satisfaction	God’s honor was called into question, so he had to reassert it
Substitution	God needed someone to bear the penalty of sin, so that we could be freed

Thuyết	Lời tuyên bố
Chuộc lại	Đức Chúa Trời đã mua chúng ta trở lại từ ma quỷ, kẻ đã nắm quyền kiểm soát trên chúng ta
Sự hài lòng	Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời bị đặt trong sự chất vấn vì thế Ngài phải tái khẳng định nó
Sự thay thế	Đức Chúa Trời cần ai đó để mang lấy hình phạt của tội lỗi, để chúng ta được giải thoát

When we are in this mindset, we can move easily to the idea that God required human sacrifice for one reason or another: that to satisfy his prerequisites, God demanded actual, physical, spilled blood. Without a doubt, there are many verses that talk about the blood of

Christ. We may unconsciously read ideas into Bible passages that may not really be there. We'll have to be quite careful.

Khi chúng ta ở trong tâm trí như vậy, chúng ta có thể dễ dàng đến với ý tưởng rằng Đức Chúa Trời đã đòi hỏi một sinh tế con người vì một lý do này hay lý do nào khác: để làm hài lòng đòi hỏi của Ngài, Đức Chúa Trời đã yêu cầu huyết thật sự, huyết về mặt thuộc thể đã đổ ra. Không còn nghi ngờ gì nữa, có nhiều câu bàn luận về huyết của Đấng Christ. Chúng ta có thể vô tình đọc được những ý tưởng trong những đoạn Kinh Thánh mà thật sự có thể không có ở đó. Chúng ta sẽ phải thật cẩn thận.

Understanding the shedding of blood
Hiểu về việc đổ huyết

On the face of it, God does seem to require actual blood to be shed to be able to forgive us. Consider, for example, the second half of Hebrews 9:22

Có vẻ như bên ngoài, Đức Chúa Trời dường như yêu cầu một sự đổ huyết thật sự để có thể tha thứ cho chúng ta. Ví dụ, hãy xem xét, phần thứ hai của Hê-bơ-rơ 9:22

... *without the shedding of blood there is no forgiveness.*

... *không có sự đổ huyết thì không có sự tha thứ.*

This verse has often been presented as a law of God. I was taught to consider it an *axiom* of scripture that without the shedding of blood there is no forgiveness, as if it were foundational and beyond debate, perhaps even self-evidently true. Shed blood is needed for forgiveness. Fact! So Jesus had to die so that God could forgive.

Câu này thường được trình bày như là luật của Đức Chúa Trời. Tôi đã được dạy để xem xét điều này như là một *chân lý* của Kinh Thánh rằng không có sự đổ huyết thì không có sự tha thứ, như thể điều này là nền tảng và không cần phải tranh luận nữa, thậm chí có lẽ đó là một điều hiển nhiên. Huyết đổ ra là cần thiết cho sự tha thứ. Đó là một thực tế! Vì thế Chúa Giê-xu đã phải chết để Đức Chúa Trời có thể tha thứ.

But wait a moment! Apart from anything else, suggesting that Jesus had to die so that God *could* forgive, suddenly puts the problem back

THAY ĐỔI CHÚNG TA

with God. It places the shortcoming with God, because it says he *could not* forgive unless Jesus died.

Những hãy chờ một chút! Ngoài điều đó ra, việc cho là Chúa Giê-xu phải chết để Đức Chúa Trời *có thể* tha thứ, thỉnh linh lại đặt nan đề trở lại với Đức Chúa Trời. Nó đặt ra sự hạn chế với Đức Chúa Trời, vì nói rằng Ngài *không thể* tha thứ nếu Chúa Giê-xu không chết.

Actually, though, when we look at the *whole* verse and think about the context, we find that the writer is talking very specifically about the Law, the Law of Moses. Let's read a larger chunk:

Dù thật sự là khi chúng ta xem xét *toàn bộ* câu này và suy nghĩ về bối cảnh, chúng ta nhận thấy rằng tác giả đang nói rất cụ thể về Luật Pháp, Luật của Môi-se. Hãy đọc một đoạn dài hơn:

This is why even the first covenant was not put into effect without blood. When Moses had proclaimed every commandment of the law to all the people, he took the blood of calves, together with water, scarlet wool and branches of hyssop, and sprinkled the scroll and all the people. He said, "This is the blood of the covenant, which God has commanded you to keep."

Do đó, ngay cả giao ước thứ nhất cũng không hiệu lực nếu không có máu. Vì khi Môi-se công bố mọi điều răn của luật pháp cho dân chúng, ông lấy máu của bò con và dê đực, với nước, dây nhung đỏ tía và nhánh bài hương rây trên cuộn sách cùng trên cả dân chúng và nói: "Đây là máu của giao ước mà Đức Chúa Trời đã truyền dạy các ngươi".

In the same way, he sprinkled with the blood both the tabernacle and everything used in its ceremonies. In fact, the law requires that nearly everything be cleansed with blood, and without the shedding of blood there is no forgiveness. (Heb 9:18-22).

Và cùng cách ấy, ông lấy máu đó rây trên đền tạm cùng tất cả khí dụng thờ phượng. Thật vậy, luật pháp đòi hỏi rằng hầu hết mọi vật đều nhờ huyết mà được tinh sạch; không đổ huyết thì không có sự tha thứ. (Hê-bơ-rơ 9:18-22)

It seems to me that the writer is not trying to make a statement about all time. His context is the *Law of Moses*. Law of Moses, he says, requires that nearly everything must be cleansed with blood, and (in the Law) without the shedding of blood there is no forgiveness. Seen this way, it is simply a statement of analysis, an assertion that can be proved or disproved.

Dường như với tôi là tác giả không cố gắng tuyên bố về tất cả thời gian. Bối cảnh của ông là *Luật của Môi-se*. Ông nói Luật của Môi-se đòi hỏi rằng hầu như mọi điều phải được thanh tẩy bằng huyết, và (trong Luật Pháp), nếu không đổ huyết thì không có sự tha thứ. Nhìn theo cách này, đó chỉ là một lời tuyên bố để phân tích, một lời tuyên bố có thể được chứng minh hay không chứng minh.

And the analysis is spot on. If we go back to the law of Moses and look at the way forgiveness was achieved, then we discover that everything did indeed have to be ‘cleansed’ by blood. Moreover, in the Law of Moses there was no forgiveness without the shedding of blood. Read the verse again in this light:

Và sự phân tích nằm ở chỗ đó. Nếu chúng ta trở về luật Môi-se và xem cách để nhận được sự tha thứ, thì chúng ta phát hiện ra rằng mọi thứ thật sự phải được thanh tẩy bằng huyết. Hơn nữa, trong Luật Pháp Môi-se không có sự tha thứ nếu không có sự đổ huyết. Hãy đọc câu này một lần nữa theo sự khai tỏ này:

In fact, the law requires that nearly everything be cleansed with blood, and without the shedding of blood there is no forgiveness. (Heb 9:22)

Thật vậy, luật pháp đòi hỏi hầu hết mọi vật đều nhờ huyết mà được tinh sạch; không đổ huyết thì không có sự tha thứ. (Hê 9:22)

Now that we can see the whole of this verse as a statement about the Law of Moses, the pertinent issue for us is how to apply its teaching to the wider work of God. Within the Law, blood was used for cleansing and for forgiveness. What principle does it lead to that helps in understanding the meaning of the blood of Christ?

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Vì vậy chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ câu này như một lời tuyên bố về Luật của Môi-se, vấn đề thích hợp đối với chúng ta là làm thế nào áp dụng việc giảng dạy câu này vào trong công tác lớn hơn của Đức Chúa Trời. Trong Luật Pháp, huyết được dùng để thanh tẩy và dành cho sự tha thứ. Điều này dẫn đến nguyên tắc gì để giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của huyết Đấng Christ?

It is really important to make this distinction, so let's repeat it: as a *literal statement*, Hebrews 9:22 is a commentary on the Law; however, its *relevance* to us is a matter of interpretation. That's why we have to ask what principle applies outside the structure of the Law of Moses.

Thật sự rất quan trọng trong việc phân biệt điều này, vì thế hãy lập lại điều này: như là một *tuyên bố mang nghĩa đen*, Hê-bơ-rơ 9:22 là một sự giải nghĩa về Luật Pháp; Tuy nhiên, điều này là một *sự phù hợp* đối với chúng ta về vấn đề diễn giải. Đó là lý do tại sao chúng ta phải hỏi là nguyên tắc nào để áp dụng bên ngoài cấu trúc của Luật Môi-se.

Discovering the principle *Khám phá nguyên tắc*

Why did the Law of Moses require blood to be shed before God would forgive? We don't have space here for a detailed explanation, but here are some ideas.

Tại sao Luật của Môi-se đòi hỏi huyết phải được đổ ra trước khi Chúa tha thứ? Chúng ta không có những khoảng trống ở đây cho sự giải thích chi tiết, nhưng đây là một số ý tưởng.

First, note that the Law was a system of many symbols, all working together to construct a larger narrative out of the ritual. As the priest or everyday Israelite participated in the symbolic acts, they would be reminded of the narrative. In the days before printed text, the physical acts would remind them about God, and sin, and forgiveness, and life. The foundation of their religion would be right in front of the, present before their hands and eyes, rather like ours is when we immerse ourselves in the words of the Bible.

Trước hết, hãy nhớ rằng Luật Môi-se là một hệ thống của nhiều biểu tượng, tất cả đều hoạt động cùng với nhau để xây dựng nên một cách tường thuật quan trọng hơn về nghi thức. Khi thầy tế lễ hay

người Israel mỗi ngày dự phần vào trong những hành động mang tính biểu tượng, họ sẽ ghi nhớ về câu chuyện. Trong ngày trước khi có những bản văn, những hành động thuộc thể này sẽ nhắc nhở họ về Đức Chúa Trời, và tội lỗi, và sự tha thứ, và sự sống. Nền tảng của tôn giáo của họ sẽ ở ngay trước mặt họ, trình bày trước mắt của họ, họ nghe thấy, hơn là của chúng ta khi chúng ta chìm vào trong Lời Kinh Thánh.

Second, blood was a significant part of this language of symbols. Theirs was an agricultural community which experienced birth and death with an explicitness that our modern society hides from us. They would help animals birth, and they would slaughter them for their meat and other parts. These are messy processes, with much blood. Powerfully, the Law regulated these occasions to teach religious lesson, by identifying blood with *life*.

Thứ hai, huyết là một phần rất quan trọng của ngôn ngữ biểu tượng này. Thế giới của họ là một cộng đồng sống bằng nghề nông trại nghiệm sự sinh ra và chết đi với một sự rõ ràng mà xã hội hiện đại lại giấu chúng ta. Họ giúp những con thú sinh ra, và họ sẽ giết chúng để lấy thịt và những bộ phận khác. Đây là những tiến trình phức tạp, với nhiều huyết. Luật Pháp thực hiện một cách mạnh mẽ những trường hợp này để dạy dỗ những bài học tôn giáo, bằng cách định dạng huyết với *sự sống*.

Be sure you do not eat the blood because the blood is the life and you must not eat the life with the meat (Deut 12:23)

Nhưng nhất quyết anh em không được ăn huyết vì huyết là sự sống nên anh em không được ăn thịt cùng với sự sống. (Phục 12:23).

In the Law, blood – the literal blood – is the symbol of life; the life of the animal, the life of the human. In fact, this symbolism was already well established by the time Moses gave the Law; it derives from Noah's time:

Trong Luật Pháp, huyết – huyết về nghĩa đen – là biểu tượng của sự sống; sự sống của con vật, sự sống của con người. Thật vậy, hệ thống biểu tượng này đã được thiết lập rất đầy đủ vào thời Môi-se ban ra Luật Pháp; nó có nguồn gốc từ thời Nô-ê:

THAY ĐỔI CHÚNG TA

But you must not eat meat that has its lifeblood still in it. And for your lifeblood I will surely demand an accounting. I will demand an accounting from every animal. And from each man, too, I will demand an accounting for the life of his fellow man. "Whoever sheds the blood of man, by man shall his blood be shed: for in the image of God has God made man." (Gen 9:4)

Nhưng các con không được ăn thịt còn máu của con vật trên đó. Chắc chắn Ta sẽ đòi lại máu của sinh mạng các con. Ta sẽ đòi lại máu đó từ mọi loài thú vật và Ta sẽ đòi lại sinh mạng con người hay đồng loại nó. "Kẻ nào làm đổ máu người, sẽ bị người khác làm đổ máu lại, vì Đức Chúa Trời tạo nên loài người theo hình ảnh của Ngài." (Sáng 9:4-6)

Using the interpretation that blood represents life, we can determine the principle behind the phrase, *without the shedding of blood there is no forgiveness*. It is *without the giving of life there is no forgiveness*. As the Israelites spilled the blood of their animals, they would be reminded of their own need to offer their own lives in dedication to God.

Sử dụng cách diễn giải cho rằng huyết đại diện cho sự sống, chúng ta có thể quyết định nguyên tắc đằng sau cụm từ, *không sự đổ huyết thì không có sự tha tội*. Đó là *không có việc ban cho sự sống thì không có sự tha tội*. Khi người Israel đổ huyết những con vật của họ, họ sẽ được nhắc nhở về nhu cầu của chính họ để dâng đời sống của chính mình trong sự tận hiến cho Đức Chúa Trời.

So with Jesus. We've already seen what it meant for Jesus to give his life. It wasn't just that he died on Golgotha. Rather, he gave the *whole* to his life to the work God had entrusted to him. He gave it all to guiding other people – us – to life.

Chúa Giê-xu cũng như vậy. Chúng ta đã nhìn thấy điều đó có nghĩa gì đối với Chúa Giê-xu khi Ngài ban sự sống của chính Ngài. Đó không chỉ là Ngài đã chết trên Gò-gô-tha. Hơn thế nữa, Ngài đã ban *toàn bộ* đời sống của Ngài cho công việc mà Đức Chúa Trời đã giao phó cho Ngài. Ngài đã ban tất cả để hướng dẫn những người khác – chúng ta – đến với sự sống.

And as Jesus devoted his life, so we must devote ours. As he himself says:

Và vì Chúa Giê-xu đã tận hiến đời sống của chính Ngài, chúng ta cũng phải tận hiến đời sống của chúng ta. Như chính Ngài đã nói rằng:

Anyone who does not take his cross and follow me is not worthy of me. (Matt 10:38)

Ai không vác thập tự giá mình mà theo Ta thì chẳng xứng đáng với Ta. (Ma-thi-ơ 10:38).

For whoever wants to save his life will lose it, but whoever loses his life for me will save it. (Luke 9:24).

Vì ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất, còn ai vì Ta mà mất mạng sống thì sẽ cứu mạng sống mình. (Lu-ca 9:24).

But what does “take his cross” or “lose his life” mean in practice? For Jesus it ultimately meant literally losing his life, on the cross. It may too for some of us, but for most of us I don’t think it necessarily means physical danger. I suspect it means something like “putting at risk”. We are called to put everything we have, and all that we are, at risk: our jobs, our money, our friends, our selves, even our families. That doesn’t mean giving them all up, but being willing to give them up.

Nhưng việc “mang lấy thập tự giá” hay “mất sự sống của mình” có nghĩa gì trong thực tế? Đối với Chúa Giê-xu nó hoàn toàn có nghĩa đen là mất sự sống của Ngài, trên thập tự giá. Điều này cũng có thể như vậy đối với chúng ta, nhưng đối với hầu hết chúng ta, tôi không nghĩ là cần thiết phải mang ý nghĩa là sự nguy hiểm về mặt thuộc thể. Tôi cho nó có nghĩa giống như là “liều mình”. Chúng ta được kêu gọi đến việc tận hiến mọi thứ mà chúng ta có, và tất cả điều mà chúng ta làm để liều mình: công việc chúng ta, tiền bạc của chúng ta, bạn bè của chúng ta, bản ngã của chúng ta, thậm chí gia đình của chúng ta. Điều đó không có nghĩa là cho đi hết tất cả, nhưng mà sẵn sàng ban cho.

Jesus is quite blunt. Offer your life, all of it, to the deepest service of God, and then you will truly find life. Otherwise, you will lose it.

Chúa Jesus rất rõ ràng. Dâng sự sống của bạn, hết tất cả, để phục vụ

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Chúa hết lòng, và rồi bạn sẽ thật sự tìm thấy sự sống. Nếu không thì bạn sẽ mất sự sống.

Forgiveness does not take place without the giving of your life.

Sự tha thứ sẽ không diễn ra nếu bạn không dâng sự sống của bạn.

Cleanse our conscience

Làm sạch lương tâm

The writer to the Hebrews makes a similar point earlier in the same chapter we have been considering.

Tác giả Thư Hê-bơ-rơ đưa ra một điểm tương tự trước đó trong cùng với chương mà chúng ta đang nghiên cứu

The blood of goats and bulls and the ashes of a heifer sprinkled on those who are ceremonially unclean sanctify them so that they are outwardly clean. How much more, then, will the blood of Christ, who through the eternal Spirit offered himself unblemished to God, cleanse our consciences from acts that lead to death, so that we may serve the living God! (Heb 9:13-14).

Vì nếu máu của dê đực và bò đực cùng tro của bò cái tơ mà người ta rảy trên kẻ bị ô uế còn thánh hóa họ để được thanh sạch về phần xác thịt, thì huống chi huyết của Đấng Christ, là Đấng nhờ Thánh Linh đời đời, dâng chính mình không tì vết cho Đức Chúa Trời, sẽ tẩy sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết, để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống bội phần hơn là đường nào (Hê-bơ-rơ 9:13-14)

Did you notice? The role of Christ's sacrifice is to *cleanse our consciences*. It's not about getting God to agree with us, nor about appeasing God. Rather it is about affecting the mind, the conscience, the attitude and the heart of the person bringing the sacrifice, and perhaps of those looking on too.

Bạn có nhận ra điều này không? Vai trò của sinh tế Đấng Christ là *làm sạch lương tâm chúng ta*. Nó không phải là về việc khiến Đức Chúa Trời đồng ý với chúng ta, hay về việc làm xoa dịu Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa điều này tác động lên tâm trí, lương tâm, thái độ và tấm lòng của người dâng của lễ, và có lẽ với những ai nhìn vào.

As we'll continue to see over the next few sections, this was actually the point about the sacrifices under the Law also. They were supposed to affect the one who offered them. And if the sacrifices of the Law had that effect on the people who witnessed them, just think how much more effective the blood of Christ is to us who witness his sacrifice again and again as we read Scripture, or as we share bread and wine in communion. His spilled blood has incredible power in cleansing our consciences from acts that lead to death.

Khi chúng ta tiếp tục xem xét trong một vài chương tiếp theo, đây thật sự là điểm qua những của lễ theo Luật Pháp. Chúng được cho là ảnh hưởng trên người dâng chúng. Và nếu của lễ của Luật Pháp đã ảnh hưởng trên những người đã chứng kiến những điều này, hãy nghĩ về huyết của Đấng Christ đã ảnh hưởng như thế nào đối với chúng ta, những người chứng kiến sự hy sinh của Ngài liên tục khi chúng ta đọc Kinh Thánh, hay khi chúng ta nhận bánh và chén trong sự thông công. Huyết Ngài đổ ra có một sức mạnh phi thường trong việc làm sạch lương tâm của chúng ta khỏi những hành động dẫn đến sự chết.

Summary

Tóm tắt

Blood is a symbol of life, so blood sacrifices were symbolically about the giving of life. God wants us to be like Jesus and each to be willing to give up every aspect of our life so that we might truly find it.

Huyết là một biểu tượng của sự sống, vì thế của lễ bằng huyết mang hình ảnh của việc ban sự sống. Đức Chúa Trời muốn chúng ta như Chúa Giê-xu và mỗi người sẵn sàng từ bỏ mọi khía cạnh trong cuộc sống của chúng ta để chúng ta có thể thật sự tìm thấy sự sống.

Discussion

Thảo Luận

1. If God didn't really need spilled blood, why do you think it is so prevalent in the Law of Moses?
1. Nếu Đức Chúa Trời thật sự cần huyết đổ ra, tại sao bạn nghĩ rằng nó quá phổ biến trong Luật Môi-se?

THAY ĐỔI CHÚNG TA

2. What do you think “without the giving of life, there is no forgiveness” might mean in practice? Discuss in what ways you have each “given your life”.
2. Bạn nghĩ “nếu không có việc dâng sự sống, thì sẽ không có sự tha tội” có thể có nghĩa gì trong thực tế? Hãy thảo luận bằng những cách thức nào bạn đã dâng “đời sống của mình”?
3. What is the difference between obedience, submission, turning the other cheek, etc, and being a doormat?
3. Đâu là sự khác biệt giữa sự vâng lời, sự đầu phục, tránh xa sự giả dối, vân vân, và là một tấm thảm chùi chân.

Mercy, not appeasement

Thương Xót, không phải xoa dịu

Another reason that people feel led to believe a substitutionary theory of atonement is that some Bible passages concerning *propitiation* can appear to support that theory pretty explicitly. But I believe this is due to a mistranslation of the authors' intent. In this section I'd like us to examine this sacrifice word which appears in various versions of our English Bibles. Take this verse in the KJV translation, for example:

Một lý do khác mà người ta cảm nhận được hướng đến việc tin vào thuyết thay thế trong sự cứu chuộc đó là một số đoạn Kinh Thánh có liên quan đến từ *sự xoa dịu* có thể xuất hiện nhằm hỗ trợ thuyết này khá rõ ràng. Nhưng tôi tin rằng đây là do một sự diễn giải nhầm ý của tác giả. Trong phần này, tôi muốn chúng ta hãy xem xét từ của lễ chuộc tội xuất hiện trong những phiên bản khác nhau trong Kinh Thánh tiếng Anh của chúng ta. Hãy xem câu này trong bản KJV, ví dụ:

And he is the propitiation for our sins: and for ours only, but also for the sins of the whole world. (1 John 2:2, KJV)

Chính Ngài là tế lễ chuộc tội chúng ta, không những vì tội của chúng ta mà thôi, nhưng còn vì tội của cả thế gian nữa. (1 Giăng 2:2, KJV).

Because propitiation is a word we don't use day to day, it can escape our scrutiny. We may not be very familiar with its actual meaning. But a trip to the dictionary will fix that. The dictionary on my computer has a definition as follows.

Vì từ xoa dịu là một từ chúng ta không còn thường xuyên sử dụng, nó có thể ra khỏi sự nghiên cứu của chúng ta. Chúng ta có thể không quen với ý nghĩa thật sự của nó. Nhưng một sự nghiên cứu tự điển sẽ

THAY ĐỔI CHÚNG TA

xử lý điều này. Tự điển trong máy vi tính của tôi có một định nghĩa như sau.

Propitiate: Win or regain the favor of (a god, spirit, or person) by doing something that pleases them: the pagans thought it was important to propitiate the gods with sacrifices.

Propitiate: Giành được hay lấy lại sự ban ơn của (một thần, linh, hay một người) bằng cách thực hiện điều gì đó để làm hài lòng họ: người theo tà thần đã nghĩ rằng làm xoa dịu các thần với những tế lễ là điều rất quan trọng.

Propitiation: The act of propitiating or appeasing a god, spirit, or person: he lifted his hands in propitiation.

Propitiation: Hành động làm xoa dịu hay làm nguôi giận một thần, một linh, hay một người: ông ta nhấc tay mình lên trong sự nguôi giận.

Propitiation or appeasement happens when someone tries to find a way to pacify another, to give them a gift, for example. Perhaps a parent is furious with a child, and the child tries to find some way to make the parent happier, “Would you like me to give you something?” with the unspoken, “to make you less angry with me.”

Sự làm nguôi giận hay xoa dịu xảy ra khi một người nào đó cố gắng tìm ra một cách để làm lành với ai đó, tặng cho họ một món quà, ví dụ như vậy. Có lẽ khi một bậc làm cha làm mẹ nổi giận với một đứa con, và đứa con đó cố gắng tìm cách gì đó để làm cha mẹ mình vui lòng hơn, “cha mẹ có muốn con tặng cho cha mẹ gì đó không?” mà không nói thẳng ra, “để làm cho cha mẹ bớt giận với con”.

Is this really our relationship with God?

Đó có phải thật sự là mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời không?

Remember that the Bible wasn't originally written in English. The New Testament was written in Common Greek, a language that faded from use over a thousand years ago, so our English Bibles come from the very hard work of many diligent people, translating from an ancient tongue into our modern vernacular. It's not at all an au-

tomatic process, but rather it involves thoughtful consideration and careful judgement. Unfortunately, despite their best intentions, the beliefs and doctrines of the translators, have affected their choice of words within the translation.

Hãy nhớ rằng Kinh Thánh nguyên ngữ không phải được viết bằng tiếng Anh. Tân Ước được viết bằng tiếng Hy-lạp Phổ thông, một ngôn ngữ mà dần dần người ta ít sử dụng trong hơn một ngàn năm qua, vì thế Kinh Thánh Anh Ngữ của chúng ta đến từ công tác rất chăm chỉ của nhiều con người tận tụy, dịch từ một ngôn ngữ xa xưa sang một ngôn ngữ bản xứ hiện đại. Không phải tất cả là một tiến trình tự động, nhưng hơn nữa nó bao gồm sự nghiên cứu chu đáo và đánh giá cẩn trọng. Thật không may, cho dù với những ý định tốt nhất của các dịch giả, niềm tin và những học thuyết của các dịch giả đã ảnh hưởng đến sự chọn lựa từ trong cách dịch của họ.

I think this has happened with *propitiation*. I'll risk being bold here: in my opinion, the choice of the word *propitiation* is such a poor translation that it should be crossed out and replaced with something more representative of what the original writers intended.

Tôi nghĩ điều này đã xảy ra với từ *propitiation*. Tôi mạo hiểm bám chặt vào điểm này: theo ý kiến của tôi, sự chọn lựa từ *propitiation* là một từ dịch khá nghèo nàn đến nỗi nó cần được lược qua và thay thế với một từ gì đó đại diện hơn cho điều mà các tác giả ban đầu muốn nói đến.

Propitiation is very much a substitution - theory kind of word. That's why it was a popular choice in King James' time when the KJV was translated, and it is still the word of choice for some modern translators.

Sự xoa dịu là một loại từ mang đậm nét thuyết thay thế. Đó là lý do tại sao đó là một chọn lựa phổ biến trong thời đại của King James khi bản KJV được dịch ra, và nó vẫn còn là một từ chọn lựa cho một số dịch giả hiện đại.

But *propitiation* is manipulative: it seeks to distract or divert God's attention by doing something that pleases him. Yet God is not to be manipulated. Nor is he in turn manipulative of us. The death of Christ is not about appeasement. God has never needed to calm down, or to get over something.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Nhưng từ *propitiation* là một từ mang tính cách thức: nó có nghĩa là tìm cách làm lãng đi hay làm trệch đi sự chú ý của Đức Chúa Trời bằng cách làm gì đó để hài lòng Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời không phải bị tác động như vậy. Ngài cũng không thay đổi với chúng ta chỉ nhờ vào thao tác đó. Sự chết của Chúa Giê-xu không chỉ là về sự xoa dịu. Đức Chúa Trời chưa bao giờ cần phải lấy lại bình tĩnh, hay phải vượt qua tình trạng nào đó.

In fact, the Biblical picture of our relationship with God is completely the other way around. It is that God is reaching out to us, wanting a response. The picture we should have in our minds is of a parent ‘disciple-ing’ a child in the context of overwhelming love; *disciplining* a child in the rich sense of that word: training a child.

Thật vậy, bức tranh Kinh Thánh về mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời hoàn toàn theo cách khác. Đó là Đức Chúa Trời đang vươn đến chúng ta, mong muốn một sự hồi đáp. Bức tranh mà chúng ta nên có trong tâm trí của chúng ta là về việc một người cha “kỷ luật” đứa con trong bối cảnh của một tình yêu tuôn đổ; *kỷ luật* một đứa con trong một ý nghĩa mạnh mẽ của từ này: huấn luyện một đứa con.

What the Greek words mean

Điều mà những từ Hy-lạp có nghĩa

To understand the original ideas a little better let’s dip into the Greek. The original family of Greek words that *propitiation* supposedly translates are *hilaskomai*, *hilasterion*, and *hilasmos*. Each of these words occurs just twice in the New Testament. You can see that they all have the same stem (*hilas-*) but also that they reflect different part of speech, just like ‘walk’, ‘walking’ and ‘walked’, for example. We’ll look at all six occurrences of these words in the New Testament, to see the pattern of their meaning.

Để hiểu được ý nghĩa ban đầu tốt hơn một chút, chúng ta hãy nghiên cứu sâu vào tiếng Hy-lạp. Trong nhóm từ cùng họ nguyên thủy trong Hy-văn thì từ *propitiation* được dịch ra là *hilaskomai*, *hilasterion*, và *hilasmos*. Mỗi từ này chỉ xuất hiện hai lần trong Tân Ước. Bạn có thể nhìn thấy tất cả những từ này đều có gốc từ (*hilas-*) nhưng bạn cũng nhìn thấy chúng phản ánh những phần khác nhau của từ ngữ, giống như “bước đi”, “đang bước đi” và “đã bước đi”, đại loại như

vậy. Chúng ta sẽ xem xét sáu lần xuất hiện những từ ngữ này trong Tân Ước, để xem kiểu ý nghĩa của nó.

1st occurrence
Lần xuất hiện đầu tiên

Five of the uses of *hilas* - words are in the context of atonement, so we risk getting into a circular argument by going there. Interestingly, one of the occurrences is in a completely different context. It is a parable of Jesus: the parable of the Pharisee and the tax collector.

Năm lần sử dụng từ *hilas* là ở trong bối cảnh của sự cứu chuộc, vì thế chúng ta hãy thử bước vào một tranh luận xoay quanh điều này bằng cách hãy nghiên cứu nó. Thật thú vị, một trong những lần xuất hiện lại ở trong một bối cảnh hoàn toàn khác nhau. Đó là ẩn dụ của Chúa Giê-xu: ẩn dụ về người Pha-ri-si và người thu thuế.

To some who were confident of their own righteousness and looked down on everybody else, Jesus told this parable: “Two men went up to the temple to pray, one a Pharisee and the other a tax collector. The Pharisee stood up and prayed about himself: ‘God, I thank you that I am not like other men – robbers, evildoers, adulterers – or even like this tax collector. I fast twice a week and give a tenth of all I get.’

Đức Chúa Giê-xu lại kể ẩn dụ này cho một số người tự cho mình là công chính mà khinh bỉ những người khác: “Có hai người lên đền thờ cầu nguyện: một người Pha-ri-si và một người thu thuế. Người Pha-ri-si đứng dậy và đã cầu nguyện về mình như thế này: ‘Lạy Đức Chúa Trời, con tạ ơn Ngài, vì con không phải như những người khác: tham lam, bất nghĩa, gian dâm, cũng không phải như người thu thuế này. Con kiêng ăn mỗi tuần hai lần, và nộp một phần mười về mọi lợi tức của con.’

“But the tax collector stood at a distance. He would not even look up to heaven, but beat his breast and said, “God, have mercy on me, a sinner.”

Còn người thu thuế thì đứng xa xa, thậm chí không dám ngước mắt lên trời, ông ta chỉ đấm ngực và thưa: “Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót con, vì con là một tội nhân”.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

“I tell you that his man, rather than the other, went home justified before God. For everyone who exalts himself will be humbled, and he who humbles himself will be exalted.” (Luke 18:9-14).

“Ta bảo các con, người này trở về nhà mình, được xưng công chính chứ không phải người kia. Vì ai tự tôn cao sẽ bị hạ xuống, còn ai tự hạ xuống sẽ được tôn cao.” (Lu-ca 18:9-14).

The Pharisee comes and prays ‘about’ (or possibly ‘with’) himself, “I thank you that I am not like other men, especially not like this tax collector!” and he goes on to list the marvelous things he does for God.

Người Pha-ri-si đến và cầu nguyện ‘về’ (hay có thể ‘với’) chính ông ta, “con cảm ơn Ngài rằng con không giống như những người khác, đặc biệt là không giống như người thu thuế này!” và ông tiếp tục liệt kê danh sách những điều tuyệt vời mà ông ta đã làm cho Đức Chúa Trời.

The tax collector, in contrast, comes to God and prays, asking God to be merciful to him, a sinner.

Người thu thuế, ngược lại đến với Đức Chúa Trời và cầu nguyện, nài xin Đức Chúa Trời thương xót ông, một tội nhân.

In the original, this word ‘merciful’ is *hilaskomai!*

Trong nguyên ngữ, từ ‘thương xót’ là *hilaskomai!*

Doesn’t that show us how far off the translation “propitiation” is? *Hilaskomai* is not about appeasement. It’s about mercy. “God, there’s no reason why you have to accept me. I just throw myself on your mercy.” That’s the whole point of the parable. The Pharisee is the one saying, “I’m doing everything you wanted me to do! You should be pleased!” *He’s* the one trying to be propitious. In contrast, the tax collector says, “I throw myself on your mercy! Will you accept me?”

Có phải điều đó cho chúng ta thấy rằng từ ‘propitiation’ đã được dịch quá xa ý nghĩa thật sự của nó? *Hilaskomai* không hề nói về sự xoa dịu ở đây. Nó nói về sự thương xót.” Đức Chúa Trời ơi, không có lý do gì tại sao Ngài phải chấp nhận con. Con xin phó chính con vào sự thương xót của Ngài”. Đó là toàn bộ ẩn dụ này. Người Pha-ri-si là người nói, “con sẽ làm mọi điều Ngài muốn con làm! Ngài sẽ được

hài lòng!”. Ông ta là người đang cố gắng tỏ ra mình là nhân lành. Ngược lại, người thu thuế nói, “con phó chính con vào sự thương xót của Ngài! Xin Ngài chấp nhận con?”

2nd occurrence
Lần xuất hiện thứ hai

The other occurrence of *hilaskomai* is in Hebrews. This is how the NIV translates it:

Lần xuất hiện khác của từ *hilaskomai* là ở trong Thư Hê-bơ-rơ. Đây là cách mà NIV diễn dịch:

For this reason he had to be made like his brothers in every way, in order that he might become a merciful and faithful high priest in service to God, and that he might make atonement for the sins of the people (Heb 2:17).

Vì thế, Ngài phải trở nên giống như anh em mình trong mọi phương diện, để trở nên thầy tế lễ thương phẩm đầy lòng thương xót và trung tín trong sự phục vụ Đức Chúa Trời, hầu chuộc tội cho chúng dân. (Hê 2:17)

The NIV translators picked the phrase *make atonement*, which is okay but could sound transactional if we were not careful. Now try rereading the verse and substitute the plain idea of *mercy* instead of a transaction for *atonement*:

Những dịch giả NIV đã lấy ra cụm từ *cứu chuộc* cũng ổn nhưng cũng có thể mang ý nghĩa trao đổi nếu chúng ta không cẩn trọng. Giờ đây hãy cố đọc lại câu này và thay thế ý tưởng hoàn toàn của từ *sự thương xót* thay vì là sự trao đổi cho *sự cứu chuộc*:

For this reason he had to be made like his brothers in every way, in order that he might become a merciful and faithful high priest in service to God, and that he might have mercy for the sins of the people.

Vì lý do này, Ngài phải trở nên giống như anh em mình trong mọi phương diện, để trở nên thầy tế lễ thương phẩm đầy lòng thương xót và trung tín trong sự phục vụ Đức Chúa Trời, hầu có thể ban sự thương xót để chuộc tội cho chúng dân.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

It can be translated in exactly the same way as in Luke! Incidentally, while *hilaskomai* has the idea of mercy in the sense of pardoning or forgiving, the other word that is translated merciful in this verse has more the idea of empathy. Thus Jesus is an empathetic and faithful high priest, who pardons our sins.

Từ này có thể được dịch chính xác cùng cách như vậy như trong Lu-ca! thật ngẫu nhiên là trong khi từ *hilaskomai* có ý nghĩa là sự thương xót trong ý nghĩa về sự tha tội hay tha thứ, từ khác được dịch là sự thương xót trong câu này mang nhiều ý nghĩa hơn là sự thấu hiểu. Vì thế Chúa Giê-xu là một thầy tế lễ thành tín và thấu hiểu, Đấng luôn tha thứ tội lỗi cho chúng ta.

3rd occurrence *Lần xuất hiện thứ ba*

Let's move to another of our family of words, *hilasterion*. It occurs in Romans 3. Here it is in the KJV translation:

Chúng ta hãy chuyển đến một trường hợp khác của những từ cùng loại của chúng ta, *hilasterion*. Trường hợp này xảy ra trong Rô-ma 3. Trong bản dịch King James đó là:

Whom God hath set forth to be a propitiation through faith in his blood, to declare his righteousness for the remission of sins that are past, through the forbearance of God; (Rom 3:25; KJV)

Đức Chúa Trời đã lập Ngài làm của lễ chuộc tội cho những ai có đức tin trong huyết Ngài. Việc này bày tỏ sự công chính của Đức Chúa Trời, vì Ngài lấy lòng nhẫn nhục mà bỏ qua những tội lỗi trong quá khứ. (Rô-ma 3:25, KJV)

There's the use of the word *propitiation*. The King James translators chose this word in 1611 as a translation of *hilasterion*. The NIV avoids *propitiation*, and instead uses the phrase *sacrifice of atonement*, which still feels very transactional, at least to me.

Có một cách sử dụng từ *xoa dịu*. Bản King James đã chọn từ này trong trang 1611 như là diễn giải của từ *hilasterion*. NIV tránh dùng chữ *propitiation* (*xoa dịu*), và thay vào đó dùng cụm từ *của lễ chuộc tội*, vẫn mang ý nghĩa về một sự trao đổi, ít nhất là đối với tôi.

The *Diaglott*¹ interlinear translation of Greek text takes issue with *propitiation*, and extends the understanding of ‘mercy’ to *hilasterion* too. Here is the *Diaglott*’s translation of Romans 3:25. This is a word for word translation of the Greek text, keeping the same word order of the original:

Phần dịch trong bản văn tiếng Hy Lạp có chú thích của *Diaglott* đã dùng với từ *xoa dịu* và cũng mở rộng cách hiểu từ “sự thương xót” với từ *hilasterion*. Đây là bản dịch theo *Diaglott* cho Rô-ma 3:25. Đây là cách dịch từng từ của bản văn Hy-lạp, giữ cùng trật tự từ của nguyên bản:

... *Whom set forth the God a mercy-seat through the faith by the of him blood, for a pointing out of the righteousness of himself, through the passing by of the formerly committed sins in the forbearance of the God.*

Đức Chúa Trời đã lập Ngài ở Ngai thi ân (Ngai thương xót) cho những ai có đức tin trong huyết Ngài, việc này bày tỏ sự công chính của chính Đức Chúa Trời, vì Ngài lấy lòng nhân nhượng mà bỏ qua những tội lỗi trong quá khứ.

The word *hilasterion* is translated *mercy-seat*. Jesus is the *mercy-seat*, the place where mercy is obtained. The footnote to this verse in the *Diaglott* goes on to assert that “*hilasterion never signifies propitiation,*” and that it is always used to express the *mercy seat*.

Từ *hilasterion* được dịch là *ngai thi ân*. Chúa Giê-xu ngồi ở *ngai thi ân*, nơi mà con người nhận được sự thương xót. Ghi chú dưới câu này trong bản dịch *Diaglott* tiếp tục tuyên bố rằng “*hilasterion không bao giờ chỉ về sự xoa dịu*” và từ này luôn được sử dụng để bày tỏ về *ngai thi ân*.

4th occurrence
Lần xuất hiện thứ tư

Indeed, the other occurrence of *hilasterion* is clearly of this nature: Thật vậy, một lần xuất hiện khác của từ *hilasterion* thì rất rõ về đặc điểm này:

¹*The emphatic Diaglott, Kessinger Publishing LLC, 2006*

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Above the ark were the cherubim of the Glory, overshadowing the atonement cover. (Heb 9:5)

Phía trên Hòm Giao ước có các chê-ru-bim vinh quang che phủ nắp thi ân. (Hê 9:5)

Notice that while the NIV uses the phrase *atonement cover*, the KJV and others use *mercy seat*:

Hãy chú ý rằng trong khi bản NIV dùng cụm từ *nắp thi ân*, bản King James và những bản khác sử dụng *ngai thi ân*:

And over it the cherubims of glory shadowing the mercyseat; of which we cannot now speak particularly. (KJV)

“Và trên đó là các chê-ru-bim của sự vinh quang che phủ ngai thi ân; mà chúng ta không thể kể chi tiết bây giờ được” (bản King James).

Either way, the same idea is intended. *Hilasterion* is the top of the covenant box built by Moses, which had a seat that represented God's throne. This is the place where the Israelites came to meet with God, and hence receive mercy. It was from here that God dispensed his compassionate justice.

Dù cách nào đi nữa thì cả hai đều hướng đến cùng một ý tưởng. *Hilasterion* là đỉnh của hòm giao ước do Môi-se dựng nên, có một chiếc ngai đại diện cho sự tể trị của Đức Chúa Trời. Đây là một nơi mà người Israel đến để tương giao với Đức Chúa Trời, và vì thế nhận được sự thương xót. Từ nơi đây Đức Chúa Trời ban công lý về sự thương xót của Ngài.

Notice that both the KJV and the NIV agree that, here at least *hilasterion* is not propitiation, nor even atoning *sacrifice*.

Hãy chú ý cả bản King James và NIV đều đồng ý rằng, ở đây ít nhất từ *hilasterion* không chỉ là sự xoa dịu, hay thậm chí là *của lễ chuộc tội*

5th and 6th occurrence
Lần xuất hiện thứ năm và thứ sáu

Exactly the same kind of idea comes across with the final word, *hilasmos*, which occurs twice in John's first letter. Here it is in the NIV:

Thật chính xác khi chúng ta tìm thấy cùng một ý tưởng với từ cuối cùng, *hilasmos*, xuất hiện hai lần trong Thư Tín Thứ Nhất của Giăng. Đây là ở trong bản NIV:

He is the atoning sacrifice for our sins, and not only for ours but also for the sins of the whole world. (1 John 2:2)

Chính Ngài là tế lễ chuộc tội chúng ta, không những vì tội của chúng ta mà thôi, nhưng còn vì tội của cả thế gian nữa. (1 Giăng 2:2)

This is love: not that we loved God, but that he loved us and sent his Son as an atoning sacrifice for our sins. (1 John 4:10)

Tình yêu thương ở trong điều này: Không phải chúng ta đã yêu thương Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã yêu thương chúng ta và sai Con Ngài làm tế lễ chuộc tội chúng ta. (1 Giăng 4:10)

The NIV uses the idea of atoning sacrifice again, as it did with one of the occurrences of each of the other two words (though not with the other occurrences). The KJV uses *propitiation* in both verses. For example:

Bản NIV dùng lại những ý tưởng về của lễ chuộc tội, như bản dịch này đã từng làm với một trong những lần xuất hiện của mỗi hai từ (dù không với những lần xuất hiện khác). Bản King James sử dụng chữ *xoa dịu* trong cả hai câu. Ví dụ:

Herein is love, not that we loved God, but that he loved us, and sent his Son to be the propitiation for our sins. (KJV)

Đây là tình yêu, không phải chúng ta yêu Chúa, nhưng là Ngài yêu chúng ta, và ban Con của Ngài làm xoa dịu cho tội lỗi của chúng ta (bản King James)

However, the Greek Lexicon by Louw and Nida ¹ objects to this translation. They state:

Tuy nhiên, Greek Lexicon do Louw và Nida viết thì phản đối cách dịch này. Họ nói rằng:

¹Louw & Nida, *Greek-English Lexicon of the New Testament: based on Semantic Domains*, United Bible Societies, 1988.

Though some traditional translations render hilasterion as 'propitiation,' this involves a wrong interpretation of the term in question. Propitiation is essentially a process by which one does a favor to a person in order to make him or her favorably disposed, but in the NT God is never the object of propitiation since he is already on the side of people. Hilasmos and hilasterion denote the means of forgiveness and not propitiation.

Dù một số bản dịch truyền thống diễn tả từ hilasterion như là 'sự xoa dịu', điều này liên quan đến một cách diễn dịch sai từ này trong câu hỏi. Sự xoa dịu là một tiến trình cần thiết mà bởi đó một ai đó dâng điều gì đó cho một người khác để khiến người đó bày tỏ ơn trên mình, nhưng trong Tân Ước, Đức Chúa Trời không bao giờ là đối tượng của sự xoa dịu vì Ngài luôn ở bên cạnh dân sự. Hilamos hay hilasterion chỉ về phương tiện của sự tha thứ và không phải là sự xoa dịu

In fact, these verses make perfect sense if we simply translate *hilasmos* with the idea of merciful forgiveness. Then they are simply expressing the idea of God's mercy toward us, and we can abandon any idea of appeasement.

Thật vậy, những câu này thể hiện trọn vẹn ý nghĩa nếu chúng ta chỉ dịch *hilasmos* với ý nghĩa về sự tha thứ thương xót. Kể đó những câu này chỉ bày tỏ ý tưởng về sự thương xót của Đức Chúa Trời dành cho chúng ta, và chúng ta có thể bỏ qua bất kỳ ý tưởng nào về sự xoa dịu.

He is the [means of mercy] for our sins, and not only for ours but also for the sins of the whole world.

Ngài là [phương tiện của lòng thương xót] cho những tội lỗi của chúng ta, và không chỉ cho tội lỗi của chúng ta mà còn cho tội lỗi của cả thế giới.

This is love: not that we loved God, but that he loved us and sent his Son as a [means of mercy] for our sins.

Đây là tình yêu: không phải là chúng ta yêu Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã yêu chúng ta và ban Con của Ngài như [một phương tiện của lòng thương xót] cho những tội lỗi của chúng ta.

Jesus brings mercy. He is the place of mercy. He is the one who is merciful. His role is not to placate God. That would suggest that his work is to get God to do something different, that the problem is with God. Quite the reverse. The problem is with us, and God sent him to us to bring us mercy.

Chúa Giê-xu mang đến sự thương xót. Ngài là nơi của sự thương xót. Ngài là Đấng giàu lòng thương xót. Vai trò của Ngài không phải để xoa dịu Đức Chúa Trời. Nếu cho rằng công tác của Ngài là khiến Đức Chúa Trời làm điều gì đó khác đi thì nan đề nằm ở Đức Chúa Trời. Hoàn toàn ngược lại. Nan đề là ở chúng ta, và Đức Chúa Trời đã sai Ngài đến với chúng ta để ban cho chúng ta sự thương xót.

Propitiation should be taken out of our vocabulary!

Từ xoa dịu nên được loại ra khỏi từ vựng của chúng ta!

Summary

Tóm tắt:

The technical English word ‘propitiation’ (appeasement) is often used to describe the purpose of the death of Jesus. But it is a mistranslation of a family of words in the original of the New Testament. Rather, the idea behind these words is merciful forgiveness, not appeasement.

Từ mang tính học thuật tiếng Anh ‘sự xoa dịu’ (appeasement) thường được dùng để mô tả về mục đích sự chết của Chúa Giê-xu. Nhưng đó là một sự diễn dịch sai một nhóm từ ngữ cùng họ trong nguyên ngữ của Tân Ước. Hơn thế nữa, ý tưởng nằm sau từ này là sự thương xót, sự tha thứ, không phải là sự xoa dịu.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Discussion

Thảo Luận

1. In practice, what is the difference between the idea of mercy and appeasement? Invent a story or parable that exemplifies each one.
1. Trong thực tế, sự khác biệt giữa những ý tưởng về sự thương xót và sự xoa dịu là gì? Hãy nghĩ về một câu chuyện hay một ẩn dụ minh họa cho mỗi ý tưởng.
2. Discuss in what ways translators' biases can either be helpful or harmful in understanding the Bible. Can you think of some specific examples?
2. Hãy thảo luận bằng cách nào mà những xu hướng của người dịch có thể hoặc là có ích hoặc là có hại trong việc hiểu Kinh Thánh. Bạn hãy nghĩ về một số ví dụ cụ thể?
3. Consider the following verse from Leviticus,
3. Hãy xem xét câu dưới đây từ Lê-vi Ký

For the life of a creature is in the blood, and I have given it to you to make atonement for yourselves on the altar; it is the blood that makes atonement for one's life. (Lev 17:11)

Vì sinh mạng của xác thịt ở trong huyết, vì Ta đã ban huyết cho các con rảy trên bàn thờ để làm lễ chuộc tội linh hồn các con. Vì chính huyết là sinh mạng nên mới chuộc tội được (Lê 17:11)

Discuss whether it can be interpreted in accordance with the approach in this chapter.

Hãy thảo luận xem là câu này có thể được diễn dịch theo cách tiếp cận trong chương này không.

Covering Sự Bao Phủ

Have you ever heard the phrase “Jesus is covering for sin”? It is a popular expression. Martin Luther expressed the concept saying we are *covered by the righteousness of Christ*. I’ve heard this linked with the idea that *God cannot look on sin*, which I presume is drawn from Habbakuk. *Covering* is another place in which some Christians think that the death of Christ was intended to change something in heaven, so that God could accept us. So let’s look at this idea carefully.

Bạn có bao giờ nghe cụm từ “Chúa Giê-xu che phủ cho tội lỗi”? Đó là một sự diễn tả phổ biến. Martin Luther đã bày tỏ quan niệm này nói rằng chúng ta được *che phủ bởi sự công chính của Đấng Christ*. Tôi đã nghe điều này liên kết với ý tưởng cho rằng Đức Chúa Trời *không thể để ý vào tội lỗi*, mà tôi cho rằng điều này được rút ra từ sách Ha-ba-cúc. *Sự che phủ là một quan điểm khác mà ở đó một số Cơ Đốc Nhân nghĩ rằng cái chết của Đấng Christ là nhằm để thay đổi một điều gì đó trên thiên đàng, để Đức Chúa Trời có thể chấp nhận chúng ta*. Vì thế chúng ta hãy xem xét điều này một cách cẩn trọng.

In what sense can it be said that God cannot look on sin?

Ý nghĩa nào nói rằng Đức Chúa Trời không thể để ý đến tội lỗi?

Perhaps God looks at me and sees a sinner, but then he covers me with Christ in some way and so imagines I’m not that bad after all? Almost like a game of pretend.

Có lẽ Đức Chúa Trời nhìn vào tôi và nhìn vào một tội nhân, nhưng khi Ngài bao phủ tôi bằng Đấng Christ trong một phương cách nào đó và vì thế nghĩ rằng rốt cuộc thì tôi đâu đến nỗi xấu như vậy? Hầu như giống như một điều giả vờ.

Clearly not. God doesn’t play games with himself. So there must be another way to look at this.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Rõ ràng không phải như thế. Đức Chúa Trời không thử thách với chính Ngài. Vì thế chắc chắn phải có một phương cách khác để nhìn vào vấn đề này.

Similarly, popular interpretations of a passage in Genesis say that it was for God's own sake that he provided a covering of skins of Adam and Eve.

Tương tự như vậy, sự diễn dịch phổ biến của một đoạn Kinh Thánh trong Sáng Thế Ký nói rằng đó là chính vì lợi ích của Đức Chúa Trời mà Ngài đã ban cho A-đam và Ê-va một tấm da để che phủ họ.

Adam and Eve had attempted to cover themselves with fig leaves, but instead God makes clothing of animal skins for them. I've heard many people suggest that God took a lamb and slew it to provide Adam and Eve with their clothing, that this was the first blood sacrifice, and that God is showing that the literal shedding of blood is necessary to cover sins. But that's going way beyond what the Bible says.

A-đam và Ê-va đã tìm cách che chính họ bằng những chiếc lá vả, nhưng thay vào đó Đức Chúa Trời đã làm ra vải may bằng những miếng da thú dành cho họ. Tôi đã nghe nhiều người cho rằng Đức Chúa Trời đã lấy một con chiên và giết nó đi để ban cho A-đam và Ê-va quần áo, rằng điều này là sinh tế bằng huyết đầu tiên, và Đức Chúa Trời cho thấy rằng sự đổ huyết mang nghĩa đen là cần thiết để che phủ tội lỗi. Nhưng điều đó đi quá xa so với điều Kinh Thánh nói.

The LORD God made garments of skin for Adam and Eve and his wife and clothed them (Gen:21).

Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã lấy da thú làm vải che thân cho A-đam và vợ ông và mặc cho họ (Sáng 3:21).

That's all it says!

Đó là tất cả điều Kinh Thánh nói.

It doesn't say it was a sheep. Perhaps it was. Or perhaps it was a lion, or bear. It doesn't even say that God killed it. Maybe he did, or maybe it had died previously.

Kinh Thánh không nói rằng đó là một con chiên. Có lẽ là con chiên. Hay có lẽ là một con sư tử, hay một con gấu. Thậm chí Kinh Thánh không hề nói Đức Chúa Trời đã giết nó. Có thể Ngài đã làm, hay có thể nó đã chết trước đó.

All I'm suggesting is that we should be really careful about reading more into a passage than is written. Sometimes it's valid and, no doubt, sometimes it's not.

Tất cả điều mà tôi đang đề nghị đó là chúng ta nên thật sự cẩn trọng về việc đọc trong một đoạn Kinh Văn vượt quá điều mà tác giả muốn trình bày. Đôi khi nó đúng và không nghi ngờ gì nữa, đôi khi thì nó lại không chính xác.

In this case, going with the popular interpretation can get us into trouble. Why? Because it is confused about where the shortcoming is. It says that *God* is the one who needs us to be covered. It says that the problem is with God, that he is not able to accept us the way we are, and so God has to invent the idea of a 'covering' to resolve his issue!

Trong trường hợp này, việc cách diễn dịch phổ biến có thể đưa chúng ta vào rắc rối. Tại sao? Vì người ta bối rối về vấn đề thiếu sót nằm ở đâu. Điều này nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng muốn chúng ta được che phủ. Nó cũng nói rằng nan đề là ở chỗ Đức Chúa Trời, rằng Ngài không thể chấp nhận chúng ta theo phương cách mà chúng ta thể hiện, và vì thế Đức Chúa Trời phải nghĩ ra ý tưởng về một 'vật che phủ' để giải quyết vấn đề của Ngài!

This is not good. As we have been noticing, the real problem is with us. It is always with us. It is never with God.

Điều này không hợp lý chút nào. Như chúng ta chú ý, thì nan đề thật sự là ở chúng ta. Nó luôn luôn ở với chúng ta. Không bao giờ ở với Đức Chúa Trời.

*Our fear and shame
Sự sợ hãi và xấu hổ của chúng ta*

Who actually needs a covering? Or to put it another way, who would have the problem if we came to God (spiritually) naked? God, or us?

Ai thật sự cần sự che phủ? Hay nói theo một cách khác, ai sẽ có nan đề nếu chúng ta đến với Đức Chúa Trời với (thuộc linh) trần trụi? Đức Chúa Trời hay chúng ta?

THAY ĐỔI CHÚNG TA

I think the answer is that we do. I don't think *God* needs us to be 'covered'. He knows exactly who we are, and what we are like. Rather, we are the ones who feel a desperate need for covering. Here's why.

Tôi nghĩ câu trả lời là chúng ta. Tôi không nghĩ Đức Chúa Trời cần chúng ta được 'che phủ'. Ngài biết chính xác chúng ta là ai và chúng ta như thế nào. Hơn thế nữa, chúng ta là những kẻ cảm nhận một nhu cầu tuyệt vọng cho sự bao phủ. Đây là lý do tại sao.

When we come face-to-face with God, we have natural and understandable reactions: we feel ashamed, we are afraid, we hide.

Khi chúng ta đến mặt – đối – mặt với Đức Chúa Trời, chúng ta có những phản ứng tự nhiên và có thể hiểu được: Chúng ta cảm thấy xấu hổ, chúng ta sợ hãi, chúng ta lẩn trốn.

We're ashamed because we aspire to be so much better than we are, to be so much more than we have accomplished. We're afraid because God is so awesome and we are so weak and frail; he could destroy us in a moment. And then shame and terror manifest themselves in a reaction to hide.

Chúng ta sợ hãi vì chúng ta khao khát mình tốt hơn nhiều so với tình trạng của mình hiện nay, đạt được nhiều điều hơn điều chúng ta có được. Chúng ta sợ hãi vì Đức Chúa Trời là Đáng đáng sợ lạ lùng và chúng ta quá yếu đuối và mong manh dễ vỡ; Ngài có thể hủy diệt chúng ta trong tích tắc. Và kể đó sự xấu hổ và kinh khiếp bày tỏ chính họ trong một hành động lẩn trốn.

Consider what Adam and Eve did. They took the fruit; suddenly their eyes were opened and they realized they were naked. They had been naked all along, but suddenly they realize how totally naked they are before God. Spiritually naked, as well as physically. They feel the awful shame of inadequacy.

Hãy xem xét điều mà A-đam và Ê-va đã làm. Họ ăn trái cây biết điều thiện và điều ác; thình lình mắt họ mở ra và họ đã nhận biết mình trần truồng. Họ đã trần truồng từ lâu rồi, nhưng thình lình họ nhận ra họ hoàn toàn lỏa lồ trước Đức Chúa Trời. Lỏa lồ về mặt thuộc linh cũng như thuộc thể. Họ cảm nhận sự xấu hổ khủng khiếp về sự bất toàn của mình.

Their reaction was immediate: they covered themselves with what-

ever was handy. They picked fig leaves and joined them together in a rudimentary covering, attempting to hide their fear and shame. They suddenly saw their literal nakedness as representing their spiritual nakedness, and wanted to do something about it. This was the best they could come up with.

Phản ứng của họ là tức thì: họ đã che tấm thân của họ với bất cứ thứ gì mà họ có trong tay. Họ nhặt những chiếc lá vả vả và kết lại với nhau thành một tấm che thô sơ, với ý định là che giấu sự sợ hãi và xấu hổ của họ. Họ thỉnh thoảng nhìn thấy sự lỏa lồ về nghĩa đen khi thể hiện sự lỏa lồ về mặt thuộc linh của họ, và muốn làm điều gì đó về chuyện này. Đây là điều tốt nhất mà họ có thể nghĩ ra.

Then they heard the voice of the LORD God, walking in the garden in the cool of the evening.

Kế đó họ đã nghe thấy tiếng của Giê-hô-va Đức Chúa Trời, đang bước đi trong khu vườn trong buổi tối mát mẻ đó.

What was their response to the sound of God?

Phản ứng của họ với âm thanh của Đức Chúa Trời là gì?

They hid! Even though they had tried to cover themselves, they still hid. Why? Because they still felt naked. Within themselves they knew that they were afraid of God; afraid of his presence.

Họ trốn! Dù họ đã cố gắng che phủ chính họ, họ vẫn trốn. Tại sao vậy? Vì họ cảm nhận mình lỏa lồ. Trong thâm tâm họ, họ biết rằng họ sợ Đức Chúa Trời; sợ sự hiện diện của Ngài.

So they hid.

Vì thế họ đã trốn.

Their shame separated them from God.

Sự sợ hãi chia cắt họ ra khỏi Chúa

*Overcoming fear and shame
Vượt qua nỗi sợ hãi và xấu hổ*

There are many other places in the Bible where people experience fear in the presence of God. Just think almost the first thing Gabriel says to Mary is, “don’t be afraid.” (Luke 1:30). In fact, the angels seems to spend much of their time trying to reassure people, en-

THAY ĐỔI CHÚNG TA

couraging them not to be afraid! We fall into mortal dread when confronted by the divine.

Có nhiều chỗ khác trong Kinh Thánh khi con người trải qua nỗi sợ hãi trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Hãy nghĩ, hầu như điều đầu tiên Gabriel nói với Mary, “Đừng sợ” (Lu-ca 1:30). Thật vậy, những thiên sứ dường như dành nhiều thời gian của họ trong việc cố gắng tái đảm bảo với con người, động viên họ đừng sợ! Chúng ta rơi vào sự sợ hãi kinh khiếp khi đối diện với sự thánh khiết.

Isaiah 6 is particularly instructive.

Ê-sai đoạn 6 đặc biệt mang tính hướng dẫn ở đây.

Isaiah is drawn into a vision of heaven. Like Paul later, he probably had no idea whether he was bodily in heaven or simply in a vision, but either way he experiences the presence of God. He sees God seated on his high throne, with glorious seraphim around him declaring, “Holy, holy, holy...”

Ê-sai được đưa đến một khái tượng về thiên đàng. Như Phao-lô sau này, ông có thể không biết là liệu ông đang ở thiên đàng hay chỉ là trong một khái tượng, nhưng trong cả hai điều này, ông trải nghiệm sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Ông nhìn thấy Đức Chúa Trời ngự trên ngai cao sang của Ngài, với các sê-ra-phim vinh quang xung quanh Ngài công bố, “thánh thay, thánh thay, thánh thay...”

And Isaiah is overcome with dread.

Và Ê-sai đã vượt qua nỗi sợ hãi.

‘Woe to me!’ I cried. ‘I am ruined! For I am a man of unclean lips, and I live among a people of unclean lips, and my eyes have seen the King, the LORD Almighty’ (Is 6:5)

Tôi liền kêu lên: “Khốn cho tôi! Tôi chết mất! Vì tôi là người có môi ô uế, và tôi sống giữa một dân có môi ô uế, bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn quân!” (Ê-sai 6:5).

This is our natural state when confronted with the majesty and awesome glory of God. Fear, and dread. So what happens next?

Đây là tình trạng tự nhiên của chúng ta khi chúng ta đối diện với sự uy nghi và vinh quang đáng sợ của Đức Chúa Trời. Sợ hãi và kinh

sợ. Thế chuyện gì xảy ra sau đó?

Then one of the seraphs flew to me with a live coal in his hand, which he had taken with tongs from the altar. With it he touched my mouth and said, 'See, this has touched your lips; your guilt is taken away and your sin atoned for' (Is 6:6-7).

Bấy giờ, một trong các sê-ra-phin bay đến tôi, trong tay cầm than lửa đỏ đã dùng kẹp gấp từ bàn thờ. Vị ấy đưa than lửa đỏ chạm vào miệng tôi và nói: "Đây, cái này đã chạm đến môi ngươi, lỗi ngươi đã được xóa rồi, tội ngươi được tha rồi." (Ê-sai 6:6-7)

Even in a vision, I imagine Isaiah feels a brief searing pain. Unclean lips, now cauterized by fire from the altar.

Thậm chí trong một khái tượng, tôi nghĩ rằng Ê-sai cảm nhận được một cơn đau như cắt ngắn ngủi. Môi miệng dơ dáy, giờ đây được đốt bởi lửa từ bàn thờ.

But hang on! Atonement by burning your lips? What's going on here? Why would God need Isaiah's lips to be burned? Where in Scripture is the doctrine of atonement through literal burning by fire?

Nhưng hãy đợi đây! Sự cứu chuộc bởi sự thiêu đốt môi lưỡi của bạn chẳng? Điều gì đang diễn ra ở đây? Tại sao Đức Chúa Trời cần môi lưỡi của Ê-sai được đốt lên? Chỗ nào trong Kinh Thánh nói về thuyết cứu chuộc thông qua việc đốt lên bằng lửa theo nghĩa đen?

Nowhere, of course! There is no Biblical doctrine of atonement with hot coals¹ on the lips. So, what's going on here?

Dĩ nhiên, không có chỗ nào hết! Không có một tín lý về sự cứu chuộc nào trong Kinh Thánh nói về lửa than nóng trên môi miệng. Vậy thì, chuyện gì xảy ra ở đây?

The text doesn't explain it, so it's hard to be definitive. But consider this: Isaiah is terrified; he is truly aware of his weakness and his limitations. Isaiah knows very well the lying and cheating rampant in his community, and is equally conscious of his own imperfections too. Untamable tongue! Unclean lips!

¹*There is a metaphor in Scripture about being refined by fire (e.g Zech 13:19), but that's quite different from Isaiah's experience*

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đoạn Kinh Thánh này không giải thích điều này, vì thế thật khó cho chúng ta phân định. Nhưng hãy xem xét điều này: Ê-sai rất sợ hãi; ông thật sự quan tâm đến sự yếu đuối và những giới hạn của chính mình. Ê-sai biết rõ sự lừa dối và dối trá lan tràn khắp nơi trong cộng đồng mà ông đang sống, và nhận thức tương tự về sự bất toàn của chính ông nữa. Môi lưỡi không kèm chế nỡ! Môi miệng dơ dáy!

So it is his lips that the seraph scorches with fire. This is symbolic act designed to say, "I have dealt with your problem. You no longer need to worry about feeling unworthy!"

Vì thế môi lưỡi của ông bị thiêu đốt bằng lửa bởi các sê-ra-phin. Đây là một hành động mang tính biểu tượng để nói rằng, "Ta phải giải quyết nan đề của con. Con không cần phải lo lắng về việc cảm nhận mình không có giá trị gì!"

It's a powerful physical statement.

Đó là một lời công bố rất mạnh mẽ.

Look at the effect this symbolic act has on Isaiah. It fills him with reassurance. It transform him! One minute he is, "Woe to me! I am ruined! I am a man of unclean lips." The next minute?

Hãy xem xét ảnh hưởng của hành động biểu tượng này trên Ê-sai. Điều này đổ đầy trên ông sự đảm bảo. Nó biến đổi cuộc đời ông! Chỉ trong một phút trước ông kêu lên, "khốn nạn cho tôi! Tôi chết mất! Tôi là con người có môi miệng dơ dáy." Giây phút tiếp theo là gì?

Then I heard the voice of the Lord saying, "Whom shall I send? And who will go for us?" And I said, 'Here am I. Send me!' (Is 6:8).

Lúc ấy, tôi nghe tiếng Chúa phán: "Ta sẽ sai ai đi? Ai sẽ đi cho Chúng Ta?" Tôi thưa: "Có con đây, xin Chúa sai con!" (Ê-sai 6:8).

Do you see what that live coal did? It took the fearful Isaiah, terrified at the presence of God, and transformed him into a prophet who stands up straight, who is willing to go out as God's messenger! If you read the rest of the chapter, you'll see that it transforms him into an ambassador for God, ready to go out and preach and preach and preach, whether the people are prepared to listen or not. For how

long? Until the cities lie ruined without inhabitant and the houses are left deserted, the fields ruined and ravaged, until there's no possibility of doing anything more.

Bạn có nhìn thấy than lửa đã làm điều gì? Nó lấy đi một Ê-sai sợ hãi, kinh khiếp trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời, và biến đổi ông thành một tiên tri đứng thẳng lên, sẵn sàng ra đi làm sứ giả cho Đức Chúa Trời! Nếu bạn đọc phần còn lại của chương, bạn sẽ nhìn thấy điều này đã biến ông thành một đại sứ cho Đức Chúa Trời, sẵn sàng ra đi và rao giảng, rao giảng và rao giảng, dù người ta có sẵn sàng nghe hay không. Trong bao lâu? Cho đến khi các thành bị tàn phá không có cư dân trên đất và nhà cửa bị bỏ hoang, những cánh đồng bị tàn phá và cướp bóc, cho đến khi không còn trách nhiệm gì để làm bất cứ điều gì nữa.

These live coals are God's object-lesson, a parable for Isaiah to experience to help him, to give him courage and confidence.

Những than lửa sống này là bài học dành cho một đối tượng của Đức Chúa Trời, một ẩn dụ cho Ê-sai trong sự trải nghiệm để giúp đỡ chính ông, ban cho ông lòng can đảm và tin quyết.

Interpreting the skins
Diễn giải về những bộ da

I think the same kind of thing took place with Adam and Eve. It could have been *they* who considered their fig leaves inadequate, not God. Now Scripture is not explicit on this point, so whichever viewpoint we might hold will be a matter of interpretation. But note this: the very fact that Adam and Eve hid, provides strong evidence that they found their fig leaf clothing inadequate. Even though they had a kind of covering, they still felt naked. They were still afraid of God, and in their fear they hid.

Tôi suy nghĩ về điều xảy ra tương tự với A-đam và Ê-va. Có thể là họ đã xem những chiếc lá vả là không đầy đủ, không phải Đức Chúa Trời. Ở đây Kinh Thánh không nói rõ ràng ở điểm này, vì thế bất kỳ quan điểm nào mà chúng ta có thể nắm được sẽ là vấn đề của sự diễn giải. Nhưng hãy chú ý điều này: vấn đề đó là A-đam và Ê-va đã trốn, cung cấp một chứng cứ mạnh mẽ rằng họ đã nhận thấy tấm vải che thân bằng lá vả của họ không đầy đủ. Dù họ đã có một loại che phủ

THAY ĐỔI CHÚNG TA

thân thể nào khác, họ vẫn cảm thấy mình trần trụi. Họ vẫn sợ hãi Đức Chúa Trời, và trong sự sợ hãi đó, họ đã trốn.

This not what God wants. He doesn't want us to shrink back and hide from him. As the New Testament says,

Đây không phải là điều Đức Chúa Trời muốn. Ngài không muốn chúng ta thu mình lại và trốn tránh Ngài. Như Tân Ước nói,

But we are not of those who shrink back and are destroyed, but of those who believe and are saved. (Heb 10:39).

Nhưng chúng ta không phải là kẻ thối lui và bị hư mất đâu, mà là người giữ đức tin và linh hồn được cứu rỗi. (Hê 10:39).

So what does God do? He provides them with a better covering so that they will feel confident about coming back into his presence. He takes the skins of an animal, and makes clothes for them.

Vậy Đức Chúa Trời đã làm gì? Ngài cung cấp cho họ một tấm che phủ thân thể tốt hơn để họ cảm thấy tự tin hơn trong việc trở lại với sự hiện diện của Ngài. Ngài lấy những tấm da của một con thú và làm quần áo cho họ.

I'm not sure in what sense the skins were better for Adam and Eve than the fig leaves. It might have been a physical improvement, in that they were more sturdy and less likely to tear. Or there might have been a symbolic element like with Isaiah, a sense that God had done something so that they need not be so worried. Either way, it seems that God provided them skins to encourage them out of the bushes and back into his presence.

Tôi không chắc về ý nghĩa gì thì những tấm da tốt cho A-đam và Ê-va hơn là những chiếc lá vả. Có thể đó là một sự cải thiện về mặt thuộc thể, trong vấn đề là chúng chắc hơn và có thể không dễ rách hơn là quần áo bằng lá cây. Hay có một yếu tố mang tính biểu tượng như với Ê-sai, một ý nghĩa là Đức Chúa Trời đã làm điều gì đó để họ không cần phải lo lắng nữa. Một cách hiểu khác nữa, dường như là Đức Chúa Trời đã cung cấp cho họ những tấm da để khuyến khích

họ ra khỏi bụi rậm và trở lại trong sự hiện diện của Ngài.

Over time, God is successful in drawing them back. After being banished from the garden, they do indeed have the courage to approach God again.

Sau một thời gian, Đức Chúa Trời thành công trong việc kéo họ trở lại. Sau khi bị đuổi khỏi khu vườn, thật sự thì họ cần phải có sự can đảm để đến với Chúa trở lại.

Confidence *Sự vững lòng*

Back to confidence: the same theme lies behind some of the arguments advanced by the writer to the Hebrews. The work of Christ is intended to give us confidence, just like the work of the angels back in Eden, or the work of the seraph in Isaiah. The work of Jesus is to give us courage, to have us stand up, to have us be willing to come near to God.

Trở lại với sự vững lòng: chủ đề tương tự nằm đằng sau một số tranh luận trước đó bởi tác giả Thư Hê-bơ-rơ. Chức vụ của Đấng Christ hướng đến việc ban cho chúng ta sự vững lòng, cũng giống như chức vụ của các thiên sứ trở lại trong vườn Ê-đen, hay chức vụ của các sê-ra-phin trong Ê-sai. Chức vụ của Chúa Giê-xu là ban cho chúng ta sự can đảm, để giúp chúng ta đứng lên, giúp chúng ta sẵn sàng đến gần với Đức Chúa Trời.

Therefore, since we have a great high priest who has gone through the heavens, Jesus the Son of God, let us hold firmly to the faith we profess. For we do not have a high priest who is unable to sympathize with our weaknesses, but we have one who has been tempted in every way, just as we are – yet was without sin. Let us then approach the throne of grace with confidence, so that we may receive mercy and find grace to help us in our time of need (Heb 4:14-16).

Do đó, vì chúng ta có một thầy tế lễ thượng phẩm vĩ đại đã vượt qua các tầng trời là Đức Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời nên hãy giữ vững những điều chúng ta xưng nhận. Vì chúng ta không có một thầy tế lễ thượng phẩm chẳng có thể

THAY ĐỔI CHÚNG TA

cảm thông sự yếu đuối chúng ta, nhưng có một thầy tế lễ bị cảm dỗ đủ mọi cách như chúng ta, song chẳng phạm tội. Vậy, chúng ta hãy vững lòng đến gần ngai ân điển, để nhận được sự thương xót và tìm được ân điển giúp đỡ chúng ta kịp thời. (Hê 4:14-16)

Approach the throne of grace with confidence! God doesn't want us to hide in the bushes. He wants us to stand up and be sure of our reception as we approach his throne.

Đến với sự tể trị bởi ân điển trong sự vững lòng! Đức Chúa Trời không muốn chúng ta trốn trong các bụi rậm. Ngài muốn chúng ta đứng lên và chắc chắn về việc chúng ta được Ngài tiếp nhận khi chúng ta đến gần với sự tể trị của Ngài.

Now let's be clear. This is not the sort of confidence that says, "Here I am, God, I'm perfect and ready..." That was the attitude of the Pharisee in Jesus' parable in Luke 18. Rather, it's a kind of confidence that enable us to say, "Here I am. I am ready to serve. You have picked me up, you have made me new. I'm your servant and despite my failings, I know you love me. I'm ready for you to send me out. How do you want me to serve?"

Giờ đây chúng ta hãy làm rõ điều này hơn! Đây không phải là loại đức tin nói rằng, "Đây thưa con đây, Chúa, con trọn vẹn và sẵn sàng..." Đó là thái độ của thầy Pha-ri-si trong ẩn dụ của Chúa Giê-xu trong Lu-ca đoạn 18. Hơn thế nữa, đó là một loại đức tin mà giúp chúng ta có thể nói, "thưa con đây, con sẵn sàng phục vụ. Ngài đã chọn con, Ngài đã khiến con trở nên mới. Con là đầy tớ của Ngài và dù con có những thất bại, con biết Ngài vẫn yêu con. Con sẵn sàng để Ngài sai phái con đi. Ngài muốn con phục vụ như thế nào?"

Underlying this attitude is the assurance that we're not going to be turned away. When we need something from God, when we're in our time of need, he wants us to approach with confidence.

Chú trọng đến thái độ này là một sự bảo đảm cho chúng ta rằng chúng ta sẽ không đi sai đường. Khi chúng ta cần điều gì đó từ Chúa, khi chúng ta đang ở trong những lúc khó khăn nhất, Ngài muốn chúng ta đến với Ngài trong đức tin.

God is reaching out to us. He has proved it by not sparing his own

son. Do you want any greater proof that God already loves you? How much more could he possibly do to encourage you to come to him? If he did not spare his only son, will he not also generously give you everything you need?

Đức Chúa Trời đang hướng đến chúng ta. Ngài đã chứng minh điều đó bằng cách không những chỉ ban Con của Ngài cho chúng ta. Bạn có muốn bất kỳ bằng chứng nào lớn hơn về việc Đức Chúa Trời yêu thương bạn? Ngài có thể làm nhiều điều hơn nữa để khuyến khích bạn đến với Ngài? Nếu Ngài không ban Con Một của Ngài, thì Ngài cũng sẽ không hào phóng ban cho bạn mọi điều mà bạn cần?

We learn a major principle of salvation here: God works to reassure us. Almost every thing God does, one way or another, is him reaching out. “Let me give you courage, let me give you strength, let me give you an idea of the love I have for you.”

Chúng ta học biết được một nguyên tắc quan trọng về sự cứu rỗi ở đây: Đức Chúa Trời làm để tái đảm bảo với chúng ta. Hầu như mọi điều Đức Chúa Trời làm, cách này hay cách khác, là Ngài vươn tay Ngài ra. “Hãy để Ta ban cho con sự can đảm, hãy để Ta ban cho con sức mạnh, hãy để Ta ban cho con một ý tưởng về tình yêu mà Ta dành cho con”

So let us truly have a sense of courage and confidence to approach the throne of grace, so that we may receive mercy and find grace to help us in our time of need.

Vì thế chúng ta hãy có một cảm nhận thật sự về sự can đảm và đức tin để đến với ngài ân điển, để chúng ta có thể nhận được sự thương xót và nhận biết ân điển để giúp chúng ta trong những lúc chúng ta cần.

Summary

Tóm tắt

When God provides a covering, he does it for our sake, as a way to give us confidence; from the first literal covering of Adam and Eve, through to the symbolic covering of Christ. He does so to help us overcome our fear and shame, so that we may have courage in com-

THAY ĐỔI CHÚNG TA

ing to his throne of grace.

Khi Đức Chúa Trời ban sự bao phủ, Ngài làm điều này vì lợi ích của chúng ta, như một cách để ban cho chúng ta đức tin; từ việc bao phủ mang nghĩa đen cho A-đam và Ê-va, cho đến sự bao phủ mang nghĩa hình bóng của Đấng Christ. Ngài làm như vậy để giúp chúng ta vượt qua nỗi sợ hãi và sự xấu hổ của chúng ta, để chúng ta có thể mạnh dạn mà bước vào ngai ân điển của Ngài.

Discussion

Thảo luận

1. What benefits could God derive from us being covered? Now consider what benefits we could derive from being covered. Which ones are more convincing?
1. Đức Chúa Trời nhận được những lợi ích gì từ việc chúng ta được che phủ? Giờ đây hãy xem xét những lợi ích mà chúng ta có thể nhận được từ việc được che phủ? Điều nào thuyết phục hơn?
2. Discuss why the Bible uses physical nakedness as a metaphor for spiritual shortcomings (e. g. in Rev 3:17).
2. Hãy thảo luận tại sao Kinh Thánh dùng sự trần truồng về mặt thuộc thể như là một lối nói ẩn dụ về sự tuột dốc về thuộc linh (Ví dụ Sáng 3:17)
3. Habbakuk says, “Your eyes are too pure to look on evil.” (Hab 1:13). This phrase could mean many things. Look at the context of the verse. What does Habbakuk mean when he says this?
3. Ha-ba-cúc nói : “Mắt Chúa quá thánh sạch chẳng thể nhìn điều ác” (Ha 1:13). Cụm từ này có thể mang nhiều ý nghĩa. Hãy nhìn vào bối cảnh của câu này? Ha-ba-cúc muốn nói điều gì khi ông nói như vậy?

Law and Christ

Luật Pháp Và Đấng Christ

What is the relationship between the Law of Moses and the work of Christ? Getting this mixed up can lead to all sorts of confusion. So in this section, we'll tackle the question of how they relate, and specifically what we should expect to learn from the one about the other.

Mối liên hệ giữa Luật Pháp Môi-se và công tác của Đấng Christ là gì? Nhầm lẫn điều này có thể dẫn đến tất cả những sự rắc rối. Vì thế trong phần này, chúng ta sẽ xử lý câu hỏi về việc hai điều này liên hệ với nhau như thế nào, và đặc biệt về điều chúng ta mong muốn học biết từ điều này so với điều kia.

The Law of Moses *Luật Pháp của Môi-se*

God gave the Law of Moses to the people of Israel to provide national governance when Israel was liberated from mass slavery. As a people, Israel was shifting from a patriarchal family culture into a multi-tribal nation, and the Law was designed to provide social, moral, and spiritual infrastructure.

Đức Chúa Trời đã ban Luật Môi-se cho dân sự Israel để ban sự tể trị trên quốc gia khi Israel được giải cứu khỏi ách nô lệ khủng khiếp. Như là một dân tộc, Israel phát triển từ một nền văn hóa gia đình trị trở thành một dân gồm nhiều bộ tộc, và Luật Pháp được ban bố để cung cấp cơ cấu hạ tầng về tâm linh, đạo đức và xã hội.

This was all 1500 years before Jesus came. That fact alone can create complications for us when we think about the relationship between Christ and the Law.

Điều này đã có 1, 500 năm trước khi Chúa Giê-xu đến. Chỉ riêng sự kiện này có thể tạo nên nhiều sự phức tạp cho chúng ta khi chúng ta nghĩ về mối quan hệ giữa Đấng Christ và Luật pháp.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Because the Law came first in time, we might treat the Law as if it was something fundamental, and Christ merely as the fulfillment of this Law.”If only we could understand the Law properly,” we might say, “then we’d be able to understand Christ.” I’ve heard many Christians make this claim.

Vì Luật Pháp đến trước về mặt thời gian, chúng ta có thể xem Luật Pháp như thể đó là một điều gì đó căn bản, và Đấng Christ chỉ là làm trọn Luật Pháp này.”Chúng ta có thể nói, “Nếu như chúng ta có thể hiểu Luật Pháp một cách đúng đắn”, “thì chúng ta sẽ có thể hiểu Đấng Christ”. Tôi đã nghe nhiều Cơ Đốc Nhân tuyên bố điều này.

But this is backward!

Nhưng đây là một sự giật lùi!

According to the New Testament, *Christ* is the fundamental truth, the ultimate revelation. He stands in his own right. It is *Christ* who is the embodiment of everything God wants to say to us. Salvation from God has always been focused in Christ.

Theo Tân Ước, Đấng Christ là chân lý căn bản, là sự mặc khải cuối cùng. Ngài đứng trên quyền của chính Ngài. Đó là Đấng Christ là hiện thân của mọi điều mà Đức Chúa Trời muốn nói với chúng ta. Sự cứu rỗi từ Đức Chúa Trời luôn luôn được tập trung trong Đấng Christ.

This how Paul puts it:

Đây là điều mà Phao-lô đưa ra:

And he made known to us the mystery of his will according to his good pleasure, which he purposed in Christ, to be put into effect when the times will have reached their fulfillment – to bring all things in heaven and on earth together under one head, even Christ. (Eph. 1:9-10).

Và Ngài khiến chúng ta biết được sự mầu nhiệm của ý muốn Ngài, theo mục đích tốt đẹp mà Ngài đã định sẵn trong Đấng Christ, để đến thời viên mãn, quy tụ muôn vật lại trong Đấng Christ, cả những vật trên trời và dưới đất. (Ê-phê-sô 1:9-10)

[God] who has saved us and called us to a holy life – not because of anything we have done but because of his own purpose and grace. This grace was given us in Christ Jesus before

the beginning of time, but is has now been revealed through the appearing of our Savior, Christ Jesus, who has destroyed death and has brought life and immortality to light through the gospel. (2 Tim 1:9-10).

[Đức Chúa Trời] đã cứu chúng ta, đã gọi chúng ta đến một đời sống thánh khiết, không phải do việc làm của chúng ta nhưng theo mục đích riêng của Ngài và ân điển của Ngài. Ân điển mà Ngài ban cho chúng ta từ muôn đời trước trong Đấng Christ Giê-xu nhưng Ân điển ấy bây giờ mới được thể hiện qua sự hiện đến của Đức Chúa Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta, Đấng đã tiêu diệt sự chết, dùng Tin Lành làm sáng tỏ sự sống và sự bất diệt (II Tim 1:9-10)

Even before Adam and Eve were made, God had his son in mind. In fact, God had his *glorified* son in mind. God knew what agony he would ask of Jesus:

Thậm chí trước khi A-đam và Ê-va được tạo dựng, Đức Chúa Trời đã định Con Ngài trong tâm trí rồi. Thật vậy, Đức Chúa Trời đã định Con Trai *vinh hiển* của Ngài trong tâm trí rồi. Ngài biết sự thống khổ nào mà Ngài sẽ yêu cầu nơi Chúa Giê-xu:

... the Lamb that was slain from the creation of the world. (Rev 13:8)

... Chiên Con đã bị giết từ khi sáng tạo thế giới (Khải 13:8)

and he knew the glory he would fulfill in Jesus...

Và Ngài đã biết sự vinh quang mà Ngài sẽ thành toàn nơi Chúa Giê-xu...

I have brought you glory on earth by completing the work you gave me to do. And now, Father, glorify me in your presence with the glory I had with you before the world began (John 17:4-5)

Con đã tôn vinh Cha trên đất và hoàn tất công việc Cha giao cho Con làm. Cha ơi! Bây giờ, xin lấy vinh quang Con vốn có với Cha trước khi tạo dựng thế gian mà tôn vinh Con trước mặt Cha. (Giăng 17:4-5)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Jesus looks for the reassurance that come from that glory as he goes through his agony, as he goes to submit himself completely to God.

Chúa Giê-xu tìm sự đảm bảo đến từ vinh quang ấy khi Ngài vượt qua sự thống khổ, khi Ngài đến với việc đầu phục chính Ngài hoàn toàn cho Đức Chúa Trời.

The point is that God designed salvation around Christ right from the start. Here's the principle he states in Isaiah:

Chính vì điểm đó mà Đức Chúa Trời đã thiết lập sự cứu rỗi quanh Đấng Christ ngay từ lúc ban đầu. Đây là nguyên tắc mà Ngài công bố trong Ê-sai:

I make known the end from the beginning, from ancient times, what is still to come, I say: My purpose will stand, and I will do all that I please. (Is 46:10).

Từ ban đầu, Ta đã báo trước việc cuối cùng, và đã nói từ thuở xưa những việc chưa thực hiện. Ta đã phán: “Kế hoạch của Ta sẽ thành tựu, và Ta sẽ thực hiện mọi điều Ta muốn.” (Ê-sai 46:10)

*The Law is a shadow
Luật Pháp là hình bóng*

So, if Jesus comes first in God's plan, how should we think about the symbols in the Law? What was really going on at Passover? What was the ritual of the Red Heifer all about? Or the Scapegoat? Or in any other component of the Law such as the Tabernacle?

Vì thế, nếu Chúa Giê-xu đến trước trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ nghĩ về những biểu tượng trong Luật Pháp như thế nào? Điều gì thật sự đang diễn ra trong Lễ Vượt Qua? Nghi thức Dâng Bò Cái Tơ là về điều gì? Hay là Dâng Dê Chuộc Tội là gì? Hay trong bất kỳ yếu tố nào trong Luật Pháp như là Lễ Lều Tạm?

These are a shadow of the things that were to come; the reality, however, is found in Christ. (Col 2:17)

Những điều này chỉ là bóng của những gì sắp đến, tuy nhiên hình thật được tìm thấy trong Đấng Christ. (Cô-lô-se 2:17)

All of the requirements and procedures of the Law of Moses were a shadow of another reality; all of them were merely dim reflections of a more fundamental truth.

Tất cả những đòi hỏi và quy trình của Luật Pháp Môi-se là hình bóng của một điều thực tế khác; tất cả những điều này chỉ là sự phản chiếu mờ mờ về một chân lý căn bản hơn.

Christ is the fundamental truth. The Law is a collection of shadows cast on the wall.

Đấng Christ là chân lý căn bản. Luật Pháp bao gồm nhiều hình bóng trên bức tường.

So we have a choice. We could look at shadows on a wall and try to figure out what the primary object is like, or we could look at that primary object directly and then better understand why the shadows look the way they do. The second is clearly more sensible.

Vì thế chúng ta có một sự chọn lựa. Chúng ta có thể nhìn vào hình bóng trên tường và cố gắng tìm ra đối tượng ban đầu sẽ như thế nào, hay chúng ta có thể nhìn vào đối tượng ban đầu một cách trực tiếp và sau đó hiểu rõ hơn tại sao hình bóng giống như cách chúng thể hiện. Điều thứ hai thì rõ ràng là có ý nghĩa hơn.

Indeed, it is when we understand Christ in all his three-dimensional full-color glory, that we will be best suited to go back to study the Law, to explore and understand the various aspects of it.

Thật vậy, chính khi chúng ta hiểu Đấng Christ trong tất cả sự vinh quang màu sắc ba chiều trọn vẹn, rằng chúng ta sẽ được định hướng tốt nhất để trở lại nghiên cứu Luật Pháp để khám phá và để hiểu những khía cạnh khác nhau của nó.

Take the tabernacle, for example.

Hãy lấy ví dụ về đền tạm.

They serve at a sanctuary that is a copy and shadow of what is in heaven. This is why Moses was warned when he was about to build the tabernacle: "See to it that you make everything according to the pattern shown you on the mountain." (Heb 8:5)

Sự phục vụ của họ là mô phỏng và là cái bóng của những thực thể trên trời, vì khi Môi-se sắp dựng đền tạm thì được Đức

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Chúa Trời phán dặn: “Hãy cẩn thận, làm mọi việc theo kiểu mẫu đã chỉ cho con trên núi.” (Hê 8:5).

The tabernacle was imply a pale imitation of what Moses saw when he went up on the mount and saw the Temple of God, there, in heaven! He saw God on a throne (Ex 24:9-11), with presumably the four living creatures around, the angels and the seraphim, the cherubim – all the other elements of heaven that we learn from Isaiah, Ezekiel, and Revelation – and God said to Mose, “I want you to make a tent which depicts this!” so Moses went back, and he did just that. He worked with others who were also given particular skills and capabilities by the spirit of God, and he made a tent that depicted God’s reality in heaven.

Đền tạm chỉ là một sự mô phỏng lại điều mà Môi-se đã nhìn thấy khi ông lên núi và nhìn thấy Đền Thờ Đức Chúa Trời, ở đó, trên thiên đàng! Ông đã nhìn thấy Đức Chúa Trời đang tể trị nơi đó (Xuất 24:9-11) với giả định rằng có bốn sinh vật đứng xung quanh, những thiên sứ và các sê-ra-phin, các chê-ru-bim – tất cả những thành phần khác của thiên đàng mà chúng ta học từ sách Ê-sai, Ê-xê-chi-ên và Khải Huyền – và Đức Chúa Trời đã phán với Môi-se, “Ta muốn con làm một trại mà mô tả điều này!” vì thế Môi-se trở về, và ông đã làm như thế. Ông đã làm việc cùng với những người khác là những người được ban cho những kỹ năng và khả năng đặc biệt bởi linh của Đức Chúa Trời, và ông đã dựng lên một đền tạm mô tả những điều thực tế mà Đức Chúa Trời bày tỏ với ông trên thiên đàng.

God did not mold the reality in heaven on the tent Moses made on earth. No! It’s the other way round. The reality is in heaven, the tent depicted it.

Đức Chúa Trời không thiết kế thực tế trên thiên đàng như trong đền tạm mà Môi-se đã làm trên đất. Không! Đó là cách suy nghĩ lòng vòng. Thực tế là ở trên thiên đàng, đền tạm được mô tả theo đó.

*Entering the tabernacle in heaven
Bước vào đền tạm trên thiên đàng*

When Christ ascended to take on his role as high priest, he participated in the reality that is in heaven. He did not participate in the shadow, or the reflection that had been constructed here on earth. This is how the writer to the Hebrews describes it:

Khi Đấng Christ được cất lên để nắm lấy vai trò của Ngài như một thầy tế lễ thượng phẩm, Ngài đã dự phần vào trong thực tế đó trên thiên đàng. Ngài không dự phần vào trong hình bóng, hay sự phản ánh đã được xây dựng ở đây trên đất. Đây là cách mà tác giả thư Hê-bơ-rơ mô tả:

When Christ came as high priest of the good things that are already here, he went through the greater and more perfect tabernacle that is not man-made, that is to say, not a part of this creation. (Heb 9:11)

Khi Đấng Christ đã đến như một thầy tế lễ thượng phẩm của những điều tốt đẹp đã có ở đây rồi, Ngài đã qua đền tạm lớn hơn và toàn hảo hơn – không do tay người làm nên nghĩa là không thuộc về những vật của đời này. (Hê 9:11)

From the foundation of the world, God saw this fundamental act. Christ entered the most holy place in heaven, bearing a gift of his blood, his life. The triumph of Christ is that he was slain and rose again. More, that he was *willing* to be slain, trusting that God would indeed raise him up. As he says,

Từ nền tảng của thế giới, Đức Chúa Trời đã nhìn thấy hành động căn bản này. Đấng Christ đã bước vào nơi chí thánh trên thiên đàng, ban món quà là huyết Ngài, mạng sống của Ngài. Chiến thắng của Đấng Christ là Ngài đã bị giết và sống lại. Hơn thế nữa Ngài *sẵn lòng* để bị giết, tin rằng Đức Chúa Trời thật sự sẽ cất Ngài lên. Như Ngài nói,

No one takes [my life] from me, but I lay it down of my own accord. I have authority to lay it down and authority to take it up again. This command I received from my Father.” (John 10:18)

Không ai cất [mạng sống Ta] đi được, nhưng Ta tự nguyện hy sinh. Ta có quyền hy sinh mạng sống và có quyền lấy lại. Ta đã nhận mệnh lệnh này từ nơi Cha Ta.” (Giăng 10:18)

Paul says it this way,

Phao-lô nói theo cách này,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

*And being found in appearance as a man, he humbled himself and became obedient to death – even death on a cross!
(Phi 2:8)*

Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên thập tự giá. (Phi 2:8)

So Jesus enters heaven, bearing the marks of his submission. His blood is symbolic of the fact that he had completely devoted every part of his life to his Father. Here is my life, and I give it to you.

Vì thế Đức Chúa Giê-xu vào trong thiên đàng, mang những dấu ấn về sự đầu phục của Ngài. Huyết Ngài biểu tượng cho vấn đề là Ngài đã tận hiến hoàn toàn mỗi phần trong đời sống Ngài cho Cha Ngài. Đây là mạng sống của Con, Con xin dâng cho Cha.

The nature of sacrifice Tính chất của sinh tế

What Christ did is the reality. The Law, and other parts of the Old Testament, are the shadows of this reality. Again, once we understand Christ, then we will better see the same principles reflected in the Law.

Điều Đáng Christ làm rất thực tế. Luật Pháp, và những phần khác của Cựu Ước, là những hình bóng của điều thực tế này. Một lần nữa, khi chúng ta hiểu Đáng Christ, thì chúng ta sẽ nhìn thấy rõ ràng hơn khi nhìn vào những nguyên tắc tương tự được phản ánh trong Luật Pháp.

The reality is Christ, offering his life in sacrifice to God. He gave the whole of his life, both while living and while dying; total devotion and commitment to the path of eternity. And having seen the reality in Christ, we find that the Old Testament teaching of sacrifice is completely consistent.

Thực tế là Đáng Christ, dâng mạng sống của mình làm của lễ cho Đức Chúa Trời. Ngài đã dâng trọn đời sống của chính Ngài, cả khi sống và khi chết; một sự tận hiến trọn vẹn và sự xác quyết đến với con đường đời đời. Và khi nhìn thấy thực tế này trong Đáng Christ, chúng ta nhận thấy rằng sự dạy dỗ Cựu Ước về sinh tế là hoàn toàn liên tục.

First, *God* has no need for humans to give him animal flesh:

Trước hết, Đức Chúa Trời không có nhu cầu đối với việc con người dâng cho Ngài thịt của động vật:

I have no need of a bull from your stall or of goats from your pens, for every animal of the forest is mine, and the cattle on a thousand hills (Ps 50:9-10)

Ta sẽ không cần bắt bò đực nơi nhà người cũng chẳng lấy dê đực trong bầy người. Vì tất cả thú rừng đều thuộc về Ta, các bầy súc vật trên hàng nghìn đồi núi cũng vậy. (Thi 50:9-10)

Or again,

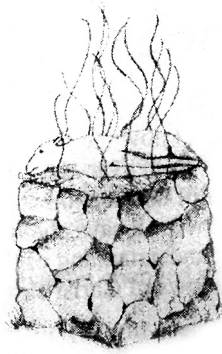
Hay một lần nữa,

You do not delight in sacrifice, or I would bring it; you do not take pleasure in burnt offering. (Ps 51:16)

Vì Chúa không ưa thích sinh tế, dù con có hiến dâng. Tế lễ thiêu cũng không đẹp lòng Chúa. (Thi 51:16)

So the lamb isn't offered for God's benefit.

Vì thế chiên không phải được dâng vì lợi ích của Đức Chúa Trời.



Second, sacrifice was never “doing a deal” with God. The life of a lamb was not offered *instead* of the life of the sinner. Rather, the life of the lamb was supposed to remind the offerer that his or her life also belonged to God, and needed to be offered and devoted to God. Here’s a stunning and definitive scripture given through Micah,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Thứ hai, sinh tế không bao giờ là vật “đề thương lượng” với Đức Chúa Trời. Mạng sống của con chiên không được dâng *thay thế* cho mạng sống của tội nhân. Hơn thế nữa, mạng sống của con chiên được cho là để nhắc nhở cho người dâng là đời sống của ông ta hay bà ta cũng thuộc về Đức Chúa Trời, và cần được dâng lên và tận hiến cho Đức Chúa Trời. Đây là một phân đoạn Kinh Thánh gây kinh ngạc và mang tính khẳng định được ban qua Mi-chê,

With what shall I come before the LORD and bow down before the exalted God? Shall I come before him with burnt offerings, with calves a year old? Will the LORD be pleased with thousands of rams, with ten thousand rivers of oil? Shall I offer my firstborn for my transgression, the fruit of my body for the sin of my soul? He has showed you, O man, what is good. And what does the LORD require of you? To act justly and to love mercy and to walk humbly with your God. (Mic 6:8)

Tôi sẽ đem vật gì để chầu trước mặt Đức Giê-hô-va và quỳ lạy trước mặt Đức Chúa Trời cao cả? Tôi sẽ đến trước mặt Ngài với những tế lễ thiêu và với những con bê một tuổi sao? Đức Giê-hô-va có thích hàng nghìn chiên đực với hàng vạn sông dầu sao? Tôi có nên dâng con đầu lòng của tôi vì sự vi phạm tôi, và dâng bông trái của thân thể tôi vì tội lỗi của tôi chăng? Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người điều gì là thiện, điều mà Đức Giê-hô-va đòi hỏi người. Đó là làm điều công chính, ưa sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao. (Mi 6:6-8)

The sacrifices, presenting dead animals, that's not what God wants! The big gifts, the rivers of oil – “I could pour them out...” – that's not what God wants! Shall I take my son and kill him? God would be appalled!

Sinh tế, bày ra những con thú chết, đó không phải là thứ mà Đức Chúa Trời muốn! Những món quà to lớn, những con sông tràn ngập dầu – “Ta có thể đổ chúng ra...” – đó không phải là Điều Đức Chúa Trời muốn! Ta sẽ mang con trai ta ra và giết con ta? Đức Chúa Trời kinh khủng như vậy sao?

No! Says Micah. God doesn't want any of those things. He wants your heart! He wants you to act justly, to love mercy, and to walk humbly with your God.

Không! Mi-chê nói. Đức Chúa Trời không muốn bất kỳ điều gì trong những thứ này. Ngài cần tấm lòng của chúng ta! Ngài muốn chúng ta làm công chính, ưa sự nhân từ, và bước đi khiêm nhường với Đức Chúa Trời của bạn.

Summary

Tóm tắt

The Law of Moses is a shadow of the realities found in Christ. He is the original, the Law is the derivation. In particular, taking his own life blood as the offering, Jesus entered the real tabernacle in heaven, an event which the Old Testament imagery was designed to represent.

Luật Pháp Môi-se là hình bóng về tính hiện thực được tìm thấy trong Đấng Christ. Ngài là khởi nguyên, Luật Pháp là sự bắt nguồn. Đặc biệt là, dùng huyết của chính Ngài làm của lễ dâng, Chúa Giê-xu đã bước vào đền thờ thật sự trên thiên đàng, một sự kiện mà hình ảnh Cựu Ước được thiết lập để bày tỏ điều này.

Discussion.

Thảo luận

1. To what extent does God know the future before it happens? Suggest some examples from everyday life.
1. Trong một chừng mực nào đó Đức Chúa Trời biết tương lai trước khi nó xảy ra? Hãy đưa ra những ví dụ từ đời sống hàng ngày.
2. How does the approach of this section apply to understanding prophecy? Think about what is says about Judas, for example.
2. Sự tiếp cận phần này áp dụng như thế nào vào việc hiểu lời tiên tri? Ví dụ, bạn hãy suy nghĩ về Giu-đa.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

3. In what way does your understanding of the Law of Moses change if you think of it as shadows of Christ cast back in time?
3. Bằng cách nào sự hiểu biết của bạn về Luật Môi-se thay đổi nếu bạn nghĩ về nó như là hình bóng của Đấng Christ đi ngược lại thời gian?

Salvation before Christ

Sự Cứu Chuộc Trước Đấng Christ

With what we learned in the last section, we can go further, and explore the nature of salvation in the Old Testament. Here's a question that I've heard people debate over the years:

Với những điều mà chúng ta đã học trong phần vừa rồi, chúng ta có thể đi xa hơn nữa, và khám phá tính chất của sự cứu rỗi trong Cựu Ước. Đây là một câu hỏi mà tôi đã nghe người ta tranh luận trong nhiều năm qua:

Has the 'mechanism' of salvation changed with the death of Christ? Có phải 'phương cách' của sự cứu rỗi đã thay đổi với sự chết của Đấng Christ?

On the one hand, this question might seem purely academic. After all, surely I don't really care how Abraham or Joshua or Isaiah was saved! God knows, and while I might be curious, it has no direct impact on my life.

Trên một phương diện khác, câu hỏi này dường như thuần túy mang tính học thuật. Trên hết, tôi thật sự không quan tâm lắm đến việc làm thế nào Áp-ra-ham hay Giô-suê hay Ê-sai được cứu! Đức Chúa Trời biết, và khi tôi có thể hiếu kỳ về điều này, thì nó vẫn không có ảnh hưởng trực tiếp trên cuộc sống của tôi.

But on the other hand, by exploring how Abraham or Joshua or Isaiah was saved, I might, in turn, learn something about how we are saved. And that's something that does have a direct impact on my life.

Nhưng mặt khác, bằng cách tìm hiểu việc Áp-ra-ham hay Giô-suê hay Ê-sai được cứu như thế nào, đến lượt mình, tôi có thể học biết đôi điều về việc chúng ta được cứu như thế nào. Và đó là vài điều đã có ảnh hưởng trực tiếp trên đời sống của tôi.

*Has the mechanism of salvation changed?
Có phải phương cách của sự cứu rỗi đã thay đổi?*

I know some Christians who hold a doctrine that says there have been a number of distinct dispensations, and that the mechanism of salvation in one period was not the same as in another. According to this doctrine, there was huge change at the death of Christ. The whole structure of salvation changed. Some Christians even think that yet another epoch started at Pentecost, when the path to salvation shifted again. Each of these epochs may have come with their own mechanisms of salvation, and what was acceptable to God in one, may not be acceptable in another.

Tôi biết có vài Cơ Đốc Nhân giữ học thuyết nói rằng có nhiều hệ thống tôn giáo riêng biệt và nói rằng phương cách của sự cứu rỗi trong một thời kỳ không phải giống như trong thời kỳ khác. Theo thuyết này, có một sự thay đổi rất lớn vào lúc Đấng Christ chịu thương khó. Cả kết cấu của sự cứu rỗi đã thay đổi. Một số Cơ Đốc Nhân thậm chí nghĩ rằng một kỷ nguyên khác bắt đầu vào Lễ Ngũ Tuần, khi con đường cứu rỗi đã được ban ra. Mỗi kỷ nguyên này có thể đã đến với những phương cách của chính chúng về sự cứu rỗi, và điều gì có thể chấp nhận được với Đức Chúa Trời trong thời kỳ này, có thể không thể được chấp nhận trong một thời kỳ khác.

Are there really distinct dispensations like this?

Thật sự có những hệ thống tôn giáo riêng biệt như thế này không?

Clearly the form of worship changes over time. The nomadic worship of Abraham and Job is quite different from the regularized temple worship of Hezekiah, which in turn is quite different from the collective synagogue worship of the New Testament.

Rõ ràng hình thức của sự thờ phượng đã thay đổi theo thời gian. Cách thờ phượng thời kỳ du cư của Áp-ra-ham và Gióp thì khá khác biệt so với cách thờ phượng thời Ê-xê-chi-ên ở đền thờ đã đi vào khuôn phép, tới lượt sự thờ phượng này lại khá khác biệt so với sự thờ phượng trong nhà hội được chọn lọc trong thời Tân Ước.

But does the essential purpose change from epoch to epoch? Or to put the question the other way round: has the 'mechanism' of salvation always been the same?

Nhưng có phải mục đích cần thiết thay đổi từ kỷ nguyên này sang kỷ nguyên khác? Hay hãy đặt câu hỏi này theo một cách khác: có phải ‘phương thức’ của sự cứu rỗi luôn luôn giống nhau?

I’ve heard this question asked in the following way: “Is the sacrifice of Christ effective for those in the Old Testament period?”

Tôi đã nghe câu hỏi này được đặt ra theo cách như sau: “có phải sự hy sinh của Đấng Christ có hiệu lực cho những người trong thời kỳ Cựu Ước không?”

Now, to be honest, I never really knew what that question meant. I could never figure out what ‘effective’ meant in this context. The concept seemed too woolly for me to understand what really was being asked. Or maybe the question had some built-in assumptions about heaven-based transactions that I wasn’t ready to accept.

Giờ đây, thật lòng mà nói, tôi thật sự chưa bao giờ biết câu hỏi đó có ý nghĩa gì. Tôi có thể chưa bao giờ tìm ra chữ “hiệu lực” có ý nghĩa gì trong bối cảnh này. Quan niệm này dường như quá rối rắm khiến tôi không thể hiểu được điều thật sự được hỏi là gì. Hay có thể câu hỏi có một vài giả định đã được định sẵn về những sự trao đổi trên thiên đàng mà tôi thực sự không sẵn sàng tiếp nhận.

Fortunately, Paul allows us to sidestep the question completely.

Thật may mắn, Phao-lô cho phép chúng ta tiếp cận câu hỏi này một cách hoàn toàn.

Paul’s view of Abraham and David

Quan điểm của Phao-lô về Áp-ra-ham và Đa-vít

In Romans 3, Paul writes about the salvation that we have in Christ.

Trong Rô-ma đoạn 3, Phao-lô viết về sự cứu rỗi mà chúng ta có trong Đấng Christ.

But now a righteousness from God, apart from law, has been made known, to which the Law and the Prophets testify. This righteousness from God comes through faith in Jesus Christ to all who believe. There is no difference, for all have sinned and fall short of the glory of God, and are justified freely by his grace through the redemption that came by Christ Jesus. (Rom 3:21-24)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Nhưng bây giờ, sự công chính của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ ngoài luật pháp. Điều này đã được Luật pháp và Các nhà tiên tri chứng thực. Đó là sự công chính của Đức Chúa Trời, bởi đức tin nơi Đức Chúa Giê-xu Christ, ban cho mọi người có lòng tin. Không phân biệt ai cả; vì mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh quang của Đức Chúa Trời, nhờ ân điển Ngài, bởi sự cứu chuộc trong Đấng Christ Giê-xu, họ được xưng công chính mà không phải trả một giá nào. (Rô-ma 3:21-24)

Without a doubt, Paul is describing salvation under Christ. He continues in the same vein right through to the end of Romans 3 and on into to Romans 4, in which he writes,

Không nghi ngờ gì nữa, Phao-lô đang mô tả sự cứu rỗi trong Đấng Christ. Ông tiếp tục sự vén màn tương tự xuyên suốt cho đến cuối sách Rô-ma đoạn 3 và tiếp tục trong Rô-ma đoạn 4, nơi mà ông đã viết,

What then shall we say that Abraham, our forefather, discovered in this matter? If, in fact, Abraham was justified by works, he had something to boast about – but not before God. What does the Scripture say? “Abraham believed God, and it was credited to him as righteousness.” (Rom 4:1-3)

Vậy, chúng ta sẽ nói rằng Áp-ra-ham, tổ phụ của chúng ta, đã tìm được điều gì? Nếu Áp-ra-ham thực sự đã được xưng công chính bởi việc làm thì ông có lý do để khoe mình, nhưng trước mặt Đức Chúa Trời thì không phải vậy. Vì Kinh Thánh nói gì? “Áp-ra-ham đã tin Đức Chúa Trời, và nhờ đó ông được kể là công chính.” (Rô-ma 4:1-3)

Let's just stop there!

Chúng ta hãy dừng ở đó!

Even without going further, the obvious question is, why on earth would Paul look to Abraham if Abraham was saved by a different ‘mechanism’ than we?! It wouldn't make sense.

Thậm chí không cần nghiên cứu xa hơn nữa, câu hỏi rõ ràng là, tại sao Phao-lô nhìn vào gương của Áp-ra-ham nếu Áp-ra-ham được cứu bởi một ‘phương cách’ khác với chúng ta? Nó sẽ không có ý nghĩa gì hết.

Think about the flow of the argument. Paul is talking about salvation, about righteousness, about being justified before God, and he says “Okay, let’s look at Abraham and see what he discovered in this matter,” and he goes on to draw parallels between Abraham and us. He describes the way Abraham is saved in order to draw conclusions about our salvation.

Hãy nghĩ về dòng chảy tranh luận. Phao-lô đang bàn về sự cứu rỗi, về sự công chính, về việc được xưng công chính trước Đức Chúa Trời, và ông nói: “Được rồi, hãy nhìn vào Áp-ra-ham và hãy nhìn xem ông đã khám phá điều gì trong vấn đề này” và ông tiếp tục đưa ra một sự so sánh song hành giữa Áp-ra-ham và chúng ta. Ông mô tả cách Áp-ra-ham được cứu rỗi để rút ra những kết luận về sự cứu rỗi của chúng ta.

Here’s the point I’m trying to make: Paul must believe that Abraham was saved in the same way that we are. Do you see?

Đây là điểm mà tôi đang cố gắng làm rõ: Chắc Phao-lô phải tin rằng Áp-ra-ham được cứu cùng một cách như chúng ta. Bạn có nhìn thấy điều này không?

If Paul believed that a different mechanism of salvation was at work, he would never think of drawing on Abraham’s experience to explain how we are saved.

Nếu Phao-lô tin rằng có một phương cách khác về sự cứu rỗi, ông sẽ không bao giờ nghĩ về việc đưa ra kinh nghiệm của Áp-ra-ham để giải thích về việc chúng ta được cứu như thế nào.

As if that’s not enough, Paul goes on to draw a parallel with David too:

Như thể điều đó vẫn chưa đủ thuyết phục, Phao-lô tiếp tục đưa ra một sự so sánh song hành với trường hợp của Đa-vít nữa:

David says the same thing when he speaks of the blessedness of the man to whom God credits righteousness apart from works (Rom 4:6)

Đa-vít nói điều tương tự khi đề cập về phước hạnh của người được Đức Chúa Trời nhìn nhận là công chính không bởi việc làm. (Rô-ma 4:6).

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Paul looks at both Abraham and David and says, “These men already understood salvation, and they’ve been telling us about it. It’s part of what the Law and the Prophets have been testifying to.”

Phao-lô xem xét cả hai trường hợp của Áp-ra-ham và Đa-vít và nói, “những người này đã hiểu sự cứu rỗi rồi, và họ đang nói với chúng ta về vấn đề này. Đó là một phần của điều mà Luật Pháp và các Sách Tiên Tri đã chứng thực”.

So, unless we are prepared to disagree with Paul on this matter, we too have to presume that Abraham and David were saved in the same way that we are saved. It wasn’t that God had one way to save them, and has come up with a different way to save us. Abraham and David were saved by the same ‘mechanism’, the same process, by which we are saved.

Vì thế, nếu chúng ta không sẵn sàng trong việc không đồng ý với Phao-lô trong vấn đề này, chúng ta cũng phải giả định rằng Áp-ra-ham và Đa-vít được cứu cùng một cách thức như chúng ta được cứu. Đó không phải là Đức Chúa Trời có cùng một phương cách để cứu chúng ta, và nghĩ ra một phương cách khác để cứu chúng ta, Áp-ra-ham và Đa-vít được cứu bởi một ‘phương cách’ tương tự, một tiến trình tương tự mà bởi đó chúng ta được cứu.

Incidentally, Paul is not the only New Testament writer to draw this kind of lesson about salvation from the Old Testament. James does too, quoting the same incident about Abraham:

Đôi khi, Phao-lô không phải là tác giả duy nhất trong Tân Ước đưa ra loại bài học này về sự cứu rỗi từ Cựu Ước. Gia-cơ cũng vậy, trích ra sự kiện tương tự về Áp-ra-ham:

You foolish man, do you want evidence that faith without deeds is useless? Was not our ancestor Abraham considered righteous for what he did when he offered his son Isaac on the altar? You see that his faith and his actions were working together, and his faith was made complete by what he did. And the scripture was fulfilled that says, “Abraham believed God, and it was credited to him as righteousness,” and he was called God’s friend. You see that a person is justified by what he does and not by faith alone. (Jas 2:20-24).

Người khờ khạo kia ơi, bạn có muốn biết rằng đức tin không có hành động là vô ích không? Chẳng phải Áp-ra-ham, tổ phụ chúng ta, đã được xưng công chính bởi hành động khi ông dâng con mình là Y-sác trên bàn thờ sao? Bạn thấy đó, đức tin đi đôi với hành động của ông và nhờ hành động mà đức tin của ông trở nên trọn vẹn. Và, lời Kinh Thánh đã được ứng nghiệm: “Áp-ra-ham đã tin Đức Chúa Trời, và nhờ đó ông được kể là công chính” và được gọi là bạn của Đức Chúa Trời. Anh em thấy đó, một người được xưng công chính bởi hành động của người đó chứ không chỉ bởi đức tin mà thôi. (Gia-cơ 2:20-24).

Again, James calls on us to learn lessons about the path to salvation by looking at Abraham, which would only make sense if the way of salvation was the same for Abraham, which would only make sense if the way of salvation was the same for Abraham as it is for us.

Một lần nữa, Gia-cơ kêu gọi chúng ta đến với việc học biết về con đường cứu rỗi bằng cách nhìn vào Áp-ra-ham, điều này chỉ có nghĩa là phương cách cứu rỗi dành cho Áp-ra-ham tương tự như dành cho chúng ta.

To take a final example: consider the following view expressed by the writer to the Hebrews (the writer is probably Barnabas, but it's hard to be sure).

Hãy lấy ví dụ cuối cùng: hãy xem xét quan điểm sau đây được bày tỏ bởi tác giả Thư Hê-bơ-rơ (tác giả này có thể là Ba-na-ba, nhưng thật khó chắc chắn với điều này).

Now faith is being sure of what we hope for and certain of what we do not see. This is what the ancients were commended for [...]

Đức tin là sự xác quyết về những điều mình đang hy vọng, là bằng chứng của những điều mình chẳng xem thấy. Thật vậy, nhờ đức tin mà người xưa đã được lời chứng tốt.

These were all commended for their faith, yet none of them received what had been promised. God had planned something better for us so that only together with us would they be made perfect. Therefore, since we are surrounded by such a great

THAY ĐỔI CHÚNG TA

cloud of witnesses, let us throw off everything that hinders and the sin that so easily entangles, and let us run with perseverance the race marked out for us. Let us fix our eyes on Jesus, the author and perfecter of our faith, who for the joy set before him endured the cross, scorning its shame, and sat down at the right hand of the throne of God. Consider him who endured such opposition from sinful men, so that you will not grow weary and lose heart. (Heb 11:1-2, 11:39-12:3).

Tất cả những người ấy dù đã được chứng nhận tốt nhờ đức tin, nhưng chưa nhận lãnh điều đã hứa cho mình. Vì Đức Chúa Trời đã cung cấp điều tốt hơn cho chúng ta, để ngoài chúng ta ra, họ không đạt đến sự toàn hảo được. Cho nên, vì chúng ta được nhiều người chứng kiến vây quanh như đám mây rất lớn, chúng ta cũng nên vứt bỏ mọi gánh nặng và tội lỗi để vác vương mà kiên trì theo đuổi cuộc đua đã bày ra cho chúng ta. Hãy nhìn xem Đức Chúa Giê-xu, Đấng khởi nguyên và hoàn tất của đức tin, là Đấng vì niềm vui đặt trước mặt mình, vui chịu thập tự giá, khinh điều sỉ nhục và hiện đang ngồi bên phải ngai Đức Chúa Trời. Vậy, anh em hãy nghĩ đến Đấng đã chịu sự chống đối của những kẻ tội lỗi đường ấy, để không chán nản hay ngã lòng. (Hê 11:1-2, 11:39-12:3)

From these examples, we have to conclude that the New Testament writers considered the process of salvation to be fundamentally unchanged across all times and ages.

Từ những ví dụ này, chúng ta phải kết luận rằng các tác giả Tân Ước đã xem xét tiến trình cứu rỗi là không thể thay đổi về mặt căn bản xuyên suốt mọi lúc và mọi thế đại.

Two conclusions Hai kết luận

There are a couple of conclusions we can draw from these passages. Có một vài kết luận mà chúng ta có thể rút ra từ những đoạn Kinh Thánh này.

The first builds directly on the main point we have been making: that the passages argue against dispensational doctrines, at least at the level of the fundamental path to salvation. According to these

authors, the same mechanism of salvation applies across the sweep of revealed history.

Kết luận đầu tiên xây dựng trực tiếp trên điểm chính mà chúng ta đã nghiên cứu: rằng những đoạn Kinh Thánh đó tranh luận chống lại những học thuyết về hệ thống tôn giáo, ít nhất là vào mức độ của con đường cứu rỗi căn bản. Theo những tác giả này, phương cách tương tự về sự cứu rỗi được áp dụng xuyên suốt lịch sử được bày tỏ.

Now, if you think about it, you will probably notice that dispensational doctrines and transactional doctrines go hand in hand. If atonement requires that a transaction has to occur in heaven, then there is a time before the transaction, and a time after it, which leads naturally to multiple dispensations. Or to put it the other way around, if there are no distinct dispensations with respect to salvation, then it is unlikely that salvation is fundamentally dependent on a transaction taking place.

Giờ đây, nếu bạn nghĩ về điều đó, bạn có thể sẽ nhận ra rằng những học thuyết về hệ thống tôn giáo và thuyết về sự trao đổi đi song hành với nhau. Nếu sự cứu chuộc đòi hỏi phải có một sự trao đổi phải xảy ra trên thiên đàng, thì có một thời kỳ trước sự trao đổi, và có một thời kỳ sau sự trao đổi, tự nhiên sẽ dẫn đến việc hình thành hệ thống tôn giáo phức tạp. Hay hãy xem xét trên một phương diện khác, nếu không có hệ thống tôn giáo khác biệt liên quan đến sự cứu rỗi, thì không thể có vấn đề sự cứu rỗi phụ thuộc một cách căn bản vào sự trao đổi đang diễn ra.

We now have another piece of evidence that leads us away from a transactional interpretation of the atonement.

Giờ đây chúng ta có một bằng chứng khác dẫn chúng ta ra xa khỏi cách diễn dịch về sự cứu chuộc qua sự trao đổi.

A second conclusion comes from noticing that all these passages relate to *faith*. In Old and New Testament alike, we find faith as a common thread. If you didn't notice it, just pause and have a quick look at the passages again.

Kết luận thứ hai đến từ việc nhận ra tất cả những đoạn Kinh Thánh này đều liên quan đến đức tin. Cựu và Tân Ước đều giống nhau, chúng ta nhận thấy đức tin như một sợi dây xuyên suốt phổ biến. Nếu bạn không nhận ra điều này, hãy dừng lại và hãy nhìn nhanh lại những đoạn Kinh Thánh này.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

In the Abraham passage, the faith-word is disguised slightly: it's the word "believed". In the Greek it is clearly the same word as faith; it's just that in English it's not considered proper grammar to say, "Abrahma faith-ed God..." Similarly, in the David passages, the idea of faith is there by implication, as the contrast to salvation through works. In the other passages, the faith idea is very explicit.

Trong đoạn nói về Áp-ra-ham, thì từ - đức tin khá ẩn giấu: đó là từ 'đã tin'. Trong tiếng Hy-lạp rõ ràng nó có nghĩa gần giống với từ đức tin; đó chỉ là trong tiếng Anh thì từ này được xem là không có cùng ngữ pháp khi nói "Áp-ra-ham đặt đức tin nơi Đức Chúa Trời..." tương tự như vậy, trong những đoạn Kinh Thánh nói về Đa-vít, ý tưởng về đức tin ở chỗ này được ngụ ý, như là một sự đối lập với sự cứu rỗi qua việc làm. Trong những đoạn khác, thì ý tưởng về đức tin rất rõ ràng.

So what's important about *faith*? Why should God care whether we have faith or not?

Thế thì đức tin có tầm quan trọng gì? Tại sao Đức Chúa Trời quan tâm đến việc là chúng ta có đức tin hay không?

At this stage we'll leave it just as a question to mull over. But we will note the following: faith is something that happens in us – it is a change in who we are, it is not a transaction that takes place in heaven.

Ở giai đoạn này chúng ta hãy để nó như là một câu hỏi để nghiên cứu. Nhưng chúng ta sẽ chú ý điều sau đây: đức tin là điều gì đó xảy ra trong chúng ta – đó là một sự biến đổi trong việc chúng ta là ai, đó không phải là một sự trao đổi diễn ra trong thiên đàng.

Summary

Tóm tắt

The principles for salvation the Old and New Testament are the same. Faith was the basis for salvation in the Old Testament, just as it is in the New. While the details of worship may be different, God has always sought to win our hearts and minds.

Những nguyên tắc về sự cứu chuộc xuyên suốt Tân và Cựu Ước là như nhau. Đức tin là nền tảng của sự chuộc tội trong Cựu Ước, cũng

như trong Tân Ước. Trong khi những chi tiết về sự thờ phượng có thể khác, Đức Chúa Trời luôn tìm kiếm để chiếm lĩnh tâm lòng và tâm trí của chúng ta.

Discussion

Thảo luận

1. Is it more reasonable that the route to salvation has been the same through the ages, or that a different route exists in each era?
1. Có hợp lý hơn khi cho rằng con đường cứu chuộc là tương tự trải qua các thời kỳ, hay có một con đường khác biệt tồn tại trong mỗi thời kỳ?
2. What do you think Abraham and David might have known about Jesus? What about the average Israelite?
2. Bạn nghĩ gì về việc Áp-ra-ham và Đa-vít có thể đã nhận biết gì về Chúa Giê-xu? Thế còn người Israel thì sao?
3. What was sacrifice for? Do you think it succeeded in its purpose?
3. Của lễ để làm gì? Bạn có nghĩ rằng điều này có thành công trong mục đích của nó không?
4. Why do you think God has always looked for faith? What does faith accomplish or enable?
4. Tại sao bạn nghĩ rằng Đức Chúa Trời luôn tìm kiếm đức tin nơi con người? Đức tin có thể thành toàn hay giúp chúng ta có thể làm được điều gì?

The purpose of God

Mục Đích của Đức Chúa Trời

So, how are we saved? What is the mechanism used by God? What is the process?

Thế thì, làm thế nào chúng ta được cứu? Phương cách được Đức Chúa Trời sử dụng là gì? Tiến trình là gì?

We have spent a lot of time arguing that the mechanism of salvation is not a transaction that takes place in heaven, but rather that it's about a change that take place in us. But how does this accomplish our salvation?

Chúng ta đã dành nhiều thời gian tranh luận rằng phương cách của sự cứu rỗi không phải là một sự trao đổi diễn ra trên thiên đàng, nhưng hơn thế nữa đó là về một sự thay đổi đang diễn ra trong chúng ta. Làm thế nào điều này thành toàn sự cứu rỗi cho chúng ta?

Now this is one of those places where, according to human thought, we would still have this lovely intricate transaction which says, 'first this happens, then that happens'. It's almost a let-down to discover that the process of salvation is so simple that it's staring us in the face all the time. There's no mysticism about it. It is simply this: God chooses to forgive us.

Giờ đây, điều này là một trong những điểm mà theo suy nghĩ của con người, chúng ta vẫn có sự trao đổi phức tạp thú vị nói rằng, 'trước hết điều này xảy ra, sau đó xảy ra'. Đó hầu như là một sự thất vọng khi khám phá ra rằng tiến trình cứu chuộc đơn giản đến nỗi là tiến trình này nhìn thẳng vào mặt chúng ta luôn luôn. Không có sự bí ẩn gì trong điều này: Chỉ đơn giản là Đức Chúa Trời chọn lựa để tha thứ cho chúng ta.

That's how we're justified. God says, "You have sinned and I'm going to take your sins away."

Đó là cách mà chúng ta được xưng công bình. Đức Chúa Trời phán, “các con đã phạm tội và Ta sẽ cất tội lỗi khỏi chúng con.”

The core process of salvation is forgiveness. We have sins that separate us from God and God is willing to take them away.

Tiến trình cốt lõi của sự cứu rỗi là sự tha thứ. Chúng ta có những tội lỗi phân cách chúng ta với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời sẵn sàng mang chúng ra xa khỏi chúng ta.

Glory of God
Vinh quang của Đức Chúa Trời

But this isn't a sufficient explanation. Why not? Because God doesn't forgive everyone.

Nhưng đây không phải là một lời giải thích đầy đủ. Tại sao không? Vì Đức Chúa Trời không tha thứ tất cả mọi người.

If salvation was merely about God forgiving, then maybe he could just save everybody. So there must be something more. And indeed there is.

Nếu sự cứu rỗi chỉ là về việc Đức Chúa Trời tha thứ, thì có thể Ngài có thể đã cứu tất cả mọi người. Thế thì phải có điều gì đó hơn thế nữa. Và thật sự là có.

In Exodus 34, Moses asks to see the glory of God, and God agrees. When God's glory is revealed it is not how we might expect it. Moses doesn't get to see a really bright light, or an immensely loud noise, or any other spectacle we might imagine. Instead, the glory of God is contained in a declaration about his character. While we may be familiar with the words, we may not have noticed something odd about them.

Trong Xuất Ê-díp-tô 34, Môi-se xin được nhìn thấy vinh quang của Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời đồng ý. Khi vinh quang của Đức Chúa Trời được bày tỏ thì đó không phải là cách mà chúng ta có thể mong đợi. Môi-se không đến để nhìn thấy một ánh sáng rực rỡ thật sự, hay một tiếng động cực lớn, hay bất kỳ khung cảnh nào khác mà chúng ta có thể tưởng tượng. Thay vào đó, vinh quang của Đức Chúa Trời bên trong lời công bố về phẩm cách của Ngài. Trong khi chúng ta có thể quen với những lời này, chúng ta có thể không nhận ra vài điều lạ lùng về những lời này.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Then the LORD came down in the cloud and stood there with him and proclaimed his name, the LORD. And he passed in front of Moses, proclaiming, "The LORD, the LORD, the compassionate and gracious God, slow to anger, abounding in love and faithfulness, maintaining love to thousands, and forgiving wickedness, rebellion and sin. Yet he does not leave the guilty unpunished; he punishes the children and their children for the sin of the fathers to the third and fourth generation. (Ex 34:5-7).

Đức Chúa Trời ngự xuống trong đám mây, đứng bên Môi-se và xưng danh Ngài là Giê-hô-va. Đức Giê-hô-va đi qua trước mặt Môi-se và tuyên bố: "Giê-hô-va! Giê-hô-va! Là Đức Chúa Trời nhân từ, thương xót, chậm giận, dư dật ân huệ và thành tín. Giữ lòng yêu thương đến nghìn đời, tha thứ điều gian ác, sự vi phạm và tội lỗi, nhưng Ngài không kẻ kẻ có tội là vô tội, mà nhân tội tổ phụ phạt con cháu đến ba bốn đời." (Xuất 34:5-7)

Have you noticed that there's a paradox in the statement of the glory of God?

Bạn có nhận ra có một nghịch lý trong sự công bố về vinh quang của Đức Chúa Trời?

Here's what I mean. Apparently, the glory of God is both to forgive and to punish. It is both of them! It's not that God always forgives and it's not that God always punishes. He says that he forgives the wicked, but at the same time he doesn't leave the guilty unpunished. So which is it? Forgiveness or punishment?

Đây là điều tôi muốn nói. Rõ ràng, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là ở cả hai mặt tha thứ và trừng phạt. Đó là cả hai mặt! Đó không phải là Đức Chúa Trời luôn luôn tha thứ và đó cũng không phải là Đức Chúa Trời luôn luôn trừng phạt. Ngài phán Ngài tha thứ cho tội nhân, nhưng cùng lúc Ngài không để kẻ phạm tội không bị trừng phạt. Vậy thì đó là gì? Tha thứ hay trừng phạt?

The resolution to the paradox is that the glory of God is not in either the forgiveness or the punishment per se. Rather, the glory of God is in *balancing* between them. It is *the choice* between forgiveness and punishment that is the expression of God's glory.

Giải pháp cho nghịch lý này đó là bản chất của sự vinh hiển của Đức Chúa Trời không phải ở trong vấn đề là tha thứ hay trừng phạt. Hơn thế nữa, sự vinh hiển của Đức Chúa Trời nằm trong việc *cân bằng* chúng. Đó là *sự chọn lựa* giữa sự tha thứ và trừng phạt bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời.

You want to see the wonder of our Creator? Then meditate on his choice sometimes to forgive, and sometimes to condemn.

Bạn muốn nhìn thấy sự kỳ lạ của Đấng Sáng Tạo chúng ta không? Vậy thì bạn hãy suy gẫm về sự chọn lựa của Ngài đôi khi trong sự tha thứ và đôi khi trong sự đoán xét.

This is hard to do, so let's explore some more.

Đây là điều khó làm, vì thế chúng ta hãy khám phá thêm nữa.

Constraint triangles
Những tam giác giằng co

Why does God punish? Why is there even going to be a judgement? Why doesn't God say, "You know what? I'm just going to let everybody into the kingdom!" After all, God is God; he could, surely, do that. He could do anything, couldn't he?

Tại sao Đức Chúa Trời trừng phạt? Tại sao thậm chí sẽ có một sự phán xét? Tại sao Đức Chúa Trời không nói, "Các con biết rằng? Ta đến chỉ để đưa mọi người vào trong vương quốc đời đời!"; Sau cùng thì Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời; chắc hẳn Ngài có thể làm điều đó. Ngài có thể làm bất cứ điều gì, phải không?

This line of thinking could lead us astray. There are things that God cannot do. He cannot contradict himself, for example. That's why God cannot sin, nor even be tempted by sin.

Dòng suy nghĩ này có thể dẫn chúng ta đi lạc đường. Có những điều Đức Chúa Trời không thể làm. Ví dụ, Ngài không thể mâu thuẫn với chính Ngài. Đó là lý do tại sao Đức Chúa Trời không thể phạm tội, hay thậm chí bị cám dỗ bởi tội lỗi.

In business there is a concept that can be expressed with a "constraint triangle". It reflects the idea that it is just not possible to have everything at the same time. To see a constraint triangle in action, imagine a triangle with each vertex (the pointy bits) labeled with

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Cost, Quality, and Time. The rule of the game is that you get to pick any two of the constraints, but cannot ever choose all three at the same time.

Trong kinh doanh có một quan niệm có thể được thể hiện với một ‘hình tam giác’. Nó phản ánh ý tưởng là không thể có mọi thứ cùng một lúc. Hãy xem xét điều này trong thực tế, hãy tưởng tượng ra một hình tam giác với mỗi góc (điểm chính) được đánh dấu với Chi Phí, Chất Lượng, và Thời Gian. Quy luật của trò chơi này là bạn chọn bất kỳ hai cạnh, nhưng không thể chọn cả ba cùng một lúc.



Suppose your client comes to you and says, “I’d like you to make me one of your widgets and I want you to give me the lowest price possible but the highest quality.” So you say, “Ah! Then that’s going to take me some time, as the only way I can cut the cost that much would be to slot it in the odd bits of time between other jobs.” They get low cost, high quality, but at the expense of having to wait for it.

Hãy cho là khách hàng của bạn đến với bạn và nói rằng, “tôi muốn anh làm cho tôi một trong những sản phẩm mà anh có và tôi muốn anh cho tôi mức giá thấp nhất có thể nhưng với chất lượng tốt nhất”. Thế là bạn nói, “à! Thế thì việc đó sẽ mất của tôi một thời gian, vì cách duy nhất tôi có thể giảm giá nhiều như vậy là phải tận dụng hết nhiều thời gian giữa những công việc khác.” Họ có giá thấp, chất lượng cao, nhưng với chi phí là phải chờ đợi cho nó.

If they then say, “Oh no! I need that widget by tomorrow!” you might well respond, “Well, if you need it tomorrow, I’m going to have to charge you more because I’ll have to pull people off other

jobs to get your job done. It's a rush job and will cost you more. The alternative is to compromise on quality – it won't be the best work I can possibly do.”

Nếu sau đó họ nói, “Ồ không! tôi cần sản phẩm đó vào ngày mai!”. Bạn có thể phải trả lời, “À, nếu anh cần nó vào ngày mai, tôi sẽ phải tính anh thêm tiền vì tôi sẽ phải kéo người ta ra khỏi công việc khác của họ để hoàn thành cho xong công việc cho anh. Đó là một công việc khẩn cấp và anh sẽ phải mất thêm tiền. Giải pháp thay thế đó là việc thương lượng trên chất lượng – nó sẽ không thể là sản phẩm tốt nhất mà tôi có thể làm.”

The constraint triangle expresses these fundamental tradeoffs. You can't have all three points in the “constraints triangle” at the same time. They are in tension with each other; each one pulls away from the other two.

Hình tam giác thể hiện những giao dịch căn bản này. Bạn không thể có tất cả ba điểm trong “hình tam giác đóng này” cùng một lúc. Chúng ở trong sự căng thẳng với nhau; mỗi điểm đẩy xa khỏi hai điểm kia.

God's constraints Sự giằng co của Đức Chúa Trời

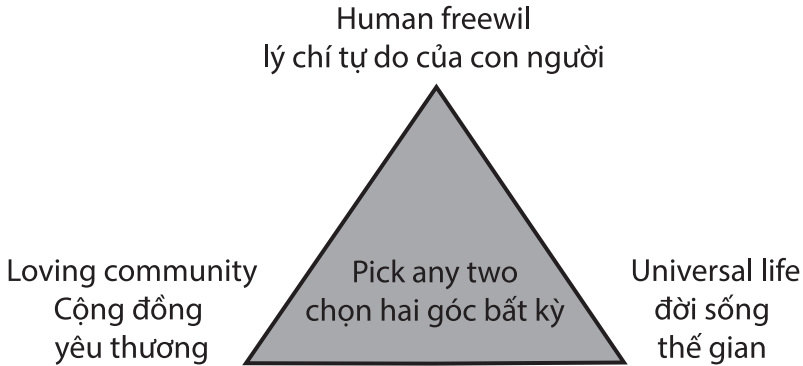
It appears that God is also under constraints. I think God would dearly love to have all of these things:

Có vẻ là Đức Chúa Trời cũng ở dưới sự giằng co. Tôi nghĩ Đức Chúa Trời rất yêu thương tất cả những điều này:

1. Human freewill (that we have real choices about who we are, and how we live);
 2. Loving community (people together, fellowship, supporting and nourishing each other); and
 3. Universal life (that everyone should get to be alive regardless of the choices they make).
1. Ý chí tự do của con người (đó là chúng ta có những sự chọn lựa thật sự về việc chúng ta là ai và chúng ta sống như thế nào);

THAY ĐỔI CHÚNG TA

2. Yêu thương cộng đồng (con người với nhau, mỗi thông công, hỗ trợ và nuôi dưỡng nhau); và
3. Sự sống trên toàn thế giới (rằng mọi người nên sống với nhau cho dù họ lựa chọn thế nào)



God would like all three, but not even God can have all three, because the three concepts together are mutually contradictory. Let's see why by considering a few examples

Đức Chúa Trời muốn cả ba điều, nhưng thậm chí Đức Chúa Trời cũng không thể có cả ba điều này vì ba quan niệm cùng mâu thuẫn với nhau. Hãy xem xét lý do tại sao bằng cách xem xét vài ví dụ.

Robots?
Rô-bốt?

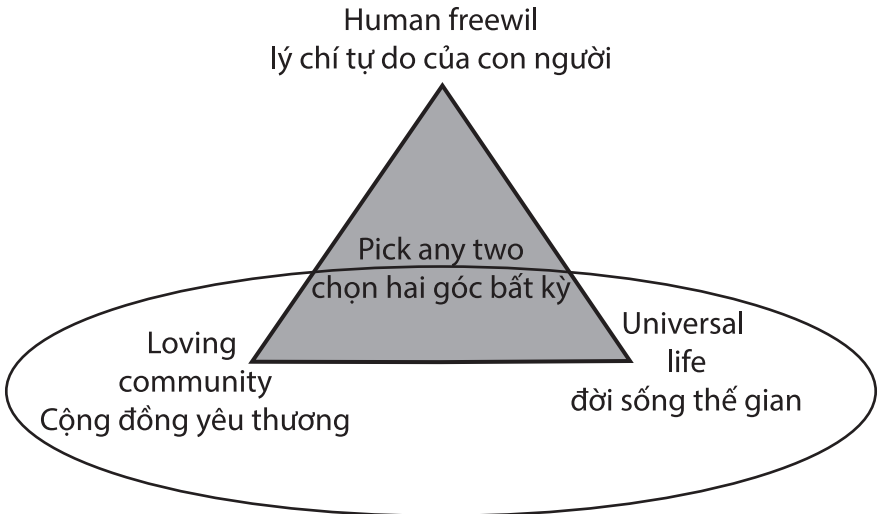
First, if God wants everybody to live, and also wants it to be a loving community, he would have to give up on human freewill.

Trước hết, nếu Đức Chúa Trời muốn mọi người sống, và cũng muốn họ ở trong một cộng đồng yêu thương, Ngài sẽ phải loại bỏ ý chí tự do của con người.

Human freewill manifests itself in many ways. Sometimes, with God's help, it manifests itself by love and concern for others, but all too often, it manifests itself in selfishness and harm of thers. If God wanted to have every human being form part of a loving community, regardless of their personal desires, he would have to remove their free will, to take away their freedom to choose their own way, their capacity for choice. They could not be permitted to harm or destroy.

He would be able to satisfy the ideals of loving community and universal life, but at the cost of human freewill.

Ý chí tự do của con người tự nó bày tỏ trong nhiều cách. Đôi khi, với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, nó bày tỏ chính nó bởi tình yêu và mối quan tâm cho người khác, nhưng rất thường xuyên, nó bày tỏ chính nó trong sự ích kỷ và làm hại người khác. Nếu Đức Chúa Trời muốn mọi người là một phần của một cộng đồng yêu thương, không kể đến những ước muốn cá nhân của họ, Ngài sẽ phải cất đi ý chí tự do của họ, lấy đi sự tự do của họ trong việc lựa chọn con đường riêng của mình, khả năng chọn lựa của họ. Họ có thể không được phép làm hại hay tàn phá. Ngài sẽ có thể làm hài lòng những ý tưởng của cộng đồng yêu thương và đời sống thế giới, nhưng bằng mọi giá ra khỏi ý chí tự do.



This is not acceptable to God. One of the fundamental things he has done right from the beginning is to provide individuals with the opportunity to choose. God didn't create mechanistic robots with preprogrammed responses. Instead he wanted individuals with individual sentience, and individual desires, who would perhaps choose partnership with him.

Điều này không thể chấp nhận được đối với Chúa. Một trong những điều căn bản Ngài đã làm ngay từ lúc ban đầu là ban cho con người cơ hội để chọn lựa. Đức Chúa Trời không tạo ra những con rô-bốt

THAY ĐỔI CHÚNG TA

máy móc với sự đáp lời được lập trình trước. Thay vào đó Ngài muốn những con người với khả năng tri giác, và những ước muốn cá nhân, có thể sẽ chọn sự đồng công với Ngài.

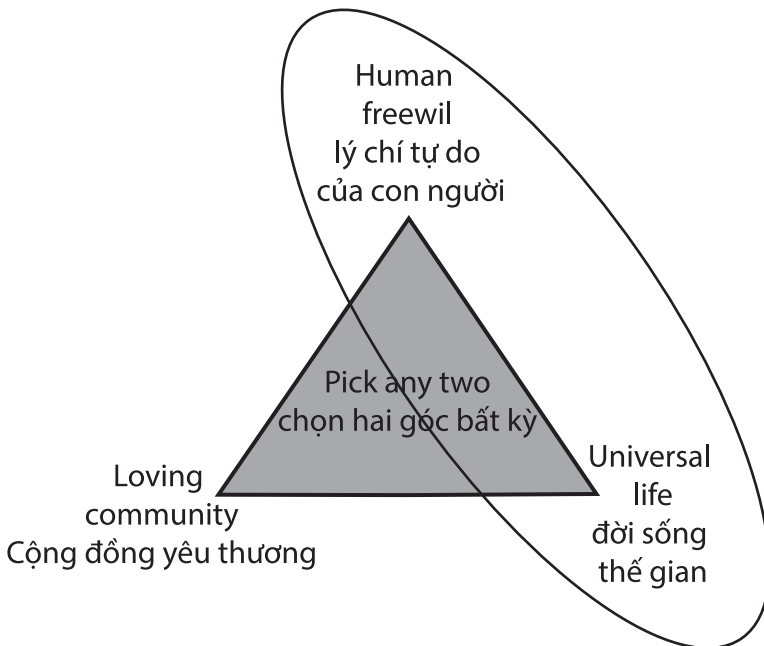
Removal of human freewill is not acceptable to God. So if he isn't prepared to give up on human freewill, what about the other two possibilities?

Loại bỏ ý chí tự do của con người là điều không thể chấp nhận đối với Đức Chúa Trời. Vì nếu Ngài không sẵn sàng cho việc loại bỏ ý chí tự do của con người, thế thì hai khả năng kia thì sao?

The World Today *Thế giới ngày nay*

One of the other options open to God (at least temporarily) is to give up on the loving community. This is really painful for God. But that is what he has done in the world today.

Một trong những sự chọn lựa khác mở ra với Đức Chúa Trời (ít nhất là tạm thời) là loại bỏ cộng đồng yêu thương. Đây thật sự là điều đau đớn với Đức Chúa Trời. Nhưng đó là điều Ngài đã làm trong thế giới ngày nay.



Today he says, “I am going to give people freewill, the ability to choose, and to allow their actions to have an impact on other people. I am going to let the sinner live. I’m going to allow the evil to work their evil. I’m not going to bring judgement – yet!”

Ngày nay Ngài phán, “Ta sẽ ban cho con người ý chí tự do, khả năng chọn lựa, và cho phép những hành động của họ có ảnh hưởng trên người khác. Ta sẽ để cho những tội nhân sống. Ta sẽ cho phép kẻ ác làm những việc tội lỗi. Ta vẫn chưa đem đến sự phán xét – chưa!”

Now there are times and places where even today God says, “This can go no further. I’m going to bring an end to this!” But by and large, the situation we are in today is that human freewill is exercised freely, and God allows all men and women to live.

Giờ đây có những lần và ở những nơi mà thậm chí ngày nay Đức Chúa Trời phán, “Điều này không thể đi xa hơn nữa. Ta sẽ mang sự cuối cùng đến với điều này!” Nhưng ngày càng lớn hơn nữa là chúng ta ngày nay đang ở trong tình trạng mà ý chí tự do của con người được tự do thực hiện, và Đức Chúa Trời cho phép tất cả người nam và người nữ sống sót.

The result is: today’s society. We do not have a loving community in the world today.

Kết quả là: xã hội ngày nay. Chúng ta không có một cộng đồng yêu thương trong thế giới ngày nay.

Judgement
Sự phán xét

However, a time is coming, says God through Malachi, when we will see a clear distinction made between the righteous and the wicked

Tuy nhiên, khi thời kỳ sẽ đến, Đức Chúa Trời phán qua Ma-la-chi, khi chúng ta sẽ nhìn thấy một sự phân biệt rõ ràng giữa những người công chính và những kẻ phạm tội:

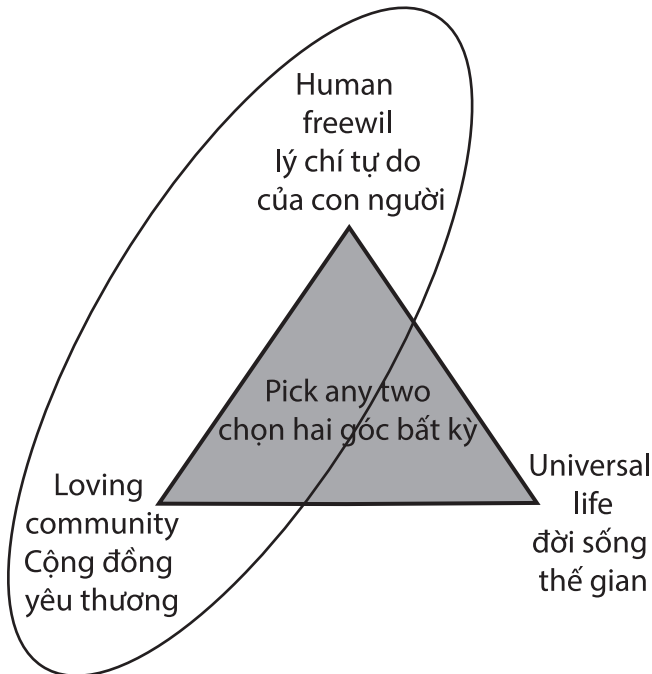
“They will be mine,” say the LORD Almighty, “in the day when I make up my treasured possession. I will spare them, just as in compassion a man spares his son who serve him. And you will again see the distinction between the righteous and the wicked, between those who serve God and those who do not. (Mal 3:17-18)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đức Giê-hô-va vạn quân phán: “Họ sẽ thuộc về Ta, làm cơ nghiệp riêng của Ta trong ngày Ta hành động. Ta sẽ thương xót họ như một người thương xót con trai phục vụ mình. Bây giờ, các con sẽ trở lại và thấy sự khác biệt giữa người công chính và kẻ gian ác, giữa người phụng sự Đức Chúa Trời và kẻ không phụng sự Ngài.” (Ma-la-chi 3:17-18).

In this future, God will ultimately relinquish the practice of allowing all to live. Instead, he will craft his loving community out of people who have freely chosen that that is what they want. His kingdom will be made up of people who out of their own free will wish to live and participate in loving community

Trong tương lai này, Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ từ bỏ việc cho tất cả mọi người đều sống sót. Thay vào đó, Ngài sẽ chọn lựa cộng đồng yêu thương của Ngài ra khỏi những người đã tự do chọn lựa điều mà họ muốn. Vương quốc của Ngài sẽ được tạo dựng nên cho những con người ra khỏi ý chí tự do của họ mong muốn sống và tham gia vào trong cộng đồng yêu thương.



Automatically, this means that there are some who won't fit in that picture. Judgement, and hence punishment – the distinction between the righteous and the wicked – is simply a logical consequence of the ideals of both human freewill and a loving community.

Tự nhiên, điều này có nghĩa là có vài người sẽ không thích hợp trong bức tranh đó. Sự phán xét, và vì thế sự trừng phạt – sự phân biệt giữa người công chính và những kẻ phạm tội – chỉ là một hậu quả hợp lý của những điều lý tưởng của cả ý chí tự do của con người và một cộng đồng yêu thương.

The very fact that we have human freewill means that there are some people who choose that they do not want a loving community. They wouldn't want to live in one; they wouldn't want to participate in one.

Vấn đề rất quan trọng đó là chúng ta có ý chí tự do có nghĩa là có một vài người chọn điều là họ không cần một cộng đồng yêu thương. Họ sẽ không muốn sống hiệp một; họ sẽ không muốn dự phần vào trong cộng đồng đó.

So, at the end of the day, God has to say to those, “You will sleep forever, you will be oblivious, and cease to exist.” God treats human freewill as so important that he's willing to respect people's decisions that they prefer eternal oblivion rather than eternal life in his kingdom. Their actual choice – in the extreme case, perhaps a Valhalla of self-indulgent greed – is not available, because one person's indulgence may be another person's pain or loss. This is not the loving community God intends to establish.

Vì thế, vào cuối thời kỳ, Đức Chúa Trời phải nói với những người này, “các con sẽ ngủ mãi mãi, các con sẽ bị lãng quên, và chấm dứt sự sống.” Đức Chúa Trời xử trí ý chí tự do mạnh mẽ đến nỗi Ngài sẵn sàng tôn trọng những quyết định của con người rằng họ thích sự chết đời đời hơn là sự sống đời đời trong vương quốc của Ngài. Sự chọn lựa thật sự của họ - trong trường hợp cấp thiết nhất, có lẽ là Valhalla của sự tham muốn chiếm hữu cá nhân – thì không có sẵn, vì một sự chiếm hữu của một người có thể là sự đau đớn hay mất mát của người khác. Đây không phải là cộng đồng yêu thương mà Đức Chúa Trời có ý định thiết lập.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Seen this way, God's "punishment" is the outworking of the causal consequences of sin. Our sinful actions and thoughts are destructive of the health and wholeness that God longs for in us. Those damaged relationships, hardened hearts..., they all have a destructive effect on us.

Nhìn theo cách này, thì "sự trừng phạt" của Đức Chúa Trời thực hiện vượt quá những hậu quả bình thường của tội lỗi. Những hành động và tư tưởng tội lỗi của chúng ta làm hư hoại sức khỏe và sự trọn vẹn mà Đức Chúa Trời mong mỏi trong chúng ta. Những mối quan hệ băng hoại, những tâm lòng cứng cõi..., Tất cả những điều này có một ảnh hưởng hủy hoại trên chúng ta.

Personal Examination *Thử nghiệm cá nhân*

Even though we have discussed these three alternatives as God's choice and judgement as something God does, I think judgement is actually about the fulfillment of *our* choices.

Mặc dù chúng ta đã thảo luận ba giải pháp như là sự chọn lựa và phán xét của Đức Chúa Trời như điều gì đó mà Đức Chúa Trời làm, tôi nghĩ sự phán xét thật sự là việc thực hiện những sự chọn lựa *của chúng ta*.

I don't think of God as a legal judge, who says, "You have disobeyed the Law and hence must be punished." This again make it sounds as if God is bound by some legal system.

Tôi không nghĩ Đức Chúa Trời như một quan án, người nói, "anh đã không tuân theo Luật Pháp và vì vậy phải bị trừng phạt." Điều này một lần nữa khiến nó có vẻ như là Đức Chúa Trời bị bó buộc bởi một hệ thống luật pháp nào đó.

Rather, I think of judgement as illumination, in which the truth is revealed. When the truth is revealed (like the sheep and goats) it becomes clear that some people do want wholeness and community and some do not. Seen in this light, the current framework of "free-will and universal life" is a compromise situation in which we get to work out who we are before the light is turned on.

Hơn thế nữa, tôi nghĩ sự phán xét như là một sự khai trí, trong đó lẽ thật được bày tỏ. Khi lẽ thật được bày tỏ (như chiên và dê) thì điều này trở nên rõ ràng rằng dân sự rất muốn sự trọn vẹn và sự hiệp thông còn một số người thì không. Nhìn trong sự khai sáng này, kết

cầu hiện nay của “ý chí tự do và sự sống thế gian” là một tình trạng thỏa hiệp trong đó chúng ta phải cố gắng ra khỏi con người chúng ta trước đây trước khi ánh sáng được bật lên.

The question for each of us is, what do I want? Deep down, in my inner being, do I really want righteousness? Do I want wholeness and community? Or do I actually prefer sin?

Câu hỏi dành cho mỗi chúng ta, tôi muốn gì? Tận sâu bên trong tâm lòng của tôi, tôi có thật sự mong muốn sự công chính không? Tôi có cần sự trọn vẹn và sự hiệp thông? Hay tôi thật sự thích tội lỗi hơn?

The LORD detests all the proud of heart. Be sure of this: They will not go unpunished. Through love and faithfulness sin is atoned for: through the fear of the LORD a man avoids evil. (Prov 16:5-6).

Đức Giê-hô-va ghê tởm mọi kẻ có lòng kiêu ngạo, chắc chắn nó sẽ không tránh khỏi hình phạt. Nhờ tình yêu và sự thành tín mà tội lỗi được tha thứ, bởi sự kính sợ Đức Giê-hô-va, người ta tránh khỏi điều ác. (Châm 16:5-6)

On the day of judgement our hearts will be laid open, and on the basis of our deepest desire, the decision will be declared.

Vào ngày phán xét tâm lòng của chúng ta sẽ mở ra, và trên sự mong muốn sâu xa nhất của chúng ta, sự phán định sẽ được công bố.

Summary

Tóm tắt

The paradox of the Glory of God: to balance the choice of when to forgive and when to condemn. God wants to build a society of beings who love one another through their free will, and he uses that choice as the basis of his judgement.

Nghịch lý về Vinh Quang của Đức Chúa Trời: để cân bằng sự chọn lựa khi nào tha thứ và khi nào trừng phạt. Đức Chúa Trời muốn xây dựng một xã hội gồm những con người yêu thương nhau qua ý chí tự do của họ, và Ngài sử dụng sự chọn lựa đó như là căn bản của sự phán xét của Ngài.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Discussion

Thảo luận

1. How do you understand Exodus 34:5-7? What about the part about the 3rd and 4th generation? Suggest what may be meant by this.
1. Bạn hiểu Xuất Ai-cập Ký 34:5-7 như thế nào? Phần về thế hệ thứ 3 và 4 là gì? Hãy thảo luận điều gì có thể được đề cập đến bởi điều này?
2. Can you square the omnipotence of God with the idea that he is under constraints?
2. Bạn có giới hạn quyền năng của Chúa với ý tưởng cho rằng Ngài ở dưới sự giằng co?
3. Most people are a bundle of mixed motives, and *judgement* seems to crystallize the situation too sharply. No one will stand revealed by the light as purely one thing or the other. How will God judge?
3. Hầu hết con người ở trong những động cơ phức tạp, và *sự phán xét* dường như khiến cho tình trạng trở nên sâu sắc hơn. Không ai đứng nổi khi ánh sáng được bày tỏ rõ ràng một điều này hay điều khác. Đức Chúa Trời sẽ phán xét như thế nào?
4. Is it possible that there are people who truly deep down would not want to participate in a loving society? What about you? What do you want, deep down? How do you know? How would God know that this your desire?
4. Có thể là có nhiều người trong tận đáy lòng không muốn tham gia vào một xã hội yêu thương? Bạn thì sao? Bạn muốn điều gì từ tận đáy lòng bạn? Làm thế nào bạn biết được? Làm thế nào Đức Chúa Trời biết rằng đó là mong muốn của bạn?

Righteousness and sin

Sự Công Chính Và Tội Lỗi

The Bible talks a lot about righteousness. What is it? How can we discern the difference between righteousness and unrighteousness?

Kinh Thánh nói rất nhiều về sự công chính. Đó là gì vậy? Làm thế nào chúng ta có thể phân biệt được sự khác nhau giữa sự công chính và bất chính?

Jesus is asked to give his opinion on a question like this.

Người ta yêu cầu Chúa Giê-xu đưa ra ý kiến của Ngài về một câu hỏi như thế này.

One of them, an expert in the law, tested him this question:

“Teacher, which is the greatest commandment in the Law?” Jesus replied: “Love the Lord your God with all your heart and with all your soul and with all your mind.” This is the first and greatest commandment. (Matt 22:35-38).

Một luật gia trong nhóm họ đã nêu câu hỏi để thử Ngài. “Thưa Thầy, trong luật pháp, điều răn nào quan trọng nhất?” Đức Chúa Giê-xu đáp: “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người”. Đây là điều răn thứ nhất và quan trọng hơn hết. (Ma-thi-ơ 22:35-38)

But Jesus doesn't stop! That's not enough! He continues,

Nhưng Chúa Giê-xu không dừng lại ở đó! Thế vẫn chưa đủ! Ngài nói tiếp,

The second is like it, love your neighbor as yourself!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Điều thứ hai cũng như điều thứ nhất, hãy yêu người lân cận như chính mình!

I think Jesus is saying that the only way you can truly love God is by loving your neighbor.

Tôi nghĩ rằng Chúa Giê-xu đang nói rằng cách duy nhất mà bạn có thể thật sự yêu Chúa chính là bởi việc yêu người lân cận của mình.

Suppose you think you love God, that you have in your heart such warmth and love for God, yet you don't really care about anyone around you. If you have no sense of warmth or compassion for people, then the apostle John says you are a liar!

Có thể bạn nghĩ bạn yêu Chúa, rằng bạn có trong tâm lòng mình sự ấm áp và tình yêu dành cho Đức Chúa Trời như vậy, nhưng bạn thật sự không quan tâm về bất cứ người nào xung quanh bạn. Nếu bạn không có cảm giác ấm áp hay yêu thương dành cho mọi người, thì như sứ đồ Giăng nói, bạn là một kẻ dối trá!

We love because he first loved us. If anyone says, "I love God," yet hates his brother, he is a liar. For anyone who does not love his brother, whom he has seen, cannot love God, whom he has not seen. And he has given us this command: Whoever loves God must also love his brother. (1 John 4:19-21).

Chúng ta yêu thương vì Chúa đã yêu thương chúng ta trước. Nếu có ai nói: "Tôi yêu Đức Chúa Trời" mà lại ghét anh em mình thì người ấy là kẻ nói dối. Vì người nào không yêu thương anh em mình đã thấy thì không thể yêu thương Đức Chúa Trời mà mình không thấy được. Ngài đã ban cho chúng ta điều răn này: Bất kỳ ai yêu Đức Chúa Trời thì cũng phải yêu thương anh em mình. (1 Giăng 4:19-21).

There's a real sense in which our love for God is manifest in our love for one another.

Có một cảm giác thật sự trong đó tình yêu của chúng ta dành cho Đức Chúa Trời là sự thể hiện trong tình yêu của chúng ta dành cho người khác.

Maybe that's what Jesus meant when he said, "The second is just like it!" He's perhaps saying, "It's essentially the same thing. The

first commandment is, you shall love God, and the second is the same, Love your neighbor.” We should not think that these are two separate commandments, but two aspects of the same command.

Có thể đó là điều mà Chúa Giê-xu muốn nói khi Ngài phán, “điều thứ hai cũng giống như điều thứ nhất!” Ngài có thể đang nói rằng, “đó là điều rất giống. Mạng lệnh thứ nhất là, Con phải yêu Chúa và mạng lệnh thứ hai là giống như vậy, Hãy Yêu người lân cận mình.” Chúng ta đừng nên nghĩ rằng đây là hai mạng lệnh riêng biệt, mà là hai khía cạnh của một mạng lệnh.

If I want to know, “Am I loving God?” a very good test is to ask, “Am I loving my neighbor?”

Nếu tôi muốn biết rằng, “Tôi có đang yêu Chúa không?” một bài thử nghiệm đúng đắn là hãy hỏi “tôi có đang yêu người lân cận mình không?”

What is sin?

Tội lỗi là gì?

Now let’s look at righteousness from the opposite perspective.

Giờ đây hãy nhìn vào sự công chính từ một quan điểm ngược lại.

What is sin?

Tội lỗi là gì?

Have you ever really asked yourself that question? If not, pause for a moment and think how you would define it. Suggest a couple of possible definitions? What is sin?

Bạn đã thật sự bao giờ hỏi chính mình câu hỏi đó? Nếu không, hãy dừng lại trong một khoảnh khắc và hãy nghĩ là bạn sẽ định nghĩa nó như thế nào. Hãy đề nghị một vài định nghĩa có thể? Tội lỗi là gì?

Here’s one possible definition. We might say that sin is breaking the laws God has given, say, the ten commandments, i. e. if you break the ten commandments, that’s sin.

Ở đây là một định nghĩa có thể phù hợp. Chúng ta có thể nói rằng tội lỗi là vi phạm luật mà Đức Chúa Trời đã ban ra, hay có thể nói, là mười điều răn; nghĩa là nếu bạn vi phạm mười điều răn, thì đó là tội lỗi.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Well, it certainly makes some sense: God gave commands and he expects people to follow them. On the other hand it doesn't seem a completely satisfactory definition. For example, most of us don't keep the Sabbath in the way laid out in the Law of Moses, so there's at least one of the ten commandments that we break. Yet the New Testament makes it clear that we are not sinning even though we do not follow that commandment, because the obligations of the complete Law are not laid on the Gentiles. For example:

À, chắc chắn, nó có thể có một ý nghĩa nào đó: Đức Chúa Trời ban điều răn và Ngài mong muốn con người làm theo. Mặc khác dường như đó là một định nghĩa không hoàn toàn thỏa đáng. Ví dụ, hầu hết chúng ta không giữ Ngày Sa-bát theo cách được đưa ra trong Luật Pháp Môi-se, vì thế có ít nhất một trong những mười điều răn chúng ta đã vi phạm. Nhưng Tân Ước làm rõ rằng chúng ta không phạm tội dù chúng ta không theo điều răn đó, vì những sự ràng buộc của Luật Pháp không hoàn toàn dành cho Dân Ngoại. Ví dụ:

One man considers one day more sacred than another; another man considers every day alike. Each one should be fully convinced in his own mind. He who regards one day as special, does so to the Lord. He who eats meat, eats to the Lord, for he gives thanks to God; and he who abstains, does so to the Lord and gives thanks to God. (Rom 14:5-6)

Người này cho rằng ngày này thánh hơn ngày kia, còn người khác thì coi mọi ngày đều như nhau; mỗi người hãy tin chắc ở tâm trí mình. Người xem một ngày là đặc biệt thì việc giữ ngày đó là giữ vì Chúa; người ăn cũng ăn vì Chúa, vì họ tạ ơn Đức Chúa Trời; người không ăn cũng không ăn vì Chúa và họ cũng tạ ơn Đức Chúa Trời. (Rô-ma 14:5, 6)

Perhaps this only applies to ritual law. The ritual of the Law of Moses is no longer commanded, but the moral law of God still applies. This seems very reasonable, yet it still begs the classic question: Is an act a sin because God prohibits it, or does God prohibit it because it is a sin?

Có lẽ điều này chỉ áp dụng cho luật về nghi lễ. Nghi lễ trong Luật Môi-se không còn quy định nữa, nhưng luật đạo đức của Đức Chúa Trời vẫn còn áp dụng. Điều này dường như rất hợp lý, nhưng nó vẫn

còn vướng một câu hỏi cổ điển: một hành động được xem là tội lỗi vì Đức Chúa Trời cấm nó, hay Đức Chúa Trời cấm nó vì nó là một tội lỗi?

Motivated by faith and love
Được tác động bởi đức tin và tình yêu

Paul, in his letter to Rome (Rom 14:23), says that anything which is not from faith is sin. I find that quite useful. If my faith is motivating me to do something, and I choose to do something else, it's going to be sin. James gives a similar idea:

Phao-lô trong Thư Tín của ông gửi Hội Thánh tại Rô-ma (Rô-ma 14:23), nói rằng bất cứ điều gì không đến từ đức tin là tội lỗi hoàn toàn. Tôi nhận thấy rằng điều này khá hữu ích. Nếu đức tin của tôi tác động trên tôi để làm điều gì đó, và tôi chọn làm theo cách khác, thì nó sẽ dẫn đến tội lỗi. Gia-cơ đưa ra một ý tưởng tương tự:

Anyone, then, who knows the good he ought to do and doesn't do it, sins. (Jas 4:17)

Vậy, bất cứ ai biết điều tốt cần phải làm mà không làm, thì phạm tội. (Gia-cơ 4:17)

Let's expand on this a bit. My *faith* expresses my best understanding of my relationship with God, and hence my relationship with other human beings too. If I choose to do something that is contrary to my understanding of what's important in building these relationships, then I am expressing a desire against love. And that will be sin. Similarly, if I avoid doing something when I know it is important to do it, then again I am not acting in love.

Chúng ta hãy mở rộng vấn đề này một chút. Đức tin của tôi bày tỏ sự hiểu biết tốt nhất của tôi về mối quan hệ của tôi với Đức Chúa Trời, và vì thế mối quan hệ của tôi với người khác cũng vậy. Nếu tôi chọn làm điều gì đó mà ngược với sự hiểu biết của tôi về điều gì là quan trọng trong việc xây dựng những mối quan hệ này, thì tôi đang bày tỏ một ước muốn chống lại tình yêu. Và đó sẽ là tội lỗi. Tương tự như vậy, nếu tôi tránh làm điều gì đó khi tôi biết rằng làm điều này rất quan trọng, thì một lần nữa không phải là tôi đang làm trong tình yêu thương.

In contrast, everything Jesus did was motivated by his faith and love.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

His Father was in him and he was in his Father. He expressed righteousness as, “Not my will, but your will be done.”

Ngược lại, mọi điều Đức Chúa Giê-xu làm là do đức tin và tình yêu của Ngài. Cha Ngài ở trong Ngài và Ngài ở trong Cha Ngài. Ngài đã bày tỏ sự công chính như sau, “không phải bởi ý muốn của con, nhưng bởi ý muốn của Cha được trọn.”

In this way, righteousness is about being willing to subject our free-will to God. He has given us freewill, the ability to choose. We get to use this in any way we wish. The highest path, the one that leads to eternal harmony, is to trust him, and show our love by actively loving others.

Theo cách nói này, sự công chính là về sự sẵn sàng đầu phục ý chí tự do của chúng ta cho Đức Chúa Trời. Ngài đã ban cho chúng ta ý chí tự do, khả năng để chọn lựa. Chúng ta sử dụng điều này theo bất cứ cách nào mà chúng ta muốn. Con đường cao nhất, con đường dẫn đến sự hiệp thông mãi mãi, là tin Ngài, và bày tỏ tình yêu của chúng ta bằng cách yêu thương người khác.

Sin is the opposite of this. The attitude of sin says to God, “I know you want me to do this, but I actually want to do that other thing.”

Tội lỗi thì ngược với điều này. Thái độ của tội lỗi nói với Chúa, “Con biết là Chúa muốn con làm điều này, nhưng con thật sự lại muốn làm điều khác.”

The path of faith and love is for us to take our natural will, and to give it back to God: “Not my will, but your will be done.”

Con đường của đức tin và tình yêu là cho chúng ta lấy ý chí tự do của chúng ta và dâng cho Đức Chúa Trời: “Không bởi ý con, nhưng bởi ý Cha được nên”.

Sacrifice our wills

Dâng lên những ý chí của chúng ta

The most precious sacrifice we can give is our freewill. David wrote a Psalm about this, talking about himself as an echo of Jesus.

Của lễ quý nhất mà chúng ta có thể dâng lên là ý chí tự do của chúng ta. Đa-vít đã viết một Thi Thiên về vấn đề này, nói về chính ông ta trong âm hưởng của Chúa Giê-xu:

Sacrifice and offering you did not desire, but my ears you have pierced; burnt offerings and sin offerings you did not require. Then I said, "Here I am, I have come – it is written about me in the scroll. I desire to do your will, O my God; your law is within my heart." (Ps 40:6-8)

Chúa không thích sinh tế hoặc tế lễ chay, Chúa không đòi tế lễ thiêu hay tế lễ chuộc tội, nhưng Ngài đã mở đôi tai con để nghe Ngài. Bây giờ con nói: "Có con đây, con đến đây. Trong quyển sách đã có chép về con. Lạy Đức Chúa Trời của con, con vui thích làm theo ý muốn Chúa, luật pháp Chúa ở trong lòng con. (Thi 40:6-8)

It says that God did not desire sacrifice and offering. Actually, God *did* want them to bring burnt offerings and sin offerings; the Law was very clear. The Law said, "You are required to bring a lamb, cut its throat and pour out its blood."

Đoạn này nói rằng Đức Chúa Trời không muốn sinh tế và của lễ. Thật vậy, Đức Chúa Trời đã muốn chúng mang đến để đốt như những tế lễ thiêu hay của tế lễ chuộc tội; Luật Pháp rất rõ ràng. Luật Pháp nói, "Anh em được yêu cầu là mang đến một con chiên, cắt cổ nó và đổ huyết ra."

Yet here, inspired by the same Eternal Spirit that provided the Law, David says in effects, "It's not the dead animal that you care about, is it, God? It's not the blood being spilled that you want. What you, God, care about is what is going on in my heart when I perform the sacrifice, not the sacrifice itself."

Nhưng ở đây, được linh cảm bởi Thánh Linh Đòi Đòi tương tự đã ban ra Luật Pháp, Đa-vít nói trong thực tế, "Đó không phải là sinh tế chết mà Ngài quan tâm, phải không, Chúa? Đó không phải là huyết được rưới lên mà Ngài muốn. Chúa ơi, Ngài quan tâm đến điều đang diễn ra trong tâm lòng của con khi con trình dâng của lễ, chứ không phải chính là của lễ."

It's Gethsemane! I desire to do your will, O Lord, not mine. A daily Gethsemane for each one of us. Not my will, but yours be done. I walk humbly with you, my God. (Mic 6:8).

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đó là Ghết-sê-ma-nê! Con khao khát làm theo ý muốn của Ngài, Chúa ôi, không phải của con. Một Ghết-sê-ma-nê hàng ngày cho mỗi người trong chúng ta. Không phải ý muốn của con, mà là ý muốn của Chúa được nên, con bước đi cách khiêm nhường với Ngài, Chúa của con ôi (Mi-chê 6:8)

Humbly means that I don't assert, 'I do what I want to do.' *Humbly* means that I don't challenge the judgement of God when he calls something sin. *Humbly* means I don't argue with him that something can't possibly be sin simply because I – my flesh – wants it so much. No! Instead, *humbly* means that I say to him, "I will learn from you. I will take my standards from you. I come to do your will, not my own desire."

Khiêm nhường nghĩa là tôi không tuyên bố, 'tôi làm điều mà tôi muốn làm. *Khiêm nhường* có nghĩa là tôi không thách thức sự phán xét của Chúa khi Ngài gọi điều gì đó là tội lỗi. *Khiêm nhường* nghĩa là tôi không biện luận với Ngài rằng có một số điều không thể là tội lỗi chỉ vì tôi – xác thịt của tôi – ham muốn nó lắm. Không! thay vào đó, *khiêm nhường* có nghĩa rằng tôi nói với Ngài, "con sẽ học từ Ngài. Con sẽ lấy những tiêu chuẩn của con từ Ngài. Con đến để làm theo ý muốn của Ngài, không phải sự khao khát của chính con."

Accepting God's standard

Chấp nhận tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời

Look at Psalm 51:3-4, quoted in the New Testament in connection with salvation (in Rom 3:4)

Hãy xem Thi Thiên 51:3-4, được trích trong Tân Ước khi liên kết với sự cứu rỗi (trong Rô-ma 3:4)

For I know my transgressions, and my sin is always before me. Against you, you only, have I sinned and done what is evil in your sight, so that you are proved right when you speak and justified when you judge. (Ps 51:3-4)

Vì con nhận biết các sự vi phạm con, và tội lỗi con hằng ở trước mặt con. Con đã phạm tội với Chúa, chỉ với một mình Chúa thôi và làm điều ác dưới mắt Chúa. Để Chúa bày tỏ đức công chính khi Ngài tuyên phán và sự thanh sạch khi Ngài phán xét. (Thi 51:3-4)

David wrote this Psalm after he finally realized the enormity of what he had done. It started with lust for Bathsheba and ended with the murder of Uriah, working its way, step by step, through deceit and self justification.

Đa-vít đã viết Thi Thiên này sau khi cuối cùng ông nhận ra được tội ác về những điều mà ông đã làm. Tội này bắt đầu với sự mê đắm Bát-sê-ba và kết thúc với việc giết chết U-ri, thực hiện theo cách thức của nó, từng bước một, qua sự lừa dối và tự xưng công bình riêng.

Now he has awoken to his sin. Now he pours himself out before God. Giờ đây ông đã nhận thức được tội lỗi của mình. Giờ đây chính ông đã tuôn đổ trước Đức Chúa Trời.

Have mercy on me, O God, according to your unfailing love; according to your great compassion blot out my transgressions. Wash away all my iniquity and cleanse me from my sin. (Ps 51:1-2)

Đức Chúa Trời ôi! Xin thương xót con theo tình yêu không dòi dối của Chúa; xin xóa các sự vi phạm con theo đức bác ái của Chúa. Xin rửa sạch hết mọi gian ác của con và thanh tẩy tội lỗi con. (Thi 51:1-2)

And then he introduces a strange phrase in that fourth verse: “... so that you are proved right when you speak and justified when you judge.”

Và sau đó ông đưa ra một cụm từ khá lạ lùng trong câu thứ tư đó “... để Ngài được chứng minh là công chính khi Ngài phán và được xưng công chính khi Ngài phán xét.”

What’s going on? What does it mean?

Chuyện gì xảy ra vậy? Nó có nghĩa là gì vậy?

I think David is saying: “I’m going to stand up and I’m going to say: I sinned!” I think he is making an open, clear declaration of his sin, so that it may be known that God is right when he said that David had sinned. God is proved right; he is justified in his judgement of David because David is supporting God’s declaration.

Tôi nghĩ rằng Đa-vít đang nói: “Con không đứng nổi nữa và con sẽ nói rằng: Con đã phạm tội!” Tôi nghĩ ông đang đưa ra một lời tuyên

THAY ĐỔI CHÚNG TA

bổ công khai, rõ ràng về tội lỗi của ông, để người ta có thể biết rằng Đức Chúa Trời là công chính khi Ngài phán rằng Đa-vít đã phạm tội. Đức Chúa Trời được chứng minh là công chính; Ngài được xưng công chính trong sự đoán phạt của Ngài trên Đa-vít vì Đa-vít đang theo lời công bố của Đức Chúa Trời

Admit to sin Thừa nhận tội lỗi

When we have our sins, the ones which we like to hold on to, we can fall into the trap of self-justification. We might start saying to ourselves, ‘They’re not really sins...’

Khi chúng ta có những tội lỗi của chúng ta, những điều mà chúng ta muốn cầm giữ, chúng ta có thể rơi vào cái bẫy rập của sự tự xưng công bình riêng. Chúng ta có thể bắt đầu bằng cách nói với chính mình, “chúng thật sự không phải là tội lỗi...”

If we start saying that, then we are doing exactly the opposite of what David did. We are not justifying God. Rather, we are making God out to be a liar.

Nếu chúng ta bắt đầu nói như thế, thì chính xác là chúng ta đang làm điều ngược lại với điều mà Đa-vít làm. Chúng ta không xưng công chính cho Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, chúng ta đang biến Đức Chúa Trời thành kẻ dối trá.

If God says that to do this or that is destructive, if he says that this action damages you, or other people – or it damages your relationship with him! – and we say, “No! It doesn’t!” then we are calling God a liar.

Nếu Đức Chúa Trời nói rằng làm điều này hay điều kia là băng hoại, nếu Ngài nói rằng hành động này làm hại anh em hay người khác – hay nó làm hại quan hệ của anh em với chính Ngài! – và chúng ta nói, “Không! không có đâu!” thế thì chúng ta đang gọi Đức Chúa Trời là kẻ dối trá.

The first step to sacrificing our will is to admit our sin.

Bước đầu tiên để dâng ý chí tự do của chúng ta là phải thừa nhận tội lỗi của chúng ta.

Some sins are almost fashionable, like being impatient or stubborn, or not tolerating fools easily, whereas others are not – being unkind or uncaring, lacking empathy, being jealous or hateful towards others. I think we find it is easier to admit to fashionable sins than the ones we consider more ugly. Yet both kinds can be destructive.

Một số tội lỗi hầu như rất phổ biến, như là thiếu kiên nhẫn hay bướng bỉnh hay không dễ dàng tha thứ người khác, trong khi đối với người khác thì không – không làm điều lành hay không quan tâm đến người khác, thiếu sự đồng cảm, ghen tị hay ghét người khác. Tôi nghĩ rằng dễ thừa nhận những tội lỗi phổ biến này hơn là những tội lỗi mà chúng ta xem là xấu xa hơn. Nhưng cả hai loại đều có thể hủy hoại chúng ta.

Look at the cartoon of the man in a card shop trying to buy a card. He has a worried expression, and asks the assistant, “Do you have a card that stops short of saying ‘I’m sorry’ yet vaguely hints at some wrongdoing?”

Hãy nhìn vào bức hình về một người đàn ông trong một cửa hàng bán thiệp đang cố gắng mua một tấm thiệp. Ông có một điệu bộ lo lắng, và hỏi người bán hàng, “Cô có một tấm thiệp nào mà ngăn việc nói ‘tôi xin lỗi’ nhưng thể hiện lờ mờ điều gì đó sai quấy?”

That’s what we are like, all too often! In our church services we sometimes pray, “Lord, we recognize that we’re sinners before you; forgive our sin.” We admit that we are sinners, but only in very general terms. If someone came up to one of us and said, “You’re a sinner because you did this... and this... etc.” we would probably be highly offended! Who does our accuser think he or she is to be so bold!

Đó là điều thể hiện bản chất của chúng ta, rất thường xuyên! Trong những giờ thờ phượng của chúng ta, chúng ta đôi khi cầu nguyện, “Lạy Chúa, chúng con nhận biết rằng chúng con là những tội nhân trước mặt Ngài; xin hãy tha thứ tội cho chúng con.” Chúng ta thừa nhận rằng chúng ta là những tội nhân, nhưng chỉ trong những từ rất chung chung. Nếu ai đó đến với chúng ta và nói rằng, “Anh là một người phạm tội vì anh đã làm điều này... và điều này... vân vân.” Chúng ta có thể sẽ rất giận dữ! Người kết tội chúng ta nghĩ mình là ai mà dám nói mạnh như vậy!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

So we don't mind vaguely hinting at some wrongdoing...

Vì thế chúng ta không quan tâm đến việc đang lờ mờ thể hiện việc làm gì đó sai quấy...



“Do you have a card that stops short of saying ‘I’m sorry’ yet vaguely hints at some wrongdoing?”

“Cô có một tấm thiệp nào mà ngăn việc nói “tôi xin lỗi” nhưng thể hiện lờ mờ điều gì đó sai quấy?”

We have to be honest with ourselves, and honest with God. We must be frank about what is sin in our lives, so that God is proved right when he judges. He wants us to sacrifice ourselves over to him.

Chúng ta phải trung thực với chính mình, và trung thực với Chúa. Chúng ta phải thành thực về việc tội lỗi là gì trong đời sống của chúng ta, để Đức Chúa Trời được chứng minh là công chính khi Ngài phán xét. Ngài muốn chúng ta dâng chính chúng ta cho Ngài.

Therefore, I urge you, brothers, in view of God's mercy, to offer your bodies as living sacrifices, holy and pleasing to God (Rom 12:1)

Vậy thưa anh em, bởi sự thương xót của Đức Chúa Trời, tôi nài xin anh em dâng thân thể mình làm sinh tế sống, thánh khiết và đẹp lòng Đức Chúa Trời (Rô-ma 12:1)

God wants us to admit that our lives belong to him, that our wills belong to him.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta thừa nhận rằng cuộc sống của chúng ta thuộc về Ngài, rằng ý muốn của chúng ta thuộc về Ngài.

If we can genuinely admit that our sin is sin, then he will take it away from us. But that requires is to be truly honest with God – and indeed with ourselves!

Nếu chúng ta có thể thành thực thừa nhận rằng tội lỗi của chúng ta là tội, thì Ngài sẽ mang nó ra xa khỏi chúng ta. Nhưng đòi hỏi là chúng ta phải thành thực hết lòng với Đức Chúa Trời – và thật vậy với cả chúng ta nữa!

I came across wonderfully enigmatic saying that captures this:

Tôi tình cờ gặp một câu nói tuyệt vời rất khó hiểu mang ý tưởng này:

Forgiveness is giving up all hope of a better past.

Tha thứ là quên đi tất cả những hy vọng về một quá khứ tốt hơn

Just mull over that for a while.

Hãy suy gẫm về điều đó trong một lúc.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Summary

Tóm tắt:

The essence of sin is destructiveness, while the essence of righteousness is to love others truly. God wants us to admit that we are sinners, so that he may work in our lives to have us overcome our natural inclinations.

Kết quả của tội lỗi là sự hủy diệt, trong khi kết quả của sự công chính là yêu thương người khác thật lòng. Đức Chúa Trời muốn chúng ta thừa nhận rằng chúng ta là những tội nhân, để Ngài có thể hành động trên đời sống của chúng ta để giúp chúng ta vượt qua sự yếu đuối tự nhiên của chúng ta.

Discussion

Thảo Luận

1. Have you ever confessed your sin to another human being? How did it make you feel?
1. Bạn đã bao giờ xưng tội của mình với người khác chưa? Điều đó khiến bạn cảm thấy như thế nào?
2. When do you find it hard to submit your will to God?
2. Khi nào thì bạn cảm thấy khó đầu phục ý muốn của bạn cho Chúa?
3. Are there any ways in which we can love God that have no impact on others?
3. Có cách nào khiến chúng ta có thể yêu Chúa mà không ảnh hưởng đến người khác không?

The salvation process

Tiến Trình Cứu Rỗi

Let's pull together the threads we've been exploring, and address a fundamental question.

Hãy gắn kết những sợi chỉ xuyên suốt mà chúng ta đang nghiên cứu, và đưa ra một câu hỏi căn bản.

How are we saved?

Làm thế nào để chúng ta được cứu?

I think the Bible consistently presents salvation as a process that God engages in with us. Here I've broken it up into five separate steps. I suspect that it could be broken up differently, but these five will do us for now.

Tôi nghĩ Kinh Thánh liên tục trình bày sự cứu rỗi như một tiến trình mà Đức Chúa Trời đặt để trong mỗi chúng ta. Ở đây tôi đã chia nó thành năm bước riêng biệt. Tôi cho rằng nó có thể được chia theo cách khác, nhưng năm bước này là những điều sẽ dành cho chúng ta bây giờ.

1. God declares our sin and his love;
 2. We agree, and want to be different;
 3. He forgives, and liberates us from our guilt;
 4. We trust, and participate in his work of transforming us
 5. He completes the work in resurrection and judgement.
1. Đức Chúa Trời công bố tội lỗi của chúng ta và tình yêu của Ngài;
 2. Chúng ta đồng ý và muốn trở nên khác biệt;
 3. Ngài tha thứ và phóng thích chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta;

THAY ĐỔI CHÚNG TA

4. Chúng ta tin, và dự phần vào công tác của Ngài trong việc biến đổi chúng ta;

5. Ngài hoàn tất công tác đó qua sự phục sinh và sự phán xét.

When God declares our sin, we have to agree with his declaration if we want salvation to go anywhere. That's an essential step. If we say, "I know you think I'm a sinner, God, but I think I'm okay," then salvation stops at that point. It's like an alcoholic who doesn't admit to being an alcoholic. The process of healing doesn't even begin; there's a huge internal barrier that needs to be overcome.

Khi Đức Chúa Trời công bố tội lỗi của chúng ta, chúng ta phải đồng ý với sự công bố của Ngài nếu chúng ta muốn sự cứu rỗi đến bất cứ nơi đâu. Đó là một bước rất cần thiết. Nếu chúng ta nói, "Con biết Chúa nghĩ con là một tội nhân, nhưng con nghĩ con ổn mà, Chúa," thế thì sự cứu rỗi dừng ở chỗ đó. Giống như một người nghiện rượu không thừa nhận mình là một người nghiện rượu. Tiến trình chữa lành thậm chí không thể bắt đầu; có một rào cản bên trong rất lớn cần được vượt qua.

That's not to say that God gives up at this point. Rather he keeps working and working encouraging us to look inside ourselves and see what he sees.

Điều đó không có nghĩa rằng Đức Chúa Trời dừng lại ở điểm này. Hơn thế nữa, Ngài tiếp tục thực hiện và tiếp tục khuyến khích chúng ta nhìn lại tấm lòng bên trong chính chúng ta và nhìn xem điều Ngài nhìn thấy.

It is critical that we come to a point where we agree with him, and come to desire something different from what we are and what we do. "I don't like being angry, I don't like lusting, I don't like coveting – at least, I wish I didn't like being angry, or lusting, or coveting..."

Đó là điều rất cần thiết khi chúng ta đến với một điểm là chúng ta đồng ý với Ngài, và đến với sự khao khát điều gì đó khác với bản chất của chúng ta và điều mà chúng ta làm. "Tôi không thích nổi giận, tôi không thích ham muốn, tôi không thích thèm khát – ít nhất, tôi ước gì tôi không thích nổi giận, hay ham muốn hay thèm khát..."

So, we desire to be different. We desire to be free from the rulership of sin. Then – and this is the liberating step of salvation – he forgives

us.

Vì vậy chúng ta phải ước muốn khác đi. Chúng ta khao khát được tự do khỏi sự thống trị của tội lỗi. Kế đó – và đây là bước phóng thích sự cứu rỗi – Ngài tha thứ chúng ta.

He *forgives* us!

Ngài *tha thứ* chúng ta!

It's as simple as that. He says: "If you want to be different, if you want to be righteous, I'll treat you *as though you are righteous*. All these things you've done in the past, let's just move them aside, get rid of them! Imagine you're starting anew today; none of the past is dragging you down; nothing you've done in the past is holding you back. Now stand up! You're cleansed! Now, who will go for us?" He's hoping for the response, "Here am I! Send me!" (Is 6:8)

Điều này đơn giản là. Ngài phán: "Nếu con muốn trở nên khác biệt, nếu con muốn trở nên công chính, Ta sẽ đối xử với con *như thể con là người công chính*. Tất cả những điều này bạn đã làm trong quá khứ, chúng ta hãy để chúng sang một bên, ra khỏi chúng! Hãy tưởng tượng bạn đang bắt đầu một sự khởi đầu mới ngày hôm nay; không có điều gì trong quá khứ kéo bạn xuống; không có điều gì bạn đã làm trong quá khứ đang kéo bạn trở lại. Giờ đây hãy đứng lên! Bạn đã được sạch mọi tội lỗi! Giờ đây, ai sẽ đi cho chúng ta? Ngài đang hy vọng lời đáp ứng, "Có con đây! Hãy sai con!" (Ê-sai 6:8).

He stands us upright. He liberates us from our guilt, and we trust in him.

Ngài khiến chúng ta đứng thẳng lên. Ngài phóng thích chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta, và chúng ta tin nơi Ngài.

Trust is the essence of faith here. We trust in two aspects; we trust that God is truly liberating us, and we trust in the path he has laid out for us. Thus we are energized and empowered to participate in his work of making us new.

Tin tưởng là yếu tố rất cần thiết của đức tin ở đây. Chúng ta tin hai khía cạnh; chúng ta tin rằng Đức Chúa Trời thật sự sẽ phóng thích chúng ta, và chúng ta tin con đường mà Ngài dành cho chúng ta. Vì thế chúng ta được ban thêm sức, thêm năng lực để dự phần vào công tác của Ngài để khiến chúng ta trở nên mới.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

*For we are God's workmanship, created in Christ Jesus to do good works, which God prepared in advance for us to do.
(Eph 2:10)*

*Vì chúng ta là công trình của tay Ngài, được tạo dựng trong Đức Chúa Giê-xu để thực hiện những việc lành mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị từ trước để chúng ta làm theo.
(Ê-phê-sô 2:10)*

Notice that we don't do the work by ourselves. It is God's work. He is doing it, but he also expects us to join in.

Hãy ghi nhớ rằng chúng ta không làm việc lành bởi chính chúng ta. Đó là công việc của Chúa. Ngài đang làm điều này, nhưng Ngài cũng mong đợi chúng ta dự phần vào.

Some Christians suggest that any idea of us participating in God's work of saving us is like saying that we are saving ourselves, or that we are being saved by works. I don't think this follows at all. Scripture is very clear that we need to participate in God's work of saving us. It is faith working itself out in practice.

Một số Cơ Đốc Nhân cho rằng bất cứ ý tưởng gì về việc chúng ta tham gia vào công việc của Chúa trong việc cứu chúng ta thì giống như nói rằng chúng ta đang cứu chính chúng ta, hay là chúng ta được cứu bởi những việc lành. Tôi không nghĩ điều này theo cách như vậy chút nào cả. Kinh Thánh bày tỏ rõ ràng rằng chúng ta cần dự phần vào công tác của Đức Chúa Trời trong việc cứu chúng ta. Đó là đức tin vận hành bên trong chính nó ra thành hành động thực tiễn.

Here's analogy: We're stuck in a pit, we've fallen down and simply can't get out, maybe we can hardly move. God is there rescuing us; he reaches down and offers to free us if we wish it. We manifest our desire to be rescued by reaching out to him and hanging on to him. We're not saving ourselves, but that doesn't mean that we just sit around and do nothing.

Đây là một sự so sánh: Chúng ta bị kẹt trong một cái hố, chúng ta đã rơi xuống và không thể ra khỏi được, có thể chúng ta hầu như không thể cử động được. Đức Chúa Trời ở đó cứu sống chúng ta; Ngài vươn tay đến chúng ta và đề nghị giải cứu chúng ta nếu chúng ta mong muốn điều đó. Chúng ta bày tỏ sự khao khát của chúng ta được cứu

bằng việc vươn tay ra nắm lấy Ngài và giao phó cho Ngài. Chúng ta không cứu chính chúng ta, nhưng không có nghĩa là chúng ta chỉ ngồi đó và không làm gì cả.

Finally, the capstone of the salvation process comes in the resurrection and judgement. At that point, the deepest desire of our hearts will be fully carried out, the war within ourselves will be over. God's creative work will be completed.

Cuối cùng, mấu chốt của tiến trình cứu rỗi đến trong sự phục sinh và phán xét. Ở điểm đó, mong muốn sâu xa nhất trong tâm lòng của chúng ta sẽ được thực hiện một cách trọn vẹn, tranh chiến bên trong chúng ta sẽ chấm dứt. Công tác sáng tạo của Đức Chúa Trời sẽ được hoàn tất.

1. God declares our sin and his love

1. Đức Chúa Trời công bố tội lỗi của chúng ta và tình yêu của Ngài

Let's look at these steps in a little more detail. We'll begin in Hebrews.

Chúng ta hãy nhìn vào những bước này chi tiết hơn. Chúng ta sẽ bắt đầu trong Thư Hê-bơ-rơ.

In the past God spoke to our forefathers through the prophets at many times and in various ways, but in these last days he has spoken to us by his Son. (Heb 1:1-2)

Đời xưa, Đức Chúa Trời đã dùng các nhà tiên tri phán dạy tổ phụ chúng ta nhiều lần, nhiều cách. Nhưng trong những ngày cuối cùng này, Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài. (Hê 1:1-2)

When Jesus was sent, God was speaking through him. I don't think it just means his words. Everything Jesus did or said, even his very being, was part of God speaking to us, telling us fundamental truths about himself, and about us, and about our salvation.

Khi Đức Chúa Giê-xu được sai phái đến thế gian, Đức Chúa Trời đang phán qua Ngài. Tôi không nghĩ điều đó chỉ muốn nói đến lời của Ngài. Mọi điều Chúa Giê-xu đã làm hay đã phán, thậm chí trong nhân tánh của Ngài, là những điều mà Đức Chúa Trời phán cho

THAY ĐỔI CHÚNG TA

chúng ta, cho chúng ta biết về những lẽ thật căn bản về chính Ngài, và về chúng ta, và về sự cứu rỗi của chúng ta.

I think the first few verses of John's gospel are saying the same thing. In the beginning God spoke his word – let there be light, let the sea bring forth living creatures, and so on. Everything God ever did was done through his word, through the things he said. And now, everything God has been saying is embodied in this human being, Jesus Christ. Here's how Jesus himself describes it, speaking about the spiritually dead:

Tôi nghĩ vài câu đầu tiên trong Phúc Âm Giảng nói về điều tương tự. Ban đầu Đức Chúa Trời công bố lời của Ngài – thì có sự sáng, khiến biển có những sinh vật và vân vân. Mọi điều Đức Chúa Trời làm đều qua lời phán của Ngài, qua những điều Ngài phán. Và giờ đây, mọi điều mà Đức Chúa Trời đang phán được nằm bên trong con người này, Chúa Giê-xu Christ. Đây là cách mà Chúa Giê-xu bày tỏ chính Ngài, nói về sự chết thuộc linh:

I tell you the truth, a time is coming and has now come when the dead will hear the voice of the Son of God and those who hear will live. (John 5:25)

Thật, Ta bảo thật các ngươi, giờ sắp đến và đã đến rồi, khi những người chết sẽ nghe tiếng Con Đức Chúa Trời và những người nghe sẽ sống. (Giăng 5:25)

Thus, when God declares our sin, or when God declares his love for us, it's no surprise that these declarations come through loud and clear in everything Jesus has been saying and doing. We can look at the work of Jesus and see God both declaring our sin, and declaring his love for us. "It's not my word," says Jesus, "they are the words of my Father who sent me." (John 14:24)

Vì thế khi Đức Chúa Trời công bố tội lỗi của chúng ta, và khi Chúa công bố tình yêu của Ngài cho chúng ta thì không có gì ngạc nhiên khi những lời công bố này được bày tỏ rõ ràng và đồng dục trong mọi điều mà Đức Chúa Giê-xu đang phán và thực thi. Chúng ta có thể nhìn vào công tác của Chúa Giê-xu và nhìn lên Đức Chúa Trời cả trong việc công bố tội lỗi của chúng ta, và công bố tình yêu của Ngài dành cho chúng ta. "Đó không phải là lời Ta," Chúa Giê-xu phán, "đó là lời của Cha Ta, Đáng sai Ta đến." (Giăng 14:24).

So whether through Jesus or elsewhere, when God says: “You sin,” it’s not for us to say, “No I don’t!”

Vì thế nếu qua Chúa Giê-xu hay bất cứ nơi đâu, khi Đức Chúa Trời phán: “Con phạm tội,” thì chúng ta đừng có nói rằng, “không, con đâu có phạm tội!”

Even Job has to hear the same message, even though the narrator describes him as blameless (Job 1:1). Yet in the course of the bitter and wearisome discourse, he comes to the point of claiming to have done nothing wrong before God. He comes close to saying: “God, you have wronged me!” God challenges him in his second speech.

Thậm chí Gióp cũng phải nghe sứ điệp tương tự, dù người kể chuyện mô tả ông như là người trọn vẹn (Gióp 1:1). Nhưng trong lúc cay đắng và trong hoàn cảnh lo lắng, ông đến chỗ tuyên bố rằng mình không làm gì sai quấy trước Chúa. Ông đến gần với cách nói: “Chúa ơi, Ngài đã nói sai về con!” Đức Chúa Trời thách thức ông trong câu thứ hai.

Would you discredit my justice? Would you condemn me to justify yourself? (Job 40:8)

Con thật sự muốn phủ nhận công lý của Ta, lên án Ta để biện minh cho chính mình sao? (Gióp 40:3)

We sometimes fall into the same trap. We sometimes say, “God isn’t treating me right! God isn’t treating me the way I think I should be treated, I am better than this! I am more important than this!” – and now we are discrediting God’s justice in order to justify ourselves.

Đôi khi chúng ta rơi vào cái bẫy tương tự. Đôi khi chúng ta nói rằng, “Đức Chúa Trời không đối xử với tôi phải lẽ! Đức Chúa Trời không cư xử với tôi theo cách mà lẽ ra tôi được nhận; tôi tốt hơn điều này! Tôi quan trọng hơn điều này!” – và đây chính là lúc chúng ta phủ nhận công lý của Chúa để tự xưng công bình riêng.

When Job saw how close he had come to making this kind of declaration before God, his response was one of horror. He realized that within himself is the power of behemoth, the force of sin. It is so powerful, even within an incredible man like Job.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Khi Gióp nhìn thấy cách mà ông đến gần với việc đưa ra loại tuyên bố này trước Chúa, sự trả lời của ông là một điều khủng khiếp. Ông nhận ra rằng bên trong ông là quyền lực của một con quái vật khổng lồ, quyền lực của tội lỗi. Nó mạnh lắm, thậm chí bên trong một con người phi thường như Gióp.

2. We agree, and want to be different

2. Chúng ta đồng ý, và muốn trở nên khác biệt

Finally we listen to God. Like Job, we acknowledge how powerful the flesh is, and how weak we are in the face of it.

Cuối cùng chúng ta lắng nghe Chúa. Như Gióp, chúng ta thừa nhận xác thịt dữ dội như thế nào, và chúng ta thật yếu đuối làm sao khi đối diện với nó.

Paul describes it this way:

Phao-lô mô tả theo cách của ông:

We know that the law is spiritual; but I am unspiritual, sold as a slave to sin. I do not understand what I do. For what I want to do I do not do, but what I hate I do. (Rom 7:14-15)

Chúng ta biết rằng luật pháp là thiêng liêng; nhưng tôi là người xác thịt đã bị bán cho tội lỗi. Tôi không hiểu điều mình làm. Vì tôi không làm điều mình muốn mà lại làm điều mình ghét. (Rô-ma 7:14-15)

I know what I want to be like. Even though I find it hard, perhaps impossible sometimes, I still know that I aspire to be righteous, to live my life in total service to my God. Whether or not I succeed on a day to-day basis is not the point; the real point is what I aspire to. In my deepest heart, do I truly want to be righteous or not?

Tôi biết điều tôi muốn cũng giống như thế. Mặc dù tôi nhận thấy nó thật khó, có lẽ đôi khi thì không thể làm được, tôi vẫn biết rằng tôi mong muốn trở nên công chính, sống cuộc đời mình hoàn toàn tận hiến cho Chúa của tôi. Tôi có thành công hay không theo một cơ sở nào đó thì không phải là vấn đề; điều thật sự đó là tôi khao khát điều đó. Từ sâu thẳm trong lòng tôi, tôi có thật sự muốn trở nên công chính hay không?

Christ is there as the supreme example that we aspire to. He is the model for our lives, and by his very being, is an encouragement to us.

Đấng Christ là một hình mẫu tuyệt đỉnh để chúng ta khao khát hướng đến. Ngài là hình mẫu cho cuộc đời của chúng ta, và bởi phẩm hạnh của Ngài, là một sự động viên cho chúng ta.

This is how Paul describes it.

Đây là điều mà Phao-lô mô tả.

My dear children, for whom I am again in the pains of childbirth until Christ is formed in you. (Gal 4:19)

Các con của ta ơi, vì các con mà ta lại phải chịu đau đớn của sự sinh đẻ cho đến khi Đấng Christ thành hình trong các con! (Ga 4:19)

That idea – Christ formed within me – captures wonderfully what we aspire to. That’s what I want, sometimes even in the moment when I am caught up in sin.

Ý tưởng đó – Đấng Christ thành hình trong tôi – nắm giữ một cách tuyệt vời điều mà chúng ta khao khát. Đó là điều mà tôi muốn, đôi khi thậm chí trong những lúc khi tôi bị tội lỗi níu kéo.

3. He forgives, and liberates us from our guilt

3. Ngài tha thứ và phóng thích chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta

If we want to be righteous, then God has a wonderful way to help us. He forgives us! He simply does not count our sin against us. Strangely enough, this a really hard concept for us to grasp, despite it being so simple.

Nếu chúng ta muốn trở nên công chính, thì Đức Chúa Trời có một cách thức tuyệt vời để giúp chúng ta. Ngài tha thứ chúng ta! Ngài không kể tội chúng ta để chống lại chúng ta. Khá lạ lùng là, đây là một quan niệm thật sự khiến chúng ta nắm lấy thật khó khăn, dù nó quá đơn giản.

For some reason, it seems to be very hard for us to really feel that we have been forgiven by God. So at the risk of overdoing things, let’s describe it again, from differing angles. This is how Paul describes it:

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Vì một vài lý do, dường như thật khó cho chúng ta thật sự cảm nhận rằng chúng ta đã được Chúa tha thứ rồi. Vì thế trước nguy cơ làm quá mức những điều này, chúng ta hãy nói lại nó, từ việc phân biệt với các góc trong tam giác. Đây là cách mà Phao-lô mô tả về nó:

Justified through faith, we have peace with God. (Rom 5:1)

Vậy, khi đã được xưng công chính bởi đức tin, chúng ta được hòa thuận với Đức Chúa Trời (Rô 5:1)

Think about that! That's the situation disciples of Christ are in today! We have gone through the first couple of steps; we've listened to God; we've understood and we do want to be different, no longer serving sin but serving God. So now the next step is that he forgives. And we are at peace with God! We are not at enmity with him. God is not angry at us. He is not holding us blameworthy. Rather we are at peace with him.

Hãy nghĩ về điều này! Đó là tình huống mà các môn đồ của Đấng Christ đang gặp phải ngày nay! Chúng ta đã trải qua vài bước đầu tiên; chúng ta đã lắng nghe Chúa; chúng ta đã hiểu và chúng ta muốn trở nên khác trước, không còn nô lệ cho tội lỗi nữa mà phục vụ Chúa. Vì thế giờ đây bước tiếp theo là Ngài tha thứ. Và chúng ta được hòa thuận với Ngài! Chúng ta không còn thù địch với Ngài nữa. Đức Chúa Trời không nổi giận với chúng ta. Ngài không cầm giữ sự kết tội chúng ta. Hơn thế nữa chúng ta bình an trong Ngài.

Indeed, we are in a covenant of forgiveness, whereby God does not hold our sins against us, as Paul says.

Thật vậy, chúng ta đang ở trong giao ước tha thứ, nơi mà Đức Chúa Trời không cầm giữ tội lỗi của chúng ta chống lại chúng ta, như Phao-lô nói.

God was reconciling the world to himself in Christ, not counting men's sins against them. (2 Cor 5:19)

Trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã cho thế gian được hòa giải với Ngài, không kể tội lỗi cho loài người. (II Cô 5:19)

We still sin, but we regret our sins and present them to God, and he says, "Don't be afraid, I am not counting your sins against you." And that's another sin that is simply moved away. We are sinless in God's

eyes! That's what it means to have peace with God. It's a tremendous situation that we're in!

Chúng ta vẫn phạm tội, nhưng chúng ta ăn năn tội lỗi của chúng ta và trình dâng chúng cho Chúa, và Ngài phán, “đừng sợ, Ta không kể các con là kẻ có tội.” Và đó là tội khác được mang ra xa khỏi chúng ta. Chúng ta là vô tội trong mắt Chúa! Đó là điều có ý nghĩa là có sự bình an trong Chúa. Đó là một tình trạng tuyệt vời mà chúng ta đang ở trong đó!

Do you believe that? Do I?

Bạn có tin điều này không? Tôi có tin không?

“Lord I believe. Help my unbelief.”

“Chúa ơi, con tin. Xin giúp đỡ cho con thoát khỏi sự vô tín”

God wants us to believe in his forgiveness, so that we will not be afraid of him. He wants us to come near to him, to allow him to develop a close and loving relationship with us.

Đức Chúa Trời muốn chúng ta tin tưởng nơi sự tha thứ của Ngài, để chúng ta sẽ không sợ hãi Ngài. Ngài muốn chúng ta đến gần Ngài, để cho Ngài phát triển một mối quan hệ gần gũi và yêu thương với chúng ta.

Let us draw near to God with a sincere heart in full assurance of faith, having our hearts sprinkled to cleanse us from a guilty conscience and having our bodies washed with pure water. (Heb 10:22)

Chúng ta hãy lấy lòng chân thật với niềm tin vững chắc, lòng được tẩy sạch khỏi lương tâm ác, thân thể rửa bằng nước tinh khiết mà đến gần Chúa. (Hê 10:22)

The writer notes many key factors about drawing near to God; faith; our hearts sprinkled; cleansed from a guilty conscience; and bodies washed in water. Many of these are standard in Christian discussion. But have you thought about being cleansed from a guilty conscience?

Tác giả ghi chú nhiều yếu tố quan trọng về việc kéo đến gần với Chúa; đức tin, tấm lòng của chúng ta được tẩy sạch khỏi lương tâm gian ác; và thân thể được rửa sạch trong nước. Nhiều điều này là tiêu

THAY ĐỔI CHÚNG TA

chuẩn trong cuộc tranh luận Cơ Đốc. Nhưng bạn có nghĩ về việc được làm sạch khỏi lương tâm gian ác không?

A guilty conscience means we haven't adopted God's forgiveness properly. If I'm feeling guilty about things that I've done, that means I don't believe that God has taken my sin away. Put another way, this passage encourages and exhorts us to come to God with the confidence that we don't have to feel guilty. Why not? Because God has forgiven. Everything!

Một lương tâm gian ác có nghĩa là chúng ta đã không chấp nhận sự tha thứ của Chúa một cách đúng đắn. Nếu tôi cảm thấy tội lỗi về những điều mà tôi đã làm, có nghĩa rằng tôi không tin rằng Đức Chúa Trời đã mang tội lỗi của tôi ra xa khỏi tôi rồi. Hãy xem xét theo cách khác, đoạn Kinh Thánh này khuyến khích chúng ta và khích lệ chúng ta đến với Chúa với niềm tin rằng chúng ta không cần phải cảm thấy tội lỗi nữa. Tại sao không? Vì Đức Chúa Trời đã tha thứ. Mọi điều!

Those things we are ashamed of, those things that we have difficulty admitting even to ourselves, let alone to other people, God has forgiven!

Những điều mà chúng ta cảm thấy xấu hổ, những điều mà chúng ta gặp khó khăn trong việc chấp nhận chính chúng ta, tách biệt khỏi những người khác, Đức Chúa Trời đã tha thứ rồi!

The way God takes them away is for us to talk to him about them. If we just hide them in our heart, pretending that they don't exist, we're not being honest with God. We're still making God out to be a liar.

Cách Đức Chúa Trời mang tội lỗi ra xa khỏi chúng ta là để chúng ta xưng nhận với Ngài về những điều này. Nếu chúng ta giấu chúng trong lòng chúng ta, giả vờ như chúng không tồn tại, chúng ta không thành thực với chính chúng ta; chúng ta không thành thật với Chúa. Chúng ta vẫn đang khiến Đức Chúa Trời thành kẻ dối trá.

But if we just have the courage – and it does take courage – to say, “I know this is a sin, I'm really sorry. I wish I wasn't so attracted to that particular kind of behavior. Please forgive me,” then he says, “I'll take the guilt of it away.”

Nhưng nếu chúng ta có sự can đảm – và hãy can đảm – để nói, “Con biết đây là tội lỗi, con thật sự xin lỗi Ngài. Con mong muốn con sẽ

không còn bị loại hành vi đó thu hút con nữa. Xin tha thứ cho con,” Ngài liền phán, “Ta sẽ mang nó ra xa khỏi con.”

Not that we won't struggle with that sort of behavior. The more that we sin, the more our minds and flesh demand more of it. When we give in to sin we make it harder for ourselves. Even so, God does take away the guilt. He takes away the blame, so that we no longer need be dragged down by our sin.

Không phải là chúng ta sẽ không tranh chiến với loại hành vi đó. Chúng ta càng phạm tội, thì tâm trí và xác thịt của chúng ta càng đòi hỏi nó nhiều hơn nữa. Khi chúng ta dính dấp tội lỗi, thì chúng ta khiến nó khó hơn cho chính chúng ta. Thậm chí như vậy, Đức Chúa Trời cũng sẽ cất đi tội lỗi. Ngài cất đi sự định tội, để chúng ta không cần để cho tội lỗi kéo chúng ta xuống nữa.

Like Isaiah we can be freed from our sense of failure, so that we stand up and declare, “Here am I, send me!”

Như Ê-sai, chúng ta có thể được giải thoát khỏi sự thất bại, để chúng ta có thể đứng lên và công bố, “Đây có con đây, hãy sai con!”

4. *We trust, and participate in his work of transforming us*
 4. *Chúng ta tin, và dự phần vào công tác của Ngài trong việc biến đổi chúng ta*

Let's go back to Paul in Romans.

Chúng ta hãy trở lại với Phao-lô trong Thư Rô-ma.

Therefore, since we have been justified through faith, we have peace with God through our Lord Jesus Christ, through whom we have gained access by faith into this grace in which we now stand. (Rom 5:1-2)

Vậy, khi đã được xưng công chính bởi đức tin, chúng ta được hòa thuận với Đức Chúa Trời qua Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Christ. Nhờ Ngài, chúng ta bởi đức tin được bước vào trong ân điển này, là ân điển mà nhờ đó chúng ta đang đứng vững (Rô-ma 5:1-2)

I don't think the previous lack of access to 'this grace' was due to God keeping us out, but that we didn't want to have access, we didn't

THAY ĐỔI CHÚNG TA

want to be different. Or maybe that we were too afraid, or too bound up in our earthly woes, to want to have access.

Tôi không nghĩ việc thiếu trước đó con đường để đến với “ân điển này” là do Đức Chúa Trời đưa chúng ta ra khỏi, nhưng do chúng ta không muốn tiến đến, chúng ta không muốn trở nên khác trước. Hay có lẽ chúng ta quá sợ hãi, hay bị trói trong những tai họa trên đất của chúng ta nên không muốn tiến đến.

The role of Jesus is to bring us out of hiding to meet God, to draw us, to encourage us.

Vai trò của Chúa Giê-xu là mang chúng ta ra khỏi việc trốn gặp Chúa, kéo chúng ta đến gần Chúa, để khuyến khích chúng ta.

Through Christ, I now have access to God. I want to be in God's presence whereas, before Christ, I might not have wanted that. It might have been harder for me to see that God's way is the way I truly want.

Qua Đấng Christ, giờ đây tôi đã đến với Chúa, tôi muốn ở trong sự hiện diện của Chúa, trong khi đó, trước Đấng Christ, tôi có thể không muốn điều đó. Có thể điều này khó hơn cho tôi trong việc nhìn thấy con đường của Đức Chúa Trời là con đường mà tôi thật sự muốn.

Not only so, but we also rejoice in our sufferings, because we know that suffering produces perseverance; perseverance, character; and character, hope. And hope does not disappoint us, because God has poured out his love into our hearts by the Holy Spirit, whom he has given us. (Rom 5:3-4)

Không những thế, chúng ta cũng vui mừng trong gian khổ nữa, vì biết rằng gian khổ sinh ra kiên nhẫn, kiên nhẫn sinh ra nghị lực, nghị lực sinh ra hy vọng, và hy vọng không làm chúng ta hổ thẹn, vì tình thương của Đức Chúa Trời tuôn đổ vào lòng chúng ta bởi Đức Thánh Linh là Đấng đã được ban cho chúng ta. (Rô 5:3-4)

We have a spirit within us which resonates with Christ, which emphasizes the hope we have, and gives meaning to the struggle we have. We trust in God and participate in his transforming work, making us different on the inside. It's like a 'microwave' which heats the

chicken from the inside out. His work of changing us from wrongness to rightness is from the inside out.

Chúng ta có Thánh Linh bên trong mỗi chúng ta, hiệp cùng với Đấng Christ, nhấn mạnh hy vọng mà chúng ta có và ban ý nghĩa cho những tranh chiến mà chúng ta có. Chúng ta tin Đức Chúa Trời và dự phần vào trong công tác biến đổi của Ngài, khiến chúng ta thay đổi từ bên trong tấm lòng. Nó giống như một “lò vi sóng” làm nóng thịt gà từ bên trong ra ngoài. Công tác của Ngài thay đổi chúng ta từ sự bất chính sang sự công chính, từ trong ra ngoài.

The incident in Ezekiel shows how God accomplishes things with our participation. God says to Ezekiel, “Stand!” and Ezekiel said, “He stood me up” (Ezek 1:1-2). Note that God didn’t say, “Stand! And get up on your own two feet!” Rather he said to stand, and then empowered the prophet by picking him up.

Sự kiện trong Ê-xê-chi-ên cho thấy Đức Chúa Trời thành toàn những điều có sự dự phần của chúng ta. Đức Chúa Trời phán với Ê-xê-chi-ên, “hãy đứng” Và Ê-xê-chi-ên nói, “Ngài nâng tôi lên” (Ê-xê-chi-ên 1:1-2). Hãy chú ý là Chúa không nói, “hãy đứng lên! Và tự mình đứng trên hai chân của chính con!” Thay vào đó Ngài phán là hãy đứng lên, và sau đó ban quyền năng cho vị tiên tri bằng cách nâng ông lên.

It’s the same with us. He calls us to follow him, to give our lives to God, to walk away from the destructiveness of sin, and then he gives us the strength and ability to accomplish this.

Điều này cũng tương tự với chúng ta. Ngài kêu gọi chúng ta theo Ngài, và ban cho chúng ta sự sống trong Chúa, ra xa khỏi sự hủy phá của tội lỗi, và sau đó Ngài ban cho chúng ta sức mạnh và khả năng để thành toàn điều này.

I used to overlook this aspect of God’s involvement when reading Philippians:

Tôi đã từng không nhìn thấy khía cạnh này trong sự dự phần của Đức Chúa Trời khi đọc sách Phi-líp:

Therefore, my dear friends, as you have always obeyed – not only in my presence, but now much more in my absence – continue to work out your salvation with fear and trembling.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Vì thế, hồi những người bạn yêu dấu của tôi, như anh em đã từng luôn vâng phục – không chỉ khi tôi có mặt, nhưng giờ đây thậm chí khi tôi vắng mặt – tiếp tục thực hiện sự cứu rỗi với sự sợ hãi và rung rẩy.

If we stop there, it leaves us with the impression that we've got a whole lot of work to do, that it's going to be a tedious slog, and we'd better just get on our feet and make it work.

Nếu chúng ta dừng ở đó, nó sẽ để lại một ấn tượng là chúng ta có quá nhiều việc phải làm, rằng đó sẽ là một sự nặng nề chán ngắt, và chúng ta nên đứng trên chân mình và khiến nó hoạt động.

But that's not what Paul is saying. Just follow the whole sentence into the next verse.

Nhưng đó không phải là điều Phao-lô đang nói. Hãy theo cả câu trong câu tiếp theo.

Therefore, my dear friends, as you have always obeyed – not only in my presence, but now much more in my absence – continue to work out your salvation with fear and trembling, for it is God who works in you to will and to act according to his good purpose. (Phi 2:12-13)

Vậy thưa anh em yêu dấu của tôi, như anh em vẫn luôn vâng phục, không chỉ khi tôi có mặt, mà cả bây giờ, lúc tôi vắng mặt, lại càng vâng phục hơn nữa; hãy lấy lòng sợ sệt run rẩy mà hoàn tất sự cứu rỗi của chính mình, vì Đức Chúa Trời là Đấng đang hành động trong anh em, để anh em vừa muốn vừa làm theo mục đích tốt lành của Ngài. (Phi-líp 2:12-13).

Look at that. It is *God* who works in us!

Hãy nhìn vào điều đó. Chính là Đức Chúa Trời làm việc trong lòng chúng ta!

The working out of our salvation is not one of earning our salvation, but is more like working throughout the period of our salvation. God has rescued us. He saved us when we decided to move from death to life at our baptisms. Moreover, God *will* save us when Christ declares us righteous at the judgement. And finally, God is in the process of saving us now. Now is the time of our salvation! Now is when we are being transformed. It's God's work; we participate in it,

we throw ourselves into it wholeheartedly. It is not going to be easy but, fundamentally, it is God's work.

Việc thực hiện sự cứu rỗi của chúng ta không phải tìm sự cứu rỗi của chúng ta, nhưng giống hơn là thực hiện xuyên suốt thời kỳ cứu chuộc chúng ta. Đức Chúa Trời đã cứu chúng ta. Ngài đã cứu chúng ta khi chúng ta quyết định chuyển từ sự chết sang sự sống khi chúng ta nhận Báp-têm. Hơn thế nữa, Đức Chúa Trời sẽ cứu chúng ta khi Đấng Christ công bố chúng ta công chính trong ngày phán xét. Và cuối cùng, Đức Chúa Trời ở trong tiến trình cứu rỗi chúng ta bây giờ. Bây giờ là thời điểm của sự cứu rỗi chúng ta! Giờ đây là khi chúng ta đang được biến đổi. Đó là công tác của Chúa; chúng ta dự phần trong đó, chúng ta đưa chúng ta vào đó hết lòng. Không phải dễ nhưng về căn bản thì đó là công tác của Đức Chúa Trời.

Look again at that phrase in Philippians:

Hãy xem lại cụm từ trong Phi-líp:

It is God who works in you, to will and to act according to his good purpose.

Đó là Đức Chúa Trời làm việc trong lòng anh em, theo ý muốn và hành động theo mục đích tốt lành của Ngài

So God not only gives us the strength to do the things that he calls us to do, he also helps us to *want* the things that he wants. That's what "to will" means. He helps me with the struggle I have when I say, "I wish I didn't want this so badly, and I wish I did want that." God works at that level as well, helping me to want the right things; the things I want to do.

Vì thế Đức Chúa Trời không những ban cho chúng ta sức mạnh để làm những điều mà Ngài kêu gọi chúng ta làm, Ngài còn giúp chúng ta *làm* những điều mà Ngài muốn. Đó là điều "theo ý muốn" muốn nói. Ngài giúp chúng ta với những tranh chiến mà tôi có khi tôi nói, "tôi ước gì tôi không muốn điều tôi tệ này, và ước gì tôi đã muốn điều đó." Đức Chúa Trời cũng thực hiện ở mức độ đó, giúp tôi muốn những điều đúng đắn; những điều mà tôi muốn làm.

5. He completes the work in resurrection and judgement

5. Ngài hoàn tất công việc trong sự phục sinh và phán xét

We'll have a lot more to say about the resurrection and judgement in later sections, so we'll be brief here.

Chúng ta sẽ có nhiều điều để nói về sự phục sinh và phán xét trong những chương cuối, vì thế chúng ta sẽ ngắn gọn ở đây.

And so we know and we rely on the love God has for us. God is love. Whoever lives in love lives in God, and God in him. In this way, love is made complete among us so that we will have confidence on the day of judgement, because in this world we are like him. There is no fear in love. But perfect love drives out fear, because fear has to do with punishment. The one who fears is not made perfect in love. (1 John 4:16-18).

Chúng ta nhận biết và tin vào tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Đức Chúa Trời là tình yêu thương; ai ở trong tình yêu thương thì ở trong Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời ở trong người ấy. Bởi điều này, tình yêu thương được trọn vẹn trong chúng ta để chúng ta được vững tâm trong ngày phán xét; vì Ngài thể nào thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này. Không hề có sự sợ hãi trong tình yêu thương, nhưng tình yêu thương trọn vẹn thì loại bỏ sự sợ hãi. Vì sợ hãi có liên quan đến hình phạt, và ai sợ hãi thì không được trọn vẹn trong tình yêu thương. (1 Giăng 4:16-18)

If we let him work on us to transform us, to have Christ *formed within us* so that we are *like him*, then indeed we can have confidence in the day of judgement.

Nếu chúng ta để Ngài vận hành trên chúng ta để biến đổi chúng ta, có Đấng Christ *hình thành bên trong chúng ta* để chúng ta trở nên *giống như Ngài*, thì thật sự chúng ta có thể có niềm tin trong ngày phán xét.

Not because we deserve life; we haven't earned it at all.

Không phải vì chúng ta đáng nhận được sự sống; chúng ta đã không tìm kiếm gì hết.

Rather because God has forgiven our sin, has taken it away, and is not counting our sin against us. He will fulfill the desire that he has

grown within us – with our willingness and participation.

Thay vào đó vì Đức Chúa Trời đã tha thứ tội lỗi của chúng ta, mang nó ra xa khỏi chúng ta, và không kể tội của chúng ta nữa. Ngài sẽ thành toàn khao khát rằng Ngài đã hình thành trong lòng chúng ta – với sự sẵn sàng và dự phần của chúng ta.

Summary

Tóm tắt

Salvation starts with God declaring both our sin and his love. When we agree and want to be different, he freely forgives us and liberates us from our guilt. We trust in him and participate in his work of transforming us, which he completes in resurrection and judgement.

Sự cứu chuộc bắt đầu với Đức Chúa Trời công bố cả về tội lỗi của chúng ta và tình yêu của Ngài. Khi chúng ta đồng ý và muốn trở nên khác biệt, Ngài tha thứ chúng ta vô điều kiện và phóng thích chúng ta ra khỏi tội lỗi của chúng ta. Chúng ta tin Ngài và dự phần vào công tác của Ngài trong việc biến đổi chúng ta, việc mà Ngài hoàn tất qua sự sống lại và phán xét.

Discussion

Thảo luận

1. Discuss each of the steps in the salvation process in turn. Do they each make sense? Are there any other steps you would want to add in the description of the process?
1. Hãy thảo luận mỗi bước trong tiến trình cứu rỗi. Mỗi bước có ý nghĩa gì? Có bước nào khác bạn muốn thêm vào trong sự mô tả tiến trình này?
2. What role does Jesus fulfill in each of the steps of the salvation process?
2. Chúa Giê-xu thực hiện vai trò gì trong mỗi bước của tiến trình cứu rỗi?

THAY ĐỔI CHÚNG TA

3. Is it okay to sin now that we've been forgiven? Go beyond a simple yes/no answer.
3. Có ỏn không khi phạm tội vì chúng ta đã được tha thứ rồi? Hãy trình bày cao hơn chỉ là câu trả lời đơn giản có/không.

Savior

Đấng Cứu Chuộc

You may recall that, many sections ago, I claimed that the Bible gives us two fundamental reasons for Jesus' death.

Bạn có thể nhớ rằng, cách đây nhiều chương, tôi đã nói rằng Kinh Thánh cho chúng ta hai nguyên nhân căn bản về sự chết của Chúa Giê-xu.

1. His death is supposed to have a profound and transforming effect on us. It is the beginning of a process in which we must thoroughly participate. And,
 2. His personal sacrifice played a major role in the development and perfecting of Christ himself.
1. Cái chết của Ngài được cho là có một ảnh hưởng biến đổi và sâu sắc trên chúng ta. Đó là sự bắt đầu của một tiến trình trong đó chúng ta phải dự phần một cách xuyên suốt. Và,
 2. Của lễ bằng chính thân thể Ngài đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển và trọn vẹn của chính Đấng Christ.

We have explored the first in quite a bit of detail. Here's a quick summary of what we have discussed;

Chúng ta đã nghiên cứu nguyên nhân thứ nhất khá chi tiết. Đây là sự tóm tắt ngắn về điều mà chúng ta đã thảo luận:

The fundamental purpose of the sacrifice of Christ is to draw people to God. God did not need Jesus to die. Rather he allowed him to be murdered as a clarion call to us all.

Mục đích căn bản của tế lễ của Đấng Christ là kéo con người đến với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không cần Chúa Giê-xu chết. Hơn

THAY ĐỔI CHÚNG TA

thể nữa Ngài cho phép Chúa Giê-xu bị người ta giết chết như là một sự kêu gọi thúc dục đến tất cả chúng ta.

- When Jesus gave his life, he gave the whole of his life; every aspect – he gave his ‘living’ to us – so that we could live.
- Khi Chúa Giê-xu ban sự sống của Ngài, Ngài ban cả cuộc sống Ngài; mọi khía cạnh – Ngài ban ‘sự sống’ của Ngài cho chúng ta – để chúng ta có thể sống.
- We must be changed. We should not try to make excuses for our sins or blame someone else, but must accept our need to be different.
- Chúng ta phải được thay đổi. Chúng ta đừng nên cố gắng biện minh cho những tội lỗi của chúng ta và đổ lỗi cho ai đó, nhưng phải chấp nhận nhu cầu của chúng ta cần phải thay đổi khác với trước kia.
- Salvation is through faith and forgiveness. God wants his people to come to him in faith, and he reaches out in forgiveness.
- Sự cứu rỗi qua đức tin và sự tha thứ. Đức Chúa Trời muốn dân sự của Ngài đến với Ngài trong đức tin, và Ngài ban cho sự tha thứ.

Forgiveness is meaningless without our response.

Sự tha thứ là vô nghĩa nếu chúng ta không đáp ứng.

Now it is time to turn our attention to the second above: the claim that Jesus’ personal sacrifice played a major role in the development and perfecting of Jesus himself. This is a dramatic – even shocking – idea, but one that the Bible refers to on numerous occasions.

Bây giờ chính là lúc hướng sự chú ý của chúng ta đến lý do thứ hai ở trên: lời tuyên bố rằng của lễ bằng chính thân thể Chúa Giê-xu đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển và trọn vẹn của chính Chúa Giê-xu. Đây là một ý tưởng rất đặc biệt – thậm chí rất sốc, nhưng là điều mà Kinh Thánh đề cập đến trong nhiều trường hợp.

To understand this dimension of his death, we shall first step back and examine Jesus’ role in our salvation. We will look at the role of savior from a number of different perspectives to gain a broad understanding of who Jesus is and why God appointed him. This will

deepen our understanding of our own salvation, as well as providing context in which we can understand Jesus' own need for spiritual development. Then we shall be able to appreciate Golgotha as a critical step in that development

Để hiểu được khuynh hướng này về sự chết của Ngài, chúng ta đầu tiên sẽ trở lại và nghiên cứu vai trò của Chúa Giê-xu trong sự cứu rỗi chúng ta. Chúng ta sẽ nghiên cứu vai trò của Đấng Cứu Chuộc từ nhiều khía cạnh khác nhau để có một sự hiểu biết rộng hơn về Chúa Giê-xu là ai và tại sao Đức Chúa Trời đã chỉ định Ngài. Điều này sẽ làm cho sự hiểu biết của chúng ta sâu sắc hơn về sự cứu rỗi của chính chúng ta, cũng như cung cấp bối cảnh để chúng ta có thể hiểu nhu cầu của chính Chúa Giê-xu cho sự phát triển tâm linh. Sau đó chúng ta sẽ có thể nhất trí với sự kiện nơi đồi Gô-gô-tha như là một bước rất quan trọng trong sự phát triển đó.

God is our Savior

Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi của chúng ta

Jesus is our savior. Right?

Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Rỗi của chúng ta. Có đúng không?

Well, yes. But let's first get one fundamental fact straight, one that the Bible is very clear about: *God* is the savior. Just listen to Isaiah:

Vâng, đúng như vậy. Nhưng chúng ta trước hết hãy đi thẳng vào một yếu tố căn bản, điều mà Kinh Thánh nói rất rõ ràng: Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi. Hãy lắng nghe điều Ê-sai nói:

*I, even I, am the LORD, and apart from me there is no Savior.
(Is 43:11)*

Ta, chính Ta là Đức Giê-hô-va, Ngoài Ta, không có Cứu Chúa nào khác. (Ê-sai 43:11)

The context makes it clear that this is a claim of God himself. He is countering the empty claims about the idols of the day, who cannot help anyone. He is savior. "Apart from me," says God, "No one can save."

Bối cảnh này cho thấy rõ ràng đây là một lời công bố của chính Đức Chúa Trời. Ngài đang chống lại những lời tuyên bố hư không

THAY ĐỔI CHÚNG TA

về những thần tượng của thời ấy, những kẻ không thể giúp được ai hết. Ngài là Đấng Cứu Chuộc.” “Ngoài Ta ra,” Đức Chúa Trời phán, “Không ai có thể cứu các con.”

In the NIV, there are 31 occasions in the Old Testament where the word *savior* is used; all of them apply to God. This isn't just an Old Testament phenomenon. Even in the New Testament, of the 24 references to *savior* eight of them (one-third) refer explicitly to God as our savior. For example:

Trong bản NIV, có 31 lần trong Cựu Ước từ Đấng Cứu Chuộc được sử dụng; tất cả đều áp dụng cho Đức Chúa Trời. Đây không phải là một hiện tượng chỉ có trong Cựu Ước. Thậm chí trong Tân Ước, 24 lần đề cập đến Đấng Cứu Chuộc thì tám lần (một - phần ba) đề cập rõ ràng đến Đức Chúa Trời như là Đấng Cứu Chuộc chúng ta. Ví dụ:

Paul, an apostle of Christ Jesus by the command of God our Savior and of Christ Jesus our hope... (1 Tim 1:1)

Phao-lô, sứ đồ của Đấng Christ Giê-xu theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta, và của Đấng Christ Giê-xu, niềm hy vọng của chúng ta. (1 Ti-mô-thê 1:1)

The others apply to Jesus, unsurprisingly. For example,

Những chỗ khác áp dụng cho Chúa Giê-xu, thì không có gì ngạc nhiên. Ví dụ,

Grace and peace from God the Father and Christ Jesus our Savior. (Titus 1:4)

Cầu xin Đức Chúa Trời là Cha và Đấng Christ Giê-xu, Cứu Chúa chúng ta, ban ân điển và bình an cho con! (Tít 1:4)

This raises a question: how can Jesus be savior when Isaiah has just told us that there is no savior apart from God? Happily, Isaiah himself provides the key:

Điều này gợi lên một câu hỏi: Làm thế nào Chúa Giê-xu có thể là Đấng Cứu Chuộc khi Ê-sai vừa nói với chúng ta rằng không có một Đấng Cứu Chuộc nào hết ngoài Đức Chúa Trời? Thật vui mừng là chính Ê-sai đã cung cấp chìa khóa cho chúng ta

[God] saw that there was no one, he was appalled that there was no one to intervene; so his own arm worked salvation for him, and his own righteousness sustained him. (Is 59:16)

[Đức Chúa Trời] thấy không có người công chính nào cả, và ngạc nhiên vì không ai khẩn cầu, Ngài dùng chính cánh tay mình đem sự cứu rỗi đến; với sự công chính Ngài hỗ trợ. (Ê-sai 59:16)

As we will see later, Jesus is God's "arm" and manifesting God himself. He is the agent of God's work, the mechanism by which God is saving us. Jesus is not a savior *apart from* God. Rather, God is savior, and by extension, so is Jesus. His name even expresses this: *Jesus* in Greek is *Yeh sous*, which means *God saves*.

Như chúng ta sẽ thấy sau này, Chúa Giê-xu là "cánh tay" của Đức Chúa Trời và bày tỏ chính Đức Chúa Trời. Ngài là đại diện cho công tác của Đức Chúa Trời, và là phương tiện mà qua đó Đức Chúa Trời sẽ cứu chúng ta. Chúa Giê-xu không phải là Đấng Cứu Chuộc *nào ngoài* Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc, và bởi sự mở rộng vai trò ở trên, Chúa Giê-xu cũng là Đấng Cứu Chuộc. Thậm chí danh của Ngài thậm chí được bày tỏ như thế này: *Giê-xu* trong tiếng Hy-lạp là *Yeh sous*, có nghĩa là Đức Chúa Trời cứu rỗi.

An intermediary from God

Một Đấng Trung Bảo đến từ Đức Chúa Trời

All of this begs a question: why doesn't God just act as savior directly? Why does he appoint Jesus in that role?

Tất cả những điều này gợi lên một câu hỏi: tại sao Đức Chúa Trời không hành động như Đấng Cứu Chuộc một cách trực tiếp? Tại sao Ngài lại chỉ định Chúa Giê-xu trong vai trò đó?

I've heard all sorts of answers to this. For example, I have heard people suggest that God cannot sympathize properly with our situation; that because God is sinless and omnipotent he would not be able to properly appreciate how hard our struggle is. This idea seems to be drawn from the following verse in Hebrews:

Tôi đã nghe tất cả những loại câu trả lời liên quan đến điều này. Ví dụ, tôi đã nghe người ta cho rằng Đức Chúa Trời không thể thông

THAY ĐỔI CHÚNG TA

cảm với tình trạng của chúng ta; rằng vì Đức Chúa Trời là vô tội và Đấng Tối Thượng nên Ngài không thể đồng ý với sự tranh chiến của chúng ta khó khăn như thế nào. Ý tưởng này dường như rút ra từ câu sau đây trong Thư Tín Hê-bơ-rơ:

For we do not have a high priest who is unable to sympathize with our weaknesses, but we have one who has been tempted in every way, just as we are – yet was without sin. (Heb 4:15)

Vì chúng ta không có một thầy tế lễ thương phẩm chẳng có thể cảm thông sự yếu đuối chúng ta, nhưng có một thầy tế lễ bị cám dỗ đủ mọi cách như chúng ta, song chẳng phạm tội. (Hê 4:15)

On the face of it, that may be a reasonable inference to draw from this verse. But I don't think the inference is valid. In fact, it seems quite problematic because it has the effect of diminishing God. It is just another way of placing the need for Christ on God, rather than on us, suggesting that Christ made up for one of God's supposed limitations.

Nhìn bề ngoài của nó, đó có thể là một sự đề cập hợp lý được rút ra từ câu này. Nhưng tôi không cho rằng sự đề cập này là đúng, nó dường như khá trực trặc ở đây vì nó có tác động làm hạn chế Đức Chúa Trời. Đó chỉ là một cách khác về việc đặt nhu cầu cho Đấng Christ trên Đức Chúa Trời, hơn là trên chúng ta, cho rằng Đấng Christ tạo nên một trong những sự giới hạn giả định của Đức Chúa Trời.

As we've seen before, it is much more reasonable to begin with the assumption that any limitations are ours rather than God's. When we do this, we see another possible interpretation of the verse; that even though God can indeed sympathize one hundred percent with our state, it's just that *we find it hard to believe that he does*.

Như chúng ta đã xem xét trước đây, điều có thể hợp lý hơn khi bắt đầu với giả định rằng bất kỳ sự giới hạn nào thì đều thuộc về chúng ta hơn là của Đức Chúa Trời. Khi chúng ta làm điều này, chúng ta nhìn vào một sự diễn dịch hợp lý khác của câu này: rằng mặc dù Đức Chúa Trời thật sự có thể cảm thông hoàn toàn 100% với tình trạng của chúng ta, chỉ có điều là chúng ta *nhận thấy khó có thể tin rằng Ngài làm điều này*.

In this context God says, “I know you find it hard to believe that I can truly sympathize with your struggle and temptation. Well, let me reassure you by appointing someone just like you to be at my right hand”.

Trong bối cảnh này Đức Chúa Trời phán, “Ta biết con nhận thấy khó có thể tin rằng Ta thật sự có thể cảm thông với những tranh chiến và sự cám dỗ của con. À, hãy để Ta tái đảm bảo với con bằng cách chỉ định ai đó giống như con đang ở bên phải ta.”

So he appoints Jesus, and *we gain confidence* that someone in heaven is truly able to sympathize with our weakness. In this interpretation, God is again working to help us with our lack of faith in him, our inability to come to him in perfect trust.

Vì thế Ngài chỉ định Chúa Giê-xu, và chúng ta *có niềm tin* rằng ai đó trên thiên đàng thật sự có thể cảm thông với sự yếu đuối của chúng ta. Trong sự diễn dịch này, Đức Chúa Trời lại đang vận hành để giúp chúng ta với việc thiếu đức tin của chúng ta nơi Ngài, sự thiếu khả năng của chúng ta để đến với Ngài trong niềm tin trọn vẹn.

We can go further. Here’s what Moses told the Israelites:

Chúng ta có thể đi xa hơn. Đây là điều mà Môi-se đã nói với dân Israel:

The LORD your God will raise up for you a prophet like me from among your own brothers. You must listen to him. For this is what you asked of the LORD your God at Horeb [Sinai] on the day of the assembly when you said, “Let us not hear the voice of the LORD our God nor see this great fire anymore, or we will die.” (Deut 18:5-16)

Từ trong đồng bào của anh em, Giê-hô-va Đức Chúa Trời sẽ dấy lên một nhà tiên tri như tôi. Anh em phải nghe lời vị tiên tri ấy. Đó chính là điều anh em đã cầu xin Giê-hô-va Đức Chúa Trời tại Hô-rép [Si-nai] trong ngày hội họp: “Xin đừng để chúng tôi nghe tiếng phán của Giê-hô-va Đức Chúa Trời hay thấy đám lửa hùng này nữa, kẻo chúng tôi phải chết chăng.” (Phục Truyền 18:15-16)

Having shaky trust in God’s compassion and sympathy is only part of the problem. We are terrified by the Almighty!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Có niềm tin hay dao động về tình yêu và sự cảm thông của Đức Chúa Trời là phần duy nhất của nan đề. Chúng ta khiếp sợ Đấng Toàn Năng!

A whole nation of people – people just like us – were filled with dread in the presence of God. We come to the foot of a mount like Sinai and see the power of heaven ready to be unleashed, and we are terrified! We quake with fear!

Cả một dân tộc – những con người như chúng ta – tràn ngập nỗi khiếp sợ trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Chúng ta đến dưới chân núi như Si-nai và nhìn thấy quyền năng của thiên đàng sẵn sàng được bày tỏ ra, và chúng ta khiếp sợ. Chúng ta run lên trong sự sợ hãi!

Finally, we admit we are scared and acknowledge that we don't know how to come close to this awesome presence. "You go, Moses; see if God will talk through you and you bring his message to us," they said. Anything to put a little distance between us and the dread mightiness of heaven.

Cuối cùng, chúng ta thừa nhận rằng chúng ta sợ và thừa nhận rằng chúng ta không biết làm sao để đến gần với sự hiện diện oai quyền này. Họ đã nói "Ông đi đi, Mô-i-se; hãy xem liệu có phải Đức Chúa Trời sẽ phán qua ông và ông mang sứ điệp của Ngài về cho chúng tôi." Có gì đó để đặt một chút khoảng cách giữa chúng ta và sức mạnh đáng sợ của thiên đàng.

I wonder if God was sad, wishing that people could trust his words of love and assurance. But God is God. He knows who we are, and he pragmatically deals with the world as it is, not as he wishes it might be. He is the ultimate realist. The people needed an intermediary. They needed someone with whom they could directly relate, and God compassionately acceded to their need, and the Law was given through Moses.

Tôi tự hỏi nếu Đức Chúa Trời buồn lòng, mong muốn rằng dân sự có thể tin nơi những lời yêu thương và đảm bảo của Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời. Ngài biết chúng ta là ai, và Ngài đối xử một cách thực tế với thế gian như chính nó, không phải vì Ngài muốn nó có thể là gì. Ngài rất thực tế. Con người cần một Đấng Trung Bảo. Họ cần ai đó mà họ có thể trực tiếp tương giao, và Đức Chúa Trời

bằng lòng một cách cảm thông với nhu cầu của họ, và Luật Pháp được ban qua Môi-se.

In each case, God acts to give us confidence; he appoints an intermediary in our salvation. We are afraid, or we worry that God cannot sympathize, so he acts to reassure us.

Trong mỗi trường hợp, Đức Chúa Trời hành động để ban cho chúng ta đức tin; Ngài chỉ định một Đấng Trung Bảo trong sự cứu rỗi chúng ta. Chúng ta sợ, hay chúng ta lo lắng rằng Đức Chúa Trời không thể cảm thông, vì thế Ngài hành động để tái bảo đảm với chúng ta.

Jesus the Prophet
Chúa Giê-xu, vị Tiên Tri

Do we think we are any different from them? Even Daniel quaked and collapsed at the sight of an angel cloaked in the power of heaven (Dan 10:8-9). We are just the same. The same fear, the same desire to hide. So God continues to Moses:

Chúng ta có nghĩ rằng chúng ta có gì khác với họ? Thậm chí Đa-ni-ên cũng sợ hãi và sụp xuống khi nhìn thấy một thiên sứ mặc lấy quyền năng của thiên đàng (Đa-ni-ên 10:8-9). Chúng ta cũng như vậy. Cùng sự sợ hãi, cùng muốn lẩn tránh. Vì thế Đức Chúa Trời tiếp tục với Môi-se:

'What they say is good. I will raise up for them a prophet like you from among their brothers; I will put my words in his mouth, and he will tell them everything I command him. If anyone does not listen to my words that the prophet speaks in my name, I myself will call him to account.' (Deut 18:17-19)

'Chúng nói đúng. Từ giữa anh em của chúng, Ta sẽ lập cho chúng một nhà tiên tri như con. Ta sẽ đặt lời Ta trong miệng người ấy và người ấy sẽ nói với chúng mọi điều Ta truyền dặn. Kẻ nào không nghe theo lời Ta, là những lời mà nhà tiên tri nhân danh Ta nói, thì Ta sẽ hỏi tội kẻ ấy.' (Phục Truyền 18:17-19)

God provides the ultimate prophet! Raised up among us, just like us. He will speak God's words and call the people to account. And he will bless us by turning us from our destructiveness and slavery to sin, and save us to serve the God of the universe.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đức Chúa Trời ban cho vị tiên tri cuối cùng! Được dấy lên từ giữa chúng ta, giống như chúng ta. Ngài sẽ công bố lời của Đức Chúa Trời và kêu gọi con người đến với chân lý. Và Ngài sẽ ban phước cho chúng ta bằng cách đưa chúng ta ra khỏi sự hư hoại và nô lệ cho tội lỗi, và cứu chúng ta để phục vụ Đức Chúa Trời của vũ trụ này.

Jesus, the Messiah of God, is that man Moses was prophesying about, as Peter declares in a speech in the temple in Jerusalem. The whole speech is worth reading, but here's how he ends it:

Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, là người mà Mô-i-se đang nói tiên tri về Ngài, như Phi-e-rơ công bố trong bài giảng nơi đền thờ tại Giê-ru-sa-lem. Cả bài giảng đáng để đọc, nhưng đây là cách mà ông kết thúc:

By faith in the name of Jesus, this man whom you see and know was made strong. It is Jesus' name and the faith that comes through him that has given this complete healing to him, as you can all see...

Chính đức tin trong danh Ngài đã làm cho người mà anh em thấy và biết đây được vững mạnh. Chính danh Ngài và đức tin nơi Ngài đã khiến người này hoàn toàn khỏe mạnh như tất cả anh em đã thấy...

For Moses said, 'The Lord your God will raise up for you a prophet like me from among your own people; you must listen to everything he tells you. Anyone who does not listen to him will be completely cut off from among his people.'

Vì Mô-i-se có nói: "Chúa là Đức Chúa Trời các ngươi sẽ dấy lên trong anh em các ngươi một Đấng tiên tri như ta và các ngươi phải nghe theo mọi điều Ngài phán bảo. Nếu ai không nghe Đấng tiên tri ấy sẽ bị khai trừ khỏi dân chúng".

Indeed, all the prophets from Samuel on, as many as have spoken, have foretold these days. And you are heirs of the prophets and of the covenant God made with your fathers. He said to Abraham, 'Through your offspring all peoples on earth will be blessed.' When God raised up his servant, he sent him first to

*you to bless you by turning each of you from your wicked ways.
(Acts 3:16, 22-26)*

*Tất cả các nhà tiên tri, từ Sa-mu-ên cho đến các vị kế tiếp, khi nói tiên tri cũng đều rao truyền những ngày này. Anh em là con cháu của các nhà tiên tri và của giao ước Đức Chúa Trời đã lập với tổ phụ chúng ta khi Ngài phán với Áp-ra-ham; 'Mọi dân tộc trên đất sẽ nhờ dòng dõi con mà được phước'. Đức Chúa Trời đã dấy Đầy tớ Ngài lên và phái Ngài đến với anh em trước tiên, để ban phước cho anh em bằng cách khiến mỗi người trong anh em lìa bỏ đường lối gian ác của mình.
(Công Vụ 3:16; 22-26)*

Jesus, like Moses, was faithful within God's household, though Jesus served as a son rather than simply a servant (Heb 3:1-6). But there was another critical similarity. Like Moses, Jesus was one of us, raised up from among our brothers, from among people like us. This is how it is put in Hebrews:

Chúa Giê-xu, giống như Mô-i-se, rất trung tín trong nhà Đức Chúa Trời, dù Chúa Giê-xu phục vụ như là Con Trai hơn là một người đầy tớ (Hê 3:1-6). Nhưng có một sự tương đồng rất quan trọng khác. Như Mô-i-se, Chúa Giê-xu là một người trong chúng ta, được dấy lên từ giữa vòng anh em của chúng ta, từ những con người như chúng ta. Đây là cách mà Thư Hê-bơ-rơ thể hiện:

Since the children have flesh and blood, he too shared in their humanity (Heb 2:14)

Vì con cái cùng chung huyết nhục, nên chính Đức Chúa Giê-xu cũng mang lấy huyết nhục giống như họ. (Hê 2:14).

The Bible is very clear, emphatic even, that Jesus was fully human. Kinh Thánh rất rõ ràng, nhấn mạnh thậm chí nói rằng Chúa Giê-xu có nhân tánh trọn vẹn.

Jesus, the same flesh as ours, and just like one of us. As such, Jesus would not terrify the people. He spoke boldly as God's prophet, and the people listened gladly.

Chúa Giê-xu, cùng thân xác như chúng ta, và giống như một người trong chúng ta. Như thế thì Chúa Giê-xu sẽ không làm người ta sợ

THAY ĐỔI CHÚNG TA

hãi. Ngài công bố mạnh mẽ như một tiên tri của Đức Chúa Trời, và người ta lắng nghe một cách vui mừng.

Though insistent for people to make the right ways of God the priority in their lives, his love and compassion (which reflect his Father) makes it easier to come close to him. God's plan worked out perfectly.

Dù khuyên nài con người chọn lựa đường lối đúng đắn của Đức Chúa Trời là ưu tiên trong đời sống của họ, tình yêu và sự cảm thông của Ngài (phản ảnh chính Cha Ngài) khiến con người dễ đến gần Ngài hơn. Chương trình của Đức Chúa Trời đã thực hiện một cách hoàn hảo.

Summary

Tóm Tắt

God is our savior, but because of fear people like us have always needed God to work through intermediaries, to appoint representative to speak for him. So God has provided the ultimate prophet, Jesus; he is one of us, yet he speaks perfectly for God. He is our savior.

Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc, nhưng vì những con người sống trong sợ hãi như chúng ta luôn luôn cần Đức Chúa Trời hành động qua những đấng trung bảo, chỉ định những người đại diện để công bố vì cơ Danh Ngài. Vì thế Đức Chúa Trời đã sai vị tiên tri cuối cùng, Chúa Giê-xu; Ngài là một người ở giữa vòng chúng ta, nhưng Ngài công bố một cách trọn vẹn vì Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta.

Discussion

Thảo Luận

1. Before reading this section, did you think of God as savior? If not, why not?

1. Trước khi đọc phần này, bạn có nghĩ rằng Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Chuộc không? Nếu không, tại sao không?

2. Discuss the interpretations suggested for Heb 4:15, and see which viewpoint you find most compelling.
2. Thảo luận phân diễn dịch được đưa ra cho Hê-bơ-rơ 4:15, và hãy xem xét quan điểm nào bạn nhận thấy là thuyết phục nhất.
3. What would it be like to be face to face with God? What examples can you think of in the Bible?
3. Sẽ như thế nào khi chúng ta đối diện mặt đối mặt với Đức Chúa Trời? Bạn có thể nghĩ về những ví dụ nào trong Kinh Thánh?

Prophet leaders

Những nhà lãnh đạo Tiên Tri

In the last section, we explored a couple of reasons for God working his plan of salvation through Jesus. As a prophet sent from God, Jesus is the culmination of a long and illustrious history. Here's how he describes it in a parable:

Trong chương vừa qua, chúng ta đã nghiên cứu một vài lý do về việc Đức Chúa Trời thực hiện chương trình cứu rỗi của Ngài qua Chúa Giê-xu. Như là một nhà tiên tri được Đức Chúa Trời sai đến, Chúa Giê-xu ở đỉnh điểm của lịch sử lâu dài và vinh quang. Đây là cách mà Ngài mô tả trong một ẩn dụ:

“A man planted a vineyard, rented it to some farmers and went away for a long time. At harvest time he sent a servant to the tenants so they would give him some of the fruit of the vineyard. But the tenants beat him and sent him away empty-handed. He sent another servant, but that one also they beat and treated shamefully and sent away empty-handed. He sent still a third, and they wounded him and threw him out.”

“Một người kia trồng một vườn nho và cho những người trồng nho thuê, rồi đi đến một xứ khác trong một thời gian dài. Đến mùa gặt, chủ sai một đầy tớ đến gặp những người trồng nho để nhận phần hoa lợi của vườn nho. Nhưng các người trồng nho đánh đầy tớ, rồi đuổi về tay không. Chủ sai tiếp một đầy tớ khác, nhưng họ cũng đánh đập, nhục mạ và đuổi về tay không. Chủ lại sai một đầy tớ thứ ba nữa, nhưng họ cũng đánh anh ta bị thương và đuổi đi.”

“Then the owner of the vineyard said, ‘What shall I do? I will send my son, whom I love; perhaps they will respect him.’”

“Bấy giờ, chủ vườn nho nói: ‘Ta sẽ làm gì đây? Ta sẽ sai con trai yêu dấu của Ta đến, có thể họ sẽ kính nể!’”

“But when the tenants saw him, they talked the matter over. ‘This is the heir,’ they said. ‘Let’s kill him, and the inheritance will be ours.’ So they threw him out of the vineyard and killed him.

“Nhưng khi thấy con trai ấy, các người trồng nho bàn với nhau: ‘Đây là con thừa kế, hãy giết nó thì gia tài sẽ về tay chúng ta’. Vì thế chúng ném con trai ấy ra ngoài vườn nho và giết đi.

“What then will the owner of the vineyard do to them? He will come and kill those tenants and give the vineyard to others.”

When the people heard this, they said, “May this never be!” (Luke 20:9-16)

“Vậy chủ vườn nho sẽ xử chúng ra sao? Ông ta sẽ đến và diệt bọn trồng nho ấy, rồi giao vườn nho cho những người khác”.

Khi nghe những lời ấy, họ đã nói: “Đời nào có chuyện đó!” (Lu-ca 20:9-16)

Throughout history God has always appealed to people through great men and women, prophets who were separated to the task of drawing others to God. Biblically, a prophet is someone who proclaims God’s message to people. They may say something about the future, but they are equally likely to talk about the past. Either way, their real interest is the present, helping their listeners to connect with God. These mighty individuals bring God’s message and reach out to the people around them. Here’s a short list:

Xuyên suốt lịch sử Đức Chúa Trời luôn mời gọi con người qua những người nam và người nữ vĩ đại, những tiên tri được biệt riêng ra cho nhiệm vụ đưa những người khác đến với Đức Chúa Trời. Trong Kinh Thánh, tiên tri là người công bố sứ điệp của Đức Chúa Trời cho dân sự. Họ có thể nói điều gì đó về tương lai, nhưng họ cũng có thể nói về những điều đã xảy ra trong quá khứ. Dù bằng cách nào, ước muốn thật sự của họ chính là hiện tại, giúp người nghe kết nối với

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đức Chúa Trời. Những con người đầy quyền năng này mang đến những sứ điệp của Đức Chúa Trời và vươn đến những con người xung quanh họ. Đây là một danh sách ngắn:

- Abraham was chosen by God so that he would “direct his children and his household after him to keep the way of the LORD by doing what is right and just” (Gen 18:19)
- Áp-ra-ham được Đức Chúa Trời chọn lựa để “truyền dạy con cái và dòng dõi người sau này gìn giữ đường lối của Đức Giê-hô-va bằng cách làm điều công chính và ngay thẳng” (Sáng 18:19).
- Joseph was taken captive down to Egypt and used by God to save not only his own family but the whole ancient world.
- Giô-sép bị bắt làm nô lệ đưa xuống Ai-cập và được Đức Chúa Trời sử dụng để cứu không chỉ là gia đình của chính ông mà còn cả một thế giới xa xưa.
- Moses was brought up a prince in Egypt, but ended up being a humble shepherd, and in that capacity he saved and led the nation of Israel, bringing them out of slavery to the border of the promised land.
- Môi-se được nuôi dưỡng như là một hoàng tử tại Ai-cập, nhưng kết thúc lại là một người chăn chiên khiêm nhường, và trong sự bất bớ đó, ông đã cứu và đưa dân tộc Israel, đưa họ ra khỏi kiếp nô lệ đến biên giới của miền đất hứa.
- Deborah, Gideon, and Samuel, were each appointed by God in times of crisis to lead and judge the nation.
- Đê-bô-ra, Ghi-đê-ôn và Sa-mu-ên, mỗi người được Đức Chúa Trời chỉ định trong những thời khắc khủng hoảng nhất để lãnh đạo và làm quan xét trên đất nước.
- David, a songwriter, prophet, and king, described as a man after God’s own heart.
- Đa-vít, một nhà thơ, tiên tri, và một vị vua, được mô tả như là một người có tấm lòng của chính Đức Chúa Trời.
- Hezekiah, also a king, close to dying, poured out his heart to God on behalf of the people.

- Ê-xê-chia, cũng là một vị vua, khi gần với cái chết, đã tuôn đổ tấm lòng ra với Chúa vì dân sự.
- Zerubbabel the governor, worked with prophets like Haggai and Zechariah to reestablish the nation after they returned from captivity in Babylon.
- Giê-ru-ba-bên người lãnh đạo dân Israel cùng với những tiên tri như A-ghê và Xa-cha-ri tái thiết quốc gia sau khi họ trở về từ kiếp phu tù tại Ba-by-lôn.
- Peter the apostle, reached out to the nation of Israel: “Men and brothers, this thing has been done in front of you,” he says.
- Phi-e-rơ, vị sứ đồ đã rao giảng cho dân Israel: “Hỡi những người nam và anh em, điều này đã được thực hiện trước mặt anh em,” ông nói.
- Paul brought the message of salvation not only to the Jewish people but more widely, to bring Jew and Gentiles together.
- Phao-lô đã mang sứ điệp cứu rỗi đến không chỉ cho người Do Thái mà còn xa hơn nữa, mang người Do Thái và Dân Ngoại Bang đến cùng với nhau.

The list could go on and on. God has always been working through prophet leaders, because people best hear the word of God from someone like themselves.

Danh sách này có thể tiếp tục và tiếp tục nữa. Đức Chúa Trời luôn luôn làm việc qua những nhà lãnh đạo tiên tri, vì con người tốt nhất là nghe lời của Đức Chúa Trời từ ai đó giống như chính họ.

Standing in the breach
Đứng nơi nguy hiểm nhất

For our sake, God looks for individuals who can truly speak his words, who authentically represent the things he is looking for, who can nurture others in the ways of God. So, what happens when God can't find someone? When his word of salvation is not getting through?

Vì lợi ích của chúng ta, Đức Chúa Trời tìm kiếm những cá nhân có thể thật sự công bố lời của Ngài, những người bày tỏ đích thực những điều mà Ngài đang tìm kiếm, những người có thể dạy dỗ người khác trong đường lối của Đức Chúa Trời. Vì thế, điều gì xảy

THAY ĐỔI CHÚNG TA

ra khi Đức Chúa Trời không thể tìm thấy ai đó? Khi lời của Ngài về sự cứu rỗi không thể truyền đạt cho ai hết?

An example occurs in Ezekiel, which was written around the time of the destruction of the southern kingdom of Judah. According to Ezekiel a rottenness pervades the whole nation:

Một ví dụ xảy ra trong Ê-xê-chi-ên, được viết khoảng thời gian diễn ra sự hủy diệt của vương quốc phía nam của Giu-đa. Theo Ê-xê-chi-ên, sự băng hoại tràn ngập cả quốc gia:

There is a conspiracy of her princes within her like a roaring lion tearing its prey; they devour people, take treasures and precious things and make many widows within her.

Her priests do violence to my law and profane my holy things; they do not distinguish between the holy and the common; they teach that there is no difference between the unclean and the clean; and they shut their eyes to the keeping of my Sabbaths, so that I am profaned among them.

Có một âm mưu của những vua chúa được lập nên giữa nó như sư tử gặm gù cắn xé mồi; chúng nuốt các linh hồn, cướp lấy tài sản và những vật quý làm cho số người góa bụa gia tăng trong thành.

Các thầy tế lễ nó phạm luật pháp Ta và làm ô uế vật thánh Ta; chúng chẳng phân biệt cái gì là thánh, cái gì là tục; chẳng dạy người ta phân biệt cái gì là ô uế, cái gì là tinh sạch; chúng nhắm mắt chẳng quan tâm các ngày sa-bát Ta, khiến Ta bị xúc phạm giữa chúng.

Her officials within her are like wolves tearing their prey; they shed blood and kill people to make unjust gain.

Các nhà lãnh đạo ở giữa nó giống như muông sói xé mồi; chúng chỉ lo làm đổ máu, giết người để được lợi bất nghĩa.

Her prophets whitewash these deeds for them by false visions and lying divinations. They say, 'This is what the Sovereign LORD says' – when the LORD has not spoken.

Các kẻ tiên tri nó tô vôi trét phần trên chúng bằng những khái tượng hư không và bói khoa dối trá. Chúng nói rằng: “Đây là điều Chúa Giê-hô-va phán” trong khi Đức Giê-hô-va chưa hề phán.

The people of the land practice extortion and commit robbery; they oppress the poor and needy and mistreat the alien, denying them justice. (Ezek 22:25-29)

Dân trong xứ làm điều bạo ngược, phạm tội trộm cướp, áp bức kẻ nghèo nàn, thiếu thốn và hà hiếp khách lạ, bất chấp công lý. (Ê-xê-chi-ên 22:25-29)

It's a terrible situation! Prince, priest, official, prophet, and people all come under condemnation. Corruption from the top to the bottom! They are a nation desperately in need of correction, of healing. They are a nation on the verge of being destroyed because of their rejection of the principles of God. And God says:

Đó là một tình trạng thật khủng khiếp! Vua chúa, thầy tế lễ, quan chức, tiên tri, và dân sự tất cả đều ở trong sự rửa sả. Sự băng hoại từ trên xuống dưới! Họ là một quốc gia đang ở trong nhu cầu cấp bách nhất cần phải thay đổi, cần được chữa lành. Họ là một quốc gia trên bờ vực bị hủy diệt vì họ chối bỏ những nguyên tắc của Đức Chúa Trời. Và Đức Chúa Trời phán:

I looked for a man among them who would build up the wall and stand before me in the gap on behalf of the land so I would not have to destroy it, but I found none (Ezek 22:30)

Ta đã tìm một người trong chúng để xây lại tường thành, vì đất mà đứng chỗ sứt mẻ trước mặt Ta hầu cho Ta không hủy diệt nó, nhưng Ta chẳng tìm được một ai. (Ê-xê-chi-ên 22:30)

The wall is broken down! The nation is defenseless against condemnation. Who will stand in the breach in the wall, and provide a reason to delay judgement? They are like a city without any protection, naked to any invading army. Who will lead this people? Who will guide this people? Who will change them?

Bức tường bị sụp đổ! Quốc gia thất thủ trong việc chống lại sự hủy diệt. Ai sẽ đứng nơi nguy hiểm nhất nơi tường thành, và đưa ra lý do

THAY ĐỔI CHÚNG TA

để làm chậm lại sự đoán phạt? Họ giống như một thành không có ai bảo vệ, phơi ra cho quân thù tấn công vào bất cứ lúc nào. Ai sẽ lãnh đạo dân này? Ai sẽ hướng dẫn dân này? Ai sẽ thay đổi họ?

Jeremiah's there!

Giê-rê-mi đã ở đó!

But he's done all he can and they don't listen to him. In the end God has said, "I need you to stop praying. Jeremiah; it's not going to work any more." (Jer 7:16)

Nhưng dù ông đã làm tất cả những điều mà ông có thể làm và họ vẫn không nghe lời của ông. Cuối cùng Đức Chúa Trời đã nói, "Ta cần con dừng lời cầu nguyện, Giê-rê-mi; không có ích gì đâu" (Giê-rê-mi 7:16)

What a tragedy!

Một thảm kịch khủng khiếp làm sao!

The arm of the Lord Cánh tay của Đức Chúa Trời

What happens with Israel is a picture of the situation with the whole of humanity. Here's how Isaiah puts it:

Điều xảy ra với Israel là một bức tranh về tình trạng với cả một dân tộc. Đây là cách mà Ê-sai trình bày:

Truth is nowhere to be found, and whoever shuns evil becomes a prey. The LORD looked and was displeased that there was no justice. He saw that there was no one, he was appalled that there was no one to intervene; so his own arm worked salvation for him, and his own righteousness sustained him (Is 59:15-16)

Chân lý đã không còn, ai lánh điều dữ thì trở nên một miếng mồi. Đức Giê-hô-va đã thấy rằng dưới mắt Ngài và không đẹp lòng vì tất cả đều gian ác, bất công. Ngài thấy không có người công chính nào cả, và ngạc nhiên vì không ai khẩn cầu. Ngài dùng chính cánh tay mình đem sự cứu rỗi đến, với sự công chính của Ngài hỗ trợ. (Ê-sai 59:15-16)

God looks around. Where is the savior among the people? Where is the prophet who is going to arise and lead them?

Đức Chúa Trời nhìn quanh. Đâu là người giải cứu giữa vòng dân sự? Đâu là người tiên tri sẽ đứng lên và lãnh đạo họ?

This may have been written for Isaiah's time originally, but the message is timeless. Where is the prophet who is going to arise and lead us? Who will show us the path out of the valley of the shadow of death, and bring us into life that is truly life?

Điều này có thể vốn được viết cho thời Ê-sai, nhưng sứ điệp thì vượt thời gian. Đâu là người tiên tri sẽ đứng lên và lãnh đạo chúng ta? Ai sẽ chỉ cho chúng ta con đường ra khỏi trũng bóng chết, và đưa chúng ta vào trong cuộc sống thật sự?

God looks at the sweep of history, and sees that there isn't going to be one. Without his personal intervention, there is never going to be a prophet who will be able to speak the words of God one hundred percent, a prophet who never has doubts about himself, who can speak for God without wavering or faltering, and who can bring his whole heart, mind, strength, and soul to the work of God.

Đức Chúa Trời nhìn xuyên suốt lịch sử, và nhìn thấy rằng không có một người nào hết. Nếu không có sự can thiệp cá nhân của Ngài, thì sẽ không bao giờ có một tiên tri, người có thể công bố lời của Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn, một tiên tri không bao giờ nghi ngờ về chính Ngài, người có thể nói thay Đức Chúa Trời mà không nao núng hay chùn bước, và là người có thể đem hết tâm lòng, tâm trí, sức lực, và linh hồn để phục vụ cho công tác của Đức Chúa Trời.

Faced with this lack, God's own arm worked salvation for him. Who or what is this "arm"? It is Jesus. Listen to these words of Isaiah where he uses "arm" as a metaphor for Christ working salvation on behalf of God.

Đối diện với việc thiếu người này, cánh tay của chính Đức Chúa Trời đã thực hiện sự cứu rỗi cho Ngài." Cánh tay" này là gì và nói về ai vậy? Đó chính là Đức Chúa Giê-xu. Hãy lắng nghe những lời này qua Ê-sai khi ông sử dụng từ "cánh tay" như là một ẩn dụ về Đấng Christ thực hiện chương trình cứu rỗi thay mặt Đức Chúa Trời.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Who has believed our message and to whom has the arm of the LORD been revealed? He grew up before him like a tender shoot, and like a root out of dry ground. He had no beauty or majesty to attract us to him, nothing in his appearance that we should desire him. He was despised and rejected by men, a man of sorrows, and familiar with suffering. (Is 53:1-3)

Ai tin điều đã được rao truyền cho chúng ta? Và cánh tay Đức Giê-hô-va đã được bày tỏ cho ai? Người đã lớn lên trước mặt Ngài như một cái chồi, như cái rễ ra từ đất khô. Người chẳng có vẻ đẹp cũng chẳng có sự uy nghi để chúng ta nhìn ngắm; không có gì trong diện mạo Người khiến chúng ta ưa thích được. Người đã bị người ta khinh rẻ và chối bỏ, từng trải sự đau khổ, quen chịu đựng đau đớn. (Ê-sai 53:1-3)

This whole passage was looking ahead to the sufferings of the Messiah. He is God's right arm. In effect, God says, "No one was just going to arise; I had to do it. I had to do it through a son, as an extension of myself."

Cả sứ điệp này đang hướng về sự thương khó của Đấng Mê-si-a. Ngài chính là cánh tay phải của Đức Chúa Trời. Thật vậy, Đức Chúa Trời phán, "không ai sẽ đứng lên; Ta phải làm điều đó. Ta phải làm qua Con Trai, như là một sự vươn ra của chính Ta".

And so the power of the eternal spirit overshadowed a young Jewish girl, and a son was conceived. A child, one of us, but who would grow up and show himself to be the son of God, in every sense possible.

Và vì thế quyền năng của Thánh Linh đời đời đã ngự trên một cô gái trẻ người Do Thái, và một con trẻ đã thụ thai. Một đứa trẻ, một người trong chúng ta, nhưng người sẽ lớn lên và bày tỏ chính Ngài là Con Đức Chúa Trời, trong mọi ý nghĩa có thể.

Parable of the fig tree Ẩn dụ về cây vả

Here's another parable Jesus used to describe his work:

Đây là một ẩn dụ khác mà Chúa Giê-xu đã sử dụng để mô tả công việc của Ngài:

A man had a fig tree, planted in his vineyard, and he went to look for fruit on it, but did not find any. So he said to the man who took care of the vineyard. "For three years now I've been coming to look for fruit on this fig tree and haven't found any. Cut it down! Why should it use up the soil?"

'Sir,' the man replied, 'leave it alone for one more year, and I'll dig around it and fertilize it. If it bears fruit next year, fine! If not, then cut it down.' (Luke 13:6-9)

Người kia có một cây vả trong vườn nho mình; ông đến tìm quả nhưng chẳng thấy quả nào. Ông nói với người trông nho: "Kìa đã ba năm nay ta đến hái quả nơi cây vả này nhưng chẳng thấy gì cả. Hãy đốn nó đi, tại sao để nó choán đất vô ích?"

Người trông nho thưa: "Thưa chủ, xin để nó lại năm này nữa, chờ tôi đào đất chung quanh nó rồi đổ phân vào. Nếu nó kết trái vào năm tới thì để lại, nếu không thì sẽ đốn đi." (Lu-ca 13:6-9)

At first sight it looks like there is a disagreement between the owner and the vinedresser as though the owner is saying, 'cut this thing down,' and the vinedresser says, "No, no, no! Please don't..." as if he were pleading on behalf of the fig tree, trying to change the owner's mind.

Trông ban đầu thì câu chuyện này giống như là có một sự bất đồng ý kiến giữa người chủ và người làm vườn; như thể người chủ đang nói, "hãy cắt thứ này xuống" và người làm vườn nói, "Không, không, không! Xin đừng..." như thể ông ta đang nài xin vì cây vả, cố gắng thay đổi ý định của người chủ vườn.

I don't think that's what's going on at all. Here's another way to look at what's happening.

Tôi không nghĩ đó là điều đang xảy ra. Đây là một cách khác để xem chuyện gì đang xảy ra.

First of all the owner makes an assessment, "This fig tree is fruitless; it deserves to be cut down." The vinedresser has the same opinion. If you look at his response, he never disagrees with the owner's judgement, not even by insinuation. There's no disagreement there, no dispute. This tree needs to bear fruit, and if it does not, it should be cut down.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Trước hết người chủ này đánh giá, “cây vả này không ra trái; nó đáng bị cắt bỏ đi.” Người làm vườn cũng có ý kiến tương tự. Nếu bạn nhìn vào câu trả lời của ông ta, ông ta không bao giờ nạt đồng với sự phán xét của người chủ, thậm chí không có một sự ám chỉ nào về điều này. Không có sự bất đồng nào, không có tranh chấp. Cây này cần phải kết quả, và nếu không, thì người ta sẽ cắt bỏ nó đi.

But that's not all. The vinedresser speaks up with an offer, “If you are willing, I will work with this tree for one more year. I offer for us to see if more of my personal time and effort will make a difference to this tree. If it still doesn't produce fruit, well, we'll have done everything we could possibly have tried. Then we'll cut it down.”

Nhưng đó không phải là tất cả. Người làm vườn nói với một lời đề nghị, “Nếu ông muốn, tôi sẽ làm việc với cây này trong hơn một năm nữa. Tôi đề nghị chúng ta hãy xem nếu thêm thời gian và nỗ lực của tôi sẽ tạo ra một sự khác biệt cho cây này. Nếu nó vẫn không ra trái, chúng ta sẽ làm mọi điều chúng ta có thể đã cố làm. Sau đó chúng ta sẽ cắt bỏ nó đi.”

You see the point? One has come amongst us, to work with us, to see if we can be nurtured and encouraged to bear fruit. God owns the vineyard; Jesus is the vinedresser. He offers to work to transform us, so that we bear fruit for God. He will stand in the breach, delaying and removing the need for condemnation.

Bạn nhìn thấy gì ở điểm này? Một người đến giữa chúng ta, làm việc với chúng ta để xem chúng ta có thể nuôi dưỡng được hay không và khuyến khích sinh bông trái. Đức Chúa Trời là chủ khu vườn; Chúa Giê-xu là người làm vườn. Ngài đề nghị được làm việc để biến đổi chúng ta, để chúng ta có bông trái cho Đức Chúa Trời. Ngài đứng ở nơi nguy hiểm nhất, làm trì hoãn và cắt đi sự rủa sả cho chúng ta.

Moses played that role with the Israelites in the wilderness:

Môi-se đã đóng vai trò đó cho dân Israel nơi đồng vắng:

[God] said he would destroy them – had not Moses, his chosen one, stood in the breach before him to keep his wrath from destroying them. (Ps 106:23)

[Chúa] phán rằng Ngài sẽ hủy diệt họ. Nhưng Mô-i-se là người được Chúa chọn, đứng nơi sứt mẻ trước mặt Ngài, để xin Ngài đừng giận mà hủy diệt họ. (Thi Thiên 106:23)

Moses was willing to take the burden of leading the people, and with his willingness, a new possibility opened up. With his engagement faith and righteousness were again possible within this people.

Mô-i-se sẵn sàng nhận lấy gánh nặng để dẫn dắt dân sự, và với sự sẵn lòng của ông, một khả năng mới được mở ra. Với sự dự phần của ông, đức tin và sự công chính có thể trở lại giữa vòng dân sự này.

Our prophet leader, our savior judge, is among us now. Jesus the Christ, who lived his life preaching first to the people of Israel, now has spread his message to the world. He's nurturing, fertilizing, watering...

Lãnh đạo tiên tri của chúng ta, Đấng Phán Xét cứu chuộc, giờ đây đang ở giữa chúng ta, Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã sống cả đời mình để rao giảng trước tiên cho dân Israel, giờ đây đã làm lan rộng sứ điệp của Ngài cho cả thế giới. Ngài đang trồng, đang chăm bón, tưới nước...

Will we listen? Will we grow? Will we bear fruit?

Chúng ta sẽ nghe chăng? Chúng ta sẽ tăng trưởng chăng? Chúng ta sẽ sinh bông trái chăng?

Summary

Tóm tắt

Prophet leaders were appointed to rescue the people from their destructive ways and urge them to listen to what God was saying. Mighty though they were, these prophets were always less than perfect. God still had to intervene with his own voice, his own right arm, Jesus his son.

Những lãnh đạo tiên tri được chỉ định để cứu dân sự từ con đường hư mất của họ và thúc dục họ lắng nghe điều mà Đức Chúa Trời đang phán. Dù họ đầy quyền năng, những tiên tri này luôn luôn không phải là những người trọn vẹn hoàn toàn. Đức Chúa Trời vẫn

THAY ĐỔI CHÚNG TA

phải can thiệp bằng chính tiếng nói của chính Ngài, tay phải của chính Ngài, Chúa Giê-xu, con Ngài.

Discussion

Thảo Luận

1. Remind yourself of the prophet leaders introduced in this section. Can you think of any others?
1. Hãy nhớ về những lãnh đạo tiên tri được giới thiệu trong phần này. Bạn có nghĩ về bất kỳ ai nữa không?
2. Why does it make sense for God to use prophet leaders? Does he have a choice?
2. Tại sao sử dụng những lãnh đạo tiên tri là điều có ý nghĩa với Đức Chúa Trời? Ngài có chọn lựa gì không?

Humanity of Jesus

Sự Khiêm Nhường của Chúa Giê-xu

Jesus, our savior; one of us in order to give us confidence that one in heaven understands what it is like to be human. But what does it mean for him to be human?

Chúa Giê-xu, Đấng Cứu Chuộc, một người trong chúng ta ban cho chúng ta niềm tin mà một người trên thiên đàng hiểu đó là gì, lại là một con người. Nhưng điều đó có ý nghĩa gì khi Ngài là con người?

Consider the following verse, talking about Jesus,

Hãy xem xét câu sau đây, nói về Chúa Giê-xu,

Since the children have flesh and blood, he too shared in their humanity... (Heb 2:14)

Vì con cái thì cùng chung huyết nhục, nên chính Đấng Chúa Giê-xu cũng mang lấy huyết nhục giống như họ... (Hê 2:14)

The writer is trying to drive the point home that Jesus didn't merely *appear* to be human, but that he really was, that he *shared in our humanity!* The same verse feels even more emphatic in the King James version.

Tác giả đang cố gắng đưa vấn đề trở lại rằng Chúa Giê-xu không chỉ *có vẻ* là con người, nhưng Ngài thật sự là con người, rằng Ngài đã mang lấy nhân tính như chúng ta! Một câu tương tự thậm chí nhấn mạnh hơn trong bản King James

Forasmuch then as the children are partakers of flesh and blood, he also himself likewise took part of the same... (KJV)

Vì rằng các con là những người dự phần vào trong thịt và huyết, Ngài, chính Ngài cũng như vậy dự phần vào cùng ... (KJV)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Look at the string of emphasis words: *he also himself likewise...*

Hãy nhìn vào chuỗi những từ nhấn mạnh: *Ngài, chính Ngài cũng giống như vậy...*

Even though he was God's *son*, he was one of us! This verse in Hebrews makes it clear that Jesus had the same nature as us. He shared in our human nature, the same flesh and blood, and faced the same kinds of temptations, forces and pressures that we do.

Dù Ngài là *Con Đức Chúa Trời*, Ngài là một người trong chúng ta! Câu này trong Thư Hê-bơ-rơ làm rõ rằng Chúa Giê-xu có cùng bản tính như chúng ta. Ngài chia sẻ bản tính con người của chúng ta, cùng thịt và huyết, và đã đối diện với những loại cám dỗ giống như chúng ta, những thế lực và những áp lực mà chúng ta đối diện.

Not convinced? Look a few verses later:

Không thuyết phục chăng? Hãy xem xét một vài câu sau đây:

For this reason he had to be made like his brothers in every way in order that he might become a merciful and faithful High Priest in service to God. (Heb 2:17)

Vì thế, Ngài phải trở nên giống như anh em mình trong mọi phương diện, để trở nên thầy tế lễ thương phẩm đầy lòng thương xót và trung tín trong sự phục vụ Đức Chúa Trời, hầu chuộc tội cho chúng dân. (Hê 2:17)

Again this pretty clear. He wasn't just made like us in *some* ways, but in *every* way. The next verse drives the point home even further:

Một lần nữa điều này khá rõ ràng. Ngài không chỉ khiến mình giống như chúng ta trong *vài* phương diện, nhưng trong *mọi* phương diện. Câu tiếp theo đưa vấn đề trở lại, thậm chí mạnh hơn nữa:

Because he himself suffered when he was tempted, he is able to help those who are being tempted. (Heb 2:18)

Vì chính Ngài đã chịu khổ trong khi bị cám dỗ nên có thể giúp đỡ những ai bị cám dỗ. (Hê 2:18)

He was tempted, and he suffered in the process. Is that how we think of him? A man, struggling against a desire for sin, struggling even though it hurt?

Ngài bị cám dỗ, và Ngài đã chịu khổ trong một tiến trình. Đó có phải là cách mà chúng ta nghĩ về Ngài? Một con người, tranh chiến chống lại ước muốn tội lỗi, tranh chiến mặc dù chịu tổn thương?

All too often it's easy for us to think of Jesus almost like a machine who was able to do his Father's will automatically, just because he was the son of God. But in fact the scriptures do not say that; rather they say exactly the opposite. Here's an example:

Thường dễ cho chúng ta khi nghĩ về Chúa Giê-xu hầu như giống như một cái máy có thể làm theo ý muốn của Cha Ngài một cách tự động, chỉ vì Ngài là Con Đức Chúa Trời. Nhưng thật sự thì Kinh Thánh không hề nói như thế; thay vào đó thì họ nói ngược lại. Đây là một ví dụ:

Although he was a son, he learned obedience from what he suffered. (Heb 5:8)

Dù Ngài là con, Ngài đã học tập sự vâng lời trong sự thương khó (Hê 5:8)

Pause a moment to let this sink in.

Hãy dừng lại một chút để đào sâu vào điều này.

Not only was Jesus tempted, and not only did he suffer in that temptation, but he had to learn obedience. That is, Jesus wasn't naturally obedient! It was something he had to learn.

Không chỉ Chúa Giê-xu bị cám dỗ, và không chỉ Ngài chịu đựng sự cám dỗ đó, nhưng Ngài phải học bài học vâng phục. Đó là, Chúa Giê-xu không vâng phục một cách tự nhiên! Đó là điều mà Ngài phải học.

I'm not naturally obedient and neither are you. The scriptures have said that Jesus was made like us in every way – he was not naturally obedient to his Father, either. Instead it was a free choice that he made. As we also can make that choice.

Tôi cũng không phải tự nhiên vâng phục và bạn cũng không phải như vậy. Kinh Thánh nói rằng Chúa Giê-xu được tạo dựng nên giống như chúng ta trên mọi phương diện – Ngài cũng không phải vâng phục Cha Ngài một cách tự nhiên. Thay vào đó, đó là một sự chọn lựa tự do mà Ngài đưa ra. Như chúng ta cũng có thể đưa ra sự lựa chọn đó.

Temptations of Jesus
Những sự cám dỗ Chúa Giê-xu

When we think of the temptation of Jesus, the obvious incident that comes to mind is when he faces temptations during 40 days of fasting in the desert (Luke 4). But I think that this occasion was neither the only period of temptation, nor even the deepest temptation, that Jesus faced.

Khi chúng ta nghĩ về sự cám dỗ Chúa Giê-xu, sự kiện rõ ràng nhất đến trong tâm trí là khi Ngài đối diện với những sự cám dỗ trong suốt 40 ngày kiêng ăn trong đồng vắng (Lu-ca đoạn 4). Nhưng tôi nghĩ rằng đây không phải là giai đoạn duy nhất hay thậm chí không phải là sự cám dỗ nặng nề nhất mà Chúa Giê-xu đã đối diện.

This incident in the desert, testing though it was, was more of a preparatory period for the most challenging temptation of Jesus. Let us see why.

Sự kiện trong đồng vắng, dù đó là việc thử nghiệm, là một thời kỳ chuẩn bị hơn là những cám dỗ thách thức nhất của Chúa Giê-xu. Chúng ta hãy xem xét nguyên nhân tại sao.

Look at Luke 4:1, for example. The context is that Jesus has just emerged from baptism; he's accepted the idea of being washed and the Holy Spirit has come upon him; he's now imbued with the power of God. A mortal man, *imbued with power of God!*

Ví dụ, hãy nhìn vào Lu-ca 4:1. Bối cảnh đó là Chúa Giê-xu vừa nổi lên sau phép Báp-têm; Ngài chấp nhận ý tưởng về việc được thanh tẩy bằng nước và Đức Thánh Linh đến trên Ngài; giờ đây, Ngài đầy đầy quyền năng Đức Chúa Trời. Một con người không phải bắt từ lúc đó, lại đây đầy quyền năng Đức Chúa Trời!

Jesus, full of the Holy Spirit, returned from the Jordan and was led by the Spirit in the desert, where for forty days he was tempted by the devil. (Luke 4:1-2)

Đức Chúa Giê-xu đầy đầy Đức Thánh Linh, Ngài từ sông Giô-đanh trở về và được Thánh Linh đưa vào trong hoang mạc. Tại đó, Ngài chịu ma quỷ cám dỗ bốn mươi ngày. (Lu-ca 4:1-2).

That word *led* is the same word as is elsewhere used of a donkey being led. It's as if Jesus was *drawn* into the wilderness. It wasn't as if the Spirit said: "you might like to go there..."; the Spirit *led* him there.

Từ *dẫn dắt* là từ tương tự được sử dụng ở bất cứ chỗ nào của việc một con lừa được *dẫn đi*. Như thế là Chúa Giê-xu được *kéo đến* đồng vắng. Đó như thể không phải là điều Thánh Linh phán: "Chúa có thể muốn đi đến đó..."; Thánh Linh đưa dắt Ngài đến đó.

In Matthew it says,

Trong Ma-thi-ơ thì nói thế này,

Then Jesus was led by the Spirit into the desert to be tempted by the devil. (Matt 4:1)

Sau đó, Thánh Linh đem Đức Chúa Giê-xu vào hoang mạc để chịu ma quỷ cám dỗ. (Ma-thi-ơ 4:1)

He was led into the desert *in order to be tempted*. So we have this very interesting situation where the Holy Spirit is leading Jesus into the wilderness in order for him to experience temptation.

Ngài được đưa vào trong đồng vắng để chịu cám dỗ. Vì thế chúng ta có tình huống rất thú vị này, lúc Đức Thánh Linh đưa Chúa Giê-xu vào trong đồng vắng để Ngài trải qua sự cám dỗ.

Why? What is God doing?

Tại sao vậy? Đức Chúa Trời đang làm gì vậy?

It seems that God's purpose is for Jesus to decide how he's going to use the power that has come upon him. He has to confront the real devil of his own desires. Is he going to use the power for himself or for others? Who will be master within Jesus? Flesh, or spirit?

Đường như mục đích của Đức Chúa Trời dành cho Chúa Giê-xu là quyết định Ngài sẽ sử dụng quyền năng như thế nào đến trên Ngài. Ngài phải đối mặt với ma quỷ thật sự về ước muốn của chính Ngài. Ngài sẽ sử dụng quyền năng cho chính Ngài hay cho người khác? Ai sẽ là người khiêm giữ Chúa Giê-xu? Xác thịt hay Thánh Linh?

Because Jesus was about to be tempted, the Spirit led him into the wilderness, as the better place to experience and work through the temptations.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Vì Chúa Giê-xu sắp bị cám dỗ, Thánh Linh đưa Ngài vào trong đồng vắng, như là một nơi tốt nhất để trải nghiệm và vượt qua những sự cám dỗ.

This is why he is fasting. He seeks to gain the clarity of mind and spiritual presence that we can get when we go for an extended fast. It is a time of devotion, of prayer, and of self-examination. The various temptations that he faces here are components of working the issue out.

Đây là lý do tại sao Ngài kiêng ăn. Ngài tìm cách đạt được sự thanh sạch của tâm trí và tình trạng thuộc linh tốt nhất mà chúng ta có thể nhận được khi chúng ta đi kiêng ăn nhiều ngày. Đó là thời khắc của sự tận hiến, của sự cầu nguyện, của việc tự thử nghiệm. Những sự cám dỗ khác nhau mà Ngài đối diện ở đây là những thành phần cho việc thực hiện điều này.

Flesh, or spirit?

Xác thịt hay Thánh Linh?

The temptations Những sự cám dỗ

During his fast – lasting nearly six weeks! – he looks around, and sees stones that remind him of bread. And he’s hungry!

Trong suốt kỳ kiêng ăn của Ngài gần sáu tuần lễ! – Ngài nhìn xung quanh, và nhìn thấy những thỏi đá gợi cho Ngài nhớ đến bánh. Và Ngài đói!

It would not be sin to use the power of God to feed himself. But, on the other hand, it is important for Jesus to recognize that physical food isn’t the thing he really needs. That, rather, is the word of God.

Sẽ là tội lỗi khi sử dụng quyền năng của Đức Chúa Trời để nuôi chính Ngài. Nhưng, mặt khác, điều quan trọng cho Chúa Giê-xu là Ngài nhận biết rằng thức ăn bình thường không phải là điều mà Ngài thật sự cần. Rằng, hơn thế nữa, đó chính là Lời Đức Chúa Trời.

“I’m not going to use the power of God for satisfying my wish to eat.”

“Ta sẽ không sử dụng quyền năng của Đức Chúa Trời để làm thỏa mãn ham muốn ăn uống của Ta”

He sees the kingdoms of the world in front of him, with the knowledge that he could rule them all if he wished.

Ngài nhìn thấy những vương quốc trên đất trước mặt Ngài, với sự nhận thức rằng Ngài có thể cai quản tất cả các vương quốc đó nếu Ngài muốn.

Now this isn't a man who is wanting to be a dictator. This is a man who now has the power of God – the power to heal, the power to feed and he sees the injustice, the intolerance and the violence. He knows that he could do great things, “If I choose my own way, I could bring peace on this earth.”

Bây giờ, đây không phải là người đang muốn trở thành kẻ độc tài. Đây là một con người giờ đây có quyền năng của Đức Chúa Trời – quyền năng chữa lành, quyền năng ban thức ăn – và Ngài nhìn thấy sự bất công, sự không tha thứ và bạo lực. Ngài biết rằng Ngài có thể làm những điều vĩ đại. “Nếu Ta chọn đường lối của chính Ta, Ta có thể mang bình an đến trên đất này”.

Think what would have happened if he had made that choice. We would read in our history books of a wonderful period about two thousand years ago, centered in Israel. It would be hailed as a Golden Age in the history of the world, where a glorious King reigned peacefully, harmoniously, where injustice was done away with.

Hãy nghĩ về điều gì sẽ xảy ra nếu Ngài chọn lựa điều đó. Chúng ta đọc trong những sách lịch sử của chúng ta về một thời kỳ tuyệt vời khoảng cách đây hai ngàn năm, tập trung tại Israel. Có thể sẽ giáng xuống như Thời Hoàng Kim trong lịch sử của thế giới, nơi mà Vua vinh hiển cai trị bình an, hòa hợp, nơi mà việc bất công bị loại trừ.

But the Golden Age would have lasted only until that man died. Then the bickering and division amongst his followers would have grown, until the world returned to the state that it was in before.

Nhưng Thời Đại Hoàng Kim sẽ không tồn tại chỉ cho đến khi con người đó chết. Lúc đó sự cãi vã và phân rẽ giữa vòng những người theo Ngài sẽ tăng lên, cho đến khi thế giới trở lại với tình trạng của nó trước đây.

Jesus recognizes that if he follows his own instincts and inclinations, he would not be following his Father. His Father has a plan for

THAY ĐỔI CHÚNG TA

recreating the whole of human society, from the inside out, not simply attempting a quick fix.

Chúa Giê-xu nhận ra rằng nếu Ngài làm theo bản năng và sự cúi đầu của chính Ngài, Ngài sẽ không theo Cha Ngài. Cha Ngài có một chương trình tái sáng tạo cả xã hội loài người, từ trong ra ngoài, không chỉ là nỗ lực sửa đổi nhanh chóng.

Flesh or spirit?

Xác thịt hay Thánh Linh?

“I won’t worship the desires of the flesh, I’ll worship instead the Lord, my God.”

“Ta sẽ không tôn thờ những ham muốn của xác thịt, thay vào đó Ta sẽ thờ phượng Chúa, Đức Chúa Trời của Ta.”

Then, in his mind he goes to Jerusalem, to the highest place on the temple.

Kế đó, trong tâm trí của Ngài, Ngài đến Giê-ru-sa-lem, đến nơi cao nhất trên đền thờ.

He’s standing there, imagining himself looking down and seeing the people milling around. He knows that if he casts himself down, God’s angels – according to scripture – will guard him carefully, ‘They will lift up in their hands so that you will not strike your foot against a stone’ *then* the people *will* believe! They will believe that *I am* the Messiah!

Ngài đứng ở đó, tưởng tượng chính Ngài đang nhìn xuống và nhìn thấy những con người đang tranh đấu xung quanh đó. Ngài biết rằng nếu Ngài ngã xuống, thiên sứ của Đức Chúa Trời – theo như Kinh Thánh – sẽ bảo vệ Ngài một cách chu đáo, “Họ sẽ nâng con lên trong cánh tay của họ để con sẽ không bị thương chân mình khi chạm phải đá” *Sau đó* người ta *sẽ* tin! Họ *sẽ* tin rằng Ta là Đấng Mê-sia!

However, converts gained by outward show are not *true* converts. They are not pricked to their heart, recognizing the emptiness of their present way of life and wanting to go a different way. Oh, it may get converts, but it’s not the way to preach.

Tuy nhiên, sự thay đổi có được từ bên ngoài cho thấy đó không phải là sự thay đổi *thật sự*. Chúng không đụng được đến tâm lòng, nhận ra sự trống rỗng của lối sống hiện tại của họ và muốn theo con đường

khác. Ô, đó có thể là sự thay đổi, nhưng đó không phải là cách để rao giảng.

“Don’t test God,” he says.

Ngài phán: “Đừng thử Đức Chúa Trời”.

These are the kinds of issues he’s working out – for six weeks! How do I use this power that my Father has given me? What kind of man am I to be? What kind of son? Flesh or spirit?

Có những vấn đề mà Ngài đang thực hiện – trong sáu tuần lễ! Ta sẽ sử dụng quyền năng mà Cha Ta ban cho Ta như thế nào? Ta là loại người nào? Con cái kiểu nào? Xác thịt hay Thánh Linh?

These wilderness temptations gave him time to consider how he ought to react in the confusion of circumstance when he would have little time to think, and when his emotions would be engaged and aroused.

Những sự cám dỗ nơi đồng vắng đã cho Ngài thời gian để cân nhắc việc Ngài nên phản ứng như thế nào trong sự rắc rối của hoàn cảnh khi Ngài hầu như không có thời gian để suy nghĩ, và khi những cảm xúc của Ngài bị tác động và khuấy động mạnh mẽ như vậy.

We see an example of this in Nazareth, in the same chapter (Luke 4). Though this incident in Nazareth occurs significantly after the wilderness episode, Luke – as is his practice elsewhere – puts them right next to each other, as if to make a point.

Chúng ta nhìn thấy một ví dụ về điều này tại Na-xa-rét, trong cùng một chương (Lu-ca 4). Dù sự cố tại Na-xa-rét này xảy ra một cách đặc biệt sau chương ở đồng vắng, Lu-ca – như sự thực hiện của ông ở bất cứ nơi nào – đặt chúng ngay kế bên nhau, như thể tạo ra một điểm nhấn.

So what happens in Nazareth?

Vì thế chuyện gì xảy ra tại Na-xa-rét?

Nazareth

Na-xa-rét

By this stage, Jesus is well into his Capernaum ministry. A lot of preaching, a lot of healing, and now he comes to his home town of Nazareth.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Ở giai đoạn này, Chúa Giê-xu bước vào trong chức vụ của Ngài tại Ca-bê-na-um. Nhiều sự rao giảng, nhiều sự chữa lành, và giờ đây Ngài đến quê hương của Ngài tại Na-xa-rét.

Have they heard stories about him? Are they wondering what kind of man he has grown up to be?

Họ đã từng nghe những câu chuyện về Ngài chưa? Họ có tự hỏi về kiểu con người mà Ngài đã trở nên không?

He goes into the synagogue in which he grew up and is surrounded by the people he thinks of as his uncles and aunts, cousins, his brothers and his sisters, his lifelong friends – they're all here. People that he loves.

Ngài đi vào nhà hội nơi mà Ngài đã trưởng thành và bị vây quanh bởi những con người mà Ngài nghĩ như là những cô chú, anh em họ, anh chị em của Ngài, những người bạn của Ngài suốt thời gian dài – tất cả họ đều ở đó. Những con người mà Ngài yêu thương.

And he starts teaching them some hard truths...

Và Ngài bắt đầu giảng dạy cho họ một vài chân lý thật khó nghe đối với họ...

They become so infuriated by his incisive and inflammatory words that they take him to the brow of the hill upon which the town was built, and are about to throw him down. Leaving aside what could possibly have motivated them to such anger, consider instead the response of Jesus: in the midst of this violent rabble, he turns and walks through the crowd. He walks away.

Họ bắt đầu điên tiết bởi những lời lẽ thật sắc bén và kích động dữ dội của Ngài đến nỗi họ đưa Ngài lên đỉnh đồi nơi thành được xây dựng, và sắp sửa ném Ngài xuống đất. Để qua một bên điều có thể tác động trên họ khiến họ nổi giận như vậy, thay vào đó hãy xem xét cách phản ứng của Chúa Giê-xu: Ở giữa đám đông nổi loạn này, Ngài quay đầu và bước đi qua đám đông. Ngài bỏ đi.

Years ago, I remember hearing how impressive it was that Jesus had such a presence that somehow he could stare down a crowd, walk right through them, and not allow them to do this to him.

Cách đây nhiều năm, tôi nhớ đã nghe thật ấn tượng làm sao về việc Chúa Giê-xu đã hiện diện ở một nơi như thế mà có thể tẻ đám đông

ra, bước đi ngay giữa họ, và không để cho họ làm điều này với Ngài. But that's not the *really impressive* thing here. After all, what would have happened if they'd thrown him down?

Nhưng điều đó không *thật sự gây ấn tượng* ở đây. Trên hết, chuyện gì sẽ xảy ra nếu họ xô Ngài xuống?

For he will command his angels concerning you to guard you in all your ways; they will lift you up in their hands, so that you will not strike your foot against a stone. (Ps 91:11-12)

Vì Ngài sẽ ban lệnh cho các thiên sứ Ngài, gìn giữ ngươi trong mọi đường lối ngươi. Thiên sứ sẽ nâng ngươi trên bàn tay, kéo chân ngươi vấp nhằm đá chằng. (Thi 91:11-12)

The angels would have intervened. His tempter had quoted this very scripture.

Các thiên sứ sẽ can thiệp. Kẻ cám dỗ Ngài đã trích điều này từ Kinh Thánh.

What a way to preach to these people who are not listening to him! “Let them cast me down, and then they will see me for who I really am.”

Cách gì để rao giảng cho những người không chịu nghe Ngài nói! “Hãy để họ ném ta xuống, và họ sẽ nhìn thấy ta như thật sự chính ta.”

If Jesus had not had the opportunity to work this scenario out in the solitudes of preparation, who knows what choice he would have made?

Nếu Chúa Giê-xu không có cơ hội để làm như câu chuyện này ở nơi vắng vẻ của giai đoạn chuẩn bị này, ai mà biết Ngài đã chọn lựa điều gì?

Who knows whether he would have said, “I’m going to put the Lord to the test. I’m going to let them throw me down. I’m going to see if the angels really will intervene and bear me up!”

Ai biết nếu Ngài nói, “Ta sẽ thử Đức Chúa Trời. Ta sẽ để cho họ ném Ta xuống. Ta sẽ xem liệu các thiên sứ có thật sự sẽ can thiệp và đỡ Ta lên chằng!”

Instead, despite the strong motivation and desire to make these peo-

THAY ĐỔI CHÚNG TA

ple realize who he was, he turned and walked through the crowd, refusing to let them do it to him.

Thay vào đó, mặc dù có sự thúc dục và mong muốn mạnh mẽ để khiến những người này nhận ra Ngài là ai, Ngài quay đi và bước qua đám đông, từ chối để họ làm điều đó với Ngài.

When you are facing temptation, your level of preparation is going to be important. You could come into that situation having thought about it beforehand, prepared yourself for it and decided what the appropriate response would be. Or you could allow yourself to blunder into the situation in the hope that you might be able to cope as best you can. It's your choice.

Khi bạn đối mặt với sự thử thách, mức độ chuẩn bị của bạn rất quan trọng. Bạn có thể bước vào tình huống đó, suy nghĩ về nó trước, chuẩn bị chính bạn cho điều này và quyết định phản ứng thích hợp sẽ là gì. Hay bạn cho phép chính mình quờ quạng trong tình huống đó với hy vọng rằng bạn có thể xử lý tốt nhất theo khả năng của bạn. Đó là sự lựa chọn của bạn.

We know what choice Jesus made.

Chúng ta biết Chúa Giê-xu đã chọn điều gì.

Summary

Tóm tắt

Jesus was truly a human being, including having to wrestle with real and forceful temptation. The wilderness temptations came as a preparation for the rigors of the temptations that would arise in life circumstances, as evidenced by the events at Nazareth.

Chúa Giê-xu thật sự là con người, bao gồm cả việc phải chiến đấu quyết liệt với sự cám dỗ thật sự và dữ dội. Những cám dỗ trong đồng vắng đến như là một sự chuẩn bị cho sự đau đớn tột cùng của sự cám dỗ sẽ xảy ra trong những hoàn cảnh trong đời sống, như được minh chứng bởi những sự kiện tại Na-xa-rét.

Discussion

Thảo luận

1. Discuss the value of fasting during spiritual training.
1. Hãy thảo luận về giá trị của sự kiêng ăn trong suốt thời gian huấn luyện thuộc linh.
2. Do you find it hard to think of the temptations of Jesus as real? What implications do you see if they were real, or if they were not?
2. Bạn có nhận thấy thật khó khi nghĩ về sự cám dỗ của Giê-xu như là một thực tế? Bạn nhìn thấy những ám chỉ nào nếu chúng là thật, hay nếu chúng không phải như vậy?
3. Do you find you are subject to the same kinds of temptation over and over again?
3. Bạn có nhận thấy bạn có phải luôn luôn đương đầu với những loại cám dỗ tương tự như vậy không?

Temptations in life

Những sự cám dỗ trong đời sống

We've already seen that the devotion and commitment Jesus built with his time in the desert was to be tested in the busyness of real life, but Nazareth wasn't the only time it happened.

Chúng ta đã nhìn thấy rằng sự tận hiến và tin quyết mà Chúa đã thể hiện trong suốt thời gian Ngài ở đồng vắng chịu thử nghiệm trong sự bận rộn của đời sống thực sự, nhưng Na-xa-rét không chỉ là lần xuất hiện duy nhất.

Let's look at a couple of other occasions, and build a richer picture of Christ's emotional and spiritual wrestling that the gospels show to us.

Chúng ta hãy nhìn vào một vài trường hợp khác, và dựng nên một bức tranh sống động hơn về những tranh chiến thuộc linh và cảm xúc của Đấng Christ mà các sách Phúc Âm đã bày tỏ cho chúng ta.

Feeding the five thousand *Hóa bánh cho năm ngàn người ăn*

Consider the occasion of the feeding of the five thousand.

Hãy xem xét sự kiện hóa bánh cho năm ngàn người ăn.

Jesus has had a crowd follow him into the wilderness, and stay with him for three days – five thousand men, plus women and children. They are hungry, so he tells the disciples, “We should feed these people because some of them will faint on the way home...”

Chúa Giê-xu có một đoàn dân đông theo Ngài vào trong đồng vắng, và ở với Ngài trong ba ngày – năm ngàn người đàn ông, cộng thêm những phụ nữ và trẻ em. Họ đang đói, vì thế Ngài phán với các môn đồ, “Chúng ta sẽ cho những người này ăn vì vài người trong số họ sẽ ngất đi trên đường về nhà...”

The miracle is very well known. Jesus directs the people to sit down on the grass, and taking the five loaves and two fish, he looks up to heaven, gives thanks, and shares the bread and the fish.

Phép lạ này rất nổi tiếng. Chúa Giê-xu hướng dẫn mọi người ngồi xuống trên cỏ, và lấy ra năm bánh và hai cá, Ngài ngước nhìn lên trời, tạ ơn, và bẻ bánh và cá ra.

Enough food is produced for everybody to eat and be satisfied. Indeed, the disciples picked up twelve basketfuls of the broken pieces that were left over.

Đầy đủ thức ăn cho mọi người và thỏa lòng. Thật vậy, các môn đồ đã nhặt được mười hai giỏ đầy bánh vụn để lại.

Then we read:

Sau đó chúng ta đọc thấy:

Immediately Jesus made the disciples get into the boat and go on ahead of him to the other side, while he dismissed the crowd. After he had dismissed them, he went up on a mountainside by himself to pray. When evening came, he was there alone. (Matt 14:22-23)

Ngay lập tức, Ngài giục môn đồ xuống thuyền, đi trước qua bờ bên kia, trong lúc Ngài cho dân chúng ra về. Khi cho dân chúng về rồi, Ngài đi riêng lên núi để cầu nguyện. Tối đến, Ngài vẫn ở đó một mình. (Ma 14:22-23)

Why did he make the disciples get into the boat immediately they had finished? Why did he dismiss the crowd? Why did he go into the mountain by himself to pray? What's going on?

Tại sao Ngài bảo các môn đồ lên thuyền ngay sau khi họ làm xong việc? Tại sao Ngài giải tán đám đông? Tại sao chính Ngài đi vào trong núi một mình để cầu nguyện? Chuyện gì xảy ra vậy?

Well, John 6 has more details of the same incident that add crucially to our understanding of the occasion. At your leisure, satisfy yourselves that the events of Matthew 14 and John 6 are the same occasion, the same feeding of five thousand.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

À, Giảng đoạn 6 có nhiều chi tiết hơn cho cùng sự kiện này, thêm vào sự hiểu biết của chúng ta về trường hợp này một cách rất cần thiết. Vào lúc bạn rảnh rỗi, hãy thỏa lòng chính mình rằng những sự kiện trong Ma-thi-ơ đoạn 14 và Giảng đoạn 6 là cùng một sự kiện, cùng là hóa bánh cho năm ngàn người ăn.

Here's what John adds:

Đây là điều mà Giảng thêm vào:

After the people saw the miraculous sign that Jesus did, they began to say, "Surely this is the Prophet who is to come into the world." Jesus, knowing that they intended to come and make him king by force, withdrew again to a mountain by himself. (John 6:14-15)

Những người thấy dấu lạ Đức Chúa Giê-xu đã làm thì nói: "Đây chính là Đấng tiên tri phải đến thế gian. Đức Chúa Giê-xu nhận biết họ sắp đến bắt ép Ngài làm vua nên lánh lên núi một mình. (Giăng 6: 14-15)

That's the missing piece. The reaction of the crowd.

Đó là một chỗ bị thiếu. Phản ứng của đám đông.

You can imagine the situation. From this paltry amount of food Jesus is able to feed a vast crowd. This would have been shocking, astounding, in this subsistence society where food was always scarce.

Bạn có thể tưởng tượng ra tình huống này. Từ số lượng bánh khổng lồ mà Chúa Giê-xu có thể cho một đoàn dân đông. Đây là điều gây sốc, kinh ngạc, ở trong một cộng đồng sống trong xã hội nơi mà luôn khan hiếm lương thực.

"This is the Messiah, this is the King who is to come into the world."

"Đây là Đấng Mê-si-a, đây là Vua đến với thế gian".

It starts as an occasional comment, a whisper, and then the sound grows as the crowd begins to get excited.

Câu này bắt đầu như là một lời bình luận tình cờ, một lời thầm thì, và kể đó thì âm thanh tăng lên khi đám đông bắt đầu phấn khích lên.

"This could be the establishment of the Kingdom of Israel, the fulfillment of the prophecy!"

“Đây có thể là sự thiết lập Vương Quốc Israel, sự thành toàn lời tiên tri!”

“We could get rid of the Romans!”

“Chúng ta có thể thoát khỏi người La-mã!”

The disciples would not have been immune. Again we have to imagine their contribution, but it’s not hard to do so.

Các môn đồ cũng sẽ không miễn trừ. Một lần nữa chúng ta phải nghĩ đến sự đóng góp của họ, nhưng thật khó làm như vậy.

“Master, Master, do you hear what they’re saying?! This is your opportunity! This is the chance you’ve been working towards! You could be King!”

“Thầy ơi, Thầy ơi thầy có nghe họ đang nói gì không?! Đây là cơ hội của thầy! Đây là cơ hội để thầy tiến tới luôn! Thầy có thể là Vua!”

Jesus is *tempted* by this.

Chúa Giê-xu bị *cám dỗ* bởi điều này.

How do we know? The wilderness temptation has already demonstrated that this is an idea he wrestles with. Establish the kingdom now? It makes sense – I am the king. He is deeply and sorely tempted. Just let the crowd have their way. He won’t even have been the one to do it...

Làm sao chúng ta biết? Sự cám dỗ nơi đồng vắng đã bày tỏ rằng đây là một sự tranh chiến mà Ngài đã đối mặt. Thiết lập vương quốc bây giờ? Nghe có lý đó – Ta sẽ là vua. Ngài bị cám dỗ sâu sắc và mạnh mẽ. Hãy để đám đông làm theo cách của họ. Ngài thậm chí sẽ không là người làm điều đó...

So what does he do?

Thế thì Ngài đã làm gì?

What do you do when you are tempted by one of the recurring temptations that you face again and again and again and again... ?

Bạn sẽ làm gì khi bạn bị cám dỗ bởi một trong những cám dỗ xảy ra mà bạn phải đối diện đi đối diện lại và cứ mãi như thế...?

Jesus takes action.

Chúa Giê-xu hành động

THAY ĐỔI CHÚNG TA

This situation is too spiritually dangerous for him. Flesh or spirit? It can't be allowed to become even more difficult. Already he is heading towards the limit of his ability to resist.

Tình huống này về mặt tâm linh thì quá nguy hiểm với Ngài. Xác thịt hay Thánh Linh? Ngài không thể cho phép nó thậm chí trở nên khó khăn hơn. Ngài đang tiến đến giới hạn khả năng chịu đựng của mình.

He takes action. Decisively.

Ngài hành động. Một cách cương quyết.

First, Jesus tells his disciples to get into the boat and row to the other side. Now there's a storm coming on that lake. The disciples have fished this lake all their lives. They know this. Row into a growing storm on the Sea of Galilee *at night?! He says to his disciples, "Get into that boat and go!" "But Master, but there's a storm coming..." Go! And they go.*

Trước tiên, Ngài bảo các môn đồ bước lên thuyền và chèo sang phía bên kia. Giờ đây có một cơn bão đến trên biển hồ đó. Các môn đồ đã đánh cá trên biển hồ này suốt đời của họ. Họ biết điều này. Chèo vào nơi bão nổi lên ở Biển Ga-li-lê *vào ban đêm?! Ngài nói với các môn đồ Ngài, "Hãy lên thuyền và đi!" "Nhưng Thầy ơi, có một cơn bão đến kia..." Hãy đi! Và họ đi.*

Second, he says to the crowd, "*You need to go too!*" Jesus is not to be dissuaded. This huge crowd is dismissed. No one tries to follow him.

Thứ hai, Ngài nói với đám đông, "*các con cũng cần phải đi!*" Chúa Giê-xu không bị can ngăn! Đám đông lớn này bị giải tán. Không ai cố gắng đi theo Ngài.

And third, he goes up a mountain by himself and he prays and he prays and he prays. Throughout the night he prays. Father, not my will, but yours be done.

Và thứ ba, chính Ngài lên núi một mình và cầu nguyện, cầu nguyện và cầu nguyện. Ngài cầu nguyện suốt đêm. Cha ơi, không phải ý con, mà ý Cha được nên.

If he hadn't had the courage to do this, if he hadn't had the commitment to righteousness that he exhibits, we wouldn't gather in his name. We wouldn't have this mighty leader, this savior, this insightful judge, this high priest working in the lives of each of us.

Nếu Ngài không có can đảm để làm điều này, nếu Ngài không có sự xác quyết thể hiện sự công chính của Ngài, chúng ta sẽ không hiệp lại trong danh Ngài. Chúng ta sẽ không có nhà lãnh đạo quyền năng, Đấng cứu chuộc, Đấng phán xét sáng suốt này, thầy tế lễ thượng phẩm này vận hành vì sự sống của mỗi chúng ta.

Stand in awe of his commitment to righteousness. To right-thinking.
To right-doing.

Kính sợ với sự xác quyết đến với sự công chính. Đến suy nghĩ đúng đắn. Đến hành động đúng đắn.

Gethsemane
Ghết-sê-ma-nê

One more example. Gethsemane.

Một ví dụ nữa. Ghết-sê-ma-nê.

If there's ever a part of scripture where we should be like Moses and take off our shoes because we're standing on holy ground, it's Gethsemane.

Nếu có một phần Kinh Thánh nào mà chúng ta sẽ như Môi-se và cởi giày ra vì chúng ta đang đứng trong đất thánh, thì đó là Ghết-sê-ma-nê.

Here our Lord has his heart bared. The turmoil of his spirit is written down for all of us to read, and treat how we will. Will we trample all over it? Or will we approach with caution and humility, astounded that we are privileged to share something so precious and intimate?

Đây là Chúa của chúng ta có tấm lòng mở ra! Sự náo động trong tâm linh của Ngài được viết xuống cho tất cả chúng ta đọc, và cách chúng ta sẽ hành xử ra sao. Chúng ta sẽ chà đạp trên nó? Hay chúng ta đến với sự cẩn trọng và hạ mình, sửng sốt trước điều mà chúng ta có được đặc quyền chia sẻ điều gì đó, quá quý quá và sâu sắc như vậy?

If you need to pause to consider your frame of mind as you approach Gethsemane, now is a great time.

Nếu bạn cần dừng lại để cân nhắc đưa tâm trí mình khi chúng ta đến Ghết-sê-ma-nê, thì đây là một khoảnh khắc tuyệt vời.

We'll follow Matthew's account. Jesus says to the disciples,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Chúng ta sẽ theo chứng cứ trong sách Ma-thi-ơ. Chúa Giê-xu nói với các môn đồ,

My soul is overwhelmed with sorrow to the point of death. Stay here and keep watch with me. (Matt 26:38)

Linh hồn Ta đau buồn cho đến chết; các con hãy ở đây và tỉnh thức với Ta.” (Ma 26:38)

Discounting his use of humorous hyperbole – such as having a plank in the eye! – I don’t know of any occasion where Jesus exaggerates concerning himself. It’s not his style. So when he says his soul is overwhelmed with sorrow to the point of death, he means it.

Không tính đến cách Ngài sử dụng phép cường điệu khôi hài – như có một mảnh che trong mắt! – Tôi không biết về bất kỳ trường hợp nào khi Chúa Giê-xu nói quá về chính Ngài. Đó không phải là phong cách của Ngài. Vì thế khi Ngài nói linh hồn này quá đau buồn đến tận lúc chết, Ngài muốn nói đến điều đó.

“I am so sad I can hardly bear to live. Pray with me.”

“Ta buồn đến nỗi Ta hầu như không thể nào sống nổi. Hãy cầu nguyện với Ta.”

Going a little further he casts himself down, his face to the ground.

Đi xa hơn chút nữa, Ngài sấp mình xuống, mặt Ngài chạm đất.

My Father, if it is possible, may this cup be taken from me. Yet not as I will, but as you will. (Matt 26:39)

Cha ơi! Nếu có thể được, xin cho chén này lìa khỏi con! Dù vậy, không theo ý con mà theo ý Cha. (Ma 26:39).

“Is there any other way, Father? Is there any other way that we can shake the world, that we can show the world what righteousness is? Is there any other way you can perfect *me*, that you can complete the work you are carrying out in *me*...”

“Có cách nào khác không Cha? Có cách nào khác mà chúng ta có thể làm rung động thế gian này, rằng chúng ta có thể cho thế gian này biết sự công chính là gì? Có cách nào khác Cha có thể khiến con trở nên trọn vẹn, Cha có thể thành toàn công tác mà Cha đang thực hiện trên con...”

This agony has been with him a long time, maybe for a year or more: Sự đau đớn này ở trong Ngài trong một thời gian dài, có thể là một năm hay hơn thế nữa:

I have come to bring fire on the earth and how I wish it were already kindled! But I have a baptism to undergo! How distressed I am until it is completed. (Luke 12:49)

Ta đã đến để ném lửa xuống đất. Nếu lửa cháy lên rồi, Ta còn ước ao gì nữa! Có một báp-têm mà Ta phải chịu, Ta đau đớn biết bao cho đến chừng nào việc ấy được hoàn tất (Lu-ca 12:49-50)

Distress, tension, turmoil. Now it is reaching breaking point. His prayer takes an hour. Matthew tells us the theme, rather than the words. For an hour he explores two thoughts in prayer: whether a different path is possible; and his commitment to his Father's will.

Đau đớn, căng thẳng, náo động. Giờ đây đến lúc thân thể Ngài tan nát. Lời cầu nguyện của Ngài đến cả giờ đồng hồ. Ma-thi-ơ kể cho chúng ta biết về chủ đề, hơn là lời. Trong một tiếng đồng hồ Ngài đưa ra hai tư tưởng trong sự cầu nguyện: Liệu có thể có con đường nào khác không; và sự tận hiến của Ngài cho ý muốn của Cha.

He returns to his disciples and finds them sleeping. He returns *tous* and *find us* sleeping. "Could you not keep watch with me for one hour?"

Ngài trở lại với các môn đồ và thấy họ đang ngủ. Ngài trở lại với *chúng ta* và *thấy chúng ta* đang ngủ. "Các con không thể thức canh với Ta một giờ sao?"

It's not just because *he* needs it. It's because *they* need it. "Peter, you need to keep watch along with me; you need to be praying! Don't you know what you are going to be facing tomorrow? I've told you already, you're going to deny me – and you're sleeping?! Watch and pray so that you will not fall to temptation, for the spirit is willing but the body, the flesh, is weak."

Đó không phải là vì Ngài cần điều này. Đó là vì chính họ cần điều này. "Phi-e-rơ, con cần phải thức canh với ta; con cần phải cầu

THAY ĐỔI CHÚNG TA

nguyện! Con không biết điều con sẽ phải đối diện ngày mai là gì? Ta đã bảo với con rồi, con sẽ chối ta – và giờ con ngủ sao?! Hãy thức canh và cầu nguyện để con không sa vào cám dỗ, vì tâm linh thì sẵn sàng nhưng thân thể, xác thịt thì yếu đuối.”

I presume they woke up, but only for a time. They were so tired, so weary.

Tôi giả định là họ đã thức giấc, nhưng chỉ trong một chút. Họ quá mệt mỏi, quá kiệt sức.

Jesus went away a second time and prayed.

Chúa Giê-xu đã đi ra xa lần thứ hai và cầu nguyện.

My Father, if it is not possible that this cup be taken away unless I drink it, may your will be done. (Matt 26:42)

Cha ơi! Nếu chén này không thể cất đi được mà con phải uống, thì xin ý Cha được nên. (Ma 26:42)

He knows what’s happening the following day. He knows he’s going to be up there, hung for all to see. He knows that the crowds are going to come past him and mock him, “He could ‘save’ others, but he can’t save himself!”

Ngài biết chuyện gì sẽ xảy ra ngày hôm sau. Ngài biết Ngài sẽ bị đưa lên đó, bị treo lên cho tất cả mọi người đều thấy. Ngài biết rằng đám đông sẽ đến với Ngài và chế giễu Ngài, “ông ta có thể ‘cứu’ người khác, nhưng ông ta không thể cứu chính mình kia!”

Oh, but he *could* save himself. He has the power. That makes it harder, because he knows that he will have to resist using that power for hour after hour after hour.

Ồ, nhưng Ngài *có thể* cứu chính mình. Ngài có quyền năng. Điều đó khiến vấn đề trở nên khó khăn hơn, vì Ngài biết rằng Ngài sẽ phải kềm chế việc sử dụng quyền năng đó trong nhiều giờ sau đó.

Later on in the garden, Peter will draw his sword and attempt to strike at Judas (I presume), but instead a glancing blow catches the servant of the high priest and cuts off the ear. Jesus says: “Put your sword away!” He says,

Sau này trong khu vườn, Phi-e-rơ sẽ rút gươm ra và muốn chiến đấu với Giu-đa (Tôi giả định), nhưng thay vào đó là một nhát chém vào

người đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm và cắt đi một tai. Chúa Giê-xu phán “Hãy ném grom của ngươi đi!”, Ngài phán,

Do you think I cannot call on my Father, and he will at once put at my disposal more than twelve legions of angels? (Matt 26:53)

Con tưởng rằng Ta không thể xin Cha, và Ngài sẽ lập tức sai đến cho Ta hơn mười hai quân đoàn thiên sứ hay sao? (Ma-thi-ơ 26:53)

Seventy-two thousand angels! Seventy-two thousand angels on call. For what? To rescue Jesus! If at any time he says, “I don’t want to do it!” his Father is ready to rescue him. This is the love and devotion between the Father and his son. This is powerful stuff.

Bảy mươi hai ngàn thiên sứ! Bảy mươi hai ngàn thiên sứ được triệu tập. Để làm gì? Để cứu Chúa Giê-xu! Nếu vào bất cứ lúc nào Ngài nói, “Ta không muốn làm điều đó!”, Cha Ngài sẵn sàng cứu Ngài. Đó là tình yêu và sự tận hiến giữa Cha và Con của Ngài. Đây là một sức mạnh.

It provides a temptation that is hard to resist.

Điều này có thể tạo nên một sự cám dỗ thật khó mà cưỡng nổi.

He came back, and found the disciples sleeping because their eyes were heavy. So he left them and went away once more. He prays a third time. Saying the same thing.

Ngài đã trở lại, và thấy các môn đồ đang ngủ vì mắt họ quá nặng rồi. Vì thế Ngài rời khỏi họ và đi ra xa một lần nữa. Ngài cầu nguyện lần thứ ba. Nói điều tương tự.

And being in anguish, he prayed more earnestly, and his sweat was like drops of blood falling to the ground. (Luke 22:44)

Trong cơn rất đau thương, Ngài cầu nguyện càng khẩn thiết, mồ hôi trở nên như những giọt máu rơi xuống đất. (Lu-ca 22:44)

Now we can begin to appreciate Hebrews 2:18 that Jesus suffered when he was tempted.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Giờ đây chúng ta có thể bắt đầu nhất trí với Hê-bơ-rơ 2:18, điều Chúa Giê-xu đã gánh chịu khi Ngài bị cám dỗ.

This where victory was won. Here at Gethsemane.

Đây là nơi giành được chiến thắng. Đây là ở Ghết-sê-ma-nê.

At Golgotha, he was hung up to die. Golgotha is where he was able to show the world that the victory had been won. Golgotha was the outward expression of the real victory, a victory that was accomplished here at Gethsemane.

Tại Gô-gô-tha, Ngài bị treo lên cho đến chết. Gô-gô-tha là nơi Ngài có thể bày tỏ cho thế gian rằng đã Ngài đã giành được chiến thắng. Gô-gô-tha là sự bày tỏ ra bên ngoài về chiến thắng thật sự, một chiến thắng được thành toàn ở đây tại Ghết-sê-ma-nê.

Here at Gethsemane he rejected the natural way. Here he put the devil within him to death. Here he overcame the pressure of the flesh.

Ở đây tại Ghết-sê-ma-nê, Ngài đã từ chối con đường của thế gian. Nơi đây Ngài tiêu diệt ma quỷ. Nơi đây Ngài vượt qua sự ham muốn của xác thịt.

Flesh or spirit? He chose spirit.

Xác thịt hay Thánh Linh? Ngài đã chọn Thánh Linh.

It's like baptism. Baptism is the outward expression of the change that has already taken place within us. There's nothing magic about going under the water at baptism. It doesn't suddenly make you into a new person – there's no special magic associated with the ceremony. Rather, the commitment takes place *before* baptism, the change of heart that leads us to say, "I want to follow this man, I want to be like him." Baptism is the mark, the demonstration, to the people around you that says, "I want to be like him, I want to be counted as one of his."

Giống như lễ báp-têm. Báp-têm là sự bày tỏ ra bên ngoài về sự thay đổi đã xảy ra trong chúng ta. Không có gì là phép lạ về việc chìm dưới nước trong phép Báp-têm. Nó không thỉnh linh biến bạn thành một con người mới – không có phép lạ đặc biệt gì liên quan đến thánh lễ này. Hơn thế nữa, sự xác quyết diễn ra *trước* lễ Báp-têm, sự thay đổi tấm lòng khiến chúng ta nói rằng, "tôi muốn theo người này, tôi muốn giống như Ngài." Phép Báp-têm là một dấu hiệu, một sự

bày tỏ, với những người xung quanh bạn, nói rằng, “tôi muốn giống như Ngài, tôi muốn được kể là một người thuộc về Ngài.”

It's like birth. Life doesn't begin the moment the baby is pushed out into the world. Instead life has been growing through the nine months, forming this child, developing the potential it now has. The birth is the fulfillment of the process; the point at which the next stage of life can begin.

Nó giống như một sự sinh ra. Sự sống không bắt đầu vào lúc đứa bé được ra đời. Thay vào đó là sự sống đang lớn dần lên suốt chín tháng trời, hình thành nên đứa bé, phát triển tiềm năng mà nó có bây giờ. Việc sinh nở là sự hoàn tất một tiến trình; thời điểm mà giai đoạn tiếp theo của sự sống có thể bắt đầu.

It's like marriage, too. Marriage doesn't start at the point you say, "I do." That's when you make the public vows to all those who are around. The decision to marry, the drawing together of two souls, takes place before that. You don't want to get to point where someone says, "Do you take this man/woman..." and then have to consider what decision to make. It's already made! Now you're making it public.

Nó cũng giống như là hôn nhân. Hôn nhân không bắt đầu ở thời điểm bạn nói, “tôi hứa.” Đó là khi bạn nói trước mặt mọi người ở đó về lời hứa nguyện. Quyết định kết hôn, kéo hai tâm hồn lại với nhau, diễn ra trước đó. Bạn không muốn đến thời điểm khi có ai đó nói, “anh chị có nhận người đàn ông này/ người phụ nữ này...” và sau đó phải cân nhắc khi đưa ra quyết định. Nó đã được quyết định rồi! Giờ đây bạn đang công bố nó ra với mọi người.

So it is here. The victory is won. It just remains for the world to realize it too.

Ở đây cũng vậy. Chiến thắng đã giành được rồi. Nó chỉ để cho thế giới cũng nhận ra mà thôi.

When Hebrews says that he learned obedience from what he suffered (Heb 5:8) it isn't just talking about Golgotha. It includes this night before, in Gethsemane, when he is agonizing about the following day – the beatings, the humiliation, the agony – when he works through all of that in his mind the night before, and says, “I still want to obey.” Not my will but yours be done.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Khi tác giả Thư Hê-bơ-rơ nói rằng ông đã học sự đầu phục từ việc Ngài chịu khổ (Hê 5:8) đó không chỉ nói về sự kiện nơi đồi Gô-gô-tha. Nó bao gồm cái đêm trước đó, nơi vườn Ghết-sê-ma-nê, khi Ngài đau đớn nghĩ về ngày hôm sau – những sự tra tấn, sự sỉ nhục và đau đớn – khi Ngài trải qua tất cả những điều đó trong tâm trí của Ngài vào đêm trước đó, và nói rằng, “Con vẫn muốn vâng phục.” không phải theo ý Con nhưng ý Cha được trọn.

We see a declaration of the righteousness of Christ.” It is so important for me to serve God that I’ll do it even to the point of death. If that means, sometimes, running away from temptation and sin, by saying, ‘Disciples, go away! Crowd, go away! Let me get out of this situation and go up the mountain,’ then that’s what I’ll do. If it means spending a night in prayer, agonizing over the temptations I’m going to face tomorrow, then that’s what I’ll do. And if it means being willing to have my friends and my family reject me, to not realize that I’m the Messiah, then that also is what I’ll do.”

Chúng ta nhìn thấy lời công bố về sự công chính của Đấng Christ.” Điều rất quan trọng đối với Ta là phục vụ Đức Chúa Trời rằng Ta sẽ làm điều đó thậm chí phải chết. Nếu đôi khi điều đó có nghĩa là, ra khỏi sự cám dỗ và tội lỗi, bằng cách nói, “các môn đồ, hãy ra xa! Đám đông, hãy ra xa! Hãy để Ta ra khỏi tình trạng này và lên trên núi,” đó là điều Ta sẽ làm. Nếu điều đó có nghĩa là dành một đêm trong sự cầu nguyện, chịu đau đớn vượt qua sự cám dỗ Ta sẽ đối diện ngày mai, đó là điều Ta sẽ làm. Và nếu điều đó có nghĩa là sẵn sàng để bạn hữu và gia đình Ta chối bỏ Ta, không nhận ra rằng Ta là Đấng Mê-si-a, và đó cũng là điều Ta sẽ làm.”

We see the commitment to righteousness that reaches out to us. It demonstrates what the righteousness of God is like.

Chúng ta nhìn thấy sự xác quyết đi theo đường lối công chính để vươn đến với chúng ta. Điều này bày tỏ rằng đó là sự công chính giống như Đức Chúa Trời.

We look at him and we say, “I know I fail, and fail repeatedly. But that man – *that man!* That’s who I want to be like. I want to be like him.”

Chúng ta nhìn vào Ngài và chúng ta nói, “con biết con thất bại và thất bại liên tục. Nhưng con người đó – *con người đó!* Đó là Đấng mà con muốn giống như vậy. Con muốn giống như Ngài.”

NHỮNG CÁM DỠ TRONG ĐỜI SỐNG

I want to know Christ and the power of his resurrection and the fellowship of sharing in his sufferings, becoming like him in his death, and so, somehow, to attain to the resurrection from the dead. (Phil 3:10-11).

Để tôi được biết Đấng Christ, quyền năng phục sinh của Ngài, được chia sẻ sự thương khó của Ngài, và trở nên giống như Ngài trong sự chết của Ngài. Hy vọng rằng tôi có thể đạt được sự sống lại từ cõi chết. (Phi 3:10-11)

It doesn't say, "I want to know *about* Christ." It says to *know him*.

Đoạn này không nói rằng, "tôi muốn biết về Đấng Christ," Nó nói rằng để biết Ngài

I want to know Christ!

Tôi muốn biết Đấng Christ!

Summary

Tóm tắt

Jesus experienced challenging temptations in the feeding of the 5000, and ultimately at Gethsemane. He faces the temptation head on during that final evening, and his victory over the flesh is won that night.

Chúa Giê-xu đã từng trải những sự cám dỗ trong việc cho 5.000 người ăn, và cuối cùng ở tại Ghết-sê-ma-nê. Ngài đối mặt với tận cùng của sự cám dỗ trong suốt đêm cuối cùng đó, và chiến thắng của Ngài trên xác thịt đã giành được trong đêm đó.

Discussion

Thảo luận

1. What is the difference between temptation and sin? Discuss how it is possible both to struggle with temptation, and yet be without sin. Can you give significant examples in your own life.

1. Sự khác biệt giữa cám dỗ và tội lỗi là gì? Hãy thảo luận làm thế nào để có thể vừa chiến đấu với sự cám dỗ, mà không để phạm

THAY ĐỔI CHÚNG TA

tội. Bạn có thể đưa ra những ví dụ quan trọng trong đời sống của chính bạn.

2. What do you learn about Jesus from his personal struggle at Gethsemane?
2. Bạn học được điều gì về Chúa Giê-xu từ những tranh chiến cá nhân của chính Ngài tại Ghết-sê-ma-nê?
3. In what ways do you think Jesus grew spiritually through his experiences in Gethsemane and Golgotha? Was it too high a price to pay?
3. Bằng cách gì bạn nghĩ rằng Chúa Giê-xu tăng trưởng tâm linh qua những trải nghiệm của Ngài tại Ghết-sê-ma-nê và Gô-gô-tha? Đó có phải là một giá quá cao phải trả không?
4. Open your Bibles to the incident in Matt 14. What does Jesus do after his night in prayer? How much was this enabled by his time of communion with his Father?
4. Hãy mở Kinh Thánh của bạn về sự kiện trong Ma-thi-ơ đoạn 14. Chúa Giê-xu làm gì sau đêm cầu nguyện của Ngài? Điều này có khiến Ngài bước vào sự tương giao với Cha Ngài nhiều không?

In the image of God

Trong ảnh tượng của Đức Chúa Trời

Jesus was a man, a human being! He was truly one of us. The same kinds of desires, the same kinds of temptations, the same tiredness, the same frustrations. He was one of us!

Chúa Giê-xu là một con người, một con người thật sự! Ngài thật sự là một người trong chúng ta. Có cùng kiểu khao khát, có cùng kiểu cảm dỗ, có cùng sự mệt mỏi, có cùng sự tức giận. Ngài là một người trong chúng ta!

There was no magic in him that made him sinless, no miracle cure that wiped out the daily struggle against sin. He was just like you. Just like me. Yet he became living proof that it is possible for a human being to be sinless.

Không có phép lạ gì trong Ngài khiến Ngài trở nên vô tội, không có sự chữa lành phép lạ nào lưu xuất ra mỗi ngày để tranh chiến chống lại tội lỗi. Ngài giống như chúng ta. Giống như tôi. Nhưng Ngài đã trở thành bằng chứng sống rằng con người có thể không phạm tội.

I've heard some Christians claim that Jesus' temptations were symbolic rather than real, who say, "I know Jesus was tempted, but he couldn't actually have sinned."

Tôi đã nghe một vài Cơ Đốc Nhân nói rằng những sự cảm dỗ mà Chúa Giê-xu gánh chịu chỉ mang hình thức biểu tượng hơn là thực tế, những người nói rằng, "tôi biết Chúa Giê-xu bị cảm dỗ, nhưng Ngài thật sự không thể nào phạm tội."

But that's not the picture we've already seen from Scripture.

Nhưng đó không phải là bức tranh mà chúng ta đã nhìn thấy trong Kinh Thánh.

Rather we see a human son, conceived of the spirit, born just like us, and nurtured by his Father, trained and perfected by his Father,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

throughout the whole of his life. As a human child he devoted himself to pleasing his Father. As an adult, he lived a sinless life, not because he was not subject to human weakness, but because of his lifelong commitment to the training and discipline of the Father, to the intimacy of the relationship between them.

Hơn thế nữa chúng ta nhìn thấy một con trai con người, được hạ sinh khí từ Thánh Linh, được sinh ra như chúng ta, và được Cha Ngài nuôi dưỡng, được huấn luyện và trở nên trọn vẹn bởi chính Cha Ngài, xuyên suốt cuộc đời của Ngài. Khi còn là con trẻ, Ngài đã tận hiến chính Ngài để làm Cha hài lòng. Khi là một người trưởng thành, Ngài sống một cuộc đời không phạm tội, không phải vì Ngài không phải đối diện với sự yếu đuối của con người, nhưng vì sự tận hiến cả đời Ngài cho việc huấn luyện và môn đồ hóa của Cha Ngài, cho mối liên hệ mật thiết giữa họ.

Listen to Hebrews again:

Hãy nghe lại Thư Hê-bơ-rơ:

During the days of Jesus' life on earth, he offered up prayers and petitions with loud cries and tears to the one who could save him from death, and he was heard because of his reverent submission. Although he was a son, he learned obedience from what he suffered and, once made perfect, he became the source of eternal salvation for all who obey him (Heb 5:7-9).

Khi còn sống trong thân xác, Đấng Christ đã lớn tiếng dâng những lời cầu nguyện và nài xin đầy nước mắt lên Đấng có quyền cứu mình khỏi chết; và bởi lòng thành kính, Ngài được nhậm lời. Mặc dù là Con, Ngài cũng đã học tập vâng lời qua những khổ đau mình đã chịu và khi đã trở nên toàn hảo, Ngài trở nên cội nguồn của ơn cứu rỗi đời đời cho mọi người vâng theo Ngài. (Hê 5:7-9).

Jesus Christ, a man. A man who wanted to avoid death, like all of us! He pleaded with his Father in heaven to see if there was an alternative path, to see if there was a way that did not involve Golgotha. Yet there was not.

Đức Chúa Giê-xu Christ, một con người. Một con người muốn tránh cái chết, như tất cả chúng ta! Ngài thỉnh cầu với Cha Ngài trên thiên

đàng xem là liệu có một giải pháp nào khác không, xem là có con đường nào khác mà không dính đến Gô-gô-tha. Nhưng không có.

Although he was a son he learned obedience.

Dù Ngài là một người con, Ngài đã học sự vâng phục.

Obedience doesn't come naturally to me, and this passage says that it didn't come naturally to Jesus, either. He prayed extensively in three periods of prayer for the spirit to overcome the flesh. And he won the battle within himself through the strength God provided.

Sự vâng phục không phải tự nhiên đến với tôi, và đoạn Kinh Thánh này nói rằng nó cũng không đến với Chúa Giê-xu một cách tự nhiên. Ngài đã cầu nguyện tuôn đổ trong ba lần cầu nguyện trong đêm để tâm linh thắng được xác thịt. Và Ngài đã chiến thắng trận chiến trong chính Ngài qua sức mạnh mà Đức Chúa Trời ban cho Ngài.

Jesus had to learn to obey, and he had to be “perfected”, or as it says above, “made perfect.” The Greek here doesn't imply that Jesus was flawed, but rather that he was incomplete.

Chúa Giê-xu phải học bài học vâng phục, và Ngài phải trở nên “trọn vẹn”, hay như Kinh Thánh nói ở trên, “được khiến trở nên trọn vẹn”. Tiếng Hy-lạp ở đây không ngụ ý rằng Chúa Giê-xu là sa ngã, nhưng thay vào đó là Ngài chưa trọn vẹn.

In bringing many sons to glory, it was fitting that God, for whom and through whom everything exists, should make the author of their salvation perfect through suffering. (Heb 2:10).

Khi muốn đem nhiều con cái đến vinh quang, Ngài đã khiến Đấng làm cội nguồn ơn cứu rỗi của họ phải trải qua đau khổ để được toàn hảo là điều thích hợp. (Hê 2:10)

He was *untarnished*, but he was also *unfinished*. The love he shared with his Father was so powerful, so strong, that it continued to carry the two of them through this whole process, through the rigors of Christ's development and nurturing, so that he could come out the other side of the experience as one in whom the word of God was fully embodied, in every aspect, in every dimension.

Ngài *không có vết nhơ*, nhưng Ngài cũng *chưa trọn vẹn*. Tình yêu Ngài chia sẻ với Cha Ngài quá mãnh liệt, quá mạnh mẽ, tình yêu đó

THAY ĐỔI CHÚNG TA

tiếp tục đưa hai người qua suốt cả tiến trình này, qua những sự chịu khổ của Đấng Christ trong sự phát triển và trưởng dưỡng, để Ngài có thể ra khỏi phía bên kia của sự trải nghiệm như là một người mà qua người đó Lời Đức Chúa được bày tỏ ra, trong mọi khía cạnh, trong mọi chiều kích.

And once his training was completed, he became the source of eternal salvation for all who obey him.

Và khi sự huấn luyện của Ngài đã hoàn tất, Ngài trở nên nguồn của sự cứu rỗi đời đời cho tất cả những ai vâng phục Ngài.

Human nature *Bản tính con người*

There is a view among many Christians that human beings are fundamentally flawed, that our flesh is inherently evil. Jeremiah is certainly clear that our natural human orientation is away from God:

Có một quan điểm giữa vòng nhiều Cơ Đốc Nhân rằng con người là sa ngã hoàn toàn, rằng xác thịt của chúng ta vốn là xấu xa. Giê-rê-mi nói một cách rõ ràng chắc chắn rằng xu hướng con người tự nhiên của chúng ta là xa cách Đức Chúa Trời:

The heart is deceitful above all things and beyond cure. Who can understand it? (Jer 17:9)

Lòng người ta là dối trá hơn muôn vật, và rất là xấu xa. Ai có thể biết được? (Giê 17:9).

Note that this doesn't say that our flesh, our physical nature is somehow intrinsically sullied. Rather, it emphasizes that we have a drive within us to deceive and distort. Jeremiah does not comment here about whether that tendency can be overcome.

Hãy chú ý là điều này không nói về xác thịt của chúng ta, bản tính tự nhiên của chúng ta thực chất đã bị vấy bẩn. Hơn thế nữa, nó nhấn mạnh rằng chúng ta có một động lực bên trong chúng ta khiến chúng ta lừa dối và sai lạc. Giê-rê-mi không bàn ở đây về liệu là xu hướng này có thể khắc phục được không.

Jesus was human, and didn't sin. He was just like you. Just like me. Yet he is proof that through the strength of God it is possible for a human being to overcome temptation and live a holy life.

Chúa Giê-xu là con người, và không hề phạm tội. Ngài cũng giống như anh em. Giống như tôi. Nhưng Ngài là bằng chứng là qua sức mạnh của Đức Chúa Trời khiến con người có thể vượt qua sự cám dỗ và sống một đời sống thánh khiết.

It is God's will that you should be sanctified (1 Thess 4:3)

Chính nhờ Đức Chúa Trời mà anh em sẽ được thánh hóa (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:3)

I think there's a danger if we assume that our mortal frame cannot be holy. I have heard Christians excuse their destructive acts with, "It's just human nature," as if that somehow makes it okay, or excusable." We are just human, so of course I get to do destructive things."

Tôi nghĩ rằng có một nguy cơ nếu chúng ta cho là thân thể hư nát của chúng ta không thể trở nên thánh được. Tôi đã nghe những Cơ Đốc Nhân thấy luôn hối tiếc về những hành động tội lỗi của họ trước đây, "đó chỉ là bản tính con người," như thể nếu điều đó có thể đúng hay có thể được tha thứ." Chúng ta chỉ là con người, và dĩ nhiên tôi có thể làm những việc tội lỗi."

But this is in direct opposition to the call of Scripture:

Nhưng điều này đối nghịch trực tiếp với lời kêu gọi của Kinh Thánh

We know that we have come to know him if we obey his commands. The man who says, "I know him," but does not do what he commands is a liar, and the truth is not in him. But if anyone obeys his word, God's love is truly made complete in him. This is how we know we are in him; whoever claim to live in him must walk as Jesus did (1 John 2:3-6)

Bởi điều này chúng ta biết rằng mình đã nhận biết Ngài: Ấy là chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài. Người nào nói: "Tôi biết Ngài" mà không vâng giữ các điều răn của Ngài là người nói dối, và chân lý không ở trong người ấy. Nhưng ai vâng giữ lời Ngài thì sự kính mến Đức Chúa Trời thật là hoàn hảo trong người ấy. Nhờ đó, chúng ta biết mình ở trong Ngài. Ai nói mình ở trong Ngài thì phải bước đi như chính Chúa Giê-xu đã bước đi. (1 Giăng 2:3-6)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

And even more challenging:

Và thậm chí còn thách thức hơn nữa:

But you know that he appeared so that he might take away our sins. And in him is no sin. No one who lives in him keeps on sinning. No one who continues to sin has either seen him or known him. (1 John 3:5-6).

Nhưng anh em biết rằng Ngài đã hiện ra để cất tội lỗi đi. Và trong Ngài không có tội lỗi nào cả. Ai ở trong Ngài thì không phạm tội; còn ai tiếp tục phạm tội thì không hề thấy hoặc biết Ngài. (1 Giăng 3:5-6)

Now, neither of these passages are teaching that we are saved by works. But they are making it very clear that the disciple should expect to be transformed, and should have put a life of sin into the past. The spirit and attitude of the Lord Jesus should reign in the heart of his follower. No doubt we each have all sorts of pressures and challenges, but how we respond to them is a reflection of our heart – a mirror of the soul.

Giờ đây, cả hai đoạn Kinh Thánh này đang dạy rằng chúng ta không phải được cứu bởi việc lành. Nhưng hai đoạn này đang làm rõ rằng môn đồ nên mong muốn được biến đổi, và nên chấm dứt đời sống tội lỗi. Linh và thái độ của Chúa Giê-xu sẽ ngự trị trong tâm lòng của người theo Ngài. Không nghi ngờ gì nữa mỗi chúng ta có tất cả những áp lực và thách thức, nhưng cách chúng ta đáp trả với những điều này là một sự phản ánh tâm lòng chúng ta – một tấm gương của linh hồn.

In the form of God

Theo hình ảnh của Đức Chúa Trời

Jesus was one of us. But that's not all that can be said about him:

Chúa Giê-xu là một người trong chúng ta. Nhưng đó không là tất cả những điều có thể được nói về Ngài:

Who, being in very nature God, did not consider equality with God something to be grasped, but made himself nothing, taking the very nature of a servant, being made in human likeness. (Phil 2:6-7).

TRONG ẢNH TƯỢNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Ngài vốn có hình của Đức Chúa Trời, nhưng không xem sự bình đẳng với Đức Chúa Trời là điều nên nắm giữ. Ngài đã từ bỏ chính mình, mang lấy bản tính đầy tớ, và trở nên giống như loài người. (Phi-líp 2:6-7)

I think these verses are often misunderstood, as if Paul is drawing a contrast between God-nature and human-nature. Let me be bold: that's sloppy reading. The contrast Paul is actually drawing is between being God-like and servant-like. It is not whether Jesus was immortal or mortal, but whether he was by nature a ruler or a slave.

Tôi nghĩ những câu này thường bị hiểu nhầm, như thể Phao-lô đang đưa ra một sự đối lập giữa bản tính Đức Chúa Trời và bản tính con người. Hãy để tôi nói rõ điều này: đó là việc đọc không có hệ thống. Sự đối lập mà Phao-lô thật sự đưa ra là giữa việc giống như Đức Chúa Trời và giống như đầy tớ. Nó không phải nói về Chúa Giê-xu là bất tử hay không bất tử, nhưng là liệu Ngài mang bản tính cai trị hay là một đầy tớ.

There are echoes with what was said to Moses 1500 years previously:

Có những âm vang với điều được công bố với Môi-se 1, 500 năm trước:

Then the LORD said to Moses, "See, I have made you like God to Pharaoh, and your brother Aaron will be your prophet." (Ex 7:1)

Kể đó Đức Giê-hô-va phán với Môi-se: "Này, Ta lập con như là Đức Chúa Trời đối với Pha-ra-ôn; còn A-rôn, anh con, sẽ là người phát ngôn của con." (Xuất 7:1)

Moses had become like God in that his word became absolute. He had become God-like, at least as far as Pharaoh was concerned. If Moses called for darkness, there was darkness. If he called for frogs, there were frogs. Whatever he declared, it came to pass. This is just like God himself:

Môi-se đã trở nên giống như Đức Chúa Trời trong lời phán đó của Ngài đã trở thành tuyệt đối. Ông đã trở nên giống như Đức Chúa Trời, ít nhất như là Pha-ra-ôn quan tâm. Nếu Môi-se gọi bóng tối đến, thì có bóng tối. Nếu ông gọi ếch nhái đến, thì có ếch nhái. Điều

THAY ĐỔI CHÚNG TA

mà ông công bố, thì nó đã xảy ra. Điều này giống như chính Đức Chúa Trời:

... So is my word that goes out from my mouth: It will not return to me empty, but will accomplish what I desire and achieve the purpose for which I sent it (Is 55:11)

...Thì lời của Ta cũng vậy, đã ra khỏi miệng Ta sẽ không trở về luống công, nhưng sẽ thực hiện ý Ta muốn và hoàn thành mục đích việc Ta giao. (Ê-sai 55:11)

This was the natural state of Jesus from the start. Though completely human, he was born King of the World, the Heir to the Universe. By the nature of his inheritance, whatever he spoke, whatever thing he declared, would have come to pass. The wise magi recognized this, and though he was barely a year old at the time, brought him gifts as befitted a ruler: gold, frankincense, and myrrh.

Đây là bản tính tự nhiên của Chúa Giê-xu từ lúc bắt đầu. Dù hoàn toàn là một con người, Ngài được sinh ra làm Vua của Thế Giới, Người Kế Tự Vũ Trụ này. Bởi tính chất kế tự của Ngài, bất cứ điều gì Ngài nói, bất cứ điều gì Ngài công bố, đã thành hiện thực. Những nhà thông thái khôn ngoan đã nhận biết điều này, và dù Ngài chưa tới một tuổi vào lúc đó, đã mang tặng Ngài những món quà như tặng cho một vị vua: vàng, nhũ hương, mộc dược.

As heir he could have demanded to live in palaces, to live a life of luxury. As heir he could retreat from the world and make proclamations from on high. He could have taken, outwardly, the form of God – ruler, awesomely mighty. But he didn't.

Là người kế tự Ngài có thể yêu cầu được sống trong cung điện, sống một đời sống vương giả. Là người kế tự Ngài có thể ra khỏi thế giới và công bố từ trên nơi cao sang. Ngài có thể thể hiện ra bên ngoài, hình dạng của Đức Chúa Trời – Đấng Cai Trị, quyền năng uy nghi. Nhưng Ngài đã không làm như vậy.

Instead, he emptied himself. He made himself nothing, and took on himself absolute servanthood, the nature of slavery. He was the servant of everyone he saw; whether reaching out to the crowds of people who followed him even when he was exhausted, or choosing to wash his disciples feet in such a blatant act of servitude that Peter was embarrassed (John 13:6-8).

Thay vào đó Ngài đã làm cho mình trở nên trống không. Ngài khiến Ngài không có gì hết, và mặc lấy hình ảnh của một đầy tớ hoàn toàn, mang bản chất phục vụ. Ngài là đầy tớ của mọi người Ngài nhìn thấy; nếu khi vươn tay ra với đám đông con người theo Ngài, thậm chí khi Ngài kiệt sức, hay chọn cách rửa chân cho môn đồ của Ngài trong một hành động hiển nhiên là của một người đầy tớ đã khiến Phi-e-rơ bối rối (Giăng 13:6-8).

In reality, Jesus became the total servant because that's who God is: the provider of all, the shepherd to all.

Trên thực tế, Chúa Giê-xu đã trở thành một người đầy tớ hoàn toàn vì đó là điều mà Đức Chúa Trời thể hiện: Đấng quan phòng mọi sự, Đấng chăn chiên cho tất cả mọi người.

He tends his flock like a shepherd: He gathers the lambs in his arms and carries them close to his heart; he gently leads those that have young. (Is 40:11)

Ngài sẽ chăn bầy mình như người chăn chiên, tập hợp các chiên con trong cánh tay mình và ôm chúng vào lòng Ngài, nhẹ nhàng dẫn các chiên cái đang cho bú. (Ê-sai 40:11)

Paul continues his description about Jesus:

Phao-lô tiếp tục sự mô tả của ông về Chúa Giê-xu:

And being found in appearance as a man, he humbled himself and became obedient to death – even death on a cross! Therefore God exalted him to the highest place and gave him the name that is above every name. (Phil 2:8-9).

Ngài đã hiện ra như một người, tự hạ mình xuống, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự. Chính vì thế mà Đức Chúa Trời đã tôn Ngài lên rất cao và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh. (Phi 2:8-9).

He made himself helpless in death. He had no power in himself. Instead, it was complete dependence on his Father. Total trust.

Ngài khiến mình không có ai giúp đỡ khi đối diện với cái chết. Ngài không để lại quyền năng gì trong chính Ngài. Thay vào đó, là sự lệ thuộc hoàn toàn vào Cha Ngài. Đức tin trọn vẹn.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Notice it was not simply that Jesus died when God told him to. Paul's phrasing suggests much more. Jesus' *life* was a life of obedience and submission to his Father; he became *obedient throughout his life*, even to the point of death, and even to the point of death on a cross!

Hãy chú ý đó không phải là Chúa Giê-xu chết khi Đức Chúa Trời đã bảo Ngài phải làm thế. Cụm từ của Phao-lô cho thấy nhiều hơn. *Cuộc đời* của Chúa Giê-xu là một cuộc đời vâng phục và đầu phục Cha Ngài; Ngài trở nên người đầu phục suốt cuộc đời Ngài, thậm chí ở thời điểm của sự chết, và thậm chí đến lúc chết trên thập tự giá!

This is the same observation that we made much earlier, that Jesus' death was the culmination of his life, and not some event separated from it. His life was the symphony, his death was the finale of the piece. (His resurrection then opened up a new and even more dramatic overture.)

Đây là sự quan sát tương tự mà chúng ta đã thực hiện trước đây, rằng sự chết của Chúa Giê-xu là điểm cao nhất của cuộc đời Ngài, và không phải là một sự kiện nào đó tách rời khỏi nó. Cuộc đời của Ngài là một bản nhạc giao hưởng, sự chết của Ngài là nốt cuối cùng. (Sự sống lại của Ngài sau đó đã mở ra một khúc mở màn mới và thậm chí đầy kịch tính hơn nữa.)

And throughout Jesus' life he learned obedience. Think about that.

Và suốt cuộc đời Chúa Giê-xu, Ngài đã học sự đầu phục. Hãy nghĩ về điều đó.

Jesus knows how to obey his Father, how to obey God absolutely, to the ultimate. There is no deeper test. His training had reached the point of completion. Jesus' will and choice now resonate perfectly with his Father's will and choice. By being servant, he learned truly and deeply how to be ruler.

Chúa Giê-xu biết làm thế nào để vâng phục Cha Ngài, làm thế nào để vâng phục Đức Chúa Trời tuyệt đối, đến tột đỉnh. Không có bài thử nghiệm nào sâu sắc hơn thế. Sự huấn luyện của Ngài đã vươn tới điểm hoàn hảo. Ý muốn và sự chọn lựa của Chúa Giê-xu giờ đây hòa hợp hoàn toàn với ý muốn và sự chọn lựa của Cha. Bởi việc hành động như một đầy tớ, Ngài đã học tập một cách chân thật và đúng đắn cách trở nên một vị vua.

So God exalts him to the highest place.

Vì thế Đức Chúa Trời đã đưa Ngài lên nơi cao nhất.

His son, the man Jesus, has grown to reflect the wisdom, the righteousness, and the love of God himself, fully and without reservation. Therefore God gives him the name that is above every name.

Con trai của Ngài, con người Chúa Giê-xu, đã trưởng thành để phản ánh sự khôn ngoan, sự công chính, và tình yêu của chính Đức Chúa Trời, trọn vẹn và không cầm giữ điều gì hết. Vì thế Đức Chúa Trời ban cho Ngài danh trên hết mọi danh.

This is why we should bow at the name of Jesus, why every knee should bow, in heaven and on earth and under the earth.

Đó là lý do tại sao chúng ta cúi xuống, tại sao mọi đầu gối, trên trời, và trên đất và bên dưới đất sẽ phải quỳ trước danh Đức Chúa Giê-xu.

Consider this. Moses was a mighty prophet and we ought to be humble before him. Abraham likewise was an outstanding example of faith, and we ought similarly to be humble before him. Yet Jesus makes those two men pale into insignificance. So great and awesome, he stands far, far above the accomplishments of these and other noteworthy spiritual men and women.

Hãy suy nghĩ điều này. Môi-se là một tiên tri đầy năng quyền và chúng ta nên nghiêng mình trước ông. Áp-ra-ham cũng như vậy, là một hình mẫu nổi bật về đức tin, và tương tự như vậy, chúng ta cũng phải nghiêng mình trước ông. Nhưng Chúa Giê-xu khiến hai con người này trở nên không quan trọng nữa. Quá tuyệt vời và uy nghi đáng sợ lạ lùng, Ngài đứng xa, xa trên những điều đạt được của những con người này và những người nam và người nữ thuộc linh đáng kính khác.

Indeed, both Moses and Abraham will bow before him and worship him as the one who manifests God to us.

Thật vậy, cả Môi-se và Áp-ra-ham đều cúi xuống trước Ngài và thờ lạy Ngài như Đấng bày tỏ Đức Chúa Trời cho chúng ta.

This is what he accomplished: he and the Father, working together. This is mightiness! This is God manifested in the flesh!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Đó là điều mà Ngài đã đạt được: Ngài và Cha, làm việc cùng với nhau. Đây là quyền năng! Đây là Đức Chúa Trời đã bày tỏ trong con người!

When Philip says to him: “Show us the Father and that’ll be good enough for us!” Jesus answers,

Khi Phi-líp nói với Ngài: “Hãy chỉ Cha cho chúng con và thế là đủ trọn cho chúng con rồi!” Chúa Giê-xu trả lời,

Don't you know me, Philip, even after I have been among you such a long time? Anyone who has seen me has seen the Father. How can you say, 'Show us the Father'? (John 14:9)

Phi-líp ơi! Ta đã ở với các con lâu rồi, mà các con chưa biết Ta! Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha. Tại sao con lại nói: 'Xin chỉ Cha cho chúng con'? (Giăng 14:9)

Paraphrasing his response, Jesus is saying, “Don’t you realize that I’ve been showing you the Father? Everything that I’ve been doing has been expressing to you what God is like. I have only been doing those things that demonstrate the Father to you!”

Hãy diễn giải lời đáp của Ngài, Chúa Giê-xu đang nói, “Con không nhận ra rằng Ta đang bày tỏ Cha cho con sao? Mọi điều mà Ta đang làm đang bày tỏ cho con biết Đức Chúa Trời là gì. Ta đang làm những điều này để bày tỏ Cha cho các con!”

I don’t know if he was exasperated, but he certainly seems to be astonished that Philip hadn’t already figured that out.

Tôi không biết Ngài có nổi giận hay không, nhưng chắc chắn là Ngài dường như rất ngạc nhiên là Phi-líp vẫn chưa nhận ra điều đó.

Word of God Lời Đức Chúa Trời

This accomplishment of the Father and Son together fulfilled the prophecy of Isaiah from hundreds of years earlier.

Những điều thành toàn của Cha và Con cùng với nhau đã làm trọn lời tiên tri Ê-sai từ hàng trăm năm trước.

TRONG ẢNH TƯỢNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

“The virgin will be with child and will give birth to a son, and they will call him Immanuel” – Which means, “God with us.”
(Matt 1:23)

“Này, một trinh nữ sẽ mang thai và sinh một con trai, rồi người ta sẽ đặt tên con trai ấy là Em-ma-nu-ên”- nghĩa là “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta”. (Ma 1:23)

The purpose of Jesus is not to be an alternative to God, but rather he brings God’s presence among us. As God declares:

Mục đích của Chúa Giê-xu không phải là một giải pháp thay thế khác với Đức Chúa Trời, nhưng thay vào đó Ngài đang đem sự hiện diện của Đức Chúa Trời đến giữa chúng ta. Khi Đức Chúa Trời công bố:

I will put my words in his mouth. (Deut 18:18)

Ta sẽ đặt lời Ta trong miệng con (Phục 18:18)

From the very start, all the things Jesus said were the words of God – more, he was the very embodiment of the word of God.

Từ lúc bắt đầu, tất cả những điều mà Chúa Giê-xu nói đã là lời của Đức Chúa Trời – hơn thế nữa, Ngài là hiện thân của Ngôi Lời Đức Chúa Trời.

Everything God ever did was done through his word. Right from the beginning, “God said” and then it happened. Just three verses into the Bible:

Mọi điều Đức Chúa Trời làm đều qua lời phán của Ngài. Ngay từ ban đầu, “Đức Chúa Trời phán” và sau đó nó xảy ra. Chỉ có ba câu đi vào trong Kinh Thánh

God said, “Let there be light,” and there was light. (Gen 1:3)

Đức Chúa Trời phán: “Phải có ánh sáng”, thì có ánh sáng.
(Sáng 1:3)

The Psalms emphasize this point:

Và Thi Thiên nhấn mạnh điểm này:

By the word of the LORD were the heavens made, their starry host by the breath of his mouth. (Ps 33:6)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Các tầng trời được làm nên bởi lời Đức Giê-hô-va, tất cả đạo binh tinh tú do hơi thở của miệng Ngài mà có. (Thi 33:6)

I think this is what John is referring to at the start of his gospel:

Tôi nghĩ đây là điều mà Giăng đang đề cập vào ngay đầu sách Phúc Âm của ông:

In the beginning was the Word, and the Word was with God, and the Word was God. He was with God in the beginning. Through him all things were made; without him nothing was made that has been made. (John 1:1-3).

Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở với Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. Từ ban đầu, Ngài ở với Đức Chúa Trời. Muôn vật đều do Ngài tạo dựng, không một loài thọ tạo nào được tạo dựng mà không bởi Ngài. (Giăng 1:1-3)

Even though our English translations use the words *he* and *him*, the original is just as well translated with *it*. Here's my best effort at a much more literal translation of what John wrote:

Mặc dù những bản dịch tiếng Anh của chúng ta sử dụng từ *Ngài* (*chủ ngữ*) và *Ngài* (*tân ngữ*), nguyên bản thì được dịch là *đó*. Đây là nỗ lực cao nhất của tôi trong việc diễn dịch mang nghĩa đen chính xác hơn về điều mà Giăng viết:

In the beginning was the word, and the word was oriented to God, and what God was, the word was. It was in the beginning oriented to God. Through it all things were made; and without it not one thing was made that has been made.

Ban đầu có Ngôi Lời, và Ngôi Lời ra từ Đức Chúa Trời, và Ngôi lời là Đức Chúa Trời. Từ ban đầu điều đó ra từ Đức Chúa Trời. Qua đó tất cả mọi vật được tạo dựng nên; không có điều đó thì không có vật nào được tạo dựng nên.

There is no difference between who God is, and what he declares through his word. God uses his word to declare every creative act that he performs. God declares something, and it comes to be.

Không có sự khác biệt trong việc Đức Chúa Trời là ai, và Ngài công bố điều gì qua lời Ngài. Đức Chúa Trời sử dụng lời Ngài để công bố

mọi hành động sáng tạo mà Ngài làm. Đức Chúa Trời công bố điều gì đó, và nó trở thành hiện thực.

As the rain and the snow come down from heaven, and do not return to it without watering the earth and making it bud and flourish, so that it yields seed for the sower and bread for the eater; so is my word that goes out from my mouth: It will not return to me empty, but will accomplish what I desire and achieve the purpose for which I sent it. (Is 55:10-11).

Vì như mưa và tuyết từ trời rơi xuống và không trở về đó nữa mà tưới nhuận đất đai làm cho đâm chồi nảy lộc, để có hạt giống cho kẻ gieo, có bánh cho kẻ ăn. Thì lời của Ta cũng vậy, đã ra khỏi miệng Ta sẽ không trở về luống công, nhưng sẽ thực hiện ý Ta muốn, và hoàn thành việc Ta giao. (Ê-sai 55:10-11)

God's word, creating, nurturing, guiding. And now, that creative word of God has been embodied in a man.

Lời của Đức Chúa Trời, tạo dựng, nuôi dưỡng, hướng dẫn. Và giờ đây, lời về sự sáng tạo của Đức Chúa Trời được thể hiện trong một người.

The word became flesh and made his dwelling among us (John 1:14)

Ngôi Lời đã trở nên xác thể, sống giữa chúng ta. (Giăng 1:14)

If you look at the context, John is clearly referring to Jesus here. The word of God was made flesh – the Greek word for *became* is the same one translated *made* in John 1:3 above.

Nếu bạn nhìn vào bối cảnh, Giăng rõ ràng đang đề cập đến Chúa Giê-xu ở đây. Ngôi Lời của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt – từ tiếng Hy-lạp cho chữ *trở nên* là giống với từ được dịch là *tạo dựng* trong Giăng 1:3.

I like to think of the Bible as *the word of God made paper*. So Jesus is *the word of God made flesh*. He is the embodiment of the word of God. Everything God has been saying is encapsulated in this man.

Tôi muốn nghĩ về Kinh Thánh như *Lời của Đức Chúa Trời trở nên*

THAY ĐỔI CHÚNG TA

văn tự. Vì thế Chúa Giê-xu là *Ngôi Lời của Đức Chúa Trời trở nên xác thịt.* Ngài là hiện thân của Lời Đức Chúa Trời. Mọi điều Đức Chúa Trời đang công bố được thể hiện trong con người này.

We get a very similar claim at the start of Hebrews:

Chúng ta hãy lấy một lời công bố tương tự ở đầu Thư Hê-bơ-rơ:

In the past God spoke to our forefathers through the prophets at many times and in various ways, but in these last days he has spoken to us by his Son (Heb 1:1-2)

Đời xưa, Đức Chúa Trời đã dùng các nhà tiên tri phán dạy tỏ phụ chúng ta nhiều lần, nhiều cách. Nhưng trong những ngày cuối cùng này, Ngài phán dạy chúng ta bởi Con Ngài. (Hê 1:1-2)

Jesus, says the writer here, is God talking to us.

Chúa Giê-xu, điều mà tác giả thư tín này nói ở đây, là Đức Chúa Trời đang nói với chúng ta.

In earlier times, God spoke through many other prophets. We read explicitly of *the word of the LORD* coming to Abraham, Moses, Samuel, Nathan, Gad, Solomon, Ahijah, Jehu, Elijah, Isaiah, Jeremiah, Jonah, Haggai, Micah, Zephaniah, and so on. God was speaking to each of these people, for them to share the word with us. And now, God has spoken to us by his Son.

Trong thời xa xưa, Đức Chúa Trời phán qua nhiều tiên tri khác. Chúng ta đã đọc thấy rõ ràng những điều về *lời của Đức Chúa Trời* đến với Áp-ra-ham, Mô-i-se, Sa-mu-ên, Na-than, Gát, Sa-lô-môn, A-hi-gia, Giê-hu, Ê-li, Ê-sai, Giê-rê-mi, Giô-na, A-ghê, Mi-chê, Sô-phô-ni và vân vân. Đức Chúa Trời đang nói với mọi người trong số họ, để họ chia sẻ lời đó với chúng ta. Và giờ đây, Đức Chúa Trời đã nói với chúng ta qua con Ngài.

God's word, embodied in a man!

Lời của Đức Chúa Trời, hiện thân trong người này!

After Jesus' resurrection and ascension into heaven, the New Testament writers attest to how completely he embodies God's intent by declaring the *Word of God* as a name and title of Jesus:

Sau khi Chúa Giê-xu phục sinh và thăng thiên, các tác giả Tân Ước chứng thực về việc Ngài là hiện thân hoàn toàn của Đức Chúa Trời như thế nào bằng cách công bố *Lời của Đức Chúa Trời* như là danh và tước hiệu của Chúa Giê-xu:

His eyes are like blazing fire, and on his head are many crowns. He has a name written on him that no one knows but he himself. He is dressed in a robe dipped in blood, and his name is the Word of God. (Rev 19:12-13).

Mắt Ngài như ngọn lửa, trên đầu Ngài có nhiều mũ triều, trên đó đề một danh mà ngoài Ngài không ai biết được. Ngài mặc áo đã được nhúng trong máu. Danh Ngài được gọi là Lời Đức Chúa Trời. (Khải 19:12-13)

Everything God has been saying, everything he has been trying to accomplish, all that God is and does, is manifest in Jesus Christ.

Mọi điều Đức Chúa Trời đang phán, mọi điều Ngài đang cố gắng thành toàn, tất cả những điều Đức Chúa Trời thể hiện và làm, là sự bày tỏ trong Chúa Giê-xu Christ.

Another way of saying the same thing is that he is the *image* of God: Một cách khác nữa để nói về điều tương tự đó là Ngài là *hình ảnh* của Đức Chúa Trời:

He is the image of the invisible God, the firstborn over all creation. (Col 1:15)

Chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình, là Đấng sinh ra trước tất cả mọi loài thọ tạo. (Cô 1:15)

The son of Mary, a human child conceived by the Holy Spirit, he grew and struggled and matured until ultimately he was perfected by the Father's work in his life. He shows us the Father. He embodies everything God has ever been saying.

Con trai của Ma-ri, đứa bé con người thụ thai bởi Thánh Linh, Ngài lớn lên và tranh chiến và trưởng thành cho đến khi Ngài được trở nên trọn vẹn hoàn toàn bởi công việc của Cha trong đời sống của Ngài. Ngài bày tỏ Cha cho chúng ta. Ngài thể hiện mọi điều mà Đức Chúa Trời đã và đang phán dạy.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

In passing, I wonder if the following passage is also referring to Jesus:

Để điểm qua, tôi tự hỏi liệu đoạn Kinh Thánh sau đây có đề cập đến Chúa Giê-xu hay không:

For the word of God is living and active. Sharper than any double edged sword, it penetrates even to dividing soul and spirit, joints and marrow; it judges the thoughts and attitudes of the heart. Nothing in all creation is hidden from God's sight. Everything is uncovered and laid bare before the eyes of him to whom we must give account. (Heb 4:12-13).

Vì lời của Đức Chúa Trời là lời sống động và linh nghiệm, sắc hơn gươm hai lưỡi, xuyên thấu đến nỗi phân chia hồn với linh, khớp với tủy, phán đoán các tư tưởng và ý định trong lòng. Chẳng loài thọ tạo nào có thể che giấu được trước mặt Chúa, nhưng tất cả đều trần trụi và phơi bày trước mắt Đấng mà chúng ta phải khai trình. (Hê 4:12-13)

I had always previously thought this passage was referring to the scriptures, the written word of God. But as we have seen, the Greek doesn't always distinguish well between *he* and *it*. If we reread these verses with *he*, they have an extra power as possibly describing the embodied word of God, Jesus the savior, Jesus the judge.

Trước đây tôi luôn nghĩ rằng đoạn Kinh Thánh này đề cập đến Kinh Thánh, lời của Đức Chúa Trời được viết ra. Nhưng như chúng ta đã xem xét, bản tiếng Hy-lạp thì luôn không phân biệt giữa chữ Ngài (*he*) và nó (*it*). Nếu chúng ta đọc lại những câu này bằng chữ Ngài (*he*), chúng ta có thêm sức mạnh như có thể mô tả lời của Đức Chúa Trời hiện thân trong Chúa Giê-xu, Đấng Cứu Chuộc, Đấng Phán Xét.

The perfect man Con người hoàn hảo

Not all human beings are equivalent in every way. Some of us are stronger than others, or taller, or smarter, or faster. Others are kinder, or more compassionate, or fairer. Yet others are wiser, or more insightful. We are not the same as each other, but we are all human.

Không phải tất cả con người đều giống như nhau trong mọi đường

lỗi của họ. Một vài người trong chúng ta thì mạnh mẽ hơn nhưng người khác, hay cao hơn, thông minh hơn, hay nhanh nhẹn hơn. Người khác thì tốt bụng hơn, hay đồng cảm hơn, hay công bằng hơn. Nhưng người khác thì khôn ngoan hơn, khôn sáng hơn. Chúng ta không giống như người khác, nhưng tất cả chúng ta là con người.

Having God as his father didn't make Jesus any less human. Rather, it allowed him to become as wonderful as a human can be. He shows us what we can aspire to. He is like us, so we can relate to him, but he is so beyond us that we can never outgrow him. He is the pinnacle of spirituality.

Có Đức Chúa Trời như Cha Ngài không khiến Chúa Giê-xu thiếu đi phần con người. Hơn thế nữa, điều này cho phép Ngài trở thành tuyệt vời như một con người có thể. Ngài bày tỏ cho chúng ta điều chúng ta khao khát có thể là gì. Ngài giống như chúng ta, vì thế chúng ta có thể tương giao với Ngài, nhưng Ngài vượt trên chúng ta đến nỗi chúng ta không bao giờ có thể vượt trên Ngài. Ngài là đỉnh cao thuộc linh.

He was human, but he was a unique human. As we will see later, he was the first to be completed in the image of God.

Ngài là con người, nhưng Ngài là con người độc nhất vô nhị. Như chúng ta sẽ nghiên cứu sau này, Ngài là Đấng đầu tiên được trở nên trọn vẹn trong hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Summary

Tóm tắt

Jesus is the human manifestation of everything God is and says. But it didn't come to him for free: he underwent his own personal discipline, and was perfected in the process. He is in the image of God. He is the word of God.

Chúa Giê-xu là sự bày tỏ nhân tính của mọi điều hiện hữu trong Đức Chúa Trời và lời phán của Ngài. Nhưng điều đó không đến với Ngài một cách tự do: Ngài đã trải nghiệm những kỷ luật của chính bản thân Ngài, và được hoàn tất trong tiến trình. Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Ngài là Ngôi Lời của Đức Chúa Trời.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Discussion

Thảo Luận

1. Does it come as a surprise that Jesus needed training and personal discipline?
1. Có ngạc nhiên không khi thấy rằng Chúa Giê-xu cũng cần được huấn luyện và kỷ luật bản thân?
2. Can you think of any occasions in Jesus' life that show him growing spiritually?
2. Bạn có nghĩ ra bất cứ sự kiện gì trong đời sống của Chúa Giê-xu cho thấy Ngài tăng trưởng thuộc linh?
3. What spiritual training do you have in your life?
3. Những huấn luyện thuộc linh mà bạn có trong đời sống của bạn là gì?

Savior Judge

Đấng Cứu Chuộc Phán Xét

Jesus is Savior. He is also Judge. Listen to what Paul tells the people of Athens:

Chúa Giê-xu là Đấng Cứu Chuộc. Ngài cũng là Đấng Phán Xét. Hãy lắng nghe điều Phao-lô nói với người ở A-then:

For [God] has set a day when he will judge the world with justice by the man he has appointed. He has given proof of this to all men by raising him from the dead. (Acts 17:31)

Vì [Đức Chúa Trời] đã ấn định một ngày mà Ngài sẽ lấy sự công chính phán xét thế gian bởi Người Ngài đã lập và để xác chứng cho mọi người thấy, Ngài đã khiến Người sống lại từ cõi chết. (Công 17:31)

I think it is significant that, not only is Jesus helping and supporting us as our savior, but is also assessing whether we are meeting the standard his Father has set.

Tôi nghĩ đó là điều rất quan trọng, không chỉ Chúa Giê-xu đang giúp đỡ và hỗ trợ chúng ta như Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, nhưng Ngài còn đánh giá liệu là chúng ta có đáp ứng với tiêu chuẩn mà Cha Ngài đưa ra hay không.

We touched on this topic of standards earlier when we discussed the constraint triangles. Because God wants to make a loving community of people who exercise their freewill, we have to choose whether we want to be part of it or not.

Chúng ta đụng vào chủ đề về tiêu chuẩn này trước đây khi chúng ta thảo luận về tam giác ba chiều của sự chế ngự. Vì Đức Chúa Trời muốn tạo nên một cộng đồng dân cư yêu thương, những người trải qua ý chí tự do của họ, chúng ta phải chọn liệu chúng ta có muốn là một phần của nó hay không.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

The work of Jesus is to encourage us, to draw us in, to help us to want to be part of a community of love, and to give us the ability to participate in one.

Công tác của Chúa Giê-xu là khuyến khích chúng ta, kéo chúng ta đến gần, giúp chúng ta muốn là một phần của cộng đồng yêu thương đó, và ban cho chúng ta khả năng dự phần vào trong đó.

At the same time, Jesus is continually looking deep into our hearts to see if we really do want healing and righteousness or not. As he said to a man who had been ill for 38 years:

Cùng lúc đó, Chúa Giê-xu đang tiếp tục nhìn sâu vào tấm lòng chúng ta để xem là liệu chúng ta có thật sự muốn sự chữa lành và công chính hay không. Khi Ngài phán với người đàn ông bị bệnh 38 năm:

Do you want to get well? (John 5:6)

Người có muốn được lành không? (Giăng 5:6)

He asks the same question of each one of us.

Ngài hỏi câu hỏi tương tự với mỗi người trong chúng ta.

It's only because Jesus can see where we are lacking something that he's able to step in to try to build that aspect of our character. Or to put it another way, if Jesus couldn't tell whether we loved one another or not, for example, he couldn't do much to help develop our love.

Đó chỉ vì Chúa Giê-xu có thể nhìn thấy nơi chúng ta đang thiếu điều gì để Ngài có thể bước vào trong để thiết lập nên những yếu tố trong phẩm chất của chúng ta. Hay chúng ta hãy bàn theo cách khác, ví dụ nếu Chúa Giê-xu không thể nói là liệu chúng ta có yêu thương người khác hay không, Ngài không thể làm nhiều điều để giúp chúng ta phát triển tình yêu của chúng ta.

Imagine taking parachuting lessons. You wouldn't want your instructor to be teaching you and not notice that you keep forgetting about this "rip cord thing." You want the instructor to see every shortcoming, and to help you overcome. Even at the end, it makes no sense for the instructor to say, "Oh well, never mind about the rip cord! I pass all my students anyway!" and you end up jumping into thin air. Disaster!

Hãy tưởng tượng về những bài học tập nhảy dù. Bạn sẽ không muốn người hướng dẫn mình dạy bạn và không nhận ra rằng bạn đang tiếp

tục quên về “dây dù” này. Bạn muốn người hướng dẫn nhìn thấy mọi thiếu sót, và giúp bạn khắc phục. Thậm chí vào lúc cuối, không có lý gì người hướng dẫn sẽ nói, “Ồ, được rồi, đừng có lo về dây dù! Dù sao thì tôi đã đi qua tất cả học viên của tôi rồi!” và bạn kết thúc việc nhảy vào trong bầu trời. Đó chính là thảm họa!

You see, there are some things that have intrinsic requirements – you really want to know how to parachute before someone passes you on the test!

Bạn nhìn thấy đó, có một vài điều có những yêu cầu bên trong – bạn thật sự muốn biết làm thế nào để nhảy dù trước khi có ai đó cho bạn đậu bài thử nghiệm.

It’s the same with salvation. I wouldn’t want to be in the kingdom if, when Christ comes and looks closely into my heart, he finds that it’s not what I really want. If Christ knows that deep down I would resent and rebel against the kind of loving community that the Father is building, then the kingdom would be “hell” for me. The oblivion of death would be an act of mercy.

Điều đó tương tự như với sự cứu rỗi. Tôi sẽ không muốn ở trong vương quốc nếu khi Đấng Christ đến và nhìn sâu vào trong tâm lòng tôi, Ngài nhận thấy rằng đó không phải là điều mà tôi thật sự muốn. Nếu Đấng Christ biết rằng sâu thẳm trong tôi rằng tôi sẽ bực mình và chống trả lại kiểu cộng đồng yêu thương mà Cha đang xây dựng, thì vương quốc đó sẽ là “địa ngục” đối với tôi. Sắc lệnh ân xá qua sự chết sẽ là một hành động thương xót.

These two familiar ideas both apply to Jesus, that of a savior and that of a judge. These two roles represent the two sides of his work with us.

Hai ý tưởng tương tự nhau này ứng dụng cho Chúa Giê-xu, đó là về Đấng cứu chuộc và Đấng phán xét. Hai vai trò này thể hiện hai khía cạnh của công tác của Ngài dành cho chúng ta.

Why Jesus?

Tại sao Chúa Giê-xu?

We’ve seen that because of our deep-rooted and visceral fear of God, he has always worked through intermediaries to draw people to him. Through the ages it has been the same. God has appointed prophets,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

priests, and judge to represent him, to act as saviors to his people. In many cases they were effective, turning many from sin.

Chúng ta đã nhìn thấy rằng vì trong sâu thẳm trong lòng chúng ta và sự khiếp sợ Đức Chúa Trời bên trong chúng ta, Ngài luôn hành động qua những người trung gian để kéo dân sự đến gần với Ngài. Dù qua nhiều thời đại như vậy, Đức Chúa Trời đã chỉ định những tiên tri, thầy tế lễ, các quan xét để đại diện cho Ngài, hành động như những người cứu dân sự Ngài. Trong nhiều trường hợp họ thực hiện công tác được giao rất hiệu quả, đưa nhiều người ra khỏi tội lỗi.

Yet in the end, God had to send Jesus.

Nhưng cuối cùng, Đức Chúa Trời đã sai Chúa Giê-xu đến.

Why?

Tại sao vậy?

To be fully effective, God's intermediary needs fully to reflect God's character and attributes, or else God cannot place full trust and authority in him or her.

Để có hiệu quả một cách trọn vẹn, Người trung gian của Đức Chúa Trời cần phải phản ánh trọn vẹn bản chất và phẩm hạnh của Đức Chúa Trời, nếu không thì Đức Chúa Trời không thể đặt toàn bộ niềm tin và thẩm quyền trên ông hay bà ta.

Unfortunately, even the best of God's prophets were distorted by sin and their sinful acts.

Thật không may, thậm chí là những tiên tri tốt nhất của Đức Chúa Trời cũng bị sai lệch bởi tội lỗi và những hành động tội lỗi của họ

Look through Biblical history and you will see the pattern repeated. Abraham lied twice about his true relationship with Sarah. Moses dishonored God when he overstepped his instructions and struck the rock twice. Samson could not resist the sexual attraction of women.

Hãy nhìn xuyên suốt lịch sử Kinh Thánh và bạn sẽ nhìn thấy những hình mẫu được lặp lại. Áp-ra-ham lừa dối hai lần về mối quan hệ thật sự của ông với Sa-ra. Môi-se đã không làm vinh danh Đức Chúa Trời khi ông làm quá sự hướng dẫn của Ngài và đập vào tảng đá hai lần. Sam-sôn không thể chống lại được sắc dục của những người phụ nữ.

And Samuel, a great man, a great judge, and yet... Just pause for a moment and consider the fact that he didn't really notice what his sons were doing. They went after dishonest gain, they accepted bribes, and they perverted justice (1 Sam 8:3), yet he did nothing about it. Instead, God's name becomes defamed among the people. Even a mighty man like Samuel is diminished in his capacity to act as the voice of God on earth.

Và Sa-mu-ên, một con người vĩ đại, một quan xét vĩ đại, và tuy nhiên... hãy dừng lại một chút để suy nghĩ về sự kiện mà ông thật sự không nhận ra những điều các con trai ông đang làm. Họ trở nên dối trá, họ đã nhận của hối lộ và bẻ cong công lý (I Sam 8:3), nhưng ông đã không làm gì về vấn đề này. Thay vào đó, Danh của Đức Chúa Trời trở nên bị sỉ nhục giữa vòng dân sự. Thậm chí một con người đầy quyền năng như Sa-mu-ên cũng mất đi khả năng của ông trong việc hành động như là tiếng nói của Đức Chúa Trời trên đất.

Or David. He would have been a wonderful savior and judge, except that the last part of his life was horribly damaged by the terrible effects associated "with the matter of Uriah the Hittite" (2 Kings 15:5). His sin, from stealing another man's wife, to engaging in murder in a vain attempt at cover up, affected him so profoundly.

Hay Đa-vít. Ông sẽ là một người cứu chuộc và quan xét tuyệt vời, ngoại trừ phần đời còn lại của ông thì bị băng hoại khủng khiếp bởi hậu quả khủng khiếp liên quan đến "vấn đề của U-ri người Hê-tít" (II Các Vua 15:5). Tội lỗi của ông, từ việc tước đoạt vợ của người khác, cho đến việc dính vào việc sát hại người chồng khi nỗ lực không thành công trong việc che giấu tội lỗi, đã ảnh hưởng trên ông rất dữ dội.

That sin of David distorted his message, weakened his leadership, and diminished his capacity to bring the judgement of God among the people. Not only did the people think less of him afterwards, but he was less willing to call out sin on God's behalf.

Tội lỗi đó làm bóp méo đi sứ điệp của ông, làm yếu đi vai trò lãnh đạo của ông và làm ông mất đi khả năng để làm quan xét của Đức Chúa Trời giữa vòng dân chúng. Không những người ta mất dần đi sự yêu kính ông sau đó, nhưng ông đang mất dần đi sự sẵn sàng để loại trừ tội lỗi vì cơ danh Chúa.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

It is one thing for God to send a prophet who is a human being, just like us, someone we can relate to in order to encourage and reassure us. It is significantly another thing to find a man who is just like God in his character, so that he's able to give correct judgement, and able to express the will of God in the judgement that he gives. To accomplish that means the person must have no flaws in saying or doing, in thinking or feeling, in choices or in purpose.

Đó là một điều mà Đức Chúa Trời đưa đến một tiên tri cũng là một con người, giống như chúng ta, một người mà chúng ta có thể tương giao để khuyến khích và tái đảm bảo với chúng ta. Một điều rất quan trọng khác là tìm một người giống như Đức Chúa Trời trong tính cách, để người đó có thể phán xét đúng đắn, và có thể bày tỏ ý muốn của Đức Chúa Trời trong sự phán xét mà Ngài ban bố. Để thành toàn điều đó có nghĩa là một người phải không hề sai lầm trong lời nói và hành động, trong suy nghĩ hay cảm nhận, trong sự chọn lựa hay trong mục đích.

The ultimate savior judge has to be sinless.

Đấng phán xét cứu chuộc phải là người vô tội.

Throughout his life Jesus was wrestling against sin; against the same temptations that you and I struggle with, temptations that could have led him astray, that could have damaged him as badly as our sin damages us.

Trong suốt cuộc đời của Chúa Giê-xu là một cuộc tranh chiến chống lại tội lỗi; chống lại những sự cám dỗ mà bạn và tôi đang tranh chiến, những sự cám dỗ mà có thể dẫn Ngài lạc đường, có thể hủy hoại Ngài một cách khủng khiếp như tội lỗi làm chúng ta băng hoại vậy.

What if he had succumbed?

Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Ngài không chống nổi?

Since the temptations were real, then there was a real possibility that he might have chosen his own path, his own desires, rather than the path his Father had laid out for him. So, what if he had succumbed?

Vì những sự cám dỗ là thực tế, kể đó là có một khả năng thực tế là Ngài có thể đã chọn con đường riêng của Ngài, ước muốn của Ngài hơn là con đường của Cha Ngài đã dành cho Ngài. Vì thế, điều gì sẽ xảy ra nếu Ngài không chống nổi với những cám dỗ?

I think he would still have been a mighty, mighty man. He would have been like a Daniel or a Moses, but even greater. He would have left wisdom and inspiration to countless human beings after him. He would have been a towering example of faith and spirituality.

Tôi nghĩ Ngài sẽ vẫn là một con người quyền năng. Ngài sẽ giống như Đa-ni-ên hay Mô-i-se, thậm chí còn vĩ đại hơn. Ngài để lại sự khôn ngoan và cảm thúc cho vô số con người sau Ngài. Ngài sẽ là một hình mẫu cao nhất của đức tin và thuộc linh.

Yet for all that, he would also have been a man unfit for the awesome task towards which his Father was training, disciplining, and nurturing him: to be the very voice of God amongst us. His sin would have introduced a discordant note, and God could not have entrusted all judgement to his care.

Nhưng trong tất cả những điều đó, Ngài cũng sẽ là một con người không trọn vẹn cho công tác diệu kỳ cho điều mà Cha Ngài đang huấn luyện, dạy dỗ và nuôi dưỡng Ngài: là tiếng nói duy nhất của Đức Chúa Trời giữa vòng chúng ta. Tội lỗi của Ngài sẽ đưa ra một nốt nhạc chói tay, và Đức Chúa Trời có thể không tin tưởng giao phó tất cả sự phán xét vào tay Ngài.

But he didn't succumb!

Nhưng Ngài không chịu thua

Instead, he overcame! Completely, totally, and utterly.

Ngược lại, Ngài đã đắc thắng! Hoàn toàn, trọn vẹn và tuyệt đối.

Jesus has been trained, he has been nurtured, he has been perfected. He is truly the manifestation of God in the flesh, taking on the divine nature. Consequently, and this is the fundamental principle that we need to take away, Christ is able to save and to judge.

Chúa Giê-xu được huấn luyện, Ngài được nuôi dưỡng, Ngài được trở nên hoàn hảo. Ngài là sự bày tỏ thật sự của Đức Chúa Trời trong xác thịt, mặc lấy bản tánh thiên thượng. Kết quả là, đây là nguyên tắc căn bản mà chúng ta cần phải có, Đấng Christ đã có thể cứu chuộc và phán xét.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

He started as just one of us. But now, in every way possible, the Father is in him and he is in the Father – every element of the word of God is now expressed through him.

Ngài bắt đầu như một người trong chúng ta. Nhưng giờ đây, trong mọi con đường có thể, Cha ở trong Ngài và Ngài ở trong Cha – mọi khía cạnh trong lời của Đức Chúa Trời giờ đây được bày tỏ qua chính Ngài

He is the image of the invisible God, the firstborn over all creation. (Col 1:15).

Chính Ngài là hình ảnh của Đức Chúa Trời vô hình là Đấng sinh ra trước tất cả mọi loài thọ tạo. (Cô-lô-se 1:15)

In Genesis, when God said, “Let us make man in our image,” I don’t think he was talking just about a single act long ago. I think he was declaring his creative work through the ages, when he is creating men and women to be like him. God’s work has always been to manifest himself in living beings, to create us to be in his image.

Trong Sáng Thế Ký, khi Đức Chúa Trời phán, “hãy để chúng ta tạo dựng nên loài người có hình ảnh của chúng ta,” tôi không nghĩ rằng Ngài đang nói về một hành động đơn lẻ cách đây rất lâu. Tôi nghĩ Ngài đang công bố công tác sáng tạo của Ngài qua mọi thế đại, khi Ngài đang tạo ra những người nam và người nữ giống như Ngài. Công việc của Đức Chúa Trời vẫn luôn bày tỏ chính Ngài trong những sinh vật sống, sáng tạo chúng ta trong hình ảnh của Ngài.

Jesus is the first man to be perfectly completed in the image of God. At his resurrection, the creative work of his Father was finished as far as his son was concerned. His son, one of us, but also fully in the image of God, and so worthy to receive the authority of his Father.

Chúa Giê-xu là con người đầu tiên được trở nên trọn vẹn hoàn toàn trong hình ảnh của Đức Chúa Trời. Lúc Ngài sống lại, công việc sáng tạo của Cha Ngài được hoàn tất cũng như là của Con Ngài. Con Ngài, một người trong chúng ta, nhưng cũng trọn vẹn trong hình ảnh của Đức Chúa Trời, và đáng để nhận thẩm quyền của Cha Ngài.

Jesus, the Savior Judge
Chúa Giê-xu, Đấng phán xét cứu chuộc

Soon after Pentecost, the apostles Peter and John are hauled before the Sanhedrin, the religious ruling council, and are told not to preach in the name of Jesus. Listen to what Peter says about Jesus:

Ngay sau Lễ Ngũ Tuần, các sứ đồ Phi-e-rơ và Giăng bị lôi đến trước Tòa công luận, hội đồng tôn giáo, và bị buộc là không được giảng trong danh Chúa Giê-xu. Hãy lắng nghe điều mà Phi-e-rơ công bố về Chúa Giê-xu:

God exalted him to his own right hand as Prince and Savior that he might give repentance and forgiveness of sin to Israel. (Act 5:31)

Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên bên phải Ngài làm Vua và Cứu Chúa để ban sự ăn năn và sự tha tội cho dân Y-sơ-ra-ên. (Công 5:31)

God has exalted him to authority. Moreover, he is both Prince (i.e., judge) and Savior. As Savior, he leads us to repentance, so that we turn from our sin. As Prince, his authority to forgive is matched by his authority not to forgive. That's what 'judgement' is. Christ's ability to forgive is balanced by his authority to condemn.

Đức Chúa Trời đã nâng Ngài lên Ngôi Cao Sang. Hơn thế nữa, Ngài vừa là Chúa (nghĩa là Đấng phán xét) và Đấng cứu chuộc. Như là Đấng Cứu Chuộc, Ngài dẫn chúng ta đến với sự ăn năn, để chúng ta tránh xa tội lỗi. Là Chúa, thẩm quyền tha thứ của Ngài gắn liền với thẩm quyền không tha thứ. Đó là "sự phán xét". Khả năng của Đấng Christ trong việc tha thứ cân bằng với thẩm quyền đoán phạt của Ngài.

Remember the salvation process we considered previously? These were the phases we identified:

Hãy nhớ tiến trình cứu chuộc mà chúng ta đã nghiên cứu trước đây? Đây là những cụm từ mà chúng ta nhận ra:

- God declares our sin and proclaims his love;
- Đức Chúa Trời công bố tội lỗi của chúng ta và tình yêu của Ngài;

THAY ĐỔI CHÚNG TA

- ▶ We agree and want to be different;
- ▶ Chúng ta đồng ý và muốn trở nên khác biệt;
- ▶ He forgives us and liberates us from our guilt;
- ▶ Ngài tha thứ và phóng thích chúng ta khỏi tội lỗi của chúng ta;
- ▶ We trust in his forgiveness and participate in his work of making us different;
- ▶ Chúng ta tin vào sự tha thứ của Ngài, và dự phần vào công tác của Ngài trong việc biến đổi chúng ta;
- ▶ He completes the work that he does in this life through resurrection and judgement.
- ▶ Ngài hoàn tất công tác mà Ngài đã làm trong đời sống này qua sự Phục Sinh và sự phán xét.

Jesus is part of every one of these steps!

Chúa Giê-xu là một phần của mọi bước này!

He is part of the declaration of our sin, and he's certainly part of the declaration of God's love for us, as John 3:16 states.

Ngài là một phần trong lời công bố về tội lỗi của chúng ta, và Ngài chắc chắn là một phần của lời công bố của tình yêu Đức Chúa Trời dành cho chúng ta, như Giăng 3:16 công bố.

Through his example, Jesus encourages us to want to be different. We see him and are inspired: "That is the man I want to be like!"

Qua tấm gương của Ngài, Chúa Giê-xu khuyến khích chúng ta muốn trở nên khác biệt. Chúng ta nhìn thấy Ngài và được cảm thúc: "Đó là người mà tôi muốn giống như vậy!"

He forgives; he liberates us from our guilt. He's the one to whom the Father has entrusted this authority:

Ngài tha thứ; Ngài giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi. Ngài là Đấng mà Cha Ngài tin giao cho thẩm quyền này:

... know that the Son of Man has authority on earth to forgive sins (Matt 9:6)

... Để các ngươi biết rằng Con Người ở thế gian có thẩm quyền tha tội. (Ma 9:6)

In response, we trust in him! We trust in his ability and willingness to work in our lives, to guide us, to have the angels on hand when we need help, when we need strength. The fact that he is like us helps to give us the courage to go to heavenly throne to find grace and mercy, to help us in our time of need.

Để đáp ứng, chúng ta phải tin Ngài! Chúng ta tin vào khả năng và sự sẵn lòng của Ngài hành động trên đời sống của chúng ta, hướng dẫn chúng ta, có những thiên sứ giúp đỡ bên cạnh chúng ta khi chúng ta cần, khi chúng ta cần sức mạnh. Vấn đề mà Ngài giống như chúng ta giúp chúng ta thêm sự can đảm đến với sự tể trị thiên thượng để nhận thấy ân điển và lòng thương xót, để giúp chúng ta trong lúc chúng ta cần.

And, of course, he is the one who will be calling us out from the grave. He's been appointed to this role by the Father because he reflects and manifests the Father.

Và, dĩ nhiên, Ngài là Đáng sẵn lòng kéo chúng ta ra khỏi hầm mộ. Ngài được Cha chỉ định cho vai trò này vì Ngài phản ánh và bày tỏ Cha.

He is key to every phase of our salvation.

Ngài là chìa khóa cho mọi giai đoạn của sự cứu rỗi chúng ta.

With his authority and mighty power, he will bring to fulfillment the Father's creative work of making multitudes of people in the image of God.

Với thẩm quyền và quyền năng vĩ đại, Ngài sẽ mang chúng ta đến sự thành toàn công tác sáng tạo của Cha trong việc thiết lập nên rất nhiều con người trong hình ảnh của Đức Chúa Trời.

... you have taken off your old self with its practices and have put on the new self, which is being renewed in knowledge in the image of its Creator. (Col 3:9-10)

... anh em đã lột bỏ người cũ cùng các công việc của nó mà mặc lấy người mới là người đang được đổi mới trong nhận thức theo hình ảnh Đáng tạo dựng người ấy. (Cô 3:9-10)

Peter expresses the same idea as *sharing in the divine nature*:

Phi-e-rơ bày tỏ ý tương tự như là *sự chia sẻ bản tính thiên thượng*:

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Through these he has given us his very great and precious promises, so that through them you many participate in the divine nature and escape the corruption in the world caused by evil desires. (1 Pet 1:4)

Qua những điều này Ngài đã ban cho chúng ta những lời hứa quý giá và rất tuyệt vời để qua những điều này anh em dự phần vào bản tính thiên thượng và thoát khỏi sự băng hoại trong thế gian bởi những ước muốn tội lỗi (I Phi 1:4)

At the resurrection we also will be manifestations of God! It's a tremendous hope! Christ is the firstfruits, blazing the trail for us to follow. Vào lúc phục sinh chúng ta cũng sẽ là sự bày tỏ của Đức Chúa Trời! Đó là một hy vọng to lớn! Đấng Christ là trái đầu mùa, chiếu sáng con đường để chúng ta noi theo.

And we, who with unveiled faces all reflect the Lord's glory, are being transformed into his likeness with ever-increasing glory... (2 Cor 3:18)

Và tất cả chúng ta đều để mặt trần chiêm ngưỡng vinh quang Chúa, được biến đổi trở nên giống như hình ảnh Ngài, từ vinh quang đến vinh quang mãi mãi... (II Cô 3:18)

When God finally rests, when Christ has completed his work as Savior Judge, when death is destroyed at last, God will stand back and survey the work he has accomplished.

Khi Đức Chúa Trời cuối cùng yên nghỉ, khi Đấng Christ thành toàn công tác của Ngài như Đấng phán xét cứu chuộc, khi cuối cùng sự chết bị tiêu diệt, Đức Chúa Trời sẽ đứng sau lưng và ngắm nhìn công việc mà Ngài đã hoàn thành.

God saw all that he had made, and it was very good. (Gen 1:31)

Đức Chúa Trời thấy mọi việc Ngài đã tạo dựng thật rất tốt đẹp. (Sáng 1:31)

I read this as a prophecy. Right at the beginning of Genesis, we are given a vision of the whole of the creative work that God is accomplishing with us.

Tôi đã đọc điều này như một lời tiên tri. Ngay vào đầu Sáng Thế Ký, chúng ta được ban cho khái tượng về toàn bộ công tác sáng tạo mà Đức Chúa Trời đang hoàn thành với chúng ta.

Summary

Tóm tắt

Through the disciplines of his life, Jesus came to manifest God perfectly. Consequently, he has been appointed as savior and judge on God's behalf. He is entrusted with every aspect of the salvation process, fulfilling God's will in rescuing us from death.

Qua những sự kỷ luật của chính bản thân mình, Chúa Giê-xu đến để bày tỏ Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn. Kết quả là, Ngài được chỉ định làm Đáng Cứu Chuộc và phán xét vì có Đức Chúa Trời. Ngài được tin tưởng với mọi khía cạnh của tiến trình cứu rỗi, hoàn tất ý chỉ của Đức Chúa Trời trong việc cứu chúng ta khỏi sự chết.

Discussion

Thảo luận

1. Are Jesus' dual roles of savior and judge in conflict with one another, or are they mutually supporting? Try to find some examples in everyday life.
2. Is there any sense in which we are supposed to reflect Jesus' dual role as savior judge?
3. What if the savior judge had been born with a human father? Would that have interfered with his ability to be fully unbiased in judgement?
1. Vai trò song hành đối lập của Đáng cứu chuộc và phán xét trong sự mâu thuẫn với nhau, hay chúng hỗ trợ cho nhau? Hãy cố gắng tìm ra một vài ví dụ trong đời sống hàng ngày.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

2. Có ý nghĩa gì trong việc chúng ta được cho là phản ánh vai trò độc lập của Chúa Giê-xu như là Đấng phán xét cứu chuộc?
3. Điều gì sẽ xảy ra nếu Đấng phán xét cứu chuộc được sinh ra bởi một người cha là con người? Điều đó sẽ can thiệp vào trong khả năng của Ngài trong việc hoàn toàn không thiên vị trong sự phán xét?

The present work of Jesus

Công tác hiện nay của Chúa Giê-xu

The Bible tells us that Jesus ascended to heaven after his resurrection, and that he now sits on the Father's throne, at God's right hand. Kinh Thánh cho chúng ta biết rằng Chúa Giê-xu đã thăng thiên về trời sau khi Ngài phục sinh, và giờ đây Ngài ngồi ở Ngai của Cha, bên phải Đức Chúa Trời.

So what is he doing there?

Thế thì Ngài làm gì ở đó?

Is he just waiting until the day comes for him to return to the world in power? Or does he have work to do in the present age?

Có phải Ngài chỉ đang chờ đợi ngày Ngài trở lại thế gian trong quyền năng? Hay Ngài phải thực thi chức vụ trong thời đại này?

Most Christians will probably say that Jesus has a role as an intermediary between ourselves and God, in that he takes our prayers and presents them to the Father. Many might go on to say that he pleads our cause (when we ask for forgiveness), that he adjusts our prayers (when we don't know what to pray for, or how to express ourselves adequately), and that Jesus presents our case to God, seeks forgiveness for us so that we may be reconciled to God.

Hầu hết Cơ Đốc Nhân sẽ có thể nói rằng Chúa Giê-xu đóng một vai trò như là Đấng trung bảo giữa chính chúng ta và Đức Chúa Trời, trong đó Ngài sẽ nhận lời cầu nguyện của chúng ta và dâng chúng cho Cha. Nhiều người có thể tiếp tục nói rằng Ngài thỉnh cầu vì cơ chúng ta (khi chúng ta xin sự tha thứ), rằng Ngài điều chỉnh lời cầu nguyện của chúng ta (khi chúng ta không biết cầu nguyện điều gì, hay phải bày tỏ chính chúng ta một cách đầy đủ như thế nào), và Chúa Giê-xu trình dâng những trường hợp của chúng ta cho Đức Chúa Trời, tìm kiếm sự tha thứ cho chúng ta để chúng ta có thể được phục hòa với Đức Chúa Trời.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

If pressed further, some would draw the parallel with Moses pleading to God to give Israel another chance and God responding and relenting from the destruction he had planned. Jesus gets placed in a similar role: he is greater than Moses, and he is no exalted to God's right hand, and it makes a kind of sense that he intercedes with God on our behalf.

Nếu nhấn mạnh thêm nữa, một số người sẽ đưa đến một sự so sánh với Môi-se khi thỉnh cầu với Đức Chúa Trời ban cho Israel một cơ hội khác và Đức Chúa Trời đáp lời và động lòng thương dừng sự hủy diệt mà Ngài đã định. Chúa Giê-xu thay thế trong vai trò tương tự: Ngài vĩ đại hơn Môi-se, và giờ đây Ngài đã được nâng lên bên phải Đức Chúa Trời, và điều đó mang ý nghĩa là Ngài cầu thay với Đức Chúa Trời vì có chúng ta.

But is all this correct? Is this a Biblical view?

Nhưng tất cả điều này có đúng không? Đây có phải là quan điểm của Kinh Thánh không?

As we've seen a number of times already, it is by asking these kinds of questions that we are able to open up some of the richness that we might otherwise miss in scripture.

Như chúng ta nhìn thấy nhiều lần rồi, chính vì hỏi những câu hỏi loại này mà chúng ta có thể mở rộng thêm sự hiểu biết phong phú mà chúng ta có thể bỏ lỡ trong Kinh Thánh.

Challenging the traditional intercession role

Thách thức vai trò cầu thay theo quan điểm truyền thống

There are a number of passages that appear to support a traditional view of Jesus as our intercessor before God. For example:

Có nhiều đoạn Kinh Thánh xuất hiện hỗ trợ cho quan điểm truyền thống về việc cho là Chúa Giê-xu là người cầu thay cho chúng ta trước Đức Chúa Trời. Ví dụ

Now there have been many of those priests, since death prevented them from continuing in office; but because Jesus lives forever, he has a permanent priesthood. Therefore he is able to save completely those who come to God through him, because he always lives to intercede for them. (Heb 7:23-25)

Xưa nay số lượng thầy tế lễ rất nhiều, vì họ phải chết nên không thể tiếp tục chức vụ. nhưng Đức Chúa Giê-xu giữ lấy chức tế lễ vĩnh viễn vì Ngài tồn tại đời đời. Bởi đó, Ngài có thể cứu toàn vẹn những người nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời vì Ngài hằng sống để cầu thay cho những người ấy. (Hê 7:23-25).

At first sight, it looks like Jesus goes into God's temple in heaven, and intercedes with God on our behalf.

Thoạt nhìn, giống như là Chúa Giê-xu đi vào trong đền thờ của Đức Chúa Trời trên thiên đàng, và cầu thay với Đức Chúa Trời vì có chúng ta.

However, there are a number of other scriptures that seriously challenge this traditional perspective. We'll look at three in turn, and then step back to see what we should make of it all. Let me warn you ahead of time: this is another unraveling chapter, and it may make us uncomfortable for a while.

Tuy nhiên có nhiều đoạn Kinh Thánh khác thách thức rất lớn với quan điểm truyền thống rất quan trọng này. Chúng ta sẽ lần lượt xem xét ba chỗ và sau đó trở lại để xem điều chúng ta nên suy nghĩ về nó như thế nào. Tôi xin cảnh báo với các bạn trước: Đây là một chương làm sáng tỏ khác, và nó có thể khiến chúng ta khó chịu trong một lúc.

*Jesus rejects being a go-between
Chúa Giê-xu phủ nhận vai trò trung gian*

We begin with Jesus himself. Astonishingly (to me at least) Jesus says that it is *not* his role to be a go-between in the way commonly understood.

Chúng ta bắt đầu với chính Chúa Giê-xu. Thật đáng kinh ngạc (ít nhất là với tôi) Chúa Giê-xu nói như thể đó *không phải* là vai trò trung gian theo cách mà người ta thường hiểu.

In that day you will ask in my name. I am not saying that I will ask the Father on your behalf. No, the Father himself loves you because you have loved me and have believed that I came from God. (John 16:26-27)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Trong ngày ấy, các con sẽ nhân danh Ta mà cầu xin. Ta không nói rằng Ta sẽ vì các con mà cầu xin Cha đâu vì chính Cha yêu thương các con, bởi các con đã yêu mến Ta và tin rằng Ta từ Đức Chúa Trời đến. (Giăng 16:26-27)

The context is that the last supper has just taken place. Jesus and his disciples have left the upper room and are walking through the streets of Jerusalem, towards the outskirts of the city where he is about to offer his extended prayer (in John 17), before crossing the Kidron en route to the garden of Gethsemane. It is in this very urgent and tense situation that he revealed this to them.

Bối cảnh đó là vào lúc bữa ăn cuối cùng vừa diễn ra. Chúa Giê-xu và môn đồ của Ngài rời phòng ăn trên cao và đang đi dọc qua những con đường của Giê-ru-sa-lem, đến vùng ngoại ô của thành nơi Ngài sắp dâng những lời cầu nguyện liên tục (trong Giăng đoạn 17), trước khi băng qua con đường Kít-rôn để đến vườn Ghết-sê-ma-nê. Đó là tình huống rất khẩn cấp và căng thẳng lúc Ngài bày tỏ điều này cho họ.

Let's paraphrase it: "Don't think," he says, "when you pray in my name that I will be taking your message to the Father. It's not like that at all. You will be able to deal directly with the Father. He loves you, because you have loved me and believed in me."

Hãy diễn giải điều này: Ngài phán "đừng nghĩ" "khi các con cầu nguyện trong danh ta, Ta sẽ đem thông điệp đó đến với Cha. Không giống như thế đâu. Con sẽ có thể xin trực tiếp với Cha. Ngài yêu các con vì Ngài yêu Ta và tin Ta"

So that's the first challenge: Jesus says he will not be in the role of an intermediary in our prayers. We can pray to the Father directly.

Vì thế đó là thách thức đầu tiên: Chúa Giê-xu nói Ngài sẽ không ở trong vai trò trung gian trong lời cầu nguyện của chúng ta. Chúng ta có thể cầu nguyện trực tiếp với Cha.

*Jesus has authority himself
Chúa Giê-xu có thẩm quyền của chính Ngài*

Here's a second challenge. Remember the incident in Jesus' ministry when the paralytic was let down through the roof of the house? There he was, lying on the floor at Jesus' feet, unable to move, Jesus says to him "Son, your sins are forgiven." The Pharisees said he was

speaking blasphemy – no one can forgive sins but God alone. Jesus’ response is definitive.

Đây là thách thức thứ hai. Hãy nhớ về sự kiện trong chức vụ của Chúa Giê-xu khi người bại liệt được thông xuống từ mái nhà? Lúc đó ông ta đang nằm trên sàn nhà dưới chân Chúa Giê-xu, không thể cử động được. Chúa Giê-xu nói với ông “Con trai, tội lỗi con được tha.” Người Pha-ri-si nói Ngài đang nói phạm thượng – không ai ngoài Đức Chúa Trời có thể tha thứ tội lỗi. Lời đáp của Chúa Giê-xu rất rõ ràng:

Which is easier: to say, ‘Your sins are forgiven,’ or to say, ‘Get up and walk’? But that you may know that the Son of Man has authority on earth to forgive sins...’ he said to the paralyzed man, ‘I tell you, get up, take your mat and go home.’ Immediately he stood up in front of them, took what he had been lying on and went home praising God. (Luke 5:23-25)

Giữa hai cách nói: ‘Tội lỗi con đã được tha,’ hoặc: ‘Hãy đứng dậy bước đi,’ cách nào dễ hơn? Nhưng để các ngươi biết rằng Con Người ở thế gian có thẩm quyền tha tội...” Ngài phán với người bại liệt: “Ta bảo con: Hãy đứng dậy, vác giường trở về nhà!” Lập tức người bại liệt đứng dậy trước mặt họ, vác giường mình đã nằm và đi về nhà, tôn vinh Đức Chúa Trời. (Lu-ca 5:23-25)

The man took up his bed and walked out, healed and forgiven!

Người đàn ông đã đứng dậy vác giường đi, được chữa lành và được tha thứ!

What was the one lesson Jesus wanted us all to learn from this? It was this: that he *personally had the authority to forgive sin!*

Bài học mà Chúa Giê-xu muốn tất cả chúng ta học là gì? Đó là điều này: cá nhân Ngài có thẩm quyền tha thứ tội lỗi!

Now all this was *before* his death and resurrection. Do we seriously imagine that our Lord has any *less* authority now, seated at God’s right hand? He himself says,

Giờ đây tất cả đều là *trước khi* Ngài chết và sống lại. Chúng ta có nghiêm túc nghĩ về điều mà Chúa chúng ta lại có ít thẩm quyền hơn bây giờ, khi Ngài ngự ở bên phải Đức Chúa Trời? Chính Ngài phán,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

*All authority in heaven and on earth has been given to me
(Matt 28:18)*

*Tất cả thẩm quyền trên trời dưới đất đã giao cho Ta.
(Ma 28:18)*

Our Lord, who had authority to forgive sins in the days of his flesh, has all that authority and more in his glorified state. Stephen knows this. In his final moment, as the stones are being hurled, he prays to Jesus to forgive those who are murdering him.

Chúa chúng ta, Đấng có thẩm quyền tha thứ tội lỗi trong những ngày Ngài còn ở trong thân xác con người, có tất cả những thẩm quyền đó và hơn thế nữa trong vị trí vinh quang của Ngài. A-tiên biết điều này. Trong những giây phút cuối cùng của ông, khi những viên đá được ném vào ông, ông cầu nguyện với Chúa Giê-xu xin tha thứ cho những người đang giết chết ông.

While they were stoning him, Stephen prayed, “Lord Jesus, receive my spirit.” Then he fell on his knees and cried out, “Lord, do not hold this sin against them.” When he had said this, he fell asleep. (Acts 7:59-60).

Khi họ đang ném đá thì Ê-tiên cầu nguyện rằng: “Lạy Chúa là Đức Chúa Giê-xu xin tiếp lấy linh hồn con.” Rồi ông quỳ xuống, kêu lớn: “Lạy Chúa, xin đừng quy tội này cho họ!” Vừa dứt lời thì ông ngủ. (Công Vụ 7:59-60)

So then, as Jesus already has the authority to forgive, why would he need to go to the Father and say, “Please forgive their sins, for my sake” when he has that power himself? It just doesn’t make sense.

Thế thì, khi Chúa Giê-xu có thẩm quyền tha thứ tội lỗi, tại sao Ngài cần đến với Cha và nói rằng, “xin tha thứ cho tội lỗi của họ, vì con” khi chính Ngài có uy quyền đó? Điều này không có nghĩa như vậy.

*Jesus reflects the Father perfectly
Chúa Giê-xu phản ánh Cha một cách trọn vẹn*

There’s a third challenge to consider. This one comes from a principle discussed just before Jesus leaves the upper room of the last supper.

Đây là thách thức thứ ba cần xem xét. Điều này đến từ một tín lý được bàn luận ngay trước khi Chúa Giê-xu rời phòng cao của bữa ăn cuối cùng

Philip said, 'Lord, show us the Father and that will be enough for us.' Jesus answered: 'Don't you know me, Philip, even after I have been among you such a long time? Anyone who has seen me has seen the Father. How can you say, 'Show us the Father'? Don't you believe that I am in the Father, and that the Father is in me? The words I say to you are not just my own. Rather, it is the Father, living in me, who is doing his work. (John 14:8-10).

Phi-líp thưa rằng: “Thưa Chúa, xin chỉ Cha cho chúng con thì đủ rồi. Đức Chúa Giê-xu đáp: “Phi-líp ơi, Ta đã ở với các con lâu rồi, mà các con chưa biết Ta! Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha. Tại sao con lại nói: ‘Xin chỉ Cha cho chúng con’? Có phải con không tin rằng Ta ở trong Cha và Cha ở trong Ta chăng? Những lời Ta nói với các con không phải Ta tự nói, nhưng chính Cha là Đấng ở trong Ta đang làm những việc của Ngài. (Giăng 14:8-10)

Jesus' reply to Philip's request is, “Don't you realize what I have been doing for the past three and a half years, Philip? I *have been* showing you the Father. Everything I have been saying and doing has been designed to reveal my Father to you.”

Câu trả lời của Chúa Giê-xu cho yêu cầu của Phi-líp là, “Con không nhận ra là Ta đang ở giữa các con ba năm rưỡi qua sao Phi-líp? Ta đang bày tỏ Cha cho các con đây. Mọi điều mà Ta đang nói và làm đây để bày tỏ Cha cho các con.”

This was the whole tenor of Jesus' life, as we've already examined in some detail. His life was devoted to reflecting what the Father would feel about *this* situation, or what he would do or say in *that* situation, and then acting accordingly.”I do only those things which I have seen of my Father, which I have learned of my Father, which the Father has taught me,” and so on.

Đây là toàn bộ tiến trình trong trọn cuộc đời Chúa Giê-xu, như chúng ta đã nghiên cứu rồi trong một vài chi tiết. Cuộc đời của Ngài đã được tận hiến cho việc phản ánh điều Cha sẽ cảm nhận về tình huống

THAY ĐỔI CHÚNG TA

này là gì, hay điều Ngài sẽ thực hiện hay công bố trong tình huống đó là gì, và sau đó hành động theo hướng đó.” Ta chỉ làm những điều mà Ta nhìn thấy ở Cha Ta, mà Ta đã học từ Cha Ta, điều mà Cha Ta đã dạy dỗ Ta,” và còn nữa.

This is what Jesus’ life was all about: he was completely attuned to his Father’s will. So here in John 14 he says, “If you want to know what God is like, look at me!”

Đây là điều mà cả cuộc đời Chúa Giê-xu nói về: Ngài hoàn toàn thuận theo ý chỉ của Cha. Và ở đây trong Giảng đoạn 14 Ngài nói, “Nếu anh em muốn biết Đức Chúa Trời như thế nào, hãy nhìn vào Ta!”

If ever we want to know how *loving* God is, we should look at Jesus and see when he showed love, and kindness, and compassion.

Nếu có bao giờ chúng ta muốn biết Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta thế nào, thì chúng ta nên nhìn vào Chúa Giê-xu khi Ngài bày tỏ tình yêu thương, sự giúp đỡ và cảm thông.

If ever we want to know how *concerned* God is about our salvation, we should look at Jesus grieving that the people are as sheep without a shepherd, and doing everything possible to meet their needs.

Nếu có bao giờ chúng ta muốn biết Đức Chúa Trời đã *quan tâm* đến sự cứu rỗi của chúng ta như thế nào, thì chúng ta nên nhìn vào Chúa Giê-xu đã đau lòng khi nhìn thấy đoàn dân như bầy chiên không có người chăn, và làm mọi điều có thể để đáp ứng nhu cầu của họ.

If ever we want to know how *angry* God can be, we should look at Jesus, and see the fire blazing within as he makes a whip and cleanses the temple. We look to the Son, because he displays the Father in all the dimensions of the Father’s character.

Nếu có bao giờ chúng ta muốn biết Đức Chúa Trời có thể nổi giận như thế nào, chúng ta nên nhìn vào Chúa Giê-xu, và nhìn thấy ngọn lửa thiêu đốt khi Ngài bện roi da và dọn sạch đền thờ. Chúng ta nhìn về Con, vì Ngài bày tỏ Cha trong tất cả chiều kích trong tính cách của Cha.

But this means that Jesus is neither more strict, nor more lenient than the Father. He makes exactly the same judgement calls as his Father!

Nhưng điều này có nghĩa rằng Chúa Giê-xu không nghiêm khắc hay

không khoan dung hơn Cha. Ngài thi hành chính xác sự phán xét tương tự như Cha Ngài!

The Father judges rightly, for he is righteous and true altogether. (Ps 145:17)

Đức Giê-hô-va là công chính trong mọi đường lối Ngài, và đầy nhân từ trong mọi công việc Ngài. (Thi 145:17)

So how could the Father possibly give all judgement to the Son if the Son were to come to different conclusions? It is only because the Son is perfectly attuned to the will of the Father that he has been appointed judge of heaven and earth.

Thế thì làm thế nào Cha có thể ban tất cả quyền phán xét cho Con nếu Con đưa ra những kết luận khác? Chỉ vì Con thuận hoàn toàn theo ý chỉ của Cha, Đấng chỉ định Ngài phán xét trời và đất.

Of necessity, though, this means that there is no occasion where God would want to forgive and the Son would not, nor vice versa. If Jesus wants to forgive, then that's because it's the right thing to do. So how could there be a situation where Jesus would need to plead our cause to the Father?

Dù vậy, trong lúc cần thiết, điều này có nghĩa là không có trường hợp nào Đức Chúa Trời muốn tha thứ mà Con lại không, hay ngược lại. Nếu Chúa Giê-xu muốn tha thứ, thì đó là vì việc đó là đúng đắn. Vậy thì làm thế nào lại có trường hợp khi Chúa Giê-xu lại phải thỉnh cầu với Cha vì cơ chúng ta?

*We need to read carefully
Chúng ta cần đọc một cách cẩn thận*

These are three serious challenges to the common view that Jesus takes our prayers to the Father and presents our case to God. To summarize:

Đây là ba thách thức nghiêm trọng cho quan điểm chung rằng Chúa Giê-xu đưa lời cầu nguyện của chúng ta lên cho Cha và trình dâng trường hợp của chúng ta lên Đức Chúa Trời. Để tóm tắt:

- ▶ Jesus says explicitly that he won't be this 'middleman' between us and the Father. We can pray directly to the Father.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

- Chúa Giê-xu nói rõ ràng rằng Ngài không là ‘người trung gian’ giữa chúng ta và Cha. Chúng ta có thể cầu nguyện trực tiếp với Cha.
- He also says, and demonstrated in his ministry, that he personally had the authority to forgive sins. It was true then. It is still true now.
- Ngài cũng nói, và bày tỏ trong chức vụ của Ngài, rằng cá nhân Ngài có thẩm quyền tha thứ tội lỗi. Đó là sự thật lúc đó. Đó vẫn là sự thật cho đến bây giờ.
- He goes to great lengths to demonstrate that he is perfectly in tune with his Father’s will. There is no conflict or debate between them whether it would or would not be appropriate to forgive sins.
- Ngài mở rộng lớn ra để bày tỏ rằng Ngài hoàn toàn cùng tiếng nói với ý muốn của Cha. Không có mâu thuẫn hay tranh luận giữa Cha và Con liệu là sẽ tha hay không tha tội.

So what do we make of this?

Chúng ta nghĩ thế nào về điều này?

I dare say many readers may be uncomfortable at this point. Again, I encourage you to bear with me. After all, apparent Scriptural conflicts are quite common: when you read one passage it seems to say one thing, and when you read another it seems to say something contradictory. This is exactly the situation we find ourselves in now.

Tôi dám nói rằng nhiều độc giả có thể khó chịu ở điểm này. Một lần nữa, tôi khuyến khích các bạn hãy chịu đựng tôi. Sau cùng thì, những mâu thuẫn trong Kinh Thánh rõ ràng là khá phổ biến: Khi bạn đọc một đoạn Kinh Thánh, dường như nó nói về một điều, và khi bạn đọc một đoạn khác thì dường như nó nói về điều gì đó mâu thuẫn. Đây chính xác là tình huống mà chúng ta có thể nhận thấy chính mình đang gặp vào lúc này.

What do we do when we come across these apparent conflicts?

Chúng ta làm gì khi chúng ta tình cờ gặp những mâu thuẫn rõ ràng này?

We dig deeper.

Chúng ta nên nghiên cứu sâu hơn.

We compare and contrast multiple passages and look for what the weight of Scripture is really telling us. In my experience, every time we do this, the apparent contradictions evaporate so long as we are prepared to give up our preconceived ideas and understanding. Moreover, not only do the contradictions evaporate, but the truths we discover in the process are far richer than the conceptions we had previously.

Chúng ta so sánh và đối chiếu nhiều đoạn Kinh Thánh và tìm ra điều mà Kinh Thánh thật sự muốn nói với chúng ta. Trong kinh nghiệm của tôi, mỗi lúc chúng ta làm điều này, những mâu thuẫn rõ ràng này sẽ biến mất nếu chúng ta sẵn sàng bỏ đi những ý tưởng và sự hiểu biết mà chúng ta định trước. Hơn nữa, không những sự mâu thuẫn biến mất, mà những chân lý mà chúng ta khám phá trong tiến trình lại phong phú hơn những suy nghĩ mà chúng ta có trước đây.

So let us pause at this point, before resolving the issue, and be aware of the challenge posed by the words from the spirit.

Vì thế hãy dừng ở điểm này, trước khi giải quyết vấn đề, hãy chú ý đến thách thức bày ra bởi lời của Thánh Linh.

Summary

Tóm tắt

The popular idea that Jesus is interceding with God on our behalf runs into many problems when it is examined in detail. Jesus himself denies that this is his role, and it is inconsistent with who he is, and with the authorities that have already been granted to him.

Ý tưởng phổ biến cho rằng Chúa Giê-xu đang cầu thay với Đức Chúa Trời vì lợi ích của chúng ta đã đụng phải khá nhiều nan đề khi được xem xét một cách chi tiết. Chính Chúa Giê-xu cũng phủ nhận rằng đây là chức vụ duy nhất của Ngài, và điều này không liên tục với những người theo Ngài, và với thẩm quyền đã được ban cho Ngài rồi.

Discussion

Thảo luận

1. Prior to reading this section, what was your understanding of the present work of Jesus? What is he doing today?
1. Trước khi đọc phần này, sự hiểu biết của bạn về công tác hiện nay của Chúa Giê-xu như thế nào? Ngài đang làm gì ngày nay?
2. Can you think of any passages that supported (or seemed to support) your prior view? List them out so that you can make sure not to forget about them later.
2. Bạn có thể nghĩ về bất kỳ đoạn Kinh Thánh nào hỗ trợ (hay dường như hỗ trợ) cho quan điểm trước đây của bạn? Hãy liệt kê ra để bạn đảm bảo là không quên chúng sau này.
3. Which of the arguments presented here did you find compelling (if any)?
3. Những tranh luận nào được trình bày ở đây mà khiến bạn nhận thấy thuyết phục (nếu có)?
4. Discuss together how it feels when you find some of your beliefs or understandings challenged.
4. Hãy cùng nhau thảo luận xem bạn cảm thấy thế nào khi bạn nhận thấy một số niềm tin hay sự hiểu biết của bạn bị thách thức.

Jesus as mediator

Chúa Giê-xu là Đấng Trung Bảo

In the last section, we presented some challenges to the widespread teaching in Christianity that Christ's present work in heaven is to intercede with God on our behalf. In this section, we will seek to find a resolution to apparent contradictions we have uncovered.

Trong phần vừa qua, chúng ta đã trình bày một số thách thức về việc giảng dạy phổ biến trong cộng đồng Cơ Đốc rằng công tác hiện nay của Đấng Christ trên thiên đàng là cầu thay với Đức Chúa Trời vì lợi ích của chúng ta. Trong phần này, chúng ta sẽ tìm ra một giải pháp cho những mâu thuẫn rõ ràng mà chúng ta chưa khám phá.

Biases in translations

Sự không tương đồng trong những bản dịch

As we reexamine the relevant scriptures, we must take care lest we unwittingly allow ourselves to be influenced by our background assumptions. In this case we have an extra challenge, because we have also to wrestle with the bias of the translators of the Bible.

Khi chúng ta xem xét lại những đoạn Kinh Thánh thích hợp, chúng ta phải chú ý để chúng ta không đưa mình đến việc chịu tác động bởi chính sự giả định theo những gì chúng ta đã có. Trong trường hợp này chúng ta có thêm một sự thách thức nữa, vì chúng ta cũng phải tranh chiến với sự không tương đồng của các dịch giả Kinh Thánh.

Let me give you an example. Consider a passage in 1 John. First read the RSV (the KJV is similar).

Hãy để tôi cho bạn một ví dụ. Hãy xem xét một đoạn trong I Giăng. Đầu tiên hãy đọc RSV (Bản Kinh James cũng tương tự như vậy).

My little children, I am writing this to you so that you may not sin; but if any one does sin, we have an advocate with the Father, Jesus Christ the righteous; (1 John 2:1)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Hỡi các con yêu dấu của ta, ta viết thư này cho các con để các con không thể phạm tội; nhưng nếu bất kỳ ai không phạm tội, chúng ta có một người biện hộ với Cha, Đấng Christ Giê-xu Đấng Công Chính (1 Giăng 2:1)

This is pretty close to the Greek original. Perhaps the choice of the word ‘advocate’ could suggest someone arguing our case in a legal context, which I will later suggest is not quite right.

Cách dịch này khá gần với nguyên bản tiếng Hy-lạp. Có lẽ sự chọn lựa từ ‘người biện hộ’ có thể đề nghị về ai đó tranh kiện cho chúng ta trong một vụ án, mà tôi cho là không đúng lắm.

But the NIV goes overboard. This is what it says:

Nhưng bản NIV thì đi quá mức. Đây là điều bản này diễn dịch:

My dear children I write this to you so that you will not sin. But if anyone does sin, we have one who speaks to the Father in our defense, Jesus Christ the Righteous One.

Hỡi các con yêu dấu của ta, ta viết điều này cho các con để các con sẽ không phạm tội. Nhưng nếu có ai phạm tội, chúng ta có một Đấng sẽ nói với Cha để bảo vệ chúng ta, Đấng đó là Đấng Christ, Đấng Công Chính.

Now that’s not translating the Greek text. It’s adding whole concepts under the guise of dynamic equivalence. The whole phrase “one who speaks... in our defense” is an interpretation that has been inserted as if it is in the text itself. The NIV, though a marvelous translation in so many ways, is here reflecting the doctrinal bias of its scholarship.

Đây không phải là đang dịch theo bản tiếng Hy-lạp. Nó đang thêm vào toàn bộ ý tưởng theo cách dùng so sánh tương đồng năng động. Cả cụm từ “Đấng nói... để bảo vệ chúng ta” là một phần dịch được thêm vào như thể nó nằm ở trong chính bản văn. Bản NIV, dù là một bản dịch tuyệt vời trên nhiều phương diện, ở đây lại phản ánh sự không tương đồng mang tính tín lý của học giả của họ.

So what does the verse actually say? The word translated ‘advocate’ by the RSV is the word *parakletos*, the same word Jesus uses in

John 14 when he describes the ‘*comforter*’ or ‘*counselor*’ he is going to send them to help them. Literally the word ‘*parakletos*’ simply means *helper*, and that is exactly the sense it has in John 14. To make this clear, just imagine going back into John 14, and repeatedly inserting the phrase “one who speaks to the Father in our defense” every time Jesus talks about the comforter being there to support the disciples. You would soon get the idea that it doesn’t make sense.

Thế thì câu này thực sự muốn nói gì? Từ được dịch theo bản RSV ‘người biện hộ’ là từ *parakletos*, từ tương tự với từ mà Chúa Giê-xu sử dụng trong Giăng 14 khi Ngài mô tả về ‘Đấng yên ủi’ hay “Đấng Mưu Luận’ Ngài sẽ đưa họ đến giúp chúng ta. Về nghĩa đen, từ ‘*parakletos*’ chỉ có nghĩa là *người giúp đỡ*, và từ đó có ý nghĩa chính xác trong Giăng 14. Để làm rõ điều này, hãy nghĩ trở lại Giăng 14, là nhấn mạnh liên tục về cụm từ “Đấng nói với Cha để biện hộ cho chúng ta” mỗi lúc Chúa Giê-xu nói về Đấng Yên Ủi ở đó để giúp đỡ cho các môn đồ. Bạn sẽ sớm hiểu được ý tưởng này có ý nghĩa như vậy.

So taking the translation of *parakletos* to be *helper*, the verse we were considering (1 John 2:1) is simple telling us “if any one does sin, we have a *helper* with the Father, Jesus Christ the righteous.” This accords with Jesus’ own teaching in John 14:18, where he states that the *parakletos* is his own spiritual presence coming among them ¹. But we are getting ahead of ourselves. For the moment our purpose is simply to demonstrate the kind of doctrinal bias that can creep into our thinking with a little help from the translators, *i. e.* that we have “one who speaks to the Father in our defense.” That is *not* what the Greek text says.

Vì thế hãy xem xét cách dịch từ *parakletos* là *người giúp đỡ*, câu mà chúng ta đang xem xét (I Giăng 2:1) chỉ nói với chúng ta ‘nếu có ai đó phạm tội, chúng ta có một người giúp đỡ với Cha, Đấng Christ Giê-xu, Đấng Công Chính.’ Điều này phù hợp với lời dạy của chính Chúa Giê-xu trong Giăng 14:18, khi Ngài công bố rằng *parakletos* là chính Thần của Ngài đến giữa họ. Nhưng chúng ta đã đi trước chính chúng ta. Trong một khoảnh khắc nào đó, mục đích của chúng ta chỉ

¹*Perhaps in the form of the Angels of the Presence” referred to elsewhere in the Bible*

THAY ĐỔI CHÚNG TA

là thể hiện kiểu không tương đồng mang tính chất tín lý đi vào trong suy nghĩ của chúng ta với một ít sự trợ giúp của người dịch, *nghĩa là* chúng ta có “một người nói với Cha để biện hộ cho chúng ta.” Đó *không phải* là điều mà bản văn Hy-lạp muốn nói.

Mediator *Đấng trung bảo*

So let's return to our main point: the role of Jesus today.

Vì thế chúng ta hãy trở lại điểm chính của chúng ta: vai trò của Chúa Giê-xu ngày nay.

Let's think about Jesus as mediator. Now I've been quite careful in my words. I didn't use the phrase “Jesus our mediator” even though it is in popular usage, because, surprisingly enough, it is actually *not* a Biblical phrase, at least not quite.

Chúng ta hãy nghĩ về Chúa Giê-xu như là Đấng trung bảo. Giờ đây tôi khá cẩn trọng trong những lời của tôi. Tôi không sử dụng cụm từ “Chúa Giê-xu, Đấng Trung Bảo” dù nó đang được dùng một cách phổ biến, vì, khá ngạc nhiên là, đó thật sự *không phải* là cụm từ trong Kinh Thánh, ít nhất là không hoàn toàn như vậy.

The Bible at no point describes Jesus as ‘our’ mediator. Rather, Jesus is always presented to us as a mediator sent by God, and in particular, as the mediator of the new covenant. As we will see, this makes a considerable difference.

Không có chỗ nào Kinh Thánh mô tả Chúa Giê-xu như là Đấng Trung Bảo *của chúng ta*. Thay vào đó, Chúa Giê-xu luôn được bày tỏ với chúng ta như là một Đấng Trung Bảo được Đức Chúa Trời sai đến, và đặc biệt, như là Đấng Trung Bảo của giao ước mới. Như chúng ta sẽ thấy, điều này tạo nên một sự khác biệt đáng kể.

To convince ourselves of this Biblical usage we'll look at all the passages in the New Testament that mention *mediator*. There are only five of them.

Để thuyết phục chính chúng ta về cách dùng trong Kinh Thánh, chúng ta sẽ xem xét tất cả những đoạn Kinh Thánh trong Tân Ước đề cập đến Đấng Trung Bảo. Chỉ có năm lần.

We start with Paul's first letter to Timothy:

Chúng ta bắt đầu với Thư Tín Thứ Nhất của Phao-lô gửi Ti-mô-thê:

... God our Savior, who wants all men to be saved and to come to a knowledge of the truth. For there is one God and one mediator between God and men, the man Christ Jesus, who gave himself as a ransom for all men – the testimony given in its proper time. And for this purpose I was appointed a herald and an apostle... (1 Tim 2:3-7).

...Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta, là Đấng muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý. Vì chỉ có một Đức Chúa Trời và chỉ có một Đấng Trung Bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người, là Đấng Christ Giê-xu, cũng là người, Ngài đã phó chính mình làm giá chuộc mọi người, là lời chứng được ban cho đúng thời điểm. Vì lời chứng ấy, ta đã được cử làm người truyền giảng và sứ đồ... (1 Tim 2:3-7)

In this passage Paul starts with the idea of God being our savior. This is a fundamental truth which we've examined already. God is the one who saves us. He is our *Savior*. It is by extension that the Lord Jesus is also our Savior, because he is a manifestation of the Father and was instrumental in carrying out God's plan. Salvation starts with God.

Trong đoạn Kinh Thánh này, Phao-lô bắt đầu với ý tưởng về Đức Chúa Trời là Đấng cứu chuộc của chúng ta. Đây là một chân lý căn bản mà chúng ta đã xem xét rồi. Đức Chúa Trời là Đấng cứu chuộc chúng ta. Ngài là Đấng cứu chuộc của chúng ta. Điều này cũng được mở rộng ra là Chúa Giê-xu cũng là Đấng cứu chuộc của chúng ta, vì Ngài là sự bày tỏ của Cha và là công cụ trong việc thực hiện chương trình của Đức Chúa Trời. Sự cứu rỗi bắt đầu với Đức Chúa Trời.

Given this context, look at what the 'mediator' did. He gave himself as a testimony, given at the proper time. To whom was he testifying? To God, or to humanity? As soon as we ask the question the answer is obvious. God didn't need the testimony. We did. Christ Jesus was testifying to humanity.

Từ bối cảnh được nghiên cứu này, hãy nhìn vào điều mà 'đấng trung bảo' đã làm. Ngài dâng chính Ngài như một lời chứng, được ban cho đúng kỳ. Ngài đang làm chứng cho ai? Cho Đức Chúa Trời hay

THAY ĐỔI CHÚNG TA

cho loài người? Ngay khi chúng ta hỏi câu hỏi này thì câu trả lời đã rõ. Đức Chúa Trời không cần lời chúng. Chúng ta cần. Chúa Giê-xu đang làm chứng cho loài người.

The whole thrust of this passage is: *from God, to humanity.*

Toàn bộ sự tác động trong đoạn Kinh Thánh này là từ Đức Chúa Trời, đến loài người.

God, the author of salvation, is working through Christ to bring the knowledge of the truth to men and women. That work then continues through the apostles who take it from Christ, and continue his work. Throughout all this, the direction is from God to humanity. Jesus is the appointed mediator of that message of truth and salvation.

Đức Chúa Trời, tác giả của sự cứu rỗi, đang vận hành qua Đấng Christ để mang sự hiểu biết về chân lý đến cho những người nam và người nữ. Công tác đó sau đó tiếp tục qua các sứ đồ, những người nhận lãnh từ Đấng Christ, và tiếp tục công tác của Ngài. Qua tất cả những điều này, sự hướng dẫn là từ Đức Chúa Trời đến với nhân loại. Chúa Giê-xu là Đấng trung bảo được chỉ định đem sứ điệp về chân lý và sự cứu rỗi đến cho mọi người.

In everyday speech we speak of ‘a medium of instruction,’ or ‘the media,’ meaning TV, radio and newspapers. The medium is the channel through which a message flows. The message is *mediated* through the channel.

Trong những cách nói hàng ngày của chúng ta về ‘trung gian hướng dẫn’ hay ‘media’, nghĩa là TV, radio và báo chí. Trung gian là kênh mà qua đó một thông điệp được chuyển đi. Thông điệp được chuyển qua kênh.

So it is here. Jesus is the medium through which God speaks to us. He is the *mediator* of the message, which was the ransom, the testimony.

Ở đây cũng vậy. Chúa Giê-xu là trung gian mà qua đó Đức Chúa Trời phán với chúng ta. Ngài là Đấng trung bảo để chuyển giao sứ điệp, đó là sự chuộc tội, là lời chứng.

Again, note the direction. We did not pick Jesus as our representative to talk to God. Not at all! It is entirely the other way round. God has appointed Jesus as *his* representative to reach out and communicate with us.

Một lần nữa, hãy chú ý sự hướng dẫn. Chúng ta không chọn Chúa Giê-xu như là người đại diện của chúng ta để thưa chuyện với Đức Chúa Trời. Hoàn toàn không phải như vậy! Đó hoàn toàn là suy nghĩ theo hướng khác. Đức Chúa Trời đã chỉ định Chúa Giê-xu như là người đại diện của Ngài để vươn ra và tương giao với chúng ta.

Same idea in Hebrews

Ý tưởng tương tự trong Thư Hê-bơ-rơ

Most of the other passages about ‘mediator’ occur in Hebrews. Here’s the first.

Hầu hết những phân đoạn Kinh Thánh về ‘Đấng trung bảo’ xuất hiện trong Thư Hê-bơ-rơ. Đây là câu đầu tiên.

How much more, then, will the blood of Christ, who through the eternal Spirit offered himself unblemished to God, cleanse our consciences from acts that lead to death, so that we may serve the living God! For this reason Christ is the mediator of a new covenant, that those who are called may receive the promised eternal inheritance – now that he has died as a ransom to set them free from the sins committed under the first covenant. (Heb 9:14-15)

Thì huyết chi huyết của Đấng Christ, là Đấng nhờ Thánh Linh đời đời, dâng chính mình không tì vết cho Đức Chúa Trời, sẽ tẩy sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết, để phục vụ Đức Chúa Trời hằng sống bội phần hơn là đường nào! Vì lý do đó, Ngài là Đấng Trung Gian của giao ước mới; nhờ đó, những người được kêu gọi có thể nhận lãnh cơ nghiệp đời đời đã hứa cho mình, vì Ngài lấy cái chết để chuộc tội lỗi họ đã phạm dưới giao ước thứ nhất. (Hê 9:14-15)

Look at the sense in which Christ is mediator. He is the ‘mediator’ of the new covenant.

Hãy nhìn vào ý nghĩa trong đó nói về Đấng Christ là Đấng trung bảo. Ngài là ‘Đấng trung bảo’ của giao ước mới.

Where does that covenant come from? Did we come up with the idea? Of course not! It was God’s idea. He developed the plan, and he sent Christ to bring the glad message to us. Christ mediates the new covenant, bringing it from God to us.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Giao ước đến từ đâu? Chúng ta có nghĩ ra ý tưởng này không? Dĩ nhiên là không! Đó là ý tưởng của Đức Chúa Trời. Ngài đã tiếp tục chương trình này, và Ngài phái Đấng Christ mang sứ điệp vui mừng đến với chúng ta. Đấng Christ làm trung gian mang giao ước mới từ Đức Chúa Trời đến với chúng ta.

We have exactly the same teaching and emphasis a couple of chapter later.

Chính xác là chúng ta có cùng sự giảng dạy và nhấn mạnh tương tự trong một vài chương sau đó.

But you have come to Mount Zion, to the heavenly Jerusalem, the city of the living God. You have come to thousands upon thousands of angels in joyful assembly, to the church of the firstborn, whose names are written in heaven. You have come to God, the judge of all men, to the spirits of righteous men made perfect, to Jesus the mediator of a new covenant, and to the sprinkled blood that speaks a better word than the blood of Abel. (Heb 12:22-24)

Nhưng anh em đã gần núi Si-ôn, gần thành của Đức Chúa Trời hằng sống, tức là Giê-ru-sa-lem trên trời, gần muôn nghìn thiên sứ đang quây quần vui vẻ, gần hội thánh của những con trưởng được ghi tên trong các tầng trời. Anh em đến gần Đức Chúa Trời là Đấng Phán xét mọi người, gần tâm linh người công chính được trọn lành, gần Đức Chúa Giê-xu, Đấng Trung Gian của giao ước mới, tức là gần huyết rưới ra, là huyết tốt hơn huyết của A-bên vậy. (Hê 12:22-24)

Again, the Lord Jesus is *God's* mediator, bringing the covenant to us. He is not *our* mediator, appointed to present our case to God. That idea is completely absent from these verses. The direction is from God to man.

Một lần nữa, Đức Chúa Giê-xu là Đấng trung bảo của Đức Chúa Trời, mang giao ước đến với chúng ta, Ngài không phải là Đấng trung bảo *của chúng ta*, được chỉ định để trình vấn đề của chúng ta cho Đức Chúa Trời. Ý tưởng này hoàn toàn không có trong những câu này. Sự chỉ dẫn là từ Đức Chúa Trời đến con người.

The situation under the Old Testament was directly parallel, Moses wasn't chosen by Israel to present their case to God. Quite the reverse. God chose Moses as *his* representative, gave him the ten commandments and the words of the covenant on Sinai, and Moses then had to present it all to the people. He had to 'mediate' the covenant between God and man. The direction was the same. And this is the point of the final occurrences of the mediator word in the New Testament.

Tình trạng này theo Cựu Ước cũng là một sự song hành trực tiếp. Môi-se không phải do dân Israel chọn lựa để trình dâng nan đề của họ cho Đức Chúa Trời. Hoàn toàn ngược lại, Đức Chúa Trời đã chọn lựa Môi-se như là người đại diện *của Ngài*, ban cho ông mười điều răn và lời giao ước trên Sinai, và Môi-se sau đó đã bày tỏ tất cả cho dân chúng. Ông phải 'chuyển giao' giao ước giữa Đức Chúa Trời và con người. Sự hướng dẫn là tương tự. Và đây là điểm xuất hiện cuối cùng của từ người trung gian trong Tân Ước.

What, then, was the purpose of the law? It was added because of transgressions until the Seed to whom the promise referred had come. The law was put into effect through angels by a mediator. A mediator, however, does not represent just one party; but God is one. (Gal 3:19-20).

Vậy luật pháp để làm gì? Luật pháp đã được ban thêm vì có những vi phạm, và tồn tại cho đến khi người thuộc dòng dõi đến, tức là Đấng đã được hứa từ trước. Luật pháp được ban bố bởi các thiên sứ và qua một người trung gian. Người trung gian thì không đại diện cho một bên, nhưng Đức Chúa Trời chỉ có một. (Ga 3:19-20).

The main point of these verses is just like in Hebrews. The law came from God to humanity and mediator was engaged to transmit this message. Moses was God's mediator – it was God's message – and yet he was also a representation of the people of Israel in that he was one of them.

Điểm chính của những câu này giống như trong Thư Hê-bơ-rơ. Luật pháp đến từ Đức Chúa Trời đến con người và Đấng trung bảo được giao phó để chuyển giao sứ điệp này. Môi-se là người trung gian của Đức Chúa Trời – đó là sứ điệp của Đức Chúa Trời – và ông vẫn chưa

THAY ĐỔI CHÚNG TA

là một người đại diện của dân Israel trong lúc ông còn là một người trong số họ.

The parallels with Jesus should be clear. He was one of us, fully human, and at the same time, chosen by God to be the mediator of his new covenant to humanity.

Sự tương đồng với trường hợp Chúa Giê-xu cũng rất rõ ràng. Ngài là một người trong số chúng ta, một con người hoàn toàn, và cùng lúc đó, được Đức Chúa Trời chọn lựa là người trung gian đem giao ước mới đến cho con người.

There's one other interesting use of the same word in the Greek (at least, the verb form of the word):

Có một chỗ sử dụng thú vị khác của cùng từ đó trong tiếng Hy-lạp (ít nhất, hình thức động từ của từ này):

Because God want to make the unchanging nature of his purpose very clear to the heirs of what was promised, he confirmed it with an oath. (Heb 6:17).

Vì Đức Chúa Trời muốn bày tỏ rõ ràng hơn cho những người thừa hưởng lời hứa biết được mục đích không thay đổi của Ngài, Ngài đã xác nhận điều này bằng một lời thề. (Hê-bơ-rơ 6:17)

Did you spot it? It's the word 'confirmed,' surprisingly enough. Literally, God *mediated* his statement by an oath. Again, this is not a mediator in a legal dispute. Rather it is the mechanism by which the word comes to us, in this case, though an oath.

Bạn có nhận ra từ này không? Đó là từ 'được xác nhận,' thật khá ngạc nhiên. Về nghĩa đen, Đức Chúa Trời *chuyển giao* lời tuyên bố của Ngài bởi một lời thề. Một lần nữa, đây không phải là từ người trung gian trong một tranh chấp pháp lý. Hơn thế nữa đó là một phương cách mà qua đó lời đến với chúng ta, trong trường hợp này, dù là một lời thề.

I know it's often hard to reprogram ourselves but we should try to catch ourselves every time we say the phrase: 'Jesus Christ, *our* mediator.' He is *God's* mediator, reaching out to me, reaching out to you, reaching out to all the world.

Tôi biết thật khó lập trình lại chúng ta nhưng chính chúng ta nên cố gắng hiểu mỗi lúc chúng ta nói cụm từ: “Chúa Giê-xu Christ, Đấng Trung Bảo *của chúng ta*.” Ngài là Đấng trung bảo của Đức Chúa Trời, vươn đến tôi, vươn đến bạn, vươn ra cả thế giới.

Summary

Tóm tắt

The Bible never describes Jesus as our mediator, bringing our demands to God. Rather, it consistently describes him as the mediator of a new covenant, bringing the message from God to humanity. The direction is always: from God, to humanity.

Kinh Thánh không bao giờ chỉ mô tả Chúa Giê-xu như là Đấng Trung Bảo của chúng ta, mang nhu cầu của chúng ta đến với Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, Kinh Thánh liên tục mô tả Ngài như là một Đấng Trung Bảo của một giao ước mới, mang sứ điệp từ Đức Chúa Trời đến với nhân loại. Hướng đi luôn luôn là: từ Đức Chúa Trời, đến nhân loại.

Discussion

Thảo luận

1. What are the implications of thinking of Jesus as God’s mediator rather than as our mediator?
1. Ngụ ý là gì khi nghĩ Chúa Giê-xu là Đấng trung gian của Đức Chúa Trời hơn là của chúng ta?
2. Can you think of examples of biases in our translations? To what extent is it possible for translations to be free from bias?
2. Bạn có nghĩ ra những ví dụ nào về sự không tương xứng trong những bản dịch của chúng ta? Trong một khía cạnh nào đó thì có thể khiến các bản dịch ra khỏi sự không tương xứng hay không?

Practical intercession

Sự cầu thay thực tế

We have seen that Jesus is the mediator sent by God, and noted that the phrase “Jesus Christ *our* mediator” does not reflect Biblical usage. However, there is a pervasive idea in the New Testament of *intercession*. In particular, many passages talk of Jesus interceding for us.

Chúng ta nhận thấy rằng Chúa Giê-xu là Đấng trung bảo được Đức Chúa Trời sai đến và chú ý rằng cụm từ “Chúa Giê-xu Đấng trung bảo *của chúng ta*” không phản ánh điều Kinh Thánh sử dụng. Tuy nhiên có một ý tưởng tỏa khắp trong Tân Ước về từ *cầu thay*. Đặc biệt, nhiều đoạn Kinh Thánh nói về việc Chúa Giê-xu đang cầu thay cho chúng ta.

Again, for many years, I had simply adopted a mainstream Christian view that intercession is Jesus pleading with God on my behalf. And yet, that view became challenged by so many passages, including by words of Jesus himself that I felt the need to reexamine the basic doctrine, and see what the Biblical teaching is.

Một lần nữa, trong nhiều năm, tôi chỉ chấp nhận dòng tư tưởng Cơ Đốc rằng sự cầu thay là Chúa Giê-xu đang thỉnh cầu với Đức Chúa Trời vì cố chính tôi. Và tuy nhiên, quan điểm này đã bị thách thức bởi quá nhiều đoạn Kinh Thánh, bao gồm cả những lời dạy của chính Chúa Giê-xu, rằng tôi đã cảm nhận nhu cầu xem xét lại tín lý căn bản, và nghiên cứu điều Kinh Thánh dạy dỗ là gì.

I’ll jump to the punch line: once again I found that the traditional perspectives had done a 180 degree reversal of what the Bible was actually teaching. Whereas I had believed that Jesus was interceding with God on my behalf, instead I found the Bible teaching that he was interceding with me (or at least, in my life) on God’s behalf.

Tôi đụng phải điếm nút ở đây: một lần nữa tôi đã nhận thấy rằng quan điếm truyền thông đã ngược lại 180 độ với điểu Kinh Thánh thật sự giảng dạy. Trong khi tôi cho rằng Chúa Giê-xu đang cầu thay với Đức Chúa Trời vì lợi ích của tôi, thay vào đó tôi đã nhận thấy rằng Ngài đang cầu thay với tôi (hay ít nhất, trong đời sống tôi) vì có Đức Chúa Trời.

That's quite a change of perspective!

Đó là một sự thay đổi về quan điếm!

The focus of intercession
Tập chú vào sự cầu thay

Let's begin our reexamination in one of the classic intercession passages: Romans 8:34. We will take a block of verses leading up to it.

Hãy bắt đầu với sự tái nghiên cứu của chúng ta trong một trong những đoạn Kinh Thánh về lời cầu thay cổ điển: Rô-ma 8:34. Chúng ta sẽ xem xét một số câu Kinh Thánh trước đó.

What, then, shall we say in response to this? If God for us, who can be against us? he who did not spare his own Son, but gave him up for us all – how will he not also, along with him, graciously give us all things? Who will bring any charge against those whom God has chosen? It is God who justifies. Who is he that condemns? Christ Jesus, who died – more than that, who was raised to life – is at the right hand of God and is also interceding for us. (Rom 8:31-34).

Vậy chúng ta sẽ nói gì về những việc này? Nếu Đức Chúa Trời đứng về phía chúng ta thì còn ai nghịch với chúng ta? Ngài đã không tiếc chính Con mình, nhưng vì tất cả chúng ta mà phó Con ấy cho, thì Ngài lại không ân ban mọi sự cùng với Con ấy cho chúng ta sao? Ai sẽ kiện những người được Đức Chúa Trời đã tuyển chọn. Chính Đức Chúa Trời là Đấng xưng công chính những người ấy? Ai sẽ là người kết án họ khi mà Đấng Christ Giê-xu là Đấng đã chết và hơn thế nữa là Đấng cũng đã sống lại, Đấng đang ngồi bên phải Đức Chúa Trời và cầu thay cho chúng ta? (Rô-ma 8:31-34).

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Before these verses, Paul has been emphasizing the role of spirit rather than law in the lives of believers, and then has been describing the grace of God in choosing, calling, justifying, and glorifying many sons and daughters in Christ. Very powerful and exciting stuff! And then come these verses as a reaction to his teaching about the abundant and all-sufficient grace of God. Let reflect on the force of this passage.

Trước những câu này, Phao-lô đã nhấn mạnh vai trò của Thánh Linh hơn là luật pháp trong đời sống của tín đồ, và sau đó mô tả ân điển của Đức Chúa Trời trong việc chọn lựa, kêu gọi, xưng công chính và làm vinh hiển nhiều con trai và con gái trong Đấng Christ. Điều này thật hấp dẫn và đầy quyền năng! Và sau đó đến những câu này như là một phản ứng với lời dạy của ông về ân điển dư dật và tràn đầy của Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy phản ánh trên sức mạnh của đoạn Kinh Thánh này.

First, Paul says, God is for us. That's foundational. God is on our side.

Trước hết, Phao-lô nói, Đức Chúa Trời vì chúng ta. Đó là điều căn bản. Đức Chúa Trời ở bên cạnh chúng ta.

Second, if you want to know *how much* he is on our side, he has shown us by not sparing his son.

Thứ hai, nếu bạn muốn biết Ngài có ở bên cạnh chúng ta *nhieu không* thì Ngài đã bày tỏ cho chúng ta bằng cách Ngài không tiếc chính Con Ngài.

Third, if he didn't spare his own son, Paul says, can you imagine him not wanting to give us everything necessary to achieve salvation? Of course not!

Thứ ba, nếu Ngài không tiếc chính Con Ngài, Phao-lô nói, bạn có thể nào nghĩ rằng Ngài không muốn ban cho chúng ta mọi điều cần thiết để đạt được sự cứu rỗi? Dĩ nhiên là không!

So God is on our side, he's proved it by not sparing Jesus, and he intends to give us everything. But that's not all.

Vì thế Đức Chúa Trời ở bên cạnh chúng ta, Ngài đã chứng minh điều đó bằng cách không tiếc Chúa Giê-xu, và Ngài có ý định ban cho chúng ta mọi điều. Nhưng như thế vẫn chưa là tất cả.

Fourth, in the light of this, who will bring any charge against us? Who will bring us to court? Paul is asking a rhetorical question. The implied answer is: No one! (If you are using the KJV, the words “*it is*” that the translators added here are really unhelpful to the flow: I think you should cross them out).

Thứ tư, trong ánh sáng của điều này, ai có thể buộc tội chống lại chúng ta được? Ai có thể kiện cáo chúng ta được? Phao-lô đang hỏi một câu hỏi tu từ. Câu trả lời ngụ ý là: không ai hết! (Nếu bạn sử dụng bản King James, từ “*đó là*” là điều mà dịch giả thêm vào ở đây thật sự không hỗ trợ cho dòng tư tưởng này: tôi nghĩ bạn nên bỏ qua chúng).

Who will bring any charge? No one! Because God is the one who justifies.

Ai sẽ buộc tội chúng ta? Không ai hết! Vì Đức Chúa Trời là Đấng xưng công bình cho chúng ta.

And fifth, “Who will condemn?” Again, the same answer is implied: No one! Why? Because the resurrected Jesus is at God’s right hand.

Và thứ năm, “ai sẽ kết án họ?” Một lần nữa, câu trả lời tương tự được ngụ ý: Không ai hết! Tại sao vậy? Vì Đức Chúa Giê-xu phục sinh hiện nay đang ngồi ở bên phải Đức Chúa Trời.

So here’s the argument Paul is making: God is on our side, he’s proved it by not sparing Jesus, he intends to give us everything, he’s the one who justifies us, and Jesus is at his right hand.

Và đây là tranh luận mà Phao-lô đưa ra: Đức Chúa Trời ở bên cạnh chúng ta, Ngài đã chứng minh điều đó bằng việc không tiếc Chúa Giê-xu, Ngài có ý định ban cho chúng ta mọi điều, Ngài là Đấng xưng công chính cho chúng ta, và Chúa Giê-xu đang ở bên phải Ngài.

Then, having established that God is already on our side in every possible way, we read of Christ making intercession for us.

Kế đó, sau khi thiết lập điều Đức Chúa Trời ở bên cạnh chúng ta trong mọi con đường rồi thì chúng ta đọc thấy Đấng Christ đang cầu thay cho chúng ta.

Can you make sense of that?

Bạn có hiểu điều đó không?

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Given the context, it absolutely does not make sense to think of Christ's intercession as him pleading with God for us, as if he's our lawyer standing before the court of heaven. What would he be trying to do? To get God on our side? But God is already on our side! And he has proved it in every way possible leaving us with no conceivable doubt.

Từ bối cảnh đoạn Kinh Thánh này, hoàn toàn không có nghĩa khi nghĩ rằng sự cầu thay của Đấng Christ là việc Ngài thỉnh cầu với Đức Chúa Trời vì chúng ta, như thể Ngài là luật sư của chúng ta đứng trước tòa án của thiên đàng. Ngài sẽ cố gắng làm điều gì? Để Đức Chúa Trời ở bên cạnh chúng ta? Nhưng Đức Chúa Trời đã ở bên cạnh chúng ta rồi! Và Ngài đã chứng minh điều đó trong mọi cách có thể khiến chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa.

So it's worth asking, "Where is our problem in salvation?"

Vì thế có đáng để hỏi, "Nan đề của chúng ta trong sự cứu rỗi là gì?"

It is not with the Father. We don't need to change the Father's mind. There's never been a problem with the Father. The eternal spirit that fills the universe is exactly as he should be.

Nó không ở phía Cha. Chúng ta không cần thay đổi ý định của Cha. Không bao giờ có nan đề gì với Cha. Linh đời đời tràn ngập vũ trụ này chắc chắn như Ngài sẽ ban cho.

The real problem we face is in our battle against Sin.

Vấn đề thật sự của chúng ta phải đối mặt là trong trận chiến của chúng ta chống lại tội lỗi.

Jesus intervenes and intercedes in our conflict with sin. He helps us through the difficult times of our lives, whether they are caused by internal temptations, or by external troubles and trials. And being at the right hand of God, with all authority in heaven and earth, he has access to all the resources of the universe.

Chúa Giê-xu can thiệp và cầu thay trong trận chiến của chúng ta với tội lỗi. Ngài giúp chúng ta vượt qua những lúc khó khăn trong đời sống của chúng ta, xem liệu là chúng ta có bị những cám dỗ bên trong chiếm hữu hay những khó khăn và thử thách bên ngoài tấn công không. Và ở bên hữu Đức Chúa Trời, với tất cả thẩm quyền trên trời và trên đất, Ngài sở hữu mọi đường dẫn đến tất cả mọi nguồn của thế giới này.

*Responding to our needs
Trả lời cho những nhu cầu của chúng ta*

If Jesus was expecting to be directly involved in our lives, we would imagine he would have told us. And indeed he did. Here's what he says in the middle of the *paraklotos* (comforter) passage:

Nếu Chúa Giê-xu mong đợi dự phần trực tiếp vào trong đời sống chúng ta, chúng ta sẽ nghĩ Ngài sẽ phán với chúng ta. Và thực sự thì Ngài đã làm điều này. Đây là điều mà Ngài nói trong giữa đoạn Kinh Thánh có từ *parakletos* (Đấng yên ủi).

And I will do whatever you ask in my name, so that the Son may bring glory to the Father. You may ask me for anything in my name, and I will do it. (John 14:13-14).

Các con nhân danh Ta cầu xin bất cứ điều gì, thì Ta sẽ làm cho, để Cha được tôn vinh nơi Con. Nếu các con nhân danh Ta cầu xin bất cứ điều gì, thì Ta sẽ làm cho. (Giăng 14:13-14)

He makes it clear. He, Jesus, will act upon our prayers. If we know what we (or others) need, we just pray in Jesus' name, and he is the one who brings about the result.

Ngài làm rõ điều này. Ngài, Chúa Giê-xu sẽ hành động trên lời cầu nguyện của chúng ta. Nếu chúng ta biết chúng ta (hay người khác) cần điều gì, chúng ta chỉ cần cầu nguyện trong danh Chúa Giê-xu, thì Ngài là Đấng sẽ mang đến kết quả.

However, this raises another possibility: what if we don't know what to pray for? Paul answers this, and his reply is directly in line with what we have been discovering.

Tuy nhiên, điều này dấy lên một khả năng khác: nếu chúng ta không biết phải cầu nguyện điều gì? Phao-lô trả lời điều này, và sự trả lời của ông liên quan trực tiếp với điều mà chúng ta đang nghiên cứu.

In the same way, the Spirit helps us in our weakness. We do not know what we ought to pray for, but the Spirit himself intercedes for us with groans that words cannot express. And he who searches our hearts knows the mind of the Spirit, because

THAY ĐỔI CHÚNG TA

*[he]¹ intercedes for the saints in accordance with God's will.
(Rom 8:26-27)*

Cũng vậy, Thánh Linh giúp đỡ sự yếu đuối của chúng ta, vì chúng ta không biết phải cầu nguyện điều gì cho đúng, nhưng chính Thánh Linh dùng những sự thờ than không thể diễn tả bằng lời mà cầu thay cho chúng ta. Và Đáng dò xét lòng người, biết rõ ý tưởng của Thánh Linh, vì [Ngài] theo ý muốn Đức Chúa Trời mà cầu thay cho các thánh đồ. (Rô-ma 8:26-27)

This is another passage which has often been misunderstood. A popular interpretation is as follows: when we pray to God, we can't always express ourselves in a way that is appropriate; so the Holy Spirit takes those prayers, and refashions them with groans that words cannot express; this way, our prayer is presented acceptably to the Father on our behalf.

Đây lại là một đoạn Kinh Thánh nữa thường được hiểu nhầm. Sự diễn giải phổ biến như sau: khi chúng ta cầu nguyện với Đức Chúa Trời, chúng ta luôn không thể bày tỏ chính chúng ta theo cách phù hợp; vì thế Đức Thánh Linh sẽ mang những lời cầu nguyện này, và làm lại với những tiếng thờ than mà lời không thể bày tỏ; nhờ cách này, lời cầu nguyện của chúng ta được chấp nhận bởi Cha vì có chúng ta.

However, this interpretation raises all sorts of questions about the God whom we worship. Can he not hear faltering prayers, or is he confused by bad grammar? Is God not able to understand us, although he created us? Does the Spirit somehow have an ability that the Father doesn't, an ability to sort out the mess and straighten things up? It is very difficult to come up with any coherent understanding based on this interpretation.

Tuy nhiên, cách diễn giải này sẽ nảy sinh tất cả những kiểu câu hỏi về Đức Chúa Trời mà chúng ta thờ phượng. Ngài có thể nghe hay không nghe thấy những lời cầu nguyện ấp úng, hay Ngài bị rối do ngữ pháp sai? Đức Chúa Trời không thể hiểu chúng ta sao, dù Ngài đã tạo dựng nên chúng ta? Có phải Đức Thánh Linh có một khả năng gì đó mà Đức Chúa Trời không có, một khả năng tìm ra những điều

¹The NIV says "the Spirit" here, but the Greek is simply "he"

lộn lạo và làm thẳng lại sự việc? Thật khó nghĩ ra bất kỳ sự hiểu biết phù hợp nào dựa trên sự diễn giải này.

Let's read the verses again, but with a different mindset. Instead of assuming that intercession is pleading with God, think of it as being an intervention in our lives. Now the verses are clear. Christ (in his spiritual presence) knows what we are going through. In our weakness there are times we really don't know what to pray for. Should we pray that someone we love be healed from their severe illness? Or should we pray that they may fall asleep and be released from pain? We face a quandary. He becomes involved in ways words cannot express, his purpose being to accomplish the will of God, and bring us to the promised redemption. And so in all things he works for our good.

Hãy đọc lại những câu này, nhưng với một tâm trí khác. Thay vì giả định rằng sự cầu thay là thỉnh nguyện với Đức Chúa Trời, hãy nghĩ về điều đó như là một sự can thiệp vào trong đời sống của chúng ta. Giờ đây những câu này đã rõ. Đấng Christ (trong sự hiện diện thuộc linh của Ngài) biết điều mà chúng ta trải qua là gì. Trong sự yếu đuối của chúng ta, có những lúc thật sự chúng ta không biết phải cầu nguyện điều gì. Nếu chúng ta cầu nguyện cho ai đó mà chúng ta yêu thương được chữa lành bệnh tật nghiêm trọng của họ? Hay nếu chúng ta cầu nguyện rằng họ có thể sẽ ngủ thiếp đi và được ra khỏi những đau đớn? Chúng ta đối mặt với một tình thế khó xử. Nhưng với sự cảm thông sâu sắc nhất, Chúa Giê-xu cầu thay trong tình huống đó. Ngài tham gia vào trong những cách mà lời không thể bày tỏ được, mục đích của Ngài là hoàn thành ý chỉ của Đức Chúa Trời, và mang chúng ta đến với sự cứu chuộc như lời hứa. Và vì thế trong tất cả mọi điều, Ngài thực thi những điều tốt đẹp cho chúng ta.

Incidentally, the word 'groaning' occurs earlier in this section:

Thỉnh thoảng từ “thở than” xuất hiện trước đó trong phần này:

We know that the whole creation has been groaning as in the pains of childbirth right up to the present time. Not only so, but we ourselves, who have the first-fruits of the Spirit, groan inwardly as we wait eagerly for our adoption as sons, the redemption of our [body]. (Rom 8:22-23).

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Chúng ta biết rằng tất cả tạo vật đều than thở và quặn thắt như khi sinh nở cho đến ngày nay; không những muôn vật mà cả chúng ta là những người có Thánh Linh là trái đầu mùa, cũng than thở trong lòng đang khi mong đợi được làm con nuôi là sự cứu chuộc [thân thể] chúng ta. (Rô-ma 8:22-23)

The whole creation is groaning and travailing in pain because of sin. Also, the sons of God groan inwardly, longing for the redemption of the whole body of Christ, waiting patiently in hope. Similarly, in the days of his flesh, Christ was moved with compassion, sighing the groaning within himself as he exerted himself to meet the needs of the people around him. He intervened in their lives and tackled their problems.

Tất cả các tạo vật đang thở than và đau đớn vì tội lỗi. Cũng như vậy, các con của Đức Chúa Trời than thở trong lòng, khao khát sự cứu chuộc của cả thân thể Đấng Christ, đang kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng. Tương tự như vậy, trong những ngày Ngài còn ở trong thân xác con người, Đấng Christ cảm thương với lòng thương xót, than thở trong Ngài khi Ngài gắng sức mình để đáp ứng những nhu cầu của những người xung quanh Ngài. Ngài can thiệp vào trong đời sống của họ và tìm cách giải quyết những nan đề của họ.

This passage tells us that nothing has changed. He is still doing it! Always. Even to the end of the age.

Đoạn Kinh Thánh này cho chúng ta biết không có gì thay đổi hết! Ngài vẫn tiếp tục làm điều đó. Luôn luôn như vậy. Thậm chí đến cuối thời kỳ.

Interceding for Peter Cầu thay cho Phi-e-rô

To understand practical intercession better, let's see an example of Jesus' intercession at work.

Để hiểu về sự cầu thay thực tế tốt hơn, chúng ta hãy xem một ví dụ về việc Chúa Giê-xu thực thi việc cầu thay.

Consider Peter's denial. As we trace through the circumstances around his denial, we will see a whole sequence of occasions in which Jesus interceded between Peter and his looming sin.

Hãy xem xét việc Phi-e-rơ chối Chúa. Khi chúng ta theo dõi qua những tình huống xung quanh việc chối Chúa của ông, chúng ta sẽ nhìn thấy toàn bộ sự diễn tiến của sự kiện này trong đó Đức Chúa Giê-xu cầu thay giữa Phi-e-rơ và tội lỗi từ từ bày tỏ ra của ông.

It starts when Jesus warns Peter that he was going to deny Jesus three times. Peter protests vehemently, “I won’t deny you even though, everyone else does.” But Jesus starts his intercessory work: “You’ll deny me three times, Peter.”

Điều này bắt đầu khi Chúa Giê-xu cảnh báo Phi-e-rơ rằng ông sẽ chối Chúa Giê-xu ba lần. Phi-e-rơ phản đối kịch liệt, “con sẽ không chối thầy đâu, dù mọi người đều làm vậy.” Nhưng Chúa Giê-xu bắt đầu công tác cầu thay của Ngài: “Con sẽ chối Ta ba lần, Phi-e-rơ”

See what’s happening? Jesus is getting involved in the situation. He wants to rescue Peter from his sin, and failing that, to help him survive through it – even to come out the other side stronger for the experience. He’s standing beside Peter. Jesus is the *parakletos*, there to assist him.

Hãy xem điều đang xảy ra? Chúa Giê-xu đang can thiệp vào trong tình huống này. Ngài muốn cứu Phi-e-rơ ra khỏi tội lỗi của ông, và thất bại ở chỗ đó, để cứu ông sống sót qua chuyện này – thậm chí ra khỏi khía cạnh kia mạnh hơn kinh nghiệm mà ông từng trải. Ngài đứng bên cạnh Phi-e-rơ. Chúa Giê-xu là *parakletos*, đứng ở đó để giúp đỡ ông.

This is just the beginning. There are many other things that Jesus did to help Peter. First, his prayer:

Đây chỉ là sự bắt đầu. Có nhiều điều khác nữa mà Chúa Giê-xu đã làm để giúp Phi-e-rơ. Trước hết, lời cầu nguyện của Ngài:

Simon, Simon, Satan has asked to sift you as wheat. But I have prayed for you, Simon, that your faith may not fail. And when you have turned back, strengthen your brothers. (Luke 22:31-32)

Hỡi Si-môn, Si-môn, này, Sa-tan đòi sàng sảy các con như lúa mì. Nhưng Ta đã cầu nguyện cho con để con không thiếu đức tin. Vậy, khi con quay trở lại, hãy làm cho anh em con mạnh mẽ. (Lu-ca 22:31-32)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

This request is particularly instructive. As we will see, Jesus is going to be personally involved in Peter's struggle, but there will also be a period of three days when he will be unable to help Peter. These next few hours and days will be crucial to Peter's eternal well-being, so Jesus is asking God to be directly involved. This powerful idea is very much present in Jesus' prayer heading up to Gethsemane.

Yêu cầu này mang tính hướng dẫn rất đặc biệt. Như chúng ta thấy, Chúa Giê-xu sẽ can thiệp một cách cá nhân vào trong trận chiến của Phi-e-rơ, nhưng cũng có một khoảng thời gian khoảng ba ngày khi Ngài không thể giúp Phi-e-rơ. Vài giờ và vài ngày sau đó sẽ rất cần thiết cho ân điển đời đời của Phi-e-rơ, vì thế Chúa Giê-xu cầu xin Đức Chúa Trời can thiệp trực tiếp vào. Ý tưởng mạnh mẽ này thể hiện rất nhiều trong lời cầu nguyện của Chúa Giê-xu khi hướng đến Ghết-sê-ma-nê.

I will remain in the world no longer, but they are still in the world, and I am coming to you. Holy Father, protect them by the power of your name – the name you gave me – so that they may be one as we are one. (John 17:11)

Con không còn ở thế gian nữa, Con về với Cha, nhưng họ vẫn ở thế gian. Cha Thánh ơi! Xin gìn giữ họ trong danh Cha, là danh Cha đã ban cho Con, để họ có thể trở nên một như Chúng ta. (Giăng 17:11)

Jesus knows that while he's dead, he will not be able to protect the disciples. He won't be on hand to intervene, and so he calls for the Father to carry on his protective and intercessory work.

Chúa Giê-xu biết rằng khi Ngài chết, Ngài sẽ không thể bảo vệ cho các môn đồ. Ngài sẽ không thể ở bên họ để can thiệp vào, và vì thế Ngài xin Cha tiếp tục công tác cầu thay và bảo vệ của Ngài.

Until that time comes, he's not finished. There are more things he can do to intercede for Peter.

Cho đến khi thời khắc đến, Ngài vẫn chưa làm xong. Có nhiều điều hơn nữa mà Ngài có thể làm để cầu thay cho Phi-e-rơ.

In Gethsemane, Jesus exhorts Peter to keep awake, to pray and prepare.

Ổ Ghết-sê-ma-nê, Chúa Giê-xu khuyến khích Phi-e-rơ hãy tỉnh thức, cầu nguyện và chuẩn bị.

“Why are you sleeping?” he asked them. “Get up and pray so that you will not fall into temptation.” (Luke 22:46)

Ngài phán: “Sao các con ngủ? Hãy trỗi dậy cầu nguyện để các con khỏi sa vào sự cám dỗ.” (Lu-ca 22:46)

“Prepare yourself, Peter,” Jesus says. Preparation is essential if Peter is to resist the temptation coming his way.

Chúa Giê-xu phán “Hãy chuẩn bị chính con, Phi-e-rơ”. Sự chuẩn bị là rất cần thiết nếu Phi-e-rơ phải chống lại sự cám dỗ đang tiến đến gần ông.

Then there is a third intervention: after the three denials in the courtyard, as the cock crows, the Lord turned and looked at Peter (Luke 22:6). I can’t imagine that there was condemnation in that look. Rather it was a look of compassion and concern. “I know you Peter, I know your heart. I love you Peter.” Suddenly, caught short by the love of his Lord, Peter realizes what he has done! He goes out, and he weeps bitterly.

Sau đó có một sự can thiệp thứ ba: sau ba lần chối Chúa ở sân tòa công luận, khi gà gáy, Chúa quay lại và nhìn vào Phi-e-rơ (Lu-ca 22:6). Tôi không thể nghĩ rằng có sự kết án trong cái nhìn đó. Thay vào đó là cái nhìn cảm thông và quan tâm. “Ta biết con Phi-e-rơ, Ta biết tấm lòng con. Ta yêu con Phi-e-rơ.” Thành linh ngay lúc bắt gặp ánh mắt tràn đầy yêu thương của Chúa, Phi-e-rơ nhận thức được điều mình đã làm! Ông đi ra ngoài và khóc lóc đắng cay.

Because we know the story, we know that Peter’s path of sin stops at this point. But how far might he have fallen without the intervention of Jesus? Would he have been maneuvered into calling for Jesus’ crucifixion, or been required to curse him, or even been called upon to drive in the nails? And then what would his reaction have been? Fatal depression? Suicide?

Vì chúng ta biết câu chuyện này, chúng ta biết rằng con đường tội lỗi của Phi-e-rơ đã dừng lại ở chỗ này. Nhưng ông ta sẽ sa ngã đến đâu nếu không có sự can thiệp của Chúa Giê-xu? Ông sẽ tìm cách đưa Chúa Giê-xu đi giết, hay được yêu cầu nguyện rửa Ngài, hay

THAY ĐỔI CHÚNG TA

thậm chí được thúc đẩy đến việc đóng đinh Chúa chẳng ? Và sau đó thì phản ứng của ông sẽ là gì? Tuyệt vọng cùng cực? Tự sát chẳng?

We can't possibly know, but we do know that through this momentary intercession of Jesus, Peter takes the first step to recovery from the abyss of failure. He gets out of the situation he can't handle, and he weeps bitterly for the failure he has already exhibited.

Chúng ta không thể biết được, nhưng chúng ta biết rằng nhờ vào sự cầu thay tha thiết từng giây từng phút này của Chúa Giê-xu, Phi-e-rơ đã bước vào giai đoạn đầu tiên để nhận sự phục hồi từ vực thẳm của thất bại. Ông ra khỏi tình trạng mà ông không thể xử lý được, và ông khóc lóc đắng cay vì sự thất bại mà ông đã làm.

The fourth: Jesus isn't finished. On the morning of the resurrection the angels instructed the women to give a special message of reassurance to Peter,

Thứ tư: Chúa Giê-xu vẫn chưa hết can thiệp vào tâm lòng của Phi-e-rơ. Vào buổi sáng Ngày Chúa Phục Sinh, các thiên sứ ban cho những người phụ nữ sứ điệp đặc biệt về sự sống lại cho Phi-e-rơ,

But go, tell his disciples and Peter; 'He is going ahead of you into Galilee. There you will see him, just as he told you.'
(Mark 16:7)

Hãy đi, báo cho các môn đồ Ngài và Phi-e-rơ rằng Ngài đang đến Ga-li-lê trước các người. Tại đó, các người sẽ thấy Ngài như Ngài đã phán với các người. (Mác 16:7)

Fifth: he later made a special appearance to Peter. We don't have the details, but the visit was no doubt to give him further encouragement.

Thứ năm: Sau đó, Ngài hiện ra một cách đặc biệt trước Phi-e-rơ. Chúng ta không có những chi tiết, nhưng chuyến viếng thăm này, không còn nghi ngờ gì nữa đã ban cho ông thêm lên sự động viên.

They got up and returned at once to Jerusalem. There they found the Eleven and those with them, assembled together and saying, "It is true! The Lord has risen and has appeared to Simon." (Luke 24:33-34)

Họ liền đứng dậy trở về thành Giê-ru-sa-lem, gặp mười một sứ đồ cùng các môn đồ khác đang nhóm lại, và nói: “Chúa thật đã sống lại và hiện ra với Si-môn!” (Lu-ca 24:33-34)

And finally, on the shore of Galilee, Jesus gave Peter opportunity to match the three denials with a threefold declaration of his love and his loyalty, “Peter, do you love me?” “Lord, you know that I love you.” And again. And again.

Và cuối cùng, ở bên bờ biển Ga-li-lê, Chúa Giê-xu ban cho Phi-e-rơ cơ hội để gắn kết với việc ba lần ông chối Chúa với lời công bố ba lần về tình yêu và sự trung thành của ông. “Phi-e-rơ, con có yêu Ta không?” “Chúa ôi, Chúa biết rằng con yêu Chúa mà.” Và một lần nữa. Và thêm một lần nữa.

At least six separate acts of intercession!

Ít nhất có sáu hành động riêng biệt về sự cầu thay!

This is what intercession is: the Lord intervening in the lives of his followers to help them in their struggle against weakness, temptation and sin. He does not put a hedge about them so that they never fall, but helps them through the experience, so that they come out stronger on the other side, so that they grow spiritually in preparation for the kingdom.

Đây là điều thể hiện sự cầu thay là gì: Chúa can thiệp vào đời sống của những người theo Ngài để giúp đỡ họ trong những trận chiến chống lại sự yếu đuối, cám dỗ và tội lỗi của họ. Ngài không đặt một hàng rào nào để họ không bao giờ sa ngã, nhưng giúp họ vượt qua những trải nghiệm, để họ có thể ra khỏi chúng, mạnh mẽ hơn, để họ trưởng thành hơn về mặt thuộc linh để chuẩn bị cho vương quốc thiên đàng.

If the mortal Christ, in the midst of his arrest, trial, torture, crucifixion, and death, is able to intercede so effectively, how much more today, exalted to the right hand of God, enthroned in the heavens, with the power of the universe his to command.

Nếu Đấng Christ vào lúc chịu thương khó, vào giữa lúc chịu bắt bớ, thử thách, tra khảo, đóng đinh, và sự chết, thì không thể nào cầu thay hiệu quả như thế, thậm chí còn nhiều hơn nữa ngày hôm nay: Ngài được nâng lên ngôi bên hữu Đức Chúa Trời, nắm quyền cai trị trên

THAY ĐỔI CHÚNG TA

các tầng trời, với những quyền năng của Ngài trong việc ra lệnh cho vũ trụ này.

Now, isn't this exactly what we were reading earlier in 1 John 2:2? "My dear children, I write this to you so that you will not sin. But if anybody does sin we have a 'parakletos' with the Father." One who, by the will of the Father, stands beside us to comfort, strengthen and guide. Jesus Christ the righteous one.

Giờ đây, phải chăng chính xác là những điều mà chúng ta đọc trước đó trong I Giăng 2:2 sao? "Các con yêu dấu của ta, ta viết điều này cho các con để các con không phạm tội. Nhưng nếu có ai đó phạm tội thì chúng ta có một 'parakletos' với Cha". Đáng mà bởi ý muốn của Cha, đứng bên cạnh chúng ta để an ủi, khiến chúng ta trở nên mạnh mẽ và hướng dẫn chúng ta. Chúa Giê-xu Christ là Đấng Công Chính.

Summary

Tóm tắt

Intercession happens when Jesus gets directly and personally involved in our lives, and helps us to overcome despite our weakness. This is seen in a practical example of Jesus interceding in the case of Peter.

Sự cầu thay xảy ra khi Chúa Giê-xu đến một cách trực tiếp và cá nhân vào trong đời sống của chúng ta, và giúp chúng ta vượt qua những nan đề dù chúng ta yếu đuối. Điều này được xem như là một ví dụ thực tế của sự cầu thay của Chúa Giê-xu trong trường hợp của Phi-e-rơ.

Discussion

Thảo luận

1. Before reading these last few sections, what ideas did you each have about *mediator*, *intercession*, and *comforter*? What do you think about them now?

1. Trước khi đọc những phần cuối cùng này, mỗi người trong các bạn có ý tưởng gì về những từ ngữ như Đấng Trung Bảo, *sự cầu*

thay, và Đáng yên ủi không? Các bạn có nghĩ về những điều này bây giờ không?

2. Explore other occasions in which Jesus intervened in the lives of people to rescue them from sin? Was he successful? If so, why and if not, why not?
2. Hãy nghiên cứu những trường hợp khác trong đó Chúa Giê-xu đã can thiệp vào trong đời sống của con người để cứu họ khỏi tội lỗi? Ngài có thành công không? Nếu có, thì tại sao và nếu không thì tại sao không?

Jesus as priest

Chúa Giê-xu như là thầy tế lễ

Just as we often get the biblical concept of *mediator* the wrong way around, so I think we sometimes do with that of *priest*.

Vì chúng ta thường nghĩ quan điểm Kinh Thánh về từ Đấng Trung Bảo theo cách không đúng lắm, vì thế tôi nghĩ rằng đôi khi chúng ta cũng làm điều này với từ *thầy tế lễ*.

For a long time, I thought the purpose of a priest was to go to God and plead with him on behalf of the people. After all, the priest would take sacrifices, and would offer them. He would carry out all the necessary ritual under the law of Moses, presenting the sacrifice to God in the hope that God would see it, be pleased, and forgive the offerer.

Từ lâu rồi, tôi đã nghĩ là mục đích của thầy tế lễ là phải đi đến Đức Chúa Trời và thỉnh cầu với Ngài vì có dân sự. Sau cùng, thầy tế lễ sẽ mang của lễ, và dâng chúng lên. Ông sẽ thực hiện tất cả những nghi thức cần thiết theo Luật Pháp của Môi-se, trình dâng sinh tế cho Đức Chúa Trời với hy vọng rằng Đức Chúa Trời sẽ nhìn thấy sinh tế, hài lòng, và tha thứ cho người phạm tội.

It made sense to me and I thought that the main purpose of a priest was to represent the people to God. But, you know what? I was looking at it backwards again!

Điều đó có nghĩa với tôi và tôi đã nghĩ rằng mục đích chính của một thầy tế lễ là đại diện cho dân chúng đến với Đức Chúa Trời. Nhưng bạn có biết điều gì không? Tôi lại đang nhìn vào vấn đề ngược lại!

On a closer examination, it becomes clear that, biblically, the main purpose of a priest is *not* to represent the people to God, rather it is to represent God to us. To see this, let's start by looking at sacrifices again.

Khi nghiên cứu sát hơn thì điều này trở nên rõ ràng là, theo Kinh

Thánh thì mục đích chính của thấy tế lễ không phải là đại diện cho dân sự đến với Đức Chúa Trời, mà thay vào đó là đại diện cho Đức Chúa Trời đến với chúng ta. Để thấy điều này, chúng ta hãy bắt đầu nhìn vào các sinh tế một lần nữa

*It's not about sacrifices
Đó không phải là về những sinh tế*

Psalm 51 is stunning. It was written when David realized the terrible situation that he had got himself into – secretly sleeping with another man's wife, making her pregnant, trying to cover it up with deception, and finally resorting to murder.

Thi Thiên 51 thật đáng ngạc nhiên. Thi Thiên này được viết ra khi Đa-vít nhận ra tình trạng khủng khiếp mà chính ông đã dính vào – lén ngủ với vợ người khác, làm cho nàng mang thai, cố gắng che giấu bằng sự lừa dối, và cuối cùng thì dẫn đến hành động giết người.

Through the words of the prophet Nathan he has been confronted with his sin, and feels it deep within himself. While agonizing over how to be reconciled to God once again, he writes:

Qua những lời của tiên tri Na-than, ông phải đối diện với tội lỗi và cảm nhận sâu xa trong chính tâm lòng của ông. Trong khi đau đớn không biết làm thế nào để phục hòa trở lại với Đức Chúa Trời, ông viết:

You do not delight in sacrifice, or I would bring it; you do not take pleasure in burnt offerings. The sacrifice of God are a broken spirit; a broken and contrite heart, O God, you will not despise (Ps 51:16-17).

Chúa không ưa thích sinh tế, dù con có hiến dâng. Tế lễ thiêu cũng không đẹp lòng Chúa. Sinh tế đẹp lòng Đức Chúa Trời là tâm linh tan vỡ; một tâm lòng tan vỡ và đau thương; Đức Chúa Trời ôi! Chúa không khinh để đâu điều này. (Thi 51:16-17)

Let's paraphrase this: "If you wanted dead animals, Lord, I would have brought them. But I know that's not what you really want. That's not what the Law is all about. What you really want is repentance and humility."

Chúng ta hãy diễn giải điều này: "Chúa ôi, nếu Ngài muốn sinh tế

THAY ĐỔI CHÚNG TA

chết, con sẽ dâng cho Ngài. Nhưng con biết rằng đó *không phải* là điều Ngài thật sự cần. Đó không phải là điều mà Luật Pháp nói. Điều Ngài thật sự cần là sự ăn năn và hạ mình.”

Certainly, the law required that the sacrifices be made, but only because of the effect they were designed to have on the people bringing the offerings. They were expected to learn from the process.

Chắc chắn, luật pháp đã yêu cầu rằng sinh tế phải được dâng lên, nhưng chỉ vì tác động mà chúng được định ra trên dân sự là phải mang đến những của lễ. Chúa mong muốn họ học từ tiến trình này.

David recognizes this: “You don’t want the sacrifice itself, Lord. What you want is a penitent spirit, a broken and a contrite heart.”

Đa-vít nhận ra điều này: “Ngài không cần chính con sinh tế, Chúa ôi. Điều Ngài cần là một tâm linh thống hối, một tấm lòng tan vỡ và ăn năn.”

Just pause for a moment, and be in awe of the immense spiritual insight of this man from 3000 years ago!

Hãy dừng lại một chút, và hãy ở trong sự sợ hãi của một sự khai sáng tâm linh to lớn của con người này cách đây 3. 000 năm!

A little earlier, Samuel drives a similar point home to King Saul. Saul, in fear of a forthcoming battle, after waiting and waiting for Samuel, eventually decided to perform a sacrifice to get God on his side. Samuel then arrives and berates Saul for complete misunderstanding what sacrifice is all about.

Trước đó một chút, Sa-mu-ên hướng đến một điểm tương tự về vua Sau-lơ. Sau-lơ trong sự sợ hãi về trận chiến sắp đến, sau khi chờ và chờ đợi Sa-mu-ên đến, cuối cùng quyết định dâng tế lễ để Đức Chúa Trời ở với ông. Sau đó Sa-mu-ên đến và quở trách Sau-lơ vì ông ta hoàn toàn hiểu nhầm về ý nghĩa của sinh tế là gì.

But Samuel replied: “Does the LORD delight in burnt offerings and sacrifices as much as in obeying the voice of the LORD? To obey is better than sacrifice, and to heed is better than the fat of rams. (1 Sam 15:22)

Nhưng Sa-mu-ên trả lời: “Đức Giê-hô-va có vui thích về tế lễ thiêu và các sinh tế bằng sự vâng theo tiếng phán của Ngài

chăng? Kia, sự vâng lời tốt hơn sinh tế, sự nghe theo tốt hơn mỡ chiên đực. (I Sa 15:22)

The sacrifice is not the point, Samuel says. Listening and responding to God is the point. It's not about the ritual, it's about the substance behind it.

Sa-mu-ên nói sinh tế không phải là điều quan trọng. Lắng nghe và đáp lời Đức Chúa Trời mới là điều quan trọng. Đó không phải là về nghi thức, đó là về những điều đằng sau nó.

To do what is right and just is more acceptable to the LORD than sacrifice. (Prov 21:3)

Làm theo sự công chính và ngay thẳng được đẹp lòng Đức Giê-hô-va hơn là dâng sinh tế. (Châm 21:3)

Together, these passages tell us that if we see the primary work of a priest as presenting dead animals to God, we have missed the point.

Hai đoạn Kinh Thánh này cùng cho chúng ta biết rằng nếu chúng ta nhìn thấy công tác chính của một thầy tế lễ là dâng con vật chết cho Đức Chúa Trời, chúng ta đã hiểu sai vấn đề chính rồi.

So what is the primary work of the priest under the law?

Vậy thì công tác chính của thầy tế lễ theo luật pháp là gì?

Represent God to the people

Đại diện cho Đức Chúa Trời đến với dân chúng

Malachi gives us the lead we are looking for. In his second chapter, the prophet explains God's original covenant with the tribe of Levi, and what God expected of them if they are to continue in office. This is what he says:

Ma-la-chi cho chúng ta sự chỉ dẫn mà chúng ta đang tìm. Trong chương thứ hai, vị tiên tri này giải thích giao ước ban đầu của Đức Chúa Trời với bộ tộc Lê-vi, và điều Đức Chúa Trời mong muốn về họ xem là liệu họ có tiếp tục thực hiện trách nhiệm của mình không. Đây là điều mà ông nói:

True instruction was in his mouth and nothing false was found on his lips. He walked with me in peace and uprightness, and

THAY ĐỔI CHÚNG TA

turned many from sin. For the lips of a priest ought to preserve knowledge, and from his mouth men should seek instruction because he is the messenger of the LORD Almighty (Mal 2:6-7).

Luật pháp chân thật ở trong miệng người và người ta không tìm thấy điều gian ác nào trong môi người. Người đã bước đi với Ta trong sự bình an và ngay thẳng, làm cho nhiều người quay khỏi tội lỗi. Vì môi miệng của thầy tế lễ phải giữ tri thức, người ta tìm luật pháp trong miệng người, vì người là sứ giả của Đức Giê-hô-va Vạn Quân. (Ma-la-chi 2:6-7)

Notice how this turns our earlier concept of a priest around? Previously, we described him as the *people's* representative going before God with their sacrifices.

Hãy chú ý là điều này khác với quan niệm trước đây của chúng ta về thầy tế lễ như thế nào? Trước đây chúng ta mô tả thầy tế lễ như là người đại diện của *dân sự* trước Đức Chúa Trời với những sinh tế của họ.

But God says, “No! That’s not what I intended in establishing the priesthood. The priest is to be *my* representative to the people. He should preserve knowledge, and provide instruction. He is *my* messenger. He should take *my* words and make them known to the people. He is to lead them away from sin. He must represent *me* to the people.”

Nhưng Đức Chúa Trời nói, “không! Đó không phải là điều mà Ta định ra khi thiết lập chức vụ tế lễ. Thầy tế lễ phải là đại diện *của Ta* với dân sự. Người đó phải giữ tri thức, và dạy dỗ dân sự. Ông ta là sứ giả *của Ta*. Ông ta sẽ nhận lãnh lời *của Ta* và khiến cho dân sự hiểu biết lời đó. Ông ta phải đưa dân sự ra khỏi tội lỗi. Ông ta phải đại diện *Ta* để đến với dân sự.”

I find this an amazing verse – another one I had never noticed before. Of course, this is exactly the role that Christ exemplified during his ministry. He is God’s priest, sent to turn many from sin. From his lips we seek instruction, because he is the messenger of the LORD Almighty.

Tôi nhận thấy câu này thật tuyệt vời – một điều khác mà tôi chưa bao giờ nhận ra trước đây. Dĩ nhiên, đây chính xác là vai trò mà Đấng

Christ đã bày tỏ rõ ràng trong suốt chức vụ của Ngài. Ngài là thầy tế lễ của Đức Chúa Trời, được sai đến để đưa nhiều người ra khỏi tội lỗi. Từ môi miệng của Ngài, chúng ta tìm thấy sự hướng dẫn, vì Ngài là sứ giả của Đức Chúa Trời Vạn Quân.

It doesn't stop with Jesus. As his disciples, we are expected to carry out a similar role to others, so the same principle applies today. Consider Paul's exhortation that believers take the message of salvation to whoever will accept it:

Điều này không dừng lại với Chúa Giê-xu. Như là những môn đồ của Ngài, Ngài mong đợi chúng ta thực hiện vai trò tương tự cho những người khác, vì vậy nguyên tắc tương tự được áp dụng cho đến ngày nay. Hãy xem xét sự khuyến khích của sứ đồ Phao-lô rằng những người tin mang sứ điệp của sự cứu rỗi đến với bất cứ ai tiếp nhận sứ điệp này:

All this is from God, who reconciled us to himself through Christ and gave us the ministry of reconciliation: that God was reconciling the world to himself in Christ, not counting men's sins against them. And he has committed to us the message of reconciliation. We are therefore Christ's ambassadors, as though God were making his appeal through us. We implore you on Christ's behalf: Be reconciled to God. (2 Cor 5:18-20).

Mọi điều đó đến từ Đức Chúa Trời, Đấng đã cho chúng ta được hòa giải với Ngài qua Đấng Christ, và giao cho chúng tôi chức vụ hòa giải. Ấy là, trong Đấng Christ, Đức Chúa Trời đã cho thế gian được hòa giải với Ngài, không kể tội lỗi cho loài người. Và Ngài đã ủy thác cho chúng tôi sứ điệp hòa giải. Vì thế, chúng tôi là đại sứ của Đấng Christ, như thể Đức Chúa Trời dùng chúng tôi để khuyên mời. Chúng tôi nhân danh Đấng Christ nài xin anh em hãy làm hòa với Đức Chúa Trời. (II Cô 5:18-20)

This is very like the Malachi passage; taking the message of reconciliation and salvation, and making it known to the people.

Đây là điều rất giống với đoạn Kinh Thánh trong sách Ma-la-chi; đem sứ điệp về sự hòa giải và cứu rỗi, và khiến cho người ta có thể nhận biết nó.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Notice that we are back to where we were earlier: the direction is from God to man. It begins with God, and he makes his appeal through Christ. The appeal is extended through the apostles appointed by Christ, and so on. All are representing God to the people. Not the other way round.

Hãy chú ý rằng chúng ta trở lại với nơi mà chúng ta đã từng trải qua trước đây: hướng là từ Đức Chúa Trời đến với con người. Điều này bắt đầu với Đức Chúa Trời, và Ngài đưa yêu cầu của Ngài qua Đấng Christ. Yêu cầu này được mở rộng qua các sứ đồ do Đấng Christ chỉ định và tiếp tục nữa. Tất cả đều đại diện Đức Chúa Trời đến với dân sự. Không phải là chiều ngược lại.

Made perfect Khiến trở nên toàn hảo

Even with this perspective, some passages about priests can still seem quite transactional, as if the priest is shifting something in heaven. Here's an example from Hebrews.

Thậm chí với khía cạnh này, một số đoạn Kinh Thánh về các thầy tế lễ có thể dường như khá mang tính trao đổi, như thể thầy tế lễ đang đẩy điều gì đó lên trời. Đây là một ví dụ từ Thư Tín Hê-bơ-rơ.

Day after day every priest stands and performs his religious duties; again and again he offers the same sacrifices, which can never take away sins. But when this priest had offered for all time one sacrifice for sins, he sat down at the right hand of God. Since that time he waits for his enemies to be made his footstool, because by one sacrifice he has made perfect forever those who are being made holy. (Heb 10:11-14).

Mỗi thầy tế lễ hằng ngày đứng phục vụ và thường xuyên dâng cùng một loại sinh tế, là điều không bao giờ có thể cất tội lỗi đi được. Nhưng khi thầy tế lễ này đã vì tội lỗi dâng một sinh tế chuộc tội duy nhất và đời đời, rồi ngồi bên phải Đức Chúa Trời. Từ đó Ngài chờ đợi cho đến khi những kẻ thù của Ngài bị đặt làm bệ cho chân Ngài, vì nhờ một sinh tế duy nhất, Ngài làm cho những người được thánh hóa trở nên toàn hảo mãi mãi. (Hê 10:11-14)

It's easy to read this passage as saying that while the animal sacrifices of the Law of Moses couldn't remove sin, the flawless sacrifice of Jesus was able to instantaneously make us blameless before God. Thật dễ khi đọc đoạn Kinh Thánh này như cách nói rằng khi sinh tế của Luật Pháp Môi-se có thể không loại trừ tội lỗi được, sinh tế không hề phạm tội Giê-xu mới có thể lập tức khiến chúng ta không bị đoán phạt trước Đức Chúa Trời.

Again, I don't think we should read it that way. First, even in this verse, the writer implies a process: the sacrifice perfects those who are *being made* holy. That refers to a continuous process, not an instantaneous one.

Một lần nữa, tôi nghĩ rằng chúng ta không nên đọc theo cách ấy. Trước hết, thậm chí trong câu này, tác giả ngụ ý về một tiến trình: Sinh tế làm toàn hảo những người được trở nên thánh. Điều đó đề cập đến một tiến trình liên tục, không phải là một tiến trình tạm thời.

Second, the writer immediately quotes a couple of passages from the Old Testament to clarify the point he is trying to make:

Thứ hai, tác giả lập tức trích vài câu Kinh Thánh từ Cựu Ước để làm rõ điểm mà ông đang cố gắng đưa ra:

The Holy Spirit also testifies to us about this. First he says: "This is the covenant I will make with them after that time, says the Lord. I will put my laws in their hearts, and I will write them on their minds." Then he adds: "Their sins and lawless acts I will remember no more." And where these have been forgiven, there is no longer any sacrifice for sin. (Heb 10:15-18).

Đức Thánh Linh cũng làm chứng cho chúng ta như vậy; Đầu tiên Ngài phán: "Đây là giao ước Ta sẽ lập với họ: Sau những ngày đó, Ta sẽ đặt luật pháp Ta trong lòng họ và ghi tạc vào trí họ." Kế đó Ngài lại phán: "Ta sẽ chẳng còn nhớ đến tội lỗi và việc ác của họ nữa". Nơi nào có sự tha thứ thì không cần dâng tế lễ vì tội lỗi nữa. (Hê 10:15-18)

Did you notice the two aspects that were chosen to emphasize? They are these: that God's ways will be deep in our hearts and minds; and that we will be forgiven. We can conclude that the sacrifice of Jesus

THAY ĐỔI CHÚNG TA

has made us perfect by a process that works over time by transforming our hearts and minds to be in tune with God's ways, and that God willingly chooses to forgive us.

Bạn có nhận ra hai khía cạnh được chọn ra để nhấn mạnh không? Đó là những điều này: Rằng những đường lối của Đức Chúa Trời sẽ nằm sâu trong tâm lòng và tâm trí của chúng ta; và chúng ta sẽ được tha thứ. Chúng ta có thể kết luận rằng sinh tể Giê-xu đã khiến chúng ta trở nên trọn vẹn bởi một tiến trình được thực thi trong một thời gian bằng cách biến đổi tâm lòng và tâm trí của chúng ta để hòa hợp với đường lối của Đức Chúa Trời, và điều đó khiến Đức Chúa Trời sẵn lòng chọn để tha thứ cho chúng ta.

Our priest sacrifices himself as a witness from God to us, as an intervention in our lives.

Thầy tế lễ của chúng ta đã dâng chính Ngài như là một nhân chứng từ Đức Chúa Trời đến với chúng ta, như là một sự can thiệp vào trong đời sống của chúng ta.

Priestly intercession *Sự cầu thay của thầy tế lễ*

Given that Jesus is a priest, he must be carrying out the fundamental priestly role that Malachi highlighted. He must still be representing God to his people, instructing us, guiding us, leading us away from sin. He is the messenger of the covenant.

Chúng ta được biết rằng Chúa Giê-xu là một thầy tế lễ, Ngài đang thực hiện vai trò căn bản của thầy tế lễ mà Ma-la-chi đã nhấn mạnh. Chắc chắn Ngài vẫn đang đại diện cho Đức Chúa Trời để đến với dân sự của Ngài, hướng dẫn chúng ta, dạy dỗ chúng ta, đưa chúng ta ra khỏi tội lỗi. Ngài là sứ giả của giao ước.

Here's how it is described in Hebrews:

Đây là cách mô tả điều này trong Thư Tín Hê-bơ-rơ:

Now there have been many of those priests, since death prevented them from continuing in office; but because Jesus lives forever, he has a permanent priesthood. Therefore he is able to save completely those who come to God through him, because he always lives to intercede for them. (Heb 7:23-25)

Xưa nay số lượng thầy tế lễ rất nhiều, vì họ phải chết nên không thể tiếp tục chức vụ. Nhưng Đức Chúa Giê-xu giữ lấy chức tế lễ vĩnh viễn, Ngài tồn tại đời đời. Bởi đó, Ngài có thể cứu toàn vẹn những người nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời, vì Ngài luôn hằng sống để cầu thay cho những người ấy. (Hê-bơ-rơ 7:23-25)

Jesus, we are told, has a permanent priesthood; he is a priest forever. One who can save completely.

Như chúng ta được biết Chúa Giê-xu giữ chức tế lễ đời đời; Ngài là thầy tế lễ vĩnh viễn. Là Đấng có thể cứu chúng ta một cách trọn vẹn.

The writer connects the idea of Jesus “saving completely” with the fact that he lives forever. I think the idea is this: Jesus gets to know us through our lives, our strengths and weaknesses, our trigger points. Because he knows us so well, he can be truly effective. Every day, he carries out his priestly work of getting involved in the lives of those for whom he is appointed. If his priesthood were temporary, he would need to be replaced by another who has not come to know us, and so would be less effective.

Tác giả kết nối ý tưởng Chúa Giê-xu “cứu chuộc cách trọn vẹn” với yếu tố là Ngài sống đời đời. Tôi nghĩ ý tưởng đó là: Chúa Giê-xu biết chúng ta qua đời sống của chúng ta, sức mạnh và sự yếu đuối của chúng ta, những điểm quan trọng của chúng ta. Vì Ngài biết chúng ta rất rõ, Ngài thực hiện đầy hiệu quả. Mỗi ngày, Ngài thực hiện công tác thầy tế lễ để can thiệp vào trong đời sống của những người mà Ngài được giao phó. Nếu chức tế lễ của Ngài là tạm thời, thì Ngài sẽ cần được thay thế bởi một người khác không hiểu biết chúng ta, và cũng không có hiệu quả gì.

Jesus is effective because he *always* lives to intercede for us. But then there’s that idea of ‘intercession’ again.

Chúa Giê-xu thực hiện chức vụ này một cách hiệu quả vì Ngài *luôn luôn sống* để cầu thay cho chúng ta. Nhưng đó lại là ý tưởng của ‘sự cầu thay’ một lần nữa.

As we have seen, we should not think, “Ah, yes, that means intercede *with God* for them.” It doesn’t say that. Let’s be really clear. It does *not* say that he is interceding *with God*. It simply says he is going to intercede for believers. We have already seen what that means.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Như chúng ta đã thấy, chúng ta đừng nên nghĩ, “à, vâng, điều đó có nghĩa là cầu thay với Đức Chúa Trời vì họ”. Điều này không nói như thế. Chúng ta hãy thật sự rõ ràng về điều này. Điều này không phải nói rằng Ngài đang cầu thay với Đức Chúa Trời. Điều này chỉ nói rằng Ngài đang cầu thay cho những người tin Chúa. Chúng ta đã nhìn thấy điều này có nghĩa là gì rồi.

Just to drive the point home, let's ask the question: where do we need intercession? Who or what is it that we have a problem with? Do we have a problem with God. Or do we have a problem with Sin?

Hãy đưa vấn đề trở lại, hãy hỏi câu hỏi: chúng ta cần sự cầu thay ở đâu? Chúng ta có nan đề với ai hay đó là điều gì? Chúng ta có gặp nan đề với Đức Chúa Trời không? Hay chúng ta gặp nan đề với Tội Lỗi?

The answer is clear. We don't have a problem with God at all. It isn't God who needs to change his ways.

Câu trả lời rất rõ ràng. Chúng ta không hề gặp nan đề với Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không cần phải thay đổi đường lối của Ngài.

But if Jesus is interceding in our lives in the battle against Sin, in the very area where we do need to change, then suddenly his priestly role makes sense. Here is a priest who gets involved day by day in the lives of those who are coming to God through him.

Nhưng nếu Chúa Giê-xu đang cầu thay trong đời sống chúng ta trong trận chiến chống lại Tội Lỗi, trong chính lĩnh vực mà chúng ta cần phải thay đổi, thì tình hình vai trò tế lễ của Ngài có ý nghĩa. Đây là một thầy tế lễ can thiệp ngày này qua ngày khác trong đời sống của những người đến với Đức Chúa Trời thông qua Ngài.

To expand on the earlier analogy of being stuck in a pit: Jesus doesn't save us by convincing the (heavenly) authorities to come looking for us. Rather he comes himself and lifts us out, with all the power and capabilities of the authorities themselves.

Để mở rộng việc gặp nan đề tương tự trước đây một chút: Chúa Giê-xu không cứu chúng ta bằng cách thuyết phục với thẩm quyền (trên trời) đến tìm chúng ta. Thay vào đó chính Ngài đến và nhắc chúng ta ra, với tất cả quyền năng và khả năng của chính các thẩm quyền đó.

He is the messenger of the covenant. He is here with us as God's

representative for our benefit: to save us from the destructiveness of sin. He is able to save us “completely”.

Ngài là sứ giả của giao ước. Ngài ở đây cùng chúng ta như là người đại diện của Đức Chúa Trời vì lợi ích của chúng ta: để cứu chúng ta khỏi sự băng hoại của tội lỗi. Ngài có thể cứu chúng ta “một cách trọn vẹn”.

Summary

Tóm tắt

As priest, Jesus' main role is to be in our lives, to instruct us, to represent God's way to us, and to rescue us from the destructiveness of sin.

Như là thầy tế lễ, vai trò chính của Chúa Giê-xu là ở trong đời sống của chúng ta, hướng dẫn chúng ta, bày tỏ đường lối của Đức Chúa Trời cho chúng ta, và để cứu chúng ta khỏi sự băng hoại của tội lỗi.

Discussion

Thảo luận

1. Think of some priests in the Bible. Does their work seem to be described well by Malachi 2:7?
1. Hãy nghĩ về một vài thầy tế lễ trong Kinh Thánh. Công việc của họ có vẻ được mô tả như trong Ma-la-chi 2:7 không?
2. During his ministry, Jesus was representing God to humanity. What is he doing now? Discuss if you have had an experience that may have been Jesus interceding in your life.
2. Trong khi thực hiện chức vụ, Chúa Giê-xu đại diện cho Đức Chúa Trời đến với nhân loại. Ngài đang làm gì bây giờ? Hãy thảo luận nếu bạn có một kinh nghiệm rằng Chúa Giê-xu đang cầu thay trong đời sống bạn.

Book of life

Sách sự sống

Jesus my savior, my priest. Also, Jesus my judge. Born a human child, he grew both physically and spiritually, until he was perfected by the nurturing and discipline of his Father, in which he was a full participant. Now he is glorified, elevated to the right-hand of God, and entrusted with all authority in heaven and earth.

Chúa Giê-xu Đấng cứu chuộc, thầy tế lễ của tôi. Chúa Giê-xu, cũng là Đấng phán xét của tôi. Được sinh ra như một con người, Ngài trưởng thành cả về mặt thuộc thể và thuộc linh, cho đến khi Ngài được trọn vẹn nhờ vào sự nuôi dưỡng và kỷ luật của Cha Ngài, lúc Ngài được dự phần một cách trọn vẹn. Giờ đây Ngài được vinh hiển, được nhắc lên bên phải Đức Chúa Trời, và được tin giao tất cả thẩm quyền trên trời và dưới đất.

What an accomplishment! What a mighty work the Father has wrought. God manifested in the flesh!

Sự thành toàn tuyệt vời làm sao! Cha đã làm một công việc đầy quyền năng. Đức Chúa Trời bày tỏ trong thân xác con người.

When Jesus' victory over sin was complete, he ascended to heaven and sat at the right hand of God. Here's how the author of Hebrews describes that moment:

Khi Chúa Giê-xu chiến thắng trên tội lỗi xong, Ngài thăng thiên về trời và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời. Dưới đây là điều mà tác giả Thư Tín Hê-bơ-rơ mô tả lúc đó:

When Christ came as high priest of the good things that are already here, he went through the greater and more perfect tabernacle that is not man-made, that is to say, not a part of this creation. He did not enter by means of the blood of goats and calves; but he entered the Most Holy Place once

*for all by his own blood, having obtained eternal redemption.
(Heb 9:11-12)*

Khi Đấng Christ đã đến như một thầy tế lễ thượng phẩm của những điều tốt đẹp sau này, thì qua đền tạm lớn hơn và toàn hảo hơn – không do tay người làm nên, nghĩa là không thuộc về những vật của đời này. Ngài đã bước vào nơi Chí Thánh một lần đủ cả, không dùng máu dê đực và bò con, nhưng dùng chính huyết mình để đem đến sự cứu chuộc đời đời cho chúng ta. (Hê 9:11-12)

These are powerful words: Jesus entering the temple of heaven, with his blood as an offering.

Đây là những lời đầy quyền năng: Chúa Giê-xu bước vào đền thờ trên thiên đàng, với huyết của Ngài như là một của lễ.

I think that we have a more detailed account of this event within our Bibles. It may not be obvious at first, but I am convinced that this is what the apostle John sees worked out in the early part of his revelation.

Tôi nghĩ rằng chúng ta có thêm chứng cứ về sự kiện này trong Kinh Thánh của chúng ta. Có thể không rõ ràng ban đầu, nhưng tôi được thuyết phục rằng đây là điều mà sứ đồ Giăng nhìn thấy đã thể hiện vào phần đầu trong sách Khải Huyền của ông

The Throne Room Ngai tế trị

In Revelation 4, John experiences being drawn up to heaven; to the tabernacle of heaven. If you don't recall the section well enough, it would be worth pausing to read it, to set the scene in your mind; but let me summarize it anyway.

Trong Khải Huyền đoạn 4, Giăng trải qua việc được đưa lên trời; đến đền thờ trên thiên đàng. Nếu bạn không nhớ phần này một cách đầy đủ, thì đáng phải dừng lại để đọc nó, để định hình cảnh tượng này trong đầu bạn; nhưng dù sao hãy để tôi tóm tắt nó lại.

John sees the cherubim, the chariots of God, surrounding the throne, bright and fiery. The throne itself is filled with the glory of God, so bright that John can barely see any details. The whole atmosphere is

THAY ĐỔI CHÚNG TA

resplendent with mightiness and majesty. There is a sea of glass before the throne, like the huge wash bowl of the tabernacle, and golden bowls and incense are in the hands of those around the throne.

Giăng nhìn thấy các kê-ru-bim, các thiên sứ của Đức Chúa Trời, xung quanh ngai, sáng chói lóa. Chính ngai này tràn ngập vinh quang của Đức Chúa Trời, sáng đến nỗi Giăng hầu như không thể nhìn hết các chi tiết. Toàn bầu không khí thì rục rĩ với quyền năng và sự uy nghi. Có một biển thủy tinh trước ngai, như là một chén rửa rất lớn của đền thờ, và những chén bằng vàng và hương ở trong tay của những người ở quanh Ngai.

Praise and glory is being offered to God, both for who he is, and for what he has done.

Sự ngợi khen và vinh quang được dâng lên cho Đức Chúa Trời, cho những người thuộc về Ngài và cho những điều mà Ngài đã thực hiện.

In this context, Revelation 5 picks up the narrative:

Trong bối cảnh này, Khải Huyền đoạn 5 kể lại câu chuyện:

Then I saw in the right hand of him who sat on the throne a scroll with writing on both sides and sealed with seven seals. And I saw a mighty angel proclaiming in a loud voice, "Who is worthy to break the seals and open the scroll?" But no one in heaven or on earth or under the earth could open the scroll or even look inside it. I wept and wept because no one was found who was worthy to open the scroll or look inside. (Re 5:1-4)

Rồi tôi nhìn thấy trong tay phải của Đấng ngồi trên ngai một quyển sách viết cả trong lẫn ngoài, được niêm bằng bảy ấn. Và tôi cũng thấy một thiên sứ đầy uy lực lớn tiếng công bố rằng: "Ai là người xứng đáng mở quyển sách và tháo các ấn này?" Không một ai ở trên trời, dưới đất hoặc bên dưới đất có thể mở hoặc nhìn vào quyển sách. Tôi khóc nức nở, vì không ai xứng đáng mở hoặc nhìn vào trong quyển sách. (Khải 5:1-4)



Later we discover that the scroll – the book – in God’s right hand is the Book of Life. John knows what it is, and to his horror he sees that the book is closed! Shut tight, and sealed! There is no one worthy to open the scroll, no one worthy to open the Book of Life. No one is able to act as savior and judge to humanity on God’s behalf.

Sau đó chúng ta thấy cuộn sách – trong tay phải Chúa là Sách Sự Sống. Giãng biết đó là gì, và trong sự kinh sợ của ông, ông nhìn thấy sách đó đóng lại! Đóng chặt, và được niêm phong lại! Không ai xứng đáng mở cuộn sách, không ai xứng đáng mở Sách Sự Sống. Không ai có thể hành động như Đấng cứu chuộc và Đấng phán xét loài người thay mặt Đức Chúa Trời.

What a terrible truth!

Một lẽ thật khủng khiếp!

The blackness of despair overwhelms John, and he weeps and weeps. Centuries of grief well up in him, and he wails for lost humanity. All this glory around him, and humanity is estranged and lost! This is hopelessness, going down into the pit with no one to rescue. John is devastated. His grief is for himself, and for us, and for everyone who has ever lived. He experiences the wretchedness and desperation of our situation, and he is overwhelmed. Here is the Book of Life in the hand of the Almighty, and it is sealed!

Bóng tối tuyệt vọng tràn ngập, và ông khóc và khóc. Sự đau khổ tột cùng dai dẳng đến trên ông, và ông than khóc cho nhân loại hư mất. Tất cả vinh quang này xung quanh ông, và nhân loại bị ghẻ lạnh và hư mất! Đây là sự vô vọng, xuống tận cùng không ai được cứu. Giãng đau đớn. Sự đau khổ của ông dành cho chính ông và cho chúng ta, và cho mọi người đã từng sống. Ông trải qua sự khốn khổ, tuyệt vọng của tình trạng của chúng ta, và ông tràn ngập đau buồn. Đây là Cuốn Sách Sự Sống của Đấng Toàn Năng, và nó bị niêm phong lại!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

In the midst of his sorrow, one of the elders comforts him.

Ở giữa sự đau khổ của ông, một trong những trưởng lão an ủi ông.

“Do not weep! See, the Lion of the tribe of Judah, the Root of David, has triumphed. He is able to open the scroll and its seven seals.” (Rev 5:5)

“Đừng khóc, kìa, Sư tử của bộ tộc Giu-đa, hậu tự của Đa-vít, đã đắc thắng nên có thể mở quyển sách và mở bảy ấn ra.” (Khải Huyền 5:5)

You can imagine John’s emotions at this point. Hope beyond hope! Anticipation!

Bạn có thể tưởng tượng ra những cảm xúc của Giăng vào lúc này. Hy vọng trên hy vọng! Sự tiên đoán!

He turns around, looking for this mighty lion... . And he sees a lamb standing before the throne, looking like it has been slain.

Ông nhìn quanh, tìm sư tử quyền năng... và ông nhìn thấy chiên con đang đứng trước Ngai, giống như đã bị giết chết.

Here is Jesus!

Đây là Chúa Giê-xu!

Here is Jesus in the most significant event in the history of heaven and earth. Here he is, presenting his blood to his Father as a mark of accomplishment, as a mark of what he has achieved in his Father’s name.

Đây là Chúa Giê-xu trong sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử của trời và đất. Ngài ở đây, dâng huyết của Ngài cho Cha Ngài như là một dấu hiệu của sự hoàn tất, như là dấu hiệu về điều mà Ngài đã đạt được trong Danh Cha Ngài.

“I have overcome,” the blood whispers. “Not my will, but your be done,” it declares. I can imagine that heaven is hushed at this moment. Hushed with awe, and wonder at this man who says with simple and absolute truth, “I desire to do your will, O Lord.”

“Ta đã thắng,” huyết thì thầm. “Không bởi ý muốn của Con, nhưng bởi ý Cha được trọn,” lời này công bố. Tôi có thể tưởng tượng thấy thiên đàng yên lặng vào lúc này. Nín lặng trong sự kính sợ, và tự hỏi

về con người này, người nói với một chân lý tuyệt đối và đơn giản, “con khao khát làm theo ý muốn của Chúa, Chúa ôi.”

He came and took the scroll from the right hand of him who sat on the throne. When he had taken it, the four living creatures and the twenty four elders fell down to worship the Lamb. They sang a new song.

Ngài đến và lấy cuộn sách từ tay phải của Đấng ngồi trên ngai. Khi Ngài lấy cuộn sách, thì bốn sinh vật và hai mươi trưởng lão quỳ xuống thờ lạy Chiên Con. Họ hát vang bài hát mới:

You are worthy to take the scroll and to open its seals, because you were slain, and with your blood you purchased men for God from every tribe and language and people and nation. You have made them to be a kingdom and priests to serve our God, and they will reign on the earth. (Rev 5:9-10).

Ngài xứng đáng lấy quyển sách và mở các ấn ra, vì Ngài đã bị giết, lấy huyết mình chuộc cho Đức Chúa Trời, những người thuộc mọi bộ tộc, mọi ngôn ngữ, mọi dân, mọi nước. Ngài làm cho họ trở nên vương quốc và thầy tế lễ để phục vụ cho Đức Chúa Trời chúng ta, và họ sẽ trị vì trên đất. (Khải 5:9-10)

O the wonder of it! He is worthy to open the book! Lord Jesus Messiah!

Ôi tuyệt vời làm sao về điều này! Ngài xứng đáng mở cuốn sách! Chúa Giê-xu, Đấng Mê-si-a!

Paying the Price

Trả giá

His victory was very costly. The elders and living creatures are driven to praise because the lamb was slain, and because he ‘purchased’ or ‘redeemed’ (KJV) us for God. If we’re not careful, that word ‘purchased’ could sound very transactional, even like the older notion that God paid the devil for our salvation! I don’t think we should think of it that way at all, of course. So what does ‘purchased’ mean?

Chiến thắng của Ngài rất đắt. Các trưởng lão và các sinh vật sống được thúc dục đến sự ngợi khen vì chiên con đã bị giết, và vì Ngài “mua” hay “chuộc” (bản King James) chúng ta cho Đức Chúa Trời.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Nếu chúng ta không cần thận, từ “mua” đó có thể giống như là một sự trao đổi, thậm chí giống như quan niệm cũ hơn rằng Đức Chúa Trời đã trả giá cho ma quỷ để cứu chúng ta! Dĩ nhiên tôi nghĩ chúng ta không nên suy nghĩ theo cách đó. Thế thì “mua” có nghĩa là gì?

In their Greek dictionary, Louw and Nida ¹ describe the meaning of the Greek word here as, *to cause the release or freedom of someone by a means which proves costly to the individual causing the release*. In other words, the notion of ‘purchased’ here doesn’t imply ‘purchased from someone else’, but rather, ‘paid the price for’. Jesus purchased us for God in that he paid the price for us.

Trong tự điển Hy-lạp, Louw và Nida mô tả ý nghĩa từ tiếng Hy-lạp ở đây là, *khiến có thể giải thoát hay ban sự tự do của ai đó bằng một phương tiện chứng minh rất đắt cho cá nhân nào đó khiến người đó được giải thoát*. Mặc khác, ý niệm về “mua” ở đây không chỉ là “mua từ ai đó”, nhưng hơn thế nữa là, “trả giá cho”. Chúa Giê-xu chuộc mua chúng ta cho Đức Chúa Trời trong đó Ngài trả giá cho chúng ta.

That might not seem like much of a difference, but think of it this way. Suppose I told you that I ran the marathon yesterday and now I’m paying the price for it. I would not mean that I’m still trying to get the entrance fee together! It’s not about money – I wouldn’t be thinking about payment at all. Rather, I would be referring to the toll it took on me. I would mean that I feel the consequences of the effort in my muscles and ligaments and bones.

Điều đó dường như giống như là một sự khác biệt, nhưng hãy nghĩ về điều đó theo cách này. Giả sử tôi nói với bạn rằng tôi đã chạy Ma-ra-tông ngày hôm qua và bây giờ tôi đang trả giá cho điều đó. Tôi không nói rằng tôi đang cố gắng lấy cùng vé vào cửa! Đó không phải là vấn đề tiền bạc – tôi không nghĩ về việc thanh toán tí nào cả. Thay vào đó tôi đang đề cập đến những vấn đề xảy ra cho tôi. Tôi muốn nói rằng tôi cảm thấy những hậu quả của nỗ lực trong các cơ bắp, dây chằng và các xương khớp.

So it is with Christ. In his flesh, he bore the consequences both of

¹Louw & Nida, *Greek-English Lexicon of the New Testament: Based on Semantic Domains Bible Societies, 1988*

drawing us to the Father, and also of the personal discipline he underwent to mold his will to God's. It came at a huge personal cost, and it was a cost he had to bear, but he's not buying something from someone else. You see the distinction?

Với Đấng Christ cũng vậy. Trong thân xác của Ngài, Ngài mang lấy những hậu quả để kéo chúng ta đến với Cha, và cũng là kỷ luật bản thân Ngài phải trải qua để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Nó đã đến một mức giá cá nhân rất cao, và đó là cái giá mà Ngài phải gánh, nhưng Ngài không mua điều gì từ ai hết. Bạn có nhìn thấy sự khác biệt không?

The purchase metaphor is attractive – we were bought from our old master – but if we're not careful it can easily run out of control. As in most cases, metaphors have a certain application, and then should be carefully laid aside, otherwise we find ourselves with a load of confusion. In this case, the plain fact is that our salvation cost Jesus his life. That was the price, the toll it took. It's just like the parable of the good shepherd. The shepherd died in the battle with the wolf. The flock was safe, but at the cost of their shepherd's life. He bore the cost of the sheep's safety.

Nghĩa ẩn dụ của từ mua rất hấp dẫn – chúng ta được mua chuộc từ ông chủ cũ của chúng ta – nhưng nếu chúng ta không cẩn thận thì nó có thể dễ dàng mất kiểm soát. Như trong hầu hết các trường hợp, phép ẩn dụ có một sự áp dụng nào đó, và sau đó sẽ được cẩn thận đặt sang một bên, nếu không thì chúng ta nhìn thấy chính chúng ta rơi vào một đồng những bối rối. Trong trường hợp này, sự kiện rõ ràng đó là sự cứu chuộc của chúng ta đáng giá mạng sống của chính Chúa Giê-xu. Đó là giá, trả cho điều đó. Nó cũng giống như ẩn dụ về người chăn chiên hiền lành. Người chăn chiên chết trong trận chiến với con sói. Bầy chiên thì an toàn, nhưng với cái giá là mạng sống của người chăn chúng. Ông ta gánh lấy điều đó vì sự an toàn của bầy chiên.

In passing, just pause for a moment and note a beautiful metaphoric twist here in the revelation: the shepherd himself is a lamb...

Khi nghiên cứu qua điều này, hãy dừng lại một chút, nhớ lại hình ảnh kép mang tính ẩn dụ tuyệt đẹp ở đây trong sự mặc khải: Chính người chăn chiên cũng là một con chiên...

The lamb goes forward, and takes the book from his Father's hand. In the Revelation narrative, this is now his book, referred to later *as*

THAY ĐỔI CHÚNG TA

the Lamb's book of life (Rev 21:27)

Chiên con tiến lên phía trước, và cầm lấy cuốn sách ra khỏi tay Cha Ngài. Trong câu chuyện Khải Huyền, đây là điều nằm trong sách của Ngài, liên quan đến sau này là *sách sự sống của Chiên Con* (Khải 21:27).

Because of the lamb, life and salvation is now possible. Finally, there is a savior judge who is able, who is worthy, to bring about the fulfillment of all that God has been promising. The promises can be fulfilled, and the book can now be unsealed, seal by seal as history unfolds, until it will finally be open!

Vì Chiên Con, sự sống và sự cứu rỗi giờ đây có thể nhận được. Cuối cùng, có một Đấng phán xét cứu chuộc có đủ khả năng, xứng đáng, mang đến sự thành toàn cho tất cả những ai mà Đức Chúa Trời hứa ban. Những lời hứa có thể được thành toàn, và cuốn sách giờ đây có thể được mở niêm, niêm phong lại như lịch sử bày tỏ, cho đến khi cuối cùng được mở ra!

A Scriptural Theme *Chủ đề Kinh Thánh*

This is not the first time the idea of the book of life occurs in Scripture. In fact, the book of life theme runs through both the old and new testaments.

Đây không phải là lần đầu tiên ý tưởng về sách sự sống xảy ra trong Kinh Thánh, thật vậy, chủ đề sách sự sống xảy ra xuyên suốt cả Tân và Cựu Ước.

In Malachi, we read:

Trong Ma-la-chi, chúng ta thấy:

Then those who feared the LORD talked with each other, and the LORD listened and heard. A scroll of remembrance was written in his presence concerning those who feared the LORD and honored his name. "They will be mine," says the LORD Almighty, "in the day when I make up my treasured possession. I will spare them, just as in compassion a man spares his son who serves him. And you will again see the distinction between the righteous and the wicked, between those who serve

God and those who do not. (Mal 3:16-18).

Bấy giờ những người kính sợ Đức Chúa Trời nói chuyện với nhau và Đức Giê-hô-va để ý lắng nghe. Một sách ghi nhớ được chép trước mặt Ngài cho những người kính sợ Đức Giê-hô-va và tôn kính danh Ngài. Đức Giê-hô-va vạn quân phán: “Họ sẽ thuộc về Ta, làm cơ nghiệp riêng của Ta trong ngày Ta hành động. Ta sẽ thương xót họ như một người thương xót con trai phục vụ mình. Và, các con sẽ trở lại và thấy sự khác biệt giữa người công chính và kẻ gian ác, giữa người phụng sự Đức Chúa Trời và kẻ không phụng sự Ngài.” (Ma-la-chi 3:16-18)

It doesn't say 'Book of Life' here, but it's still pretty clear that is what's being described. The scroll of remembrance is going to be used to identify who belongs to God. These are the ones he will remember in that day, in the day he makes up his treasured possession.

Đoạn này không nói “Sách Sự Sống” ở đây, nhưng vẫn khá rõ ràng rằng đó là điều đang được mô tả. Một sách ghi nhớ sẽ được dùng để nhận ra những người thuộc về Đức Chúa Trời. Đây là những điều mà Ngài sẽ nhớ trong ngày đó, trong ngày mà Ngài chọn lọc những tài sản đáng giá của Ngài.

Daniel is more explicit:

Đa-ni-ên thì rõ ràng hơn:

At that time Michael, the great prince who protects your people, will arise. There will be a time of distress such as has not happened from the beginning of nations until then. But at that time your people – everyone whose name is found written in the book – will be delivered. Multitudes who sleep in the dust of the earth will awake: some to everlasting life, others to shame and everlasting contempt. (Dan 12:1-2)

Lúc ấy, đại thiên sứ Mi-ca-ên, đáng bảo vệ vĩ đại con dân người sẽ đứng dậy. Sẽ có một thời kỳ ngặt nghèo chưa từng thấy kể từ khi lập nước cho đến bây giờ. Nhưng lúc ấy, những ai trong dân người có tên trong quyển sách kia sẽ được giải cứu. Nhiều người ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy, người thì để hưởng sự sống đời đời, kẻ thì để chịu tui nhục ghê tởm đời đời. (Đa-ni-ên 12:1-2)

THAY ĐỔI CHÚNG TA

The context is really clear. This is resurrection and judgement. The book is used to determine who will be delivered from the judgements God brings upon humanity.

Bối cảnh này thì thật sự rõ ràng. Đây là sự sống lại và phán xét. Cuốn sách được sử dụng để quyết định ai sẽ là người được ra khỏi sự phán xét mà Đức Chúa Trời mang đến cho nhân loại.

A thousand year earlier, Moses also understood this very well. After the incident of the golden calf, Moses said to God,

Một ngàn năm trước đó. Môi-se cũng đã hiểu điều này rất rõ ràng. Sau sự kiện con bò vàng, Môi-se đã nói với Đức Chúa Trời,

Oh, what a great sin these people have committed! They have made themselves gods of gold. But now, please forgive their sin – but if not, then blot me out of the book you have written. (Ex 32:32)

Ôi, những người này đã phạm tội quá lớn! Họ đã làm cho chính họ những tượng thần bò vàng. Nhưng bây giờ xin Chúa tha tội cho họ! Nếu không, xin Ngài xóa tên con khỏi sách Ngài đã viết. (Xuất 32:32)

I'm not quite sure what Moses' motivation is here. It could read like emotional blackmail: either (a) forgive the people or (b) condemn them and reject me too. If so, he's trying to twist God's arm and force God to forgive all the Israelites by putting his own salvation on the line.

Tôi không chắc về động cơ của Môi-se ở đây là gì. Nó có thể giống như là một sự hăm dọa mang tính cảm xúc: hoặc là (a) tha thứ cho dân chúng hay là (b) đoán phạt họ và cũng chối bỏ tôi luôn. Nếu như vậy ông đang trối tay Chúa lại và buộc Chúa tha thứ tất cả dân Israel bằng cách đưa sự cứu rỗi của Ngài đến mức giới hạn.

However, given the depth of Moses' humility, I think we should seek a better explanation. I think it is more likely that Moses feels personally responsible for the idolatry of the people. He recognizes that the people have failed, and believe that as their leader he bears equal responsibility for their failure, and so should share in their punishment, even eternal condemnation.

Tuy nhiên, được ban cho tấm lòng hạ mình của Mô-i-se, tôi nghĩ chúng ta nên tìm một lời giải thích tốt hơn. Tôi nghĩ có thể là cá nhân Mô-i-se cảm thấy mình chịu trách nhiệm cho sự thờ lạy hình tượng của dân chúng. Ông thừa nhận dân sự đã sa ngã, và tin rằng là lãnh đạo của họ, ông chịu cùng trách nhiệm cho sự thất bại của họ, và vì thế nên nhận lấy hình phạt của họ, thậm chí là sự đoán phạt đời đời.

God's response in firm. He says,

Sự trả lời của Đức Chúa Trời là chắc chắn, Ngài phán,

Whoever has sinned against me I will blot out of my book. Now go, lead the people to the place I spoke of, and my angel will go before you. However, when the time comes for me to punish, I will punish them for their sin (Ex 32:33-34)

“Kẻ nào phạm tội chống lại Ta, Ta sẽ xóa người ấy khỏi sách Ta. Nhưng bây giờ, hãy đi, dẫn dân chúng đến nơi Ta đã chỉ cho con và thiên sứ của Ta sẽ đi trước con. Tuy nhiên, đến ngày trừng phạt, Ta sẽ trừng phạt tội lỗi của chúng.” (Xuất 32:33, 34)

Leaving aside Moses' intent, there is a vital inference we can draw from this interchange. Ask yourself, when is the book of life written? We each hope and expect that our name will be in the book in that day, but *when* will our names be entered in it?

Đề qua một bên ý định của Mô-i-se, có một suy luận quan trọng mà chúng ta có thể rút ra từ sự thay thế này. Hãy hỏi chính bạn, khi nào thì sách sự sống được viết ra. Mỗi người chúng ta hy vọng và mong chờ rằng tên của chúng ta sẽ ở trong cuốn sách trong ngày ấy, nhưng *khi nào* thì tên của chúng ta được ghi vào?

Think of this: Moses said, “Blot my name out of the book.” This only makes sense if he has confidence that his name is already in the book. It couldn't have been blotted out if it wasn't written in already. So we conclude: the book of life is being written now! Our names are entered during our lives.

Hãy nghĩ về điều này: Mô-i-se nói, “xóa tên con khỏi sách Ngài”. Điều này có nghĩa là ông tin rằng tên của ông đã có trong sách rồi. Nó không thể bị xóa đi nếu nó chưa được ghi vào trong sách. Vì thế

THAY ĐỔI CHÚNG TA

chúng ta kết luận rằng: Sách sự sống bây giờ đang được viết ra! Tên chúng ta được ghi vào trong suốt đời sống của chúng ta.

*Written today!
Được viết vào ngày nay!*

We can draw the same conclusion from Malachi's day. A scroll of remembrance was written then, while the people were meeting together.

Chúng ta có thể rút ra kết luận tương tự từ thời của Ma-la-chi. Một cuộn sách ghi nhớ đã được ghi chép vào lúc đó, trong khi dân sự đang tập họp lại với nhau.

This picture is repeated again and again and again. The book of life is being written now. It's not going to be written at the resurrection – it's being written now.

Bức tranh này được lập đi lập lại. Sách sự sống đang được viết bây giờ. Nó không phải được viết vào lúc Phục Sinh – bây giờ nó đang được viết.

Consider the following passage in Hebrews, which contains yet more evidence of this. The writer is drawing a contrast between Zion and Sinai.

Hãy xem xét đoạn Kinh Thánh trong Thư Tín Hê-bơ-rơ này, cũng chứa đựng nhiều bằng chứng cho điều này. Tác giả đang vẽ ra bức tranh tương phản giữa Si-ôn và Si-nai.

You have not come to a mountain that can be touched and that is burning with fire; to darkness, gloom and storm; to a trumpet blast or to such a voice speaking words that those who heard it begged that no further word be spoken to them, because they could not bear what was commanded: "If even an animal touches the mountain, it must be stoned." The sight was so terrifying that Moses said, "I am trembling with fear."

Anh em không đến gần một hòn núi có thể đụng đến được, cũng không đến gần ngọn lửa hùng, hoặc chỗ tối tăm, u ám hay cơn gió lốc, hoặc tiếng kèn vang hay tiếng nói mà ai nghe đều nài xin đừng tiếp tục nói với mình nữa; vì họ không chịu nổi lời phán này: "Dù thú vật đến gần núi này cũng sẽ bị ném

đá.” Cảnh trạng đó rất kinh khiếp, đến nỗi Mô-i-se nói rằng: “Tôi kinh hãi và run rẩy.”

But you have come to Mount Zion, to the heavenly Jerusalem, the city of the living God. You have come to thousands upon thousands of angels in joyful assembly, to the church of the firstborn, whose names are written in heaven. You have come to God, the judge of all men, to the spirits of righteous men made perfect, to Jesus the mediator of a new covenant, and to the sprinkled blood that speaks a better word than the blood of Abel. (Heb 12:18-24).

Nhưng anh em đã đến gần núi Si-ôn, gần thành của Đức Chúa Trời hằng sống, tức là Giê-ru-sa-lem trên trời, gần muôn nghìn thiên sứ đang quây quần vui vẻ, gần Hội Thánh của những con trưởng được ghi tên trong các tầng trời. Anh em đến gần Đức Chúa Trời là Đấng Phán xét mọi người, gần các linh hồn người công chính được trọn lành, gần Đức Chúa Giê-xu, Đấng Trung Gian của giao ước mới, tức là gần huyết rưới ra, là huyết tốt hơn huyết của A-bên vậy. (Hê 12:18-24)

Notice that it is not those whose names *will be* written in heaven. The church of the firstborn is made up of those whose names are *already* written in heaven.

Hãy chú ý rằng điều này không phải là những người mà tên của họ sẽ được ghi vào trên thiên đàng. Hội Thánh đầu tiên được thiết lập bởi những người mà tên của họ đã được ghi trên thiên đàng rồi.

Today, your name is (or is not) in the book of life.

Ngày nay, tên của bạn đã có (hay không có) trong sách sự sống.

He has set his foundation on the holy mountain; the LORD loves the gates of Zion more than all the dwellings of Jacob. Glorious things are said of you, O city of God: “I will record Rahab and Babylon among those who acknowledge me – Philistia too, and Tyre, along with Cush – and will say, ‘This one was born in Zion.’” Indeed, of Zion it will be said, “This one and that one were born in her, and the Most High himself will establish her.” The LORD will write in the register of the peoples: “This one was born in Zion.” (Ps 87:1-6).

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Chúa đặt nền cho thành của Ngài trên núi thánh. Đức Giê-hô-va yêu mến các cổng Si-ôn hơn những nơi ở của Gia-cóp. Hỡi thành của Đức Chúa Trời, người ta đã nói về vẻ vinh quang của ngươi. Ta sẽ nói đến Ra-háp và Ba-by-lôn giữa những người quen biết ta; kìa Phi-li-tin và Ty-rơ với Cút; họ nói: “Người này đã sinh tại Si-ôn.” Phải, người ta sẽ nói về Si-ôn rằng: “Kẻ này và kẻ kia đã sinh ra tại đó; chính Đấng Chí Cao sẽ vững lập Si-ôn. Khi Đức Giê-hô-va ghi các dân vào sổ thì Ngài sẽ kể rằng: “Kẻ này đã sinh tại Si-ôn.” (Thi 87:1-6)

Where is your birthplace? Your spiritual birthplace I mean.

Nơi sinh của bạn ở đâu? Ý tôi muốn nói đến nơi sinh thuộc linh của bạn.

It's written, “This one was born in Zion.” It's in the register of the peoples, “This one, and this one and this and this... this one was born in Zion.” What a wonderful picture! In a sense I wasn't born in England; you weren't born in the United States, or Australia, or Asia, or wherever. Not really. Sure, yes, you were – physically.

Nó được viết, “người này sinh ở Si-ôn.” Đó là nơi đăng ký của các dân tộc, “người này, và người này và này và này... người này được sinh ở Si-ôn.” Đó là một bức tranh tuyệt vời! Trong ý nghĩa tôi không phải được sinh ra ở Anh; bạn không phải sinh ra ở Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, hay Úc, hay Châu Á, hay bất cứ nơi nào. Thật sự không phải như vậy. Chắc chắn, vâng, nơi bạn sinh ra – về mặt thể lý.

But when you underwent baptism you were declaring, “I'm going to be born again; I'm being born in Zion.” Your name was written in the register of the peoples, “This one was born in Zion.” A very powerful scripture.

Nhưng khi bạn trải qua phép Báp-tem bạn công bố, “tôi sắp được sanh lại; tôi được sinh ra ở Si-ôn.” Tên của bạn được ghi vào sách đăng ký của các dân, “người này được sinh ra ở Si-ôn.” Một đoạn Kinh Thánh đầy quyền năng.

Summary**Tóm tắt**

John has a vision of the tabernacle in heaven in which Jesus, the Lamb, presents his blood as a mark of his submission and commitment. In acknowledgment of his accomplishment, and the awful price he paid, he is given the right to open the Book of Life. This Book records the names of those who are being saved. It is being written now.

Giăng có một khải tượng về đền thờ trên thiên đàng nơi Chúa Giê-xu, là Chiên Con, bày tỏ huyết của Ngài như là một dấu hiệu của sự đầu phục và tận hiến. Công nhận sự thành toàn của Ngài, và cái giá khủng khiếp mà Ngài đã trả, Ngài được ban cho quyền mở Sách Sự Sống. Cuốn Sách này ghi lại những tên của những người được cứu. Bây giờ sách này vẫn đang được viết.

Discussion**Thảo luận**

1. What is the relationship between the book of life, and forgiveness?

1. Mối quan hệ giữa sách sự sống và sự tha thứ?

2. Do you think your name is in the book of life? Are you sure you would like it to be? How does this show up in your life choices?

2. Bạn có nghĩ rằng tên của bạn đang ở trong sách sự sống không? Bạn có chắc là bạn muốn tên của bạn ở trong sách sự sống không? Điều này thể hiện trong những chọn lựa trong đời sống của bạn như thế nào?

3. Read some other passages which look at the throne of God in heaven (e. g. Ex 24:9-11, Is 6:1-4, Ezek 1:22-28), and compare with this passage in Revelation.

3. Hãy đọc vài đoạn Kinh Thánh khác nghiên cứu về thềm quyền của Đức Chúa Trời trên thiên đàng (ví dụ Xuất 24:9-11, Ê-sai 6:1-4, Ê-xê-chi-ên 1;22-28), và so sánh với đoạn văn này trong sách Khải Huyền.

Confidence in the judgement

Niềm tin vào sự phán xét

When Christ returns to set up God's kingdom here on earth, one of the first things he does is raise the dead, and make his judgement about each one. This how Jesus himself expresses it:

Khi Đấng Christ trở lại để thiết lập Vương Quốc của Đức Chúa Trời trên đất, một trong những điều đầu tiên mà Ngài làm là đưa những người từ cõi chết sống lại, và phán xét mỗi người. Đây là cách mà chính Chúa Giê-xu bày tỏ:

“Do not be amazed at this, for a time is coming when all who are in their graves will hear his voice and come out – those who have done good will rise to live, and those who have done evil will rise to be condemned. By myself I can do nothing; I judge only as I hear, and my judgement is just, for I seek not to please myself but him who sent me.” (John 5:28-30).

Đừng kinh ngạc về điều này, vì giờ sắp đến, khi tất cả những người ở trong mồ sẽ nghe tiếng Ngài và bước ra - ai đã làm điều lành thì sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sống lại để bị phán xét. Ta không thể tự mình làm điều gì; Ta phán xét theo điều Ta nghe, và sự phán xét của Ta là công minh, vì Ta không tìm ý riêng mình, nhưng tìm ý của Đấng đã sai ta. (Giăng 5:28-30)

Paul describes it similarly to the Christians in Corinth:

Phao-lô cũng mô tả tương tự cho Cơ Đốc Nhân tại thành Cô-rinh-tô:

For we must all appear before the judgement seat of Christ, that each one may receive what is due him for the things done while in the body, whether good or bad (2 Cor 5:10).

Vì tất cả chúng ta đều phải trình diện trước tòa án Đấng Christ để mỗi người nhận lãnh tùy theo điều thiện hoặc ác mình đã làm lúc còn trong thân xác. (II Cô 5:10)

This idea is not new to either Jesus or Paul. The Old Testament prophets had already described the judgement in some detail. Daniel, for example, was given a vision which he retells as follows:

Ý tưởng này không mới đối với cả Chúa Giê-xu hay Phao-lô. Các tiên tri Cựu Ước cũng đã mô tả rồi về sự phán xét trong một vài chi tiết nào đó. Ví dụ, Đa-ni-ên đã được ban một khái tượng mà ông kể lại như sau:

As I looked, thrones were set in place, and the Ancient of Days took his seat. His clothing was as white as snow; the hair of his head was white like wool. His throne was flaming with fire, and its wheels were all ablaze. A river of fire was flowing, coming out from before him. Thousands upon thousands attended him; ten thousand times ten thousand stood before him. The court was seated, and the books were opened...

Tôi nhìn cho đến khi các ngai được sắp đặt hẳn hoi. Có Đấng Thượng Cổ ngồi trên đó, Áo Ngai trắng như tuyết, Tóc trên đầu Ngai như lông chiên tinh sạch. Ngai Ngai là những ngọn lửa và các bánh xe cháy hừng hực. Trước mặt Ngai, một dòng sông lửa chảy ra, nghìn nghìn hầu hạ Ngai, vạn vạn châu trước mặt Ngai. Tòa bắt đầu xét xử, các sách đã mở ra...

In my vision at night I looked, and there before me was one like a son of man, coming with the clouds of heaven. He approached the Ancient of Days and was led into his presence. He was given authority, glory and sovereign power; all peoples, nations and men of every language worshiped him. His dominion is an everlasting dominion that will not pass away, and his kingdom is one that will never be destroyed. (Dan 7:9-14).

Trong khái tượng ban đêm, tôi lại nhìn thấy trước mắt tôi một vị giống như con người đến với những đám mây trên trời. Vị ấy đến gần và được đưa đến trước mặt Đấng Thượng Cổ, Đấng Thượng Cổ ban cho vị ấy quyền thống trị, vinh quang

THAY ĐỔI CHÚNG TA

và vương quốc. Mọi dân tộc, mọi quốc gia, mọi ngôn ngữ đều phục vụ Ngài. Quyền thống trị Ngài là quyền đời đời, chẳng hề mai một, và vương quốc Ngài không bao giờ suy vong. (Đa-ni-ên 7:9-14)

The impressive majesty and stature of the scene comes through loud and clear, as does the prominent role of one who can only be Jesus. There are also many of the same elements as were described in John's later vision in the Revelation 4-5 passage we considered in the previous section, because they are set in the same backdrop of God's throne room.

Sự uy nghi đầy ấn tượng và sự tiến triển của cảnh tượng này đến thật náo nhiệt và rõ ràng, khi có vai trò nổi bật của Đấng thực hiện điều này, Đấng đó chỉ có thể là Chúa Giê-xu. Không có nhiều yếu tố tương tự như được mô tả trong khái tượng sau đó của Giăng trong Khải Huyền đoạn 4-5 mà chúng ta đã nghiên cứu trong phần trước, vì những điều này được thể hiện trong cùng quang cảnh nơi ngai uy quyền của Đức Chúa Trời.

Daniel's vision mentions 'the books' being opened. These books were presumably record books that the kings would maintain to know how to govern. There's an example of this in Esther when King Xerxes reviews the events of his empire.

Khái tượng của Đa-ni-ên đề cập đến 'những cuốn sách' được mở ra. Những cuốn sách này được cho là những cuốn sách ghi chép mà các vua duy trì để biết cách trị vì. Có một ví dụ về điều này trong Ê-xơ-tê khi vua Xet-xê xem lại những sự kiện trong vương quốc của ông.

That night the king could not sleep; so he ordered the book of the chronicles, the record of his reign, to be brought in and read to him. (Esth 6:1)

Đêm đó, vua không ngủ được. Vua truyền đem sách sử biên niên đọc cho vua nghe. (Ê-xơ-tê 6:1)

Similarly, towards the end of the book of Revelation, when John relates his equivalent to Daniel's vision, we again find this element of "the books".

Tương tự như vậy, vào cuối sách Khải Huyền, khi Giăng đề cập sự

so sánh tương tự của ông với khái tượng của Đa-ni-ên, chúng ta lại tìm thấy yếu tố về “những cuốn sách” này.

Then I saw a great white throne and him who was seated on it. Earth and sky fled from his presence, and there was no place for them. And I saw the dead, great and small, standing before the throne, and books were opened. Another book was opened, which is the book of life. The dead were judged according to what they had done as recorded in the books. The sea gave up the dead that were in it, and death and Hades gave up the dead that were in them, and each person was judged according to what he had done. Then death and Hades were thrown into the lake of fire. The lake of fire is the second death. If anyone's name was not found written in the book of life, he was thrown into the lake of fire. (Rev 20:11-15).

Bấy giờ tôi thấy một ngai lớn và trắng với Đấng ngồi trên ngai. Trước mặt Ngài đất trời đều trốn hết, không còn tìm thấy chỗ nào cho chúng. Tôi thấy những người chết, cả lớn lẫn nhỏ, đều đứng trước ngai và các sách được mở ra. Một sách khác là sách sự sống cũng được mở. Những người chết bị phán xét tùy theo công việc họ làm, căn cứ trên những điều đã ghi trong các sách ấy. Biển giao lại những người chết mình chứa; Sự chết và Âm phủ cũng giao lại những người chết mình giữ. Mỗi người sẽ bị phán xét tùy theo công việc mình đã làm. Rồi sự chết và âm phủ bị ném xuống hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ hai. Người nào không được ghi tên vào sách sự sống thì bị ném xuống hồ lửa. (Khải 20:11-15)

The books are the records of everything that has ever happened. I don't think these have to be literal books. If we were writing the account nowadays we would say, 'and the database was accessed' or something like that. The important fact is that there are records of everything that had been done. And along with the records, there is another book, the book of life.

Những sách này là những ghi chép lại mọi điều đã xảy ra. Tôi không nghĩ rằng đây phải là những cuốn sách mang nghĩa đen. Nếu chúng ta viết tài liệu ngày nay, chúng ta sẽ nói, 'và dữ liệu được truy cập' hay đại loại như vậy. Yếu tố quan trọng đó là những ghi chép về mọi

THAY ĐỔI CHÚNG TA

điều đã được làm. Và cùng với những ghi chép, có một cuốn sách khác nữa, sách sự sống.

How do these books relate to each other?

Các sách này liên quan với nhau như thế nào?

It seems to me that “the books” contain plenty of evidence to condemn us all! All the acts of love and hate, of peace and war, of generosity and selfishness are recorded here. If these books are the sole authority, not one of us would be saved. If salvation depended on our works, on our ability to do right and never wrong, then we would all be lost.

Dường như đối với tôi là “những cuốn sách” chứa đựng nhiều bằng chứng để đoán xét tất cả chúng ta! Tất cả những hành động yêu thương và ghét bỏ, hòa bình và chiến tranh, sự hào phóng hay ích kỷ được ghi lại ở đây. Nếu những cuốn sách này là thẩm quyền duy nhất, không ai trong chúng ta được cứu. Nếu sự cứu rỗi dựa vào những việc lành của chúng ta, vào khả năng làm đúng và không bao giờ sai của chúng ta, thì tất cả chúng ta đều hư mất hết.

But these books are not the sole authority! The book of life is also present! And it is open!!

Nhưng những cuốn sách này không phải là thẩm quyền duy nhất! Sách sự sống cũng bày ra! Và nó được mở ra!!

If your name is in the book of life, the other books are irrelevant. They contain events and circumstances that have been forgiven. Your name is in the book! You are welcomed with open arms! With the joy of thousands upon thousands of angels, and with the love and delight of your Lord who thought your life was worth everything he was ever able to give.

Nếu tên của bạn ở trong sách sự sống đời đời, thì những cuốn sách khác không còn thích hợp nữa. Những sách này chứa đựng những sự kiện và những hoàn cảnh đã được Chúa tha thứ rồi. Tên của bạn ở trong sách! Bạn được chào đón với cánh tay rộng mở! Với niềm vui của hàng ngàn thiên sứ, và với tình yêu và ánh sáng của Chúa của bạn, Đấng đã nghĩ rằng sự sống của bạn xứng đáng mọi điều mà Ngài có thể ban cho.

He who overcomes will, like them, be dressed in white. I will never blot out his name from the book of life, but will acknowledge his name before my Father and his angels. He who has an ear, let him hear what the Spirit says to the churches. (Rev 3:5-6)

Người nào thắng sẽ được mặc áo trắng như vậy; Ta sẽ không xóa tên người ấy khỏi sách sự sống và sẽ công bố tên người ấy trước mặt Cha Ta và trước mặt các thiên sứ của Ngài. Ai có tai hãy nghe lời Thánh Linh phán với các Hội Thánh. (Khải 3:5-6)

It's a wonderful promise!

Đó là một lời hứa tuyệt vời làm sao!

Confidence
Niềm tin

But do I expect to be there? Do you? Do you expect to be welcomed eternity, or are you worried that you may be shut out?

Nhưng tôi có mong đợi được ở đó không? Bạn có không? Bạn có mong đợi được chào đón vào cõi đời đời không, hay bạn lo lắng rằng cánh cửa có thể đóng lại với bạn?

It's easy to lack courage and confidence in our salvation." "I'm not good enough," we think. "I have sins and faults." How can we build personal confidence? How can we realize that this is not all theoretical, but it is about me and you? Will I be there?

Thật dễ đánh mất sự can đảm và niềm tin vào sự cứu rỗi của chúng ta. Chúng ta nghĩ "Tôi không đủ tốt," "Tôi phạm nhiều tội ác và lỗi lầm." Làm thế nào chúng ta có thể xây dựng niềm tin cá nhân? Làm thế nào chúng ta có thể nhận ra rằng tất cả những điều này không hề mang tính lý thuyết, nhưng đó là về tôi và bạn? Liệu tôi sẽ có ở đó không?

There's a hint of a situation in the church at Philippi which I take as a personal exhortation. Here's what Paul says in his letter to them:

Có một chứng cứ về một tình huống trong Hội Thánh tại thành Phi-líp mà tôi đưa ra như một sự khuyến khích cá nhân. Đây chính là điều mà Phao-lô đã nói trong Thư Tín của ông gửi cho họ:

THAY ĐỔI CHÚNG TA

I plead with Euodia and I plead with Syntyche to agree with each other in the Lord. Yes, and I ask you, loyal yokefellow, help these women who have contended at my side in the cause of the gospel, along with Clement and the rest of my fellow workers, whose names are in the book of life. (Phil 4:2-3)

Tôi khuyên Ê-vô-đi và khuyên Sin-ty-co nên hiệp trong Chúa. Tôi cũng xin anh, người bạn đồng lao chân thành, hãy giúp những phụ nữ này; họ đã sát cánh với tôi chiến đấu vì Tin Lành, cùng với Co-lê-măn và các bạn đồng lao khác của tôi; tên của họ đã được ghi vào sách sự sống rồi. (Phi-líp 4:2-3)

Two thousand years later it's hard to know exactly what was going on, but there seems to be bickering in the church. Maybe even strong disagreements. Euodia and Syntyche don't get along with each other. Not like today, right?!

Hai ngàn năm sau thật khó biết chính xác điều gì đang diễn ra, nhưng dường như có sự tranh cãi ở trong Hội Thánh. Có thể thậm chí có một sự bất đồng dữ dội. Ê-vô-đi và Sin-ti-co không hòa hợp với nhau. Không như ngày nay, đúng không?

The situation is sufficiently tense that they need some help to sort it out, so they can be supportive of each other. But here's the wonderful thing: even in the middle of their challenging interpersonal situation, their names are still in the book of life!

Tình trạng này căng thẳng đủ cho họ cần một sự giúp đỡ nào đó để tìm ra cách giải quyết, vì thế họ có thể hỗ trợ lẫn nhau. Nhưng ở đây là một điều tuyệt vời: thậm chí ở giữa tình hình khó khăn giữa họ, tên của họ vẫn ở trong sách sự sống!

That, to me, is a great reassurance!

Với tôi, đó là một sự đảm bảo tuyệt vời!

The Lord knows our failings; he knows our frailty; he knows our limitations. He's not surprised when he looks in your heart and sees sin, and sees temptation – he knows it's there!

Chúa biết sự thất bại của chúng ta; Ngài biết sự yếu đuối của chúng ta; Ngài biết luôn những sự giới hạn của chúng ta. Ngài không ngạc nhiên khi Ngài nhìn vào tấm lòng chúng ta và nhìn thấy những tội lỗi, nhìn thấy những sự cám dỗ - Ngài biết nó hiện diện ở đó!

The Father, in his love, reaches out to us. He has designed his plan of salvation to take account of this. He trained his son to be able to strengthen us in our weakness, to help us with our limitations, to encourage us to yearn for something better and more fulfilling. And so, despite our failings, our names are entered into the book of life.

Cha, trong tình yêu của Ngài, vươn đến chúng ta. Ngài đã định ra kế hoạch của Ngài trong sự cứu rỗi để chu toàn vấn đề này. Ngài đã huấn luyện Con Ngài có thể làm mạnh sức cho chúng ta trong sự yếu đuối của chúng ta, giúp chúng ta với những sự giới hạn của chúng ta, để khuyến khích chúng ta tìm kiếm những điều tốt hơn và trọn vẹn hơn. Và vì vậy, dù chúng ta yếu đuối, tên của chúng ta đã được ghi vào trong sách sự sống.

Moreover, the fact that it is being written how is a great reassuring principle to bear in mind. Are you in covenant with Christ? Is he truly your lord? Does he express the deepest desires of your heart? If you can answer yes to these, then be confident! Your name is already written in heaven. Already you have moved from Death to Life.

Hơn nữa, vấn đề được ghi tên giờ đây là một nguyên tắc tái bảo đảm trong tâm trí. Bạn có ở trong giao ước với Đấng Christ không? Ngài có thật sự là Chúa của bạn không? Ngài có bày tỏ khao khát sâu kín nhất trong tâm lòng của bạn không? Nếu bạn có thể trả lời vâng với những điều này, kể đó là hãy tin! Tên của bạn đã được ghi vào thiên đàng rồi. Bạn đã được ra khỏi Sự Chết rồi để đến với Sự Sống.

*Perfect love
Tình yêu toàn hảo*

Here's a final thought. While I have confidence in the judgement, I cannot know for sure. Paul even urges us to show caution:

Đây là ý tưởng cuối cùng. Trong khi tôi có niềm tin vào sự phán xét, tôi không thể biết chắc nữa. Phao-lô khuyến khích chúng ta bày tỏ sự cẩn trọng:

Therefore judge nothing before the appointed time; wait till the Lord comes. He will bring to light what is hidden in darkness and will expose the motives of men's hearts. At that time each will receive his praise from God. (1 Cor 4:5).

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Vậy, chớ nên xét đoán trước kỳ đã định, hãy đợi Chúa đến; Ngài sẽ đưa ra ánh sáng những gì hiện đang được che giấu trong bóng tối và phơi bày mưu định trong lòng. Lúc ấy, mỗi người sẽ nhận được sự khen ngợi từ Đức Chúa Trời. (I Cô 4:5)

What then? Do I live in fear of the judgement, with no idea how it will turn out?

Kể đó là gì? Tôi có sống trong sự sợ hãi sự phán xét không, với ý tưởng làm thế nào để nó không xảy ra?

Of course not! Insofar as I truly know myself, I know that I desire the things of God. I desire the things of God. I desire to be one with him, to be one with Christ, to be one with all other disciples. Moreover, I know with certainty that he is willing and able to forgive me, to take my sins away and count me righteous if that is truly what I want; if that expresses the deepest desire of my heart.

Dĩ nhiên là không! Tới lúc chính tôi hiểu điều này một cách thật sự, tôi biết rằng tôi khao khát những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Tôi khao khát những điều thuộc về Đức Chúa Trời. Tôi khao khát là một người thuộc về Ngài, là một người thuộc về Đấng Christ, là một người trong số tất cả những môn đồ khác. Hơn thế nữa, tôi biết chắc rằng Ngài sẵn sàng và có thể tha thứ cho tôi, mang tội lỗi của tôi ra xa và kể tôi là công chính nếu đó thật sự là điều tôi muốn; nếu đó bày tỏ những khao khát sâu kín nhất trong tâm lòng của tôi.

But what about the risk that I have been deceiving myself all these years, and that I discover I don't want the things of God and of right ways? What then?

Nhưng về những nguy cơ mà tôi đang lừa dối chính mình trong tất cả những năm đó, và rồi tôi khám phá ra những điều thuộc về Chúa và về những đường lối đúng đắn? Còn gì nữa?

Even in that case I can have true confidence.

Thậm chí trong tình huống đó tôi vẫn có thể có niềm tin thật sự.

What I mean is this. I have confidence that when I come to the judgement seat – it's impossible for me to write this without emotion – and my judge looks me in the eye... If at that moment he says, "You never really wanted this, did you?" I will know that he knows who I am. .

Tôi muốn nói điều gì ở chỗ này. Tôi có niềm tin rằng khi tôi đến với ngôi phán xét – tôi không thể viết điều này mà không hề có một cảm xúc gì hết – Đấng phán xét của tôi nhìn vào mắt tôi... nếu vào lúc đó Ngài nói “con chưa bao giờ thật sự muốn điều này, phải không con?” Tôi sẽ biết rằng Ngài biết tôi là ai...

Here is an exquisite man, a man who loves me beyond words. Here is a man who knows me more deeply and intimately than I know myself. Here is a man who can truly assess whether the Father's kingdom would be delight or torment for me. From that man, I can accept his judgement whatever it is...

Đây là một con người tuyệt vời, Đấng yêu tôi không có lời nào có thể tả nổi. Đây là Đấng biết tôi một cách đúng đắn và thân thiết hơn tôi biết về chính bản thân mình. Đây là Đấng có thể thật sự định ra việc ở trong vương quốc của Cha sẽ là sự sáng hay đau đớn cho tôi. Từ Đấng đó, tôi có thể chấp nhận sự phán xét này dù đó là gì...

Whoever lives in love lives in God, and God in him. In this way, love is made complete among us so that we will have confidence on the day of judgement, because in this world we are like him. There is no fear in love. But perfect love drives out fear, because fear has to do with punishment. The one who fears is not made perfect in love. (1 John 4:16-18).

Ai ở trong tình yêu thương thì ở trong Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời ở trong người ấy. Bởi điều này, tình yêu thương được trọn vẹn trong chúng ta để chúng ta được vững tâm trong ngày phán xét; vì Ngài thế nào thì chúng ta cũng thế ấy trong thế gian này. Không hề có sự sợ hãi trong tình yêu thương, nhưng tình yêu thương trọn vẹn thì loại bỏ sự sợ hãi. Vì sợ hãi có liên quan đến hình phạt và ai sợ hãi thì không được trọn vẹn trong tình yêu thương. (1 Giăng 4:16-18)

That is my confidence. He loves me more than I love myself, more deeply and more meaningfully.

Đó là niềm tin của tôi. Ngài yêu tôi hơn tôi yêu chính bản thân mình, sâu sắc hơn và ý nghĩa hơn nhiều.

If I can stand in confidence even in the smallest possibility of rejection, how much more in the abundant expectation of acceptance!

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Nếu tôi có thể đứng trong đức tin thậm chí trong khả năng nhỏ nhất của sự chối bỏ, thì sự mong đợi về sự chấp nhận lớn lao dường nào?

Summary

Tóm tắt

Our relationship with Christ gives us confidence that our names are written in the Book of Life, despite our weaknesses and imperfections. The completeness of his love for us gives us over-whelming confidence about his judgement towards us.

Mối quan hệ của chúng ta với Đấng Christ ban cho chúng ta niềm tin rằng tên của chúng ta đã được ghi vào trong Sách Sự Sống, dù chúng ta yếu đuối và bất toàn. Sự trọn vẹn của tình yêu Ngài ban cho chúng ta tràn ngập niềm tin về sự phán xét của Ngài trên chúng ta.

Discussion

Thảo luận

1. To what extent do you have confidence in the love and compassion of Jesus towards you?
1. Bạn có niềm tin ở mức độ nào vào tình yêu và sự thương xót của Chúa Giê-xu đối với bạn?
2. How strong in your personal relationship with Jesus? What effect does that have on your readiness to face him in judgement?
2. Quan hệ cá nhân của bạn với Chúa Giê-xu mạnh như thế nào? Điều đó ảnh hưởng gì đến việc bạn sẵn sàng đối mặt với Ngài trong sự phán xét?

Afterword

Lời sau cùng

If the Bible tries very hard to explain why Jesus died, then why is it so hard to find a compelling explanation?

Nếu Kinh Thánh cố gắng thật khó khăn trong việc giải thích tại sao Chúa Giê-xu chết, thì tại sao thật khó tìm thấy một lời giải thích thuyết phục?

I think the main problem is that we don't have the luxury of coming to the Bible without preconceived notions and ideas. We come with ideas that have been picked up from popular culture, and these ideas muddy the waters. They affect even the way we understand words themselves.

Tôi nghĩ nan đề chính là chúng ta không có sự vui sướng khi đến với Kinh Thánh mà không mang nặng những ý niệm hay ý tưởng đã được định sẵn trong đầu từ trước. Chúng ta đến với những ý tưởng được thu thập từ văn hóa phổ biến, và những tư tưởng này làm bản đi dòng nước. Chúng thậm chí tác động trên cách mà chính chúng ta hiểu về lời Chúa.

Consider this example: Suppose I say that *I believe in God*. What does it mean? Well, we all know what it means. It means I have an intellectual acceptance of the existence of God, that God is there – that God is real being. Right?

Hãy xem xét ví dụ này: Nếu tôi nói rằng *tôi tin nơi Đức Chúa Trời*. Điều đó có nghĩa là gì? À tất cả chúng ta đều biết điều đó có nghĩa là gì. Nó nói rằng tôi chấp nhận có hiểu biết về sự thực hữu của Đức Chúa Trời, rằng Đức Chúa Trời ở đó – đó là Đức Chúa Trời thực hữu. Đúng như vậy phải không?

Okay, but now let's take a second example. Suppose I say that *I believe in the President*. What does that mean? Astonishingly, it means

THAY ĐỔI CHÚNG TA

something *completely different!* This time it's not about an intellectual assent that the man exists. It's much more about trust, about whether I trust this man to do things that are good for the nation.

Được rồi, bây giờ chúng ta hãy lấy ví dụ thứ hai. Nếu tôi nói rằng *tôi tin vào Tổng Thống*. Điều đó có nghĩa là gì? Thật đáng ngạc nhiên, nó có nghĩa gì đó *hoàn toàn khác!* Lần này là không phải về việc thiếu hiểu biết rằng con người tồn tại. Nó nói nhiều hơn về niềm tin, về liệu là tôi tin người này làm điều gì tốt cho quốc gia.

You see the distinction? The words: 'believe in' – God or the President – are exactly the same for each statement, but we lay on top of them a particular understanding that comes from our preconceptions about how words are used.

Bạn nhìn thấy sự khác biệt không? Những từ: 'tôi tin' – Đức Chúa Trời hay Tổng Thống – chính xác là giống nhau về mặt tuyên bố, nhưng chúng ta dựa vào sự hiểu biết cao nhất đặc biệt của họ đến từ việc định sẵn trong đầu về những từ được sử dụng.

In day-to-day speaking we share enough of a common context with the speaker. We can get by with understanding what each other is saying – more or less, anyway. But problems can easily arise when we read the Bible because contextual understanding has shifted significantly over the 2, 000 years since the New Testament was written. We can end up reading things into the text that might astonish the original authors!

Trong cách nói chuyện ngày nay chúng ta chia sẻ đủ loại bối cảnh chung với người nói. Chúng ta có thể nắm bắt sự hiểu biết về điều mà người kia nói là gì – dù ít dù nhiều. Nhưng nan đề có thể xảy ra dễ dàng khi chúng ta đọc Kinh Thánh vì hiểu bối cảnh đã thay đổi đặc biệt qua hơn 2.000 năm kể từ khi Tân Ước được viết. Chúng ta có thể kết thúc việc đọc những điều ở trong bối cảnh nào đó có thể làm kinh ngạc những tác giả ban đầu.

Metaphors and Symbols *Những ẩn dụ và những biểu tượng*

The span of time is particularly challenging when Biblical authors used allegories and metaphors. When allegories or parables are understood *metaphorically*, they can be very helpful. When, however,

they are taken as literal, they can become problematic

Thời gian đặc biệt thách thức khi các tác giả Kinh Thánh sử dụng hình thức ngụ ngôn hay ẩn dụ. Khi những ngụ ngôn hay ẩn dụ được hiểu theo *kiểu ẩn dụ*, chúng có thể rất hữu dụng. Tuy nhiên, khi chúng được hiểu theo nghĩa đen, chúng có thể trở nên nan đề.

To see an example, consider the parable of the rich man and Lazarus (Luke 16:19-31). In the parable, Abraham gets to talk to the rich man after they have both died, but is unable to do anything to alleviate the rich man's suffering. I have met Christians who take this to be a literal description of life after death. But this would mean that the redeemed will always have to observe and interact with those suffering eternal torment! Surely Jesus didn't mean us to reach this conclusion, especially as it would contradict many other passages about peace and contentment in the time to come (e. g. Re 21:4)

Hãy xem một ví dụ, hãy xem xét ẩn dụ về người giàu và La-xa-rô (Lu-ca 16:19-31). Trong ẩn dụ, Áp-ra-ham nói chuyện với người giàu sau khi cả hai đều chết, nhưng không thể làm gì để giảm nhẹ sự đau khổ của người giàu. Tôi đã gặp những Cơ Đốc Nhân xem câu chuyện này là sự mô tả về nghĩa đen của đời sống sau sự chết. Nhưng điều này có nghĩa là những người được cứu chuộc sẽ luôn luôn phải quan sát và nói chuyện với những người chịu đau khổ trong hỏa ngục đời đời! Chắc chắn Chúa Giê-xu không muốn nói chúng ta đến với kết luận này, đặc biệt khi nó mâu thuẫn với nhiều đoạn Kinh Thánh khác về sự bình an và vui thỏa khi ngày đó đến (ví dụ Khải 21:4).

In contrast, if the parable is understood purely as a parable, then the problematic implications disappear. Parables or allegories are stories designed to make a point, to convey a specific teaching. In this case, Jesus makes very clear what the lesson of the story is (Luke 16:31). The point of the parable was simply that even the resurrection would not be sufficient to convince those who choose not to believe. It's the punch line of the whole story. If the parable is taken as a fictional story intended to drive this point home, then it is very powerful. If it's taken further, as a literal description of the afterlife, then it becomes problematic.

Ngược lại, nếu ẩn dụ này chỉ được hiểu như là một ẩn dụ, thì những ngụ ý rắc rối sẽ biến mất. Những ẩn dụ và ngụ ngôn là những câu

THAY ĐỔI CHÚNG TA

chuyện được đưa ra để đạt được điều này, chuyên tải một sự dạy dỗ cụ thể. Trong trường hợp này, Chúa Giê-xu làm rõ về bài học của câu chuyện là gì (Lu-ca 16:3-10). Ý chính của ngụ ngôn chỉ là thậm chí sự sống lại không đủ để thuyết phục những người không chọn lựa việc tin Chúa. Đó là điểm mấu chốt của toàn bộ câu chuyện. Nếu ẩn dụ này được lấy ra như là một câu chuyện có thật có ý định là thúc đẩy người này trở về nhà, thì rất mạnh mẽ. Nhưng nếu nó được đẩy đi xa hơn thì nó sẽ gặp rắc rối.

I don't want to leave an impression that metaphors and symbols are not useful or important. Not at all! They have great value when understood for what they are: symbols, allegories, metaphors, and so on. After all, Jesus used allegories – parables – extensively in his teaching.

Tôi không muốn để lại một ấn tượng là những ẩn dụ và những ngụ ngôn không hữu ích hay quan trọng. Không phải như vậy! Chúng có giá trị rất lớn khi được hiểu như cách chúng thể hiện: những biểu tượng, phóng dụ hay ẩn dụ và vân vân. Sau cùng, Chúa Giê-xu dùng những chuyện ngụ ngôn – các ẩn dụ - rất nhiều trong sự giảng dạy của Ngài.

It is only when we understand the underlying teaching that we can also fully understand the allegories, as the disciples found out when they had to ask Jesus to explain what his parables meant, and on multiple occasions!

Chỉ khi chúng ta hiểu được sự dạy dỗ chính yếu, chúng ta cũng có thể hiểu đầy đủ về chuyện ngụ ngôn, khi các môn đồ nhận thấy là khi họ phải nhờ Chúa Giê-xu giải thích những ẩn dụ của Ngài có nghĩa là gì, và trong rất nhiều trường hợp!

The same occurs with the death of Jesus. When the metaphors and symbols used about his death are taken as literal statements, we can end up in complex and technical discussions about exactly what transaction was taking place when Jesus died; and these conclusions are often at odds with plain teachings elsewhere in the Bible. Instead, if we notice that a statement about Jesus' death may be allegorical, then we have the opportunity to ask what the metaphor or symbol is trying to say, and so learn a lesson that is directly relevant to how we live our lives today.

Điều tương tự xảy ra với sự chết của Chúa Giê-xu. Khi những ẩn dụ và biểu tượng được sử dụng về sự chết của Ngài được xem xét như những tuyên bố nghĩa đen, chúng ta có thể kết thúc trong những tranh luận mang tính học thuật và phức tạp chính xác về giao dịch xảy ra khi Chúa Giê-xu chết; và những kết luận này thì thường khác với những lời dạy rõ ràng ở đâu đó trong Thánh Kinh. Thay vào đó, nếu chúng ta nhận thấy một lời tuyên bố về sự chết có thể mang tính ẩn dụ, thì chúng ta có cơ hội để hỏi về điều mà ẩn dụ hay biểu tượng đang cố gắng nói là gì, và vì thế học một bài học liên hệ trực tiếp với cách mà chúng ta sống ngày nay.

Of course, both the time-challenge and the allegory-challenge imply a need for interpretation, and interpretation is notoriously subject to bias. I can't be sure that something like that hasn't happened in this study, even though I have diligently tried not to bring my own *a priori* thinking. It is almost impossible to avoid. Thus, as I suggested in the introduction, please treat these thoughts as meditations on the topic. Through them, I hope the words of scripture have been able to reach out to each one of us.

Dĩ nhiên, cả những thách thức về thời gian hay thách thức mang tính ẩn dụ ngụ ý một nhu cầu cho sự diễn giải, và sự diễn giải thì có xu hướng rõ ràng là không tương đồng. Tôi có thể không chắc chắn là có điều gì đó giống như vậy không xảy ra trong nghiên cứu này, dù tôi đã hết sức cố gắng tránh đưa chính mình vào cách tư duy định sẵn trong đầu. Đó là điều hầu như không thể tránh khỏi. Vì thế, tôi đã đề nghị từ lời giới thiệu, xin hãy xem những tư tưởng này như là những nghiên cứu về chủ đề này. Qua chúng, tôi hy vọng những lời trong Kinh Thánh đã có thể vươn đến mỗi người trong chúng ta.

There is also much left unexplored. Though we have touched on a few of them, understanding all the various Biblical metaphors and symbols is too large a task for us here. That will have to remain as (a lifetime's worth of) homework for each of us!

Cũng có những điều vẫn chưa được nghiên cứu. Dù chúng ta đã đụng vào một vài nghiên cứu, hiểu tất cả những ẩn dụ và biểu tượng khác nhau trong Kinh Thánh là một nhiệm vụ quá khó khăn cho chúng ta ở đây. Điều đó sẽ phải giữ lại như là bài tập (xứng đáng cho cả cuộc đời) cho mỗi người trong chúng ta.

Summary
Tóm tắt

Through this study we covered so much ground that it's possible to have lost sight of the big picture. Why did Jesus die? I believe there are two reasons given in the Bible.

Qua nghiên cứu này chúng ta đã khám phá nhiều nền tảng không thể đánh mất sự khai sáng về một bức tranh lớn. Tại sao Chúa Giê-xu chết? Tôi tin rằng có hai lý do được đưa ra trong Kinh Thánh.

First, he died as a witness to us.

Trước hết, Ngài đã chết như là một chứng nhân cho chúng ta.

His death showed us the utter sinfulness of sin in a way that we cannot argue away – his death was a clarion call to wake us up as we watch in horror the violence that people like us did to him. When we really appreciate the murder of Christ, we realize that sin isn't something little. It's not just a case of, "Oh well, I'll try to be a little bit better than I used to be..." His death challenges us to pick one side or another. In the face of his death, we can't sit on the fence. We must choose.

Sự chết của Ngài cho chúng ta thấy tính ác độc hoàn toàn của tội lỗi theo cách mà chúng ta không thể tranh luận quá xa được – sự chết của Ngài là một lời kêu gọi thức tỉnh chúng ta khi chúng ta nhìn thấy trong sự sợ hãi về sự tàn bạo mà những người như chúng ta đã làm với Ngài. Khi chúng ta thật sự nhất trí về việc giết Chúa Giê-xu, chúng ta nhận ra rằng tội lỗi không phải là điều gì đó thật nhỏ nhoi. Đó không chỉ là trong trường hợp, "Ồ, vâng, tôi sẽ cố gắng tốt hơn một chút hơn tôi trước đây..." Sự chết của Ngài thách thức chúng ta chọn một mặt này hay mặt khác. Trong sự chết của Ngài, chúng ta không thể ngồi trên hàng rào ngăn cách. Chúng ta phải chọn lựa.

Do I want destructiveness, or do I want life?

Tôi muốn băng hoại, hay tôi muốn sự sống?

His death transforms our shades of grey into a black and white starkness that is shocking.

Sự chết của Ngài biến đổi những bóng màu xám thành ra đen và trắng rõ ràng khiến người ta kinh ngạc.

At the same time, his death was a witness of the love he and his Father have for us. Can we be in any doubt of the lengths God will go to save us? Do we have any reason at all to be cautious about trusting in Jesus' desire for each of us to share eternity with him?

Cùng lúc đó, sự chết của Ngài là chứng nhân cho tình yêu Ngài và Cha Ngài dành cho chúng ta. Chúng ta có thể nào ở trong sự nghi ngờ về chiều kích rộng lớn mà Đức Chúa Trời đến để cứu chúng ta? Chúng ta có còn lý do nào không để cẩn trọng hơn về đức tin nơi mong muốn của Chúa Giê-xu dành cho mỗi chúng ta để chia sẻ sự sống đời đời với Ngài?

Greater love has no one than this, that he lay down his life for his friends. (John 15:13)

Không có tình yêu thương nào lớn hơn tình yêu thương mà Ngài vì bạn hữu mà hy sinh mạng sống mình. (Giăng 15:13)

He died to inspire us, to encourage us to be different, and to show us the path in which we need to walk.

Ngài chết để thôi thúc chúng ta, khuyến khích chúng ta trở nên khác trước, và chỉ cho chúng ta con đường mà chúng ta cần phải bước đi.

For Christ's love compels us, because we are convinced that one died for all, and therefore all died. And he died for all, that those who live should no longer live for themselves but for him who died for them and was raised again. (2 Cor 5:14-15)

Vì tình yêu thương của Đấng Christ cảm động chúng tôi, vì chúng tôi nghĩ rằng nếu một người đã chết vì mọi người thì mọi người đều đã chết. Và vì Ngài đã chết thay cho mọi người, để những người đang sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình. (II Cô 5:14-15)

And he died as a witness that wherever we are in this life, and whatever darkness surrounds us, he has been there too. He understands. And he will draw us through it if we let him.

Và Ngài đã chết như một chứng nhân mà bất cứ khi nào trong đời sống của chúng ta, và trong bất cứ sự tối tăm nào vây quanh chúng

THAY ĐỔI CHÚNG TA

ta, Ngài cũng ở đó. Ngài thấu hiểu. Và Ngài sẽ đưa chúng ta vượt qua điều đó nếu chúng ta để Ngài làm chủ đời mình.

All of this is his witness to us.

Tất cả những điều này là bằng chứng của Ngài cho chúng ta.

And second, he died to give up his flesh.

Và thứ hai, Ngài chết để từ bỏ thân xác của Ngài.

In his own personal discipleship, he learned obedience to God. He fought against temptations. He rejected this life. In every way possible he gave up his life. And so he found it (Matt 16:25)

Và trong đời sống môn đồ của cá nhân Ngài, Ngài học vâng phục Đức Chúa Trời. Ngài chiến đấu chống lại những sự cám dỗ. Ngài từ bỏ mạng sống Ngài. Trong mọi phương cách có thể, Ngài phó mạng sống của Ngài. Và vì thế Ngài đã tìm thấy nó (Mat 16:25).

He died as a final act of giving up his flesh. Flesh or spirit? He chose spirit.

Ngài đã chết như là một hành động cuối cùng của việc từ bỏ thân xác mình. Xác thịt hay Thánh Linh? Ngài chọn Thánh Linh.

And God saved him! Saved him from death, and elevated him to the highest place. He is seated at the right hand of God, and granted authority to save and judge. The way to fulfillment of the promises of God was now open!

Và Đức Chúa Trời đã cứu Ngài! Cứu Ngài từ cõi chết, và nâng Ngài lên nơi cao nhất. Ngài được đặt ngai bên hữu Đức Chúa Trời, và được ban thẩm quyền để cứu chuộc và phán xét. Cách thành toàn những lời hứa của Đức Chúa Trời giờ đây đã được mở ra!

Now, we have a resurrected Lord who is overseeing and guiding our own paths of discipleship. He is teaching and training us, encouraging us to submit to his discipleship, and intervening in our lives at the point of conflict with sin. He is our savior, day by day.

Giờ đây chúng ta có Chúa Phục Sinh, Đấng đang nhìn và hướng dẫn con đường của chính chúng ta để trở thành môn đồ. Ngài đang dạy dỗ chúng ta và huấn luyện chúng ta, khuyến khích chúng ta đầu phục trong việc trở thành môn đồ Ngài, và can thiệp vào trong đời sống của chúng ta lúc chúng ta phải tranh chiến với tội lỗi. Ngài là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta, mãi mãi.

He is our saviour, and he is our judge. He has authority to raise us from the dead, and declare that we are his. He has authority to forgive us, and to declare us clean. He has authority to welcome us to share eternity in glorious harmony, united with God who fills all time and space, and united with each other.

Ngài là Đấng Cứu Chuộc của chúng ta và Ngài cũng là Đấng Phán Xét của chúng ta. Ngài có thẩm quyền đưa chúng ta sống lại từ cõi chết và công bố chúng ta thuộc về Ngài. Ngài có thẩm quyền tha thứ chúng ta, và công bố chúng ta sạch tội. Ngài có thẩm quyền để mời chúng ta chia sẻ sự sống đời đời trong sự thuận hòa vinh quang, hiệp thông với Đức Chúa Trời, Đấng có mặt ở tất cả mọi lúc, mọi nơi, và hiệp nhất với nhau.

Conclusion

Kết luận

Taken together, I believe that these two reasons summarize the wealth of Biblical teaching on the subject. Strip away the metaphor, look behind the allegory, and in each case I think you will find one of the reasons above. No transaction in heaven. No human blood sacrifice, but a witness to us, and a total submission to God rather than flesh.

Kết hiệp với nhau, tôi tin rằng hai lý do này tóm tắt sự phong phú trong lời dạy của Kinh Thánh về chủ đề này. Ra khỏi ẩn dụ, nhìn lại phía sau những ngụ ngôn, và trong mỗi trường hợp tôi nghĩ bạn sẽ tìm thấy một trong những lý do ở trên. Không có sự trao đổi giao dịch trên thiên đàng. Không có sinh tế huyết con người, nhưng là chứng nhân cho chúng ta, và sự đầu phục trọn vẹn Đức Chúa Trời hơn là xác thịt.

We need to be changed, not only by his death, but also by his life. While we participate in the transformational training of Christ, God relinquishes all right to bring retribution to us. He is at peace with our intent.

Chúng ta cần được thay đổi, không chỉ bởi sự chết của Ngài, nhưng còn là sự sống của Ngài. Khi chúng ta dự phần vào sự huấn luyện biến đổi của Đấng Christ, Đức Chúa Trời từ bỏ tất cả mọi quyền để mang phần thưởng đến cho chúng ta. Ngài là sự bình an với mục đích của chúng ta.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

We live the forgiven life.

Chúng ta sống một đời sống được tha thứ.

We can give great and abundant thanks that God has appointed Jesus to be an active high priest, that he is always there to intervene, to help guide, strengthen, and comfort us day by day, in preparation for his coming in glory.

Chúng ta có thể dâng nhiều lời cảm tạ chân thành đến Đức Chúa Trời đã chỉ định Chúa Giê-xu là một thầy tế lễ thượng phẩm năng động, Ngài luôn ở đó để can thiệp, để giúp hướng dẫn, làm mạnh sức, và yên ủi chúng ta hết ngày này qua ngày khác, trong sự chuẩn bị của ngày Ngài đến trong vinh quang.

'On that day you will realize that I am in my Father, and you are in me, and I am in you. Whoever has my commands and obeys them, he is the one who loves me.

Trong ngày đó, các con sẽ biết rằng Ta ở trong Cha Ta; các con ở trong Ta và Ta ở trong các con. Ai có các điều răn của Ta và vâng giữ, ấy là người yêu mến Ta.

He who loves me will be loved by my Father, and I too will love him and show myself to him.' Then Judas (not Judas Iscariot) said, 'But, Lord, why do you intend to show yourself to us and not to the world?'

Người nào yêu mến Ta sẽ được Cha Ta yêu thương, Ta cũng sẽ yêu thương người, và bày tỏ chính Ta cho người. Giu-đa, không phải là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, thưa rằng: "Thưa Chúa, vì sao Chúa sẽ bày tỏ chính mình cho chúng con mà không bày tỏ cho thế gian?"

Jesus replied, 'If anyone loves me, he will obey my teaching. My Father will love him, and we will come to him and make our home with him. (John 14:2-23)

Đức Chúa Giê-xu đáp: "Nếu ai yêu mến Ta thì sẽ vâng giữ lời Ta, Cha Ta sẽ yêu thương người, Chúng Ta sẽ đến cùng người và ở với người. (Giăng 14:20-23)

Through his transforming work in each one of us, our righteous responses become part of our character rather than a duty we have to fulfill. This is salvation: intervention to the extent that it becomes permanent, because a unity of thought, purpose and action has developed between savior and saint. Christ is formed within us! (Gal 4:19).

Qua công tác biến đổi của Ngài trong mỗi người trong chúng ta, sự hồi đáp công chính trở thành một phần của tính cách chúng ta hơn là bổn phận chúng ta phải thành toàn. Đây là sự cứu rỗi: Can thiệp đến một mức độ nào đó thì nó trở thành vĩnh cửu, vì một sự hiệp thông trong suy nghĩ, mục đích và hành động đã phát triển giữa Đấng cứu chuộc và các thánh. Đấng Christ được thành hình trong chúng ta! (Ga 4:19).

We pray, that through the work of our savior judge, we may fully participate in this incredibly great honor.

Chúng ta cầu nguyện, rằng qua công tác của Đấng phán xét cứu rỗi của chúng ta, chúng ta có thể dự phần trọn vẹn trong vinh quang vĩ đại này.

May God be praised.

Nguyện xin Đức Chúa Trời được ngợi khen.

Phụ lục trích dẫn

- Sáng Thế Ký 1; 128, 137
Sáng Thế Ký 2; 8
Sáng Thế Ký 3; 56
Sáng Thế Ký 9; 47
Sáng Thế Ký 22; 28
Sáng Thế Ký 44; 9
Sáng Thế Ký 45; 25
Xuất Ê-díp-tô-ký 7; 126
Xuất Ê-díp-tô-ký 24; 65, 171
Xuất Ê-díp-tô-ký 32; 169
Xuất Ê-díp-tô-ký 34; 75
Lê-vi-ký 16; 26
Phục Truyền 12; 46
Phục Truyền 18; 100-101, 128
I Sa-mu-ên 8; 134
I Sa-mu-ên 15; 159
II Các Vua 15; 134
Ê-xơ-tê 6; 173
Gióp 1; 91
Gióp 40; 91
Thi Thiên 33; 128
Thi Thiên 40; 84
Thi Thiên 49; 7
Thi Thiên 50; 66
Thi Thiên 51; 67; 85; 158
Thi Thiên 87; 170
Thi Thiên 91; 114
Thi Thiên 106; 109
Thi Thiên 145; 142
Châm Ngôn 16; 80
Châm Ngôn 17; 11
Châm Ngôn 21; 159
Ê-sai 5; 11
Ê-sai 6; 58-59, 90, 171
Ê-sai 40; 126
Ê-sai 43; 99
Ê-sai 46; 64
Ê-sai 53; 23, 26-27, 107
Ê-sai 55; 126, 129
Ê-sai 59; 99, 107
Giê-rê-mi 7; 106
Giê-rê-mi 17; 124
Ê-xê-chi-ên 1; 95, 171
Ê-xê-chi-ên 18; 12
Ê-xê-chi-ên 22; 106
Đa-ni-ên 7; 173
Đa-ni-ên 12; 13, 168
Mi-chê 6; 67, 85

- Ha-ba-cúc 1; 62
 Ma-la-chi 2; 160
 Ma-la-chi 3; 79, 168
 Ma-thi-ơ 1; 128
 Ma-thi-ơ 4; 112
 Ma-thi-ơ 9; 136
 Ma-thi-ơ 10; 47
 Ma-thi-ơ 14; 116, 122
 Ma-thi-ơ 16; 19, 181
 Ma-thi-ơ 20; 6
 Ma-thi-ơ 22; 82
 Ma-thi-ơ 26; 32, 40, 119-120
 Ma-thi-ơ 28; 141
 Mác 10; 42
 Mác 16; 156
 Lu-ca 1; 58
 Lu-ca 4; 111
 Lu-ca 5; 141
 Lu-ca 8; 41
 Lu-ca 9; 42, 47
 Lu-ca 12; 119
 Lu-ca 13; 108
 Lu-ca 15; 15
 Lu-ca 16; 179
 Lu-ca 18; 51, 61
 Lu-ca 20; 104
 Lu-ca 22; 155-156
 Lu-ca 23; 24, 30
 Lu-ca 24; 156
 Giăng 1; 129
 Giăng 3; 28, 136
 Giăng 5; 91, 132, 172
 Giăng 6; 38, 117
 Giăng 8; 42
 Giăng 10; 39, 66
 Giăng 13; 126
 Giăng 14; 18, 36, 91, 128, 142, 146, 153, 182
 Giăng 15; 180
 Giăng 16; 140
 Giăng 17; 64, 155
 Giăng 19; 30
 Công Vụ 2; 24
 Công Vụ 3; 33, 102
 Công Vụ 5; 135
 Công Vụ 7; 24, 141
 Công Vụ 17; 36, 132
 Rô-ma 3; 52, 70, 85
 Rô-ma 4; 33, 70-71
 Rô-ma 5; 93-95
 Rô-ma 6; 8, 14, 37
 Rô-ma 7; 31, 92
 Rô-ma 8; 151, 153-154
 Rô-ma 12; 87
 Rô-ma 14; 83
 I Cô-rinh-tô 4; 175
 I Cô-rinh-tô 15; 1, 33
 II Cô-rinh-tô 3; 137

THAY ĐỔI CHÚNG TA

II Cô-rinh-tô 5;93, 160, 172, 181	Hê-bơ-rơ 5;111, 121, 123
II Cô-rinh-tô 12;26	Hê-bơ-rơ 6;149
Ê-phê-sô 1; 64	Hê-bơ-rơ 7;140, 162
Ê-phê-sô 2; 90	Hê-bơ-rơ 8;65
Ê-phê-sô 5; 29	Hê-bơ-rơ 9;45, 48, 53, 66, 148, 164
Ga-la-ti 3;149	Hê-bơ-rơ 10;60, 93, 161
Ga-la-ti 4;92, 182	Hê-bơ-rơ 11;72
Cô-lô-se 1;18, 130, 135	Hê-bơ-rơ 12;148, 170
Cô-lô-se 2;64	Gia-cơ 2;71
Cô-lô-se 3;137	Gia-cơ 4;84
Phi-líp 2;66, 96, 125, 127	I Phi-e-rơ 1; 137
Phi-líp 3;19, 122	I Phi-e-rơ 2;19
Phi-líp 4;174	I Phi-e-rơ 3;1, 34
I Tê-sa-lô-ni-ca 4;124	I Giăng 1;13
I Ti-mô-thê 1;99	I Giăng 2;49, 53, 125, 145-146, 157
I Ti-mô-thê 2;147	I Giăng 3;125
II Ti-mô-thê 1;64	I Giăng 4;53, 82, 96, 176
Tít 1;99	Khải Huyền 3;62, 174
Tít 3;35	Khải Huyền 5;165-166
Hê-bơ-rơ 1;91, 130	Khải Huyền 13;64
Hê-bơ-rơ 2;39, 51, 102, 110, 124	Khải Huyền 19;130
Hê-bơ-rơ 3;102	Khải Huyền 20;173
Hê-bơ-rơ 4;61, 100, 103, 130	Khải Huyền 21;167, 179

Ghi chú: Số trang trong phần này theo sách nguyên ngữ

Phụ Lục Chủ Đề

A

Abeland,
 Áp-ra-ham,
 A đam & Ê va,
 Ngụ ngôn,
 Tức giận,
 Anselm,
 Aquinas,
 Cánh tay của Chúa,
 Chịu xấu hổ,
 Sự cứu chuộc,
 Thảm quyền,

B

Phép báp-têm,
 Ba-na-ba,
 Tin,
 Phản bội,
 Kinh thánh,
 Đổ lỗi,
 Phạm thượng,
 Huyết,
 Sách sự sống,
 Sự vi phạm,

C

Ra lệnh,
 Sự cảm thông,
 Niềm tin,
 Lương tâm,
 Sự hạn chế,
 Giao ước,
 Che phủ,
 Đóng đinh,
 Chén,

D

Đa-ni-ên,
 Đa-vít,
 Sự chết,
 Sự chết của Chúa Giê-xu,
 Ma quỷ,
 Diaglott,
 Thẻ chế,
 Bản tính thiên thượng,
 Thuyết cứu rỗi,
 Đáng sợ,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

E

Ê-xê-chiên,

F

Niềm tin,

Cha,

Ý chí của cha,

Sự sợ hãi,

Cây vả,

Năm ngàn,

Xác thịt,

Tha thứ,

Sự tha thứ,

Ý chí tự do,

G

Ban sự sống của Ngài,

Ghét-sê-ma-nê,

Vinh quang của Đức Chúa Trời,

Ý muốn của Đức Chúa Trời,

Gô-gô-tha,

Người chẵn hiên lạnh,

Ân điển,

Hy Lạp,

Sự than thở,

Tội lỗi,

H

Thiên đàng,

Trôn,

Hilasmos,

Thánh,

Con người,

Sự hạ mình,

I

Hình ảnh,

Cầu thay,

Đấng Trung Bảo,

Sự diễm dịch,

J

Giai-ru,

Gióp,

Giô-sép,

Đấng phán xét,

Sự phán xét,

Sự xưng công chính,

K

Vương quốc,

Bản Kinh James,

L

Chiên con,

Luật Môi-se,

Học biết,
Louw and Nida,
Tình yêu,

M

Người trung gian,
Sự thương xót,
Đấng Mê-sia,
Ẩn dụ,
Siêu hình,
Môi-se,
Giết người,

N

Trần trụi,
Bản tính,
Na-xa-rét,
Ni-cô-đem,
Bản NIV,
Nô-ê,

O

Sự đầu phục,
Origen,

P

Parakletos,
Người bại liệt,
Được hoàn hảo,

Phi-e-rơ,
Pha-ri-si,
Phi-líp,
Thỉnh cầu,
Giá,
Thầy tế lễ,
Sự làm nguôi giận,
Hình phạt,

R

Vật chuộc,
Được hòa giải,
Sự ăn năn,
Đại diện,
Sự sống lại,
Nghỉ thức,

S

Vật tế lễ,
Sự cứu rỗi,
Tiến trình cứu rỗi,
Sự hài lòng,
Được cứu bởi việc làm,
Đấng cứu chuộc,
Con dê tế lễ,
Biển Ga-li-lê,
Hạt giống,
Hình bóng,
Chiên,

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Tội lỗi,
Vô tội,
Sự đau buồn,
Linh,
A-tiên,
Sự thay thế,
Mang tính biểu tượng,
Đồng cảm,

T

Đền tạ,
Người thu thuế,
Sự cảm dỗ,
Lời chứng,
Quyền tể trị,
Giao dịch,

Biến đổi,
Người dịch,
U
Không công chính,

V

Người làm vườn,
Vườn nho,
Khải tượng,

W

Ý muốn,
Sói,
Lời,
Thờ phượng,
Xứng đáng,

Acknowledgements
Lời tri ân

This study was developed over a number of years. Early forms of it were presented at many different Bible schools, and then as a series of articles in a magazine in the USA called the Christadelphian Tidings. Over the years I have received valuable input and feedback from many people whose influence can be felt throughout. At the risk of embarrassing them, I will name Judi Davis, Dave Garnand, Tim Genders, Norm Fadelle, Kathleen Fisher, Paul Launchbury, Tony More, Anthony Oosthuizen, Simon Peyton Jones, John Pople, Ted Sleeper, Nancy Sharp, Don Styles and Mark Vincent. The sketches were drawn by Zoe Launchbury.

Nghiên cứu này được thực hiện trong nhiều năm. Hình thức ban đầu của sách được trình bày ở nhiều trường Kinh Thánh khác nhau, và sau đó là hàng loạt những bài báo trong một tạp chí tại Mỹ được gọi là Christadelphian Tidings. Trong nhiều năm, tôi đã nhận được nhiều hồi đáp và nguồn cung cấp từ nhiều người ảnh hưởng rộng khắp. Tôi xin được tri ân đến họ, tôi sẽ nêu tên họ Judi Davis, Day Garnand, Tim Genders, Norm Fadelle, Kathleen Fisher, Paul Launchbury, Tony More, Anthony Oosthuizen, Simon Peyton Jones, John Pople, Ted Sleeper, Nancy Sharp, Don Styles và Mark Vincent. Thiết kế sách được thực hiện bởi Zoe Launchbury.

I sepecially thank my family, Rachel, Zoe, and Nate, for their ideas and suggestions, and for putting up with this project that has absorbed so much time over so many years.

Tôi đặc biệt cảm ơn gia đình tôi, Rachel, Zoe, và Nate, vì những ý tưởng và đề nghị của họ, vì đã cùng tham gia trong dự án này đã mất rất nhiều thời gian qua nhiều năm.

To all who have helped me I offer my heartfelt thanks. To the extent that this work is successful, it is due to the hand of God behind so many wonderful people. Any shortcomings or failures are my own.

THAY ĐỔI CHÚNG TA

Tôi xin gửi lời cảm ơn tận đáy lòng cho tất cả những người đã giúp đỡ tôi. Để công việc này thành công, chính là nhờ vào bàn tay của Đức Chúa Trời sau rất nhiều những con người tuyệt vời. Những thiếu sót hay thất bại thuộc về chính tôi.



About the author
Về tác giả

Dr John Lauchbury was educated in Oxford and Glasgow, UK. As a professor in computer science he has won awards for teaching, and his research is respected worldwide. Now he brings that same inquisitiveness and clarity of thought to a Biblical topic that is often shrouded in mystery and complication. John lives in Portland, Oregon with his wife and two children.

Tiến sĩ John Lauchbury học tại Oxford và Glasgow, Anh Quốc. Là một giáo sư về Khoa Học Máy Tính, ông đã giành nhiều giải thưởng về giảng dạy, và nghiên cứu của ông được cả thế giới biết đến. Giờ đây ông mang sự hiếu kỳ đó và sự làm rõ những tư tưởng đến một chủ đề Kinh Thánh thường bị che giấu trong vòng bí ẩn và phức tạp. John sống ở Portland, Oregon với vợ ông và hai người con.